

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2564



TÌM HIỂU TỬ THÁNH-ĐẾ
(ARIYASACCA)

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2020

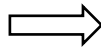


BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011
(Rằm tháng 2 P.L. 2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti”.
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

TÌM HIỂU TỨ THÁNH-ĐẾ

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp



Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tâm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA

PHẬT-LỊCH 2564

TÌM HIỂU
TỬ THÁNH-ĐỀ

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṄḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2020

NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn
ây, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Ādimajjhantakalyāṇaṃ,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Tassa sāvakaṣaṅghaṇca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Buddhaṃ Dhammaṇca Saṅghaṇca,
abhivandiya sādaraṃ.
Catusaccadīpanī'ti,
Ayaṃ ganthā mayā katā.

Kệ Đánh Lễ Tam-Bảo

*Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

*Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu, giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.*

*Tăng bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.*

*Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lễ Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ.
Giảng giải rõ về **Pháp Tứ Thánh-Đế**.*

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

*Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Tìm Hiểu Tứ Thánh-Đế

*Soạn-giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

Lời Nói Đầu

Tứ Thánh-đế đó là khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, là sự-thật chân-lý mà chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

*Tứ Thánh-đế là pháp cốt lõi, nền tảng căn bản của Phật-giáo, bởi vì hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ ban đầu có đối-tượng khác nhau như **thân, thọ, tâm, pháp** hoặc **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới**; đến giai đoạn cuối đều chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, rồi chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Trong quyển sách nhỏ “**Tìm Hiểu Tứ Thánh-Đế**” có 2 phần:

* *Phần I: Trình bày tứ Thánh-đế trong bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta* ⁽¹⁾ (kinh Đại niệm-xứ), phần pháp niệm-xứ, đối-tượng *saccapabba*. Đức-Phật giảng giải chi tiết tứ Thánh-đế.

* *Phần II: Trình bày tứ Thánh-đế trong bài Dhammacakkappavattanasutta* ⁽²⁾ (kinh Chuyển-pháp-luân) mà Đức-Phật thuyết dạy lần đầu tiên tế độ nhóm 5 tỳ-khưu là Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji, tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Đức-Phật giảng dạy **tam-tuệ-luân** theo tuần tự trong **tứ Thánh-đế**.

Tam-tuệ-luân đó là:

- **Saccañāṇa**: Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế.
- **Kiccañāṇa**: Trí-tuệ-hành phận-sự trong tứ Thánh-đế.
- **Katañāṇa**: Trí-tuệ-thành hoàn thành phận-sự trong tứ Thánh-đế.

Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế:

- **Tam-tuệ-luân** trong khổ-Thánh-đế.

¹ Dīghanikāya, Mahāvagga, Mahāsatipaṭṭhānasutta.

² Sam, Mahāvaggasamyutta, Dhammacakkappavattanasutta.

- **Tam-tuệ-luân** trong nhân sinh khổ-Thánh-đế.
- **Tam-tuệ-luân** trong diệt khổ-Thánh-đế.
- **Tam-tuệ-luân** trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

Như vậy, **tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế** (3x4) thành 12 loại trí-tuệ có tầm quan trọng nhất trong Phật-giáo, như Đức-Phật đã thuyết dạy trong bài kinh Chuyển-pháp-luân rằng:

- “Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **chưa phát sinh** đến với Như-Lai.

- Này chư tỳ-khuru! Khi ấy Như-Lai chưa truyền dạy rằng: “Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy.”

- Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.

- Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “**Như-Lai đã chứng**

đắc thành Đứơc-Phậť Chánh-Đắng-Giáć vồ thượng trong toàn cõi-giớỉ chúnđ-sinh: nhânl-oi, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thấỷ.”

Trí-tuệ quán-triệt đầ phấ sinh đén vớỉ Như-Lai, biếť rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tâm giẩi thoấť củả Như-Lai không bao giờ bị hư hoặỉ, kiếủ này là kiếủ chớť, sau kiếủ này, chắć chắñ không còn tái-sinh kiếủ nào nũả.”

Cho nên, **tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế** (3x4) thầnh 12 loặỉ trí-tuệ gớỉ là **Dhammacakka**: Bắnh xe Chuyểnl-pháủ-luân, như chú-giẩi bài kinh Chuyểnl-pháủ-luân (Dhammacakkappavattanasuttavaññanā) rắng:

“Isipatane nisinnassa dvādasākārāya sacca-desanāya pavattitaṃ desanāññampi dhammacakkaṃ nāma ⁽¹⁾.”

Đứơc-Phậť Gotama ngự tại khu rừng phớng sinh nai gớỉ là Isipatana, gắñ kinh-thầnh Bārāṇasī, thuyếť giẩng bài kinh Dhammacakkappavattanasutta thuyếť đắ tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế (3x4) thầnh 12 loặỉ trí-tuệ trong tứ Thánh-đế gớỉ là **Dhammacakka**: Bắnh xe Chuyểnl-pháủ-luân.

¹ Saṃ. Mahāvagga, Koṭīgāmaṃvagga, Saccasaṃyutta, Dhammacakkappavattanasuttavaññanā.

* *Quyển sách nhỏ “Tìm Hiểu Tứ Thánh-Đế”* này bản sư đã cố gắng giảng giải về pháp tứ Thánh-đế được trích từ trong bài kinh Mahāsati-paṭṭhānasutta và trong bài kinh Dhammacakkapavattanasutta chỉ có được bấy nhiêu thôi!

Tuy bản sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về pháp tứ Thánh-đế này, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.

Bản sư kính cần đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ý của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

* *Quyển sách nhỏ “Tìm Hiểu Tứ Thánh-Đế”* này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản

thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan hỷ biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khuru Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp-thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhãn (chùa Thiên-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong

quá-khứ, mong quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

***Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-
ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema,
sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā
hontu, dukkhā muccantu sabbattha.***

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

***Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ
hotu.***

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm thiện-duyên dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có hữu-duyên được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đánh lễ

Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo** và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có thiện-duyên, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có mong sớm được thành

tự quả báu cao nhất chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Mong cầu sớm được thành tựu như ý.*

*PL. 2564 / DL. 2020
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, thị xã Phú-Mỹ
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

MỤC LỤC

TÌM HIỂU TỨ-THÁNH-ĐẾ

Phần I

Tứ Thánh-đế trong kinh Mahāsatiṭṭhānasutta... 1

- Đối tượng tứ niệm-xứ.....	3
- Dhammānupassanā Saccapabba.....	4
- Ý nghĩa đoạn kinh trong phần Pháp-niệm-xứ.....	19
1- Khai triển khổ-Thánh-đế.....	20
2- Khai triển nhân sinh khổ-Thánh-đế.....	27
3- Khai triển diệt khổ-Thánh-đế.....	34
4- Khai triển pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.....	42
• Quả-báu của pháp-hành tứ-niệm-xứ.....	48
• Đoạn kết bài kinh Đại-niệm-xứ.....	5
- Tóm lược tứ Thánh-đế.....	50
1- Khổ-Thánh-đế.....	51
2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế.....	52
3- Diệt khổ-Thánh-đế.....	54
4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.....	57
- Tứ Thánh-đế trong Phật-giáo.....	63
* Tứ Thánh-đế đối với chư Đức-Bồ-tát.....	68
I- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác.....	70

1- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác	
có trí-tuệ siêu-việt	72
2- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác	
có đức-tin siêu-việt	75
3- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác	
có tinh-tấn siêu-việt	79
* Đức-Phật Gotama	82
- Tiên-kiếp của Đức-Phật Gotama	82
- 24 Đức-Phật theo tuần tự thọ ký	88
- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác,	
tiên-kiếp của Đức-Phật Gotama	105
- Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót	107
- Đức-Bồ-tát kiếp chót đản-sinh	111
- Cuộc đời Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha	120
- Nguyên nhân Đức-Bồ-tát Siddhattha	
đi xuất gia	121
- Đức-Bồ-tát Siddhattha đi xuất gia	124
- Đức-Bồ-tát thọ giáo pháp-hành thiền-định	126
- Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-khổ-hạnh	129
- Đức-Bồ-tát từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh	132
- Đức-Bồ-tát thọ nhận cơm sữa	
của nàng Sujātā	136
- Ngôi bồ-đoàn quý-báu phát sinh	139
- Ngôi bồ-đoàn nơi toàn thắng Ác-Ma-thiên	141
- Đức-Bồ-tát Siddhattha chứng đắc tam-minh	145
• Tam-Minh (Tevijja)	146
- Phật ngôn đầu tiên của Đức-Phật Gotama	155
- Đại-phạm-thiên thỉnh Đức-Phật	
thuyết pháp	158
- Thuyết pháp tế độ người đầu tiên	164

- Đức-Phật thuyết kinh Chuyển-Pháp-Luân.....	166
- Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña	169
II- Đức Bồ-tát Độc-giác.....	173
III- Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác.....	175
1- Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác.....	176
2- Vị Bồ-tát Đại Thanh-văn-giác	178
3- Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường.....	179

Phần II

Tứ Thánh-đế trong kinh

Dhammacakkappavattanasutta.....	181
- Catu Ariyasacca.....	181
- Tứ Thánh-Đế	186
• Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế.....	188
1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế	188
2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế	190
3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế	193
4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế	195
• Vai trò quan trọng của tam-tuệ-luân	198
- Tứ Thánh-đế cần biết.....	200
- Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế	203
- Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ	206
1- Bốn trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế	206
1.1- Khổ-Thánh-đế.....	207
1.2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế	209
1.3- Diệt khổ-Thánh-đế.....	211

1.4-	Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.....	213
•	Bát-chánh-đạo có 3 nhóm	216
•	Bát-chánh-đạo tam-giới và siêu-tam-giới ...	217
2-	Bốn trí-tuệ-hành phạm sự	
	trong tứ Thánh-Đế	231
3-	Bốn trí-tuệ-thành hoàn thành	
	phạm sự trong tứ Thánh-đế.....	234
-	Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân	232
-	Bảng tóm tắt tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế....	234
-	Bậc Thánh-nhân trải qua tam-tuệ-luân.....	235
-	Tính chất 4 phạm sự trong tứ Thánh-đế	237
•	Phân giải thích.....	238
-	Vai trò 4 trí-tuệ-hành và 4 trí-tuệ-thành.....	241
*	Tứ Thánh-đế trong giáo-pháp của Đức-Phật.....	241
1-	Khổ-Thánh-đế	242
-	Pháp-đạo-điên (vipallāsa) có 3 loại	243
2-	Nhân sinh khổ-Thánh-đế.....	244
3-	Diệt khổ-Thánh-đế	248
4-	Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế	251
-	Nhân quả liên quan của tứ Thánh-đế.....	252
*	Pháp-hành trung-đạo.....	260
-	Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo.....	256
-	Pháp-hành trung-đạo	
	là pháp-hành tứ-niệm-xứ	257
-	Pháp-hành tứ-niệm-xứ	
	với pháp-hành thiên-tuệ.....	259
-	Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn.....	260
-	Thực-hành pháp-hành trung-đạo.....	262
•	Thực-hành sai pháp-hành trung-đạo.....	264
•	Thực-hành đúng pháp-hành trung-đạo	265

- Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm,
trí-tuệ tinh-giác269
- Tính chất đặc biệt của yonisomanasikāra272
- * **Trí-Tuệ-Thiền-Tuệ (Vipassanāñāṇa)**.....278
- 1- Trí-tuệ thứ nhất278
 - Vai trò của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ nhất282
- 2- Trí-tuệ thứ nhì.....283
 - Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp.....284
 - Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên.....288
 - Sắc-pháp phát sinh do tâm290
 - Hoài-nghi có 16 điều.....293
 - Quả báu của 2 trí-tuệ đầu
pháp-hành thiền-tuệ296
 - Tiểu-Nhập-lưu Cūḷasotāpanna.....297
- 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3.....298
 - Pháp-hỗ-trợ có 9 pháp293
- 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4.....302
 - Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh...303
 - Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt304
 - Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh 304
 - Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt..305
 - Sự sinh, sự diệt của danh-pháp306
 - Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp306
 - Sự sinh, sự diệt của tứ-oai-nghi.....308
 - Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn310
 - Trạng-thái chung Sāmaññalakkhaṇa314
 - Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường..314

- Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ.....	315
- Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã.....	317
4.1- Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa.....	317
- Giảng giải 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư	320
- Không nhận thức được pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư.....	338
- Nhận thức được pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư	340
4.2- Balava Udayabbayānupassanāñāṇa	344
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư	345
- Ba gút mắt của pháp-hành thiền-tuệ	346
5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5.....	352
- Quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5.....	358
6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6.....	359
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6.....	361
7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7.....	363
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7.....	364
- Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an tịnh.....	369
- Đối-tượng khổ và đối-tượng an-lạc.....	371
* Thực-hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ.....	374
8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8.....	376
- Bày pháp anupassanā.....	378
9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9.....	384
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9	390
10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10.....	391
11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11.....	393
- Sắc-uẩn có 10 tính chất	397

- Sắc-uẩn có 12 tính chất	398
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11	401
- Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích	405
- Tính chất của Saṅkhārupekkhāṇāna	407
- Hành-giả có 5 pháp đặc biệt	407
- Nguyên nhân của mỗi pháp-hành	408
- Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân	412
- 7 nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo 4 Thánh-quả	415
- Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm	416
12- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12	417
- Đồ biểu Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm	418
- Giảng giải Saccānulomaṇāna	423
13- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13	428
- Tính chất Gotrabhuṇāna	431
- Anulomaṇāna và Gotrabhuṇāna	431
14- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14	434
15- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15	434
16- Trí-tuệ thứ 16	436
* Bốn bậc Thánh-nhân	437
1- Bậc Thánh-Nhập-lưu	437
2- Bậc Thánh Nhất-lai	438
3- Bậc Thánh Bất-lai	443
4- Bậc Thánh A-ra-hán	448

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Tìm Hiểu Tứ Thánh-Đế

Tứ Thánh-đế đó là *khổ-Thánh-đế*, *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, *diệt khổ-Thánh-đế*, *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là pháp cốt lõi căn bản làm nền tảng trong giáo-pháp của Đức-Phật.

Phần I

Tứ Thánh-đế trong bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta

Tứ Thánh-đế có trong nhiều bài kinh, bài pháp, nhưng trong bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta* (kinh Đại-niệm-xứ) được trình bày đầy đủ và chi tiết nhất. Trong bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta* ⁽¹⁾, Đức-Phật thuyết giảng rằng:

- “*Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo ...*”

- “*Này chư tỳ-khuru! Đạo này là con đường duy nhất, để dẫn đến sự thanh-tịnh hoàn toàn trong sạch khỏi mọi phiền-não ô nhiễm trong tâm của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, chư Thánh Thanh-văn-giác; để diệt sự sầu não, khóc than; để diệt sự khổ tâm, khổ*

¹ Dīghanikāya, Mahāvagga, Mahāsatipaṭṭhānasutta.

thân; để chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả; để chứng ngộ Niết-bàn.

Đạo duy nhất này là **pháp-hành tứ-niệm-xứ**.

- Nay chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru hoặc hành-giả trong Phật-giáo này:

1- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **thân trong phần thân niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các thọ trong phần thọ niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **tâm trong phần tâm niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các pháp trong phần pháp niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này, ...”

Đôi-tượng tứ-niệm-xứ

- **Thân niệm-xứ:** *Thân* (*kāya*) là đôi-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác*, có 14 đôi-tượng thuộc về **sắc-pháp**.

- **Thọ niệm-xứ:** *Thọ* (*vedanā*) là đôi-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác*, có 1 đôi-tượng chia ra làm 9 loại thọ thuộc về **danh-pháp**.

- **Tâm niệm-xứ:** *Tâm* (*citta*) là đôi-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác*, có 1 đôi-tượng chia ra làm 16 loại tâm thuộc về **danh-pháp**.

- **Pháp niệm-xứ:** *Pháp* (*dhamma*) là đôi-tượng của *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác*, có 5 đôi-tượng thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.

Thân, thọ, tâm, pháp là đôi-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* gồm có 21 đôi-tượng mà mỗi đôi-tượng đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**; tiếp theo chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**; tiếp theo chứng đắc đến *Bát-lai Thánh-đạo, Bát-lai Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh Bát-lai**; cuối cùng chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng trong Phật-giáo.

Trong phần **pháp niệm-xứ** có 5 đối-tượng là *đối-tượng 5 pháp chướng-ngại, đối-tượng ngũ-uẩn chấp-thủ, đối-tượng thập nhị xứ, đối-tượng 7 pháp giác-chi, đối-tượng tứ Thánh-đế*.

Tứ Thánh-đế trong phần **pháp niệm-xứ** được Đức-Phật thuyết giảng đầy đủ rõ ràng như sau:

Dhammānupassanā Saccapabba

Puna ca paraṃ bhikkhave, dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu. Kathañca pana bhikkhave bhikkhu dhammesu dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu?

Idha bhikkhave bhikkhu “Idaṃ dukkhan”ti yathā bhūtaṃ pajānāti. “Ayaṃ dukkhasamudayo” ti yathābhūtaṃ pajānāti. “Ayaṃ dukkhanirodho” ti yathābhūtaṃ pajānāti. “Ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā”ti yathā bhūtaṃ pajānāti.

Paṭhamabhāṇavāro niṭṭhito.

I- Dukkhasaccaniddesa

- Katamañca bhikkhave dukkhaṃ ariyasaccaṃ?

Jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, maraṇampi dukkhaṃ, sokaparidevadukkhadomanassupāyāsāpi dukkhā, appiyehi sampayogopi dukkhā, piyehi vippayogopi dukkhā, yampiccham na labhati tampi dukkhaṃ, saṃkhittena pañcupādānakhandhā dukkhā.

1.1- *Katamā ca bhikkhave jāti?*

Yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattānikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti khandhānaṃ pātubhāvo āyatanānaṃ paṭilābho. Ayaṃ vuccati bhikkhave jāti.

1.2- *Katamā ca bhikkhave jarā?*

Yā tesam tesam sattānaṃ tamhi tamhi sattānikāye jarā jīraṇatā khaṇḍiccaṃ pāliccaṃ valittacatā āyuno saṃhāni indriyānaṃ paripāko. Ayaṃ vuccati bhikkhave jarā.

1.3- *Katamañca bhikkhave maraṇaṃ?*

Yaṃ tesam tesam sattānaṃ tamhā tamhā sattānikāyā cuti cavanatā bhedo antaradhānaṃ maccu maraṇaṃ kālakiriyā khandhānaṃ bhedo kaḷavarassa nikkhepo jīvitindriyassupacchedo. Idaṃ vuccati bhikkhave maraṇaṃ.

1.4- *Katamo ca bhikkhave soko?*

Yo kho bhikkhave aññataraññatarena byasanena samannāgatassa aññataraññatarena dukkhadhammena phuṭṭhassa soko socanā socitattāṃ antosoko antoparisoko. Ayaṃ vuccati bhikkhave soko.

1.5- *Katamo ca bhikkhave paridevo?*

Yo kho bhikkhave aññataraññatarena byasanena samannāgatassa aññataraññatarena dukkhadhammena phuṭṭhassa ādevo paridevo

*ādevanā paridevanā ādevitattāṃ paridevitattāṃ.
Ayaṃ vuccati bhikkhave paridevo.*

1.6- Katamañca bhikkhave dukkhaṃ?

*Yaṃ kho bhikkhave kāyikaṃ dukkhaṃ kāyikaṃ
asātaṃ kāyasamphassaṃ dukkhaṃ asātaṃ
vedayitaṃ. Idaṃ vuccati bhikkhave dukkhaṃ.*

1.7- Katamañca bhikkhave domanassaṃ?

*Yaṃ kho bhikkhave cetasikaṃ dukkhaṃ,
cetasikaṃ asātaṃ manosamphassaṃ dukkhaṃ
asātaṃ vedayitaṃ. Idaṃ vuccati bhikkhave
domanassaṃ.*

1.8- Katamo ca bhikkhave upāyāso?

*Yo kho bhikkhave aññataraññatarena
byasanena samannāgatassa aññataraññatarena
dukkhadhammena phutṭhassa āyāso upāyāso
āyāsitattāṃ upāyāsitattāṃ. Ayaṃ vuccati
bhikkhave upāyāso.*

*1.9- Katamo ca bhikkhave appiyehi
sampayogo dukkho?*

*Idha yassa te honti aniṭṭhā akantā amanāpā
rūpā saddā gandhā rasā phoṭṭhabbā dhammā,
ye vā panassa te honti anattakāmā ahitakāmā
aphāsukakāmā ayogakkhemakāmā, yā tehi
saddhiṃ saṅgati samāgamo samodhānaṃ
missībhāvo. Ayaṃ vuccati bhikkhave appiyehi
sampayogo dukkho.*

1.10- *Katamo ca bhikkhave piyehi vippayogo dukkho?*

Idha yassa te honti iṭṭhā kantā manāpā rūpā saddā gandhā rasā phoṭṭhabbā dhammā, ye vā panassa te honti atthakāmā hitakāmā phāsukakāmā yogakkhemakāmā, mātā vā pitā vā bhātā vā bhaginī vā mittā vā amaccā vā ñātisālohitā vā, yā tehi saddhiṃ asaṅgati asamāgamo asamodhānaṃ amissībhāvo. Ayaṃ vuccati bhikkhave piyehi vippayogo dukkho.

1.11- *Katamañca bhikkhave yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ?*

* *Jātidhammānaṃ bhikkhave sattānaṃ evaṃ icchā uppajjati “Aho vata mayaṃ na jātidhammā assāma, na ca vata no jāti āgaccheyyā” ti. Na kho panetaṃ icchāya pattābbaṃ. Idampi yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ.*

* *Jarādhammānaṃ bhikkhave sattānaṃ evaṃ icchā uppajjati “Aho vata mayaṃ na jarādhammā assāma, na ca vata no jarā āgaccheyyā” ti. Na kho panetaṃ icchāya pattābbaṃ. Idampi yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ.*

* *Byādhidhammānaṃ bhikkhave sattānaṃ evaṃ icchā uppajjati “Aho vata mayaṃ na byādhidhammā assāma, na ca vata no byādhi āgaccheyyā” ti. Na kho panetaṃ icchāya pattābbaṃ. Idampi yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ.*

* *Maraṇadhammānaṃ bhikkhave sattānaṃ evaṃ icchā uppajjati “Aho vata mayaṃ na maraṇadhammā assāma, na ca no maraṇaṃ āgaccheyyā” ti. Na kho panetaṃ icchāya pattābbaṃ. Idampi yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ.*

* *Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsadhammānaṃ bhikkhave sattānaṃ evaṃ icchā uppajjati “Aho vata mayaṃ na sokaparidevadukkhadomanassupāyāsadhammā assāma, na ca vata no soka parideva dukkha domanassupāyāsadhammā āgaccheyyūn” ti. Na kho panetaṃ icchāya pattābbaṃ. Idampi yampicchaṃ na labhati tampi dukkhaṃ.*

1.12- *Katame ca bhikkhave saṃkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā?*

Seyyathidaṃ, rūpupādānakkhandho, vedanupādānakkhandho, saññupādānakkhandho, saṅkhārupādānakkhandho, viññāṇupādānakkhandho. Ime vuccanti bhikkhave saṃkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā.

Idaṃ vuccati bhikkhave dukkhaṃ ariyasaccaṃ.

II- Samudayasaccaniddesa

- *Katamañca bhikkhave dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ?*

Yāyaṃ taṇhā ponobhavikā nandīrāgasahagatā tatratatrābhinandinī. Seyyathidaṃ, kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā.

Sā kho panesā bhikkhave taṇhā kattha uppajjamānā uppajjati, kattha nivisamānā nivisati. Yaṃ loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati. Kiñci loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ?

2.1- *Cakkhu loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

Sotaṃ loke ... Ghānaṃ loke ... Jivhā loke ... Kāyo loke ... Mano loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.

2.2- *Rūpā loke ... Saddā loke ... Gandhā loke ... Rasā loke ... Phoṭṭhabbā loke ... Dhammā loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.3- *Cakkhuviññāṇaṃ loke ... Sotaviññāṇaṃ loke ... Ghānaviññāṇaṃ loke ... Jivhāviññāṇaṃ loke ... Kāyaviññāṇaṃ loke ... Manoviññāṇaṃ loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.4- *Cakkhusamphasso loke ... Sotasamphasso loke ... Ghānasamphasso loke ... Jivhāsamphasso loke ... Kāyasamphasso loke ... Manosamphasso loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.5- *Cakkhusamphassajā vedanā loke ... Sotasamphassajā vedanā loke ... Ghānasamphassajā vedanā loke ... Jivhāsamphassajā vedanā loke ... Kāyasamphassajā vedanā loke ... Manosamphassajā vedanā loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.6- *Rūpasaññā loke ... Saddasaññā loke ... Gandhasaññā loke ... Rasasaññā loke ... Phoṭṭhabbasaññā loke ... Dhammasaññā loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.7- *Rūpasañcetanā loke ... Saddasañcetanā loke ... Gandhasañcetanā loke ... Rasasañcetanā loke ... Phoṭṭhabbasañcetanā loke ... Dhammasañcetanā loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.8- *Rūpataṇhā loke ... Saddataṇhā loke ... Gandhataṇhā loke ... Rasataṇhā loke ... Phoṭṭhabbatāṇhā loke ... Dhammataṇhā loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.9- *Rūpavitakko loke ... Saddavitakko loke ... Gandhavitakko loke ... Rasavitakko loke ... Phoṭṭhabbavitakko loke ... Dhammavitakko loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

2.10- *Rūpavicāro loke ... Saddavicāro loke ... Gandhavicāro loke ... Rasavicāro loke ... Phoṭṭhabbavicāro loke ... Dhammavicāro loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā uppajjamānā uppajjati, ettha nivisamānā nivisati.*

Idaṃ vuccati bhikkhave dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ.

III- Nirodhasaccaniddesa

- *Katamañca bhikkhave dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ?*

Yo tassayeva taṇhāya asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

Sā kho panesā bhikkhave taṇhā kattha pahīyamānā pahīyati, kattha nirujjhamānā nirujjhati. Yaṃ loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati. Kiñci loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ?

3.1- *Cakkhu loke piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

Sotaṃ loke ... Ghānaṃ loke ... Jivhā loke ... Kāyo loke ... Mano loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.

3.2- *Rūpā loke ... Saddā loke ... Gandhā loke ... Rasā loke ... Phoṭṭhabbā loke ... Dhammā loke*

... *piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

3.3- *Cakkhaviññāṇaṃ loke ... otaviññāṇaṃ loke ... Ghānaviññāṇaṃ loke ... Jivhāviññāṇaṃ loke ... Kāyaviññāṇaṃ loke ... Manoviññāṇaṃ piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

3.4- *Cakkhusamphasso loke ... Sotasamphasso loke ... Ghānasamphasso loke ... Jivhāsamphasso loke ... Kāyasamphasso loke ... Manosamphasso loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

3.5- *Cakkhusamphassajā vedanā loke ... Sotasamphassajā vedanā loke ... Ghānasamphassajā vedanā loke ... Jivhāsamphassajā vedanā loke ... Kāyasamphassajā vedanā loke ... Manosamphassajā vedanā loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

3.6- *Rūpasaññā loke ... Saddasaññā loke ... Gandhasaññā loke ... Rasasaññā loke ... Phoṭṭhabbasaññā loke ... Dhammasaññā loke ... piyarūpaṃ sātarūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha niujjhamānā nirujjhati.*

3.7- *Rūpasañcetanā loke ... Saddasañcetanā loke ... Gandhasañcetanā loke ... Rasasañcetanā loke ... Phoṭṭhabbasañcetanā loke ... Dhamma-*

sañcetanā loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.

3.8- *Rūpataṇhā loke ... Saddataṇhā loke ... Gandhataṇhā loke ... Rasataṇhā loke ... Phoṭṭhabbatāṇhā loke ... Dhammataṇhā loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

3.9- *Rūpavitakko loke ... Saddavitakko loke ... Gandhavitakko loke ... Rasavitakko loke ... Phoṭṭhabbavitakko loke ... Dhammavitakko loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

3.10- *Rūpavicāro loke ... Saddavicāro loke ... Gandhavicāro loke ... Rasavicāro loke ... Phoṭṭhabbavicāro loke ... Dhammavicāro loke ... piyarūpaṃ sātārūpaṃ, etthesā taṇhā pahīyamānā pahīyati, ettha nirujjhamānā nirujjhati.*

Idaṃ vuccati bhikkhave dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ.

IV- Maggasaccaniddesa

- Katamañca bhikkhave dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ?

Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathidaṃ sammādiṭṭhi sammāsaṅkappo sammāvācā sammā-kammanto sammā ājīvo sammāvāyāmo sammāsati sammāsamādhī.

4.1- *Katamā ca bhikkhave sammādiṭṭhi?*

Yaṃ kho bhikkhave dukkhe ñāṇaṃ, dukkha-samudaye ñāṇaṃ, dukkhanirodhe ñāṇaṃ, dukkha-nirodhagāminiyā paṭipadāya ñāṇaṃ. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammādiṭṭhi.

4.2- *Katamo ca bhikkhave sammāsaṅkappo?*

Nekkhammasaṅkappo, abyāpādasaṅkappo, avihimsāsaṅkappo. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammāsaṅkappo.

4.3- *Katamā ca bhikkhave sammāvācā?*

Musāvādā veramaṇī, pisuṇāya vācāya veramaṇī, pharusāya vācāya veramaṇī, samphappalāpā veramaṇī. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammāvācā.

4.4- *Katamo ca bhikkhave sammākammanto?*

Pāṇātipātā veramaṇī, adinnādānā veramaṇī, kāmesumicchācārā veramaṇī. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammākammanto.

4.5- *Katamo ca bhikkhave sammā ājīvo?*

Idha bhikkhave ariyasāvako micchā ājīvaṃ pahāya sammā ājīvena jīvitaṃ kappeti. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammā ājīvo.

4.6- *Katamo ca bhikkhave sammāvāyāmo?*

*Idha bhikkhave bhikkhu * anuppannānaṃ pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ anuppādāya chandaṃ janeti vāyamati vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati.*

* *Uppannānaṃ pāpakānaṃ akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya chandaṃ janeti vāyamati vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati.*

* *Anuppannānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ uppādāya chandaṃ janeti vāyamati vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati.*

* *Uppannānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ ṭhitiyā asamosāya bhīyyobhāvāya vepullāya bhāvanāya paripūriyā chandaṃ janeti vāyamati vīriyaṃ ārabhati cittaṃ paggaṇhāti padahati. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammāvāyāmo.*

4.7- Katamā ca bhikkhave sammāsati?

*Idha bhikkhave bhikkhu * kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ.*

* *Vedanāsu vedanānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ.*

* *Citte cittānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ.*

* *Dhammesu dhammānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ. Ayaṃ vuccati bhikkhave sammāsati.*

4.8- Katamo ca bhikkhave sammāsamādhi?

*Idha bhikkhave bhikkhu * vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi savitakkaṃ*

*savicāraṃ vivekajaṃ pītisukhaṃ paṭhamañ
jhānaṃ upasampajja viharati.*

* *Vitakkavicārānaṃ vūpasamā ajjhattāṃ
sampasādanaṃ cetaso ekodibhāvaṃ avitakkaṃ
avicāraṃ samādhijaṃ pītisukhaṃ dutiyaṃ
jhānaṃ upasampajja viharati.*

* *Pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati, sato
ca sampajāno, sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti,
yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti “Upekkhako satimā
sukhavihārī”ti tatiyaṃ jhānaṃ upasampajja
viharati.*

* *Sukhassa ca pahānā dukkhassa ca pahānā
pubbeva somanassadomanassānaṃ atthaṅgamā
adukkhamasukhaṃ upekkhāsati pārisuddhiṃ
catutthaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. Ayaṃ
vuccati bhikkhave sammāsamādhī.*

*Idaṃ vuccati bhikkhave dukkhanirodha-
gāminī paṭipadā ariyasaccaṃ.*

* *Iti ajjhattāṃ vā dhammesu dhammānupassī
viharati, bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī
viharati, ajjhattābahiddhā vā dhammesu dhammā-
nupassī viharati.*

* *Samudayadhammānupassī vā dhammesu
viharati, vayadhammānupassī vā dhammesu viha-
rati, samudayavayadhammānupassī vā dhammesu
viharati.*

*“Atthi dhammā”ti vā panassa sati paccupaṭ-
ṭhitā hoti, yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
Anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.*

*Evampi kho bhikkhave bhikkhu dhammesu
dhammānupassī viharati catūsu ariyasaccesu.*

Saccapabbaṃ niṭṭhitam.

Dhammānupassanā niṭṭhitā.

Ānisamsakathā

*Yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne
evaṃ bhāveyya sattā vassāni, tassa dvinnaṃ
phalānaṃ aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ
diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese
anāgāmitā.*

*Tiṭṭhantu bhikkhave sattāvassāni. Yo hi koci
bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ
bhāveyya cha vassāni ... pañca vassāni ... cattāri
vassāni ... tīni vassāni ... dve vassāni ... ekaṃ
vassaṃ.*

*Tiṭṭhatu bhikkhave ekaṃ vassaṃ. Yo hi koci
bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ
bhāveyya sattāmāsāni, tassa dvinnaṃ phalānaṃ
aññataraṃ phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva
dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.*

*Tiṭṭhantu bhikkhave sattā māsāni. Yo hi koci
bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ*

bhāveyya cha māsāni ... pañca māsāni ... cattāri māsāni ... tīṇi māsāni ... dve māsāni ... ekaṃ māsam ... aḍḍhamāsaṃ.

Titṭhatu bhikkhave aḍḍhamāsaṃ. Yo hi koci bhikkhave ime cattāro satipaṭṭhāne evaṃ bhāveyya sattāhaṃ, tassa dvinnam phalānaṃ aññataram phalaṃ pāṭikaṅkhaṃ diṭṭheva dhamme aññā, sati vā upādisese anāgāmitā.

Nigamanakathā

“Ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo sattānaṃ visuddhiyā, sokaparidevānaṃ samatikkamāya dukkhadomanassānaṃ atthaṅgamāya, ñāyassa adhigamāya, Nibbānassa sacchikiriyāya, yadidaṃ cattāro satipaṭṭhānā”ti. Iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametam paṭicca vuttanti.

Idamavoca Bhagavā. Attāmanā te bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī.

Imasmiṅca pana veyyākaraṇasmim bhaññamāne tiṃsamattānaṃ bhikkhusahas-sānaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimuccimṣū’ti.

Mahāsatipaṭṭhānasuttaṃ niṭṭhitam.

Ý nghĩa đoạn kinh trong Phần Pháp niệm-xứ, đối-tượng tứ Thánh-đế

Pháp niệm-xứ, đối-tượng tứ Thánh-đế

Sau khi thuyết giảng *Pháp Niệm-xứ, đối-tượng Thất Giác-chi (Bojjhaṅga)* xong; tiếp theo Đức-Phật thuyết giảng *Pháp Niệm-xứ, đối-tượng Tứ Thánh-đế* rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Đối-tượng khác, tỳ-khuru hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thường dỗi theo biết rõ chánh-pháp (không phải chúng-sinh, không phải người) trong các pháp tứ Thánh-đế.*

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thường dỗi theo biết rõ chánh-pháp trong pháp tứ Thánh-đế như thế nào?*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru, hành-giả:*

1- *Biết rõ đúng theo thật-tánh rằng: “Ngoại trừ tham-ái ra, các pháp tam-giới này đều là khổ-đế.”*

2- *Biết rõ đúng theo thật-tánh rằng: “Tham-ái này là nhân sinh khổ-đế.”*

3- *Biết rõ đúng theo thật-tánh rằng: “Niết-bàn này là pháp diệt khổ-đế.”*

4- *Biết rõ đúng theo thật-tánh rằng: “Pháp-hành bát-chánh-đạo này dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-đế.”*

(Xong phần tiêu đề tứ Thánh-đế.)

(*Tứ Thánh-đế* đó là *khổ-Thánh-đế*, *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, *diệt khổ-Thánh-đế*, *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* mà 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo đã chứng ngộ.)

I- Khai Triển Khổ Thánh-Đế

- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là khổ-Thánh-đế?*

Tái-sinh kiếp sau là *khổ*; *già* yếu cũng là *khổ*; *chết* cũng là *khổ*; *sầu* não, *khóc than*, *khổ thân*, *khổ tâm*, *khổ tâm cùng cực* cũng đều là *khổ*; *thường tiếp xúc với đối-tượng mình không muốn* hoặc *phải gần gũi với người mình không ưa thích* cũng là *khổ*; *phải xa lìa người thân yêu*, *những vật quý báu* cũng là *khổ*; *tham muốn điều nào mà không thể có được* điều ấy cũng là *khổ*. Tóm lại, *ngũ-uẩn* là *đối-tượng chấp thủ* là *khổ* thật.

1.1- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là sự tái-sinh* kiếp sau?

- *Này chư tỳ-khuru! Sự sinh đầu tiên của các uẩn: thai-sinh, noãn-sinh vào trong lòng mẹ; thấp-sinh, hóa-sinh hiện hữu của ngũ-uẩn, tứ-uẩn, nhất-uẩn; sự có được mắt, tai, v.v... Các sự sinh nào hiện hữu trong các cõi-giới chúng-sinh ấy, của các loài chúng-sinh ấy.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là tái-sinh* kiếp sau.

1.2- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **sự già**?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự già, sự già cõi, sự rụng răng, đầu tóc bạc, da nhăn, sinh-mạng suy yếu, mắt mờ, tai điếc. Các sự già nào hiện hữu trong các cõi-giới chúng-sinh ấy, của các loài chúng-sinh ấy.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là già.*

1.3- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **sự chết**?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự chuyển kiếp, trạng-thái chuyển kiếp, sự diệt mất, sự biến mất, sự chết, sự chết không còn gì nữa, sự tan rã ngũ-uẩn, sự vất bỏ tử thi, sự cắt đứt sinh-mạng. Các sự chết nào hiện hữu trong các cõi-giới chúng-sinh ấy, của các loài chúng-sinh ấy.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là sự chết.*

1.4- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **sâu não**?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự sâu não nóng nảy, trạng-thái sâu não nóng nảy, sự sâu não trong tâm, sự sâu não nóng nảy trong tâm của người gặp phải một sự thiệt hại ⁽¹⁾ nào, hoặc phải chịu một sự khổ cực nào.*

¹ Byasana: Sự thiệt hại có 5 loại là thân quyền bị thiệt hại, tài sản bị thiệt hại, mắc bệnh trầm kha, giới-hạnh bị phạm, tà-kiến chấp thủ.

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là sự sầu não.*

1.5- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **khóc than**?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự khóc than kể lẽ đến người đã chết hoặc đồ vật đã mất; sự khóc than kể lẽ ân nhân đã chết, báu vật kỷ niệm đã mất; cử chỉ khóc than thảm thiết; khóc than kể lẽ ân nghĩa gắn bó nhau nhưng bây giờ gặp phải một sự thiệt hại nào, hoặc phải chịu một sự khổ cực nào đó.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là sự khóc than.*

1.6- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **khổ thân**?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự khổ phát sinh từ thân, sự đau khổ phát sinh từ thân, sự khổ do thân tiếp xúc, sự đau khổ là vì thọ khổ.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là sự khổ thân.*

1.7- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **khổ tâm**?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự khổ phát sinh từ tâm, sự khó chịu phát sinh từ tâm, sự khổ do tâm tiếp xúc, sự khó chịu là vì thọ khổ.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là sự khổ tâm.*

1.8- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là khổ tâm cùng cực?*

- *Này chư tỳ-khuru! Sự khổ tâm cùng cực, sự phát sinh đau khổ cùng cực trong tâm, sự phát sinh khổ tâm cùng cực, sự phát sinh nỗi thống khổ tâm cùng cực của người gặp phải một sự thiệt hại nào, hoặc phải chịu một sự khổ tâm cùng cực nào.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là sự khổ tâm cùng cực.*

1.9- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là tiếp xúc với đối-tượng không vừa lòng, hoặc phải gần gũi với người mình không thích là khổ?*

Trong đời này, người nào tiếp xúc với các đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không vừa lòng, không thích, không muốn; hoặc phải gần gũi với những người muốn sự bất lợi, muốn sự tai hại, muốn sự đau khổ, muốn sự tai họa. Người ấy tiếp xúc với đối-tượng không vừa lòng, ... hoặc gặp gỡ, họp mặt, tụ hội, chung chạ với người xấu ấy.

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là tiếp xúc với đối-tượng không vừa lòng hoặc phải gần gũi với người mình không thích là khổ.*

1.10- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là tránh xa đối-tượng vừa lòng hoặc xa lìa người thân yêu là khổ?*

Trong đời này, người nào phải tránh xa các đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đáng yêu, đáng thích, đáng vừa lòng; hoặc không được gần gũi với những người mong sự lợi ích, mong sự tiến hóa, mong sự an-lạc, mong sự an lành đó là mẹ, cha, anh trai, em trai, chị gái, em gái, bạn thân thiết, bạn đồng nghiệp, thân quyến. Người ấy không được tiếp xúc với đối-tượng tốt, hoặc không gặp gỡ, không họp mặt, không tụ hội, không chung chạ với người thân yêu ấy.

- Nay chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là phải tránh xa đối-tượng vừa lòng hoặc xa lìa người thân yêu là khổ.

1.11- Nay chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là tham muốn điều nào mà không thể có được điều ấy là khổ?

• Nay chư tỳ-khuru! Chúng-sinh có trạng-thái sự tái-sinh kiếp sau là thường nhưng mong ước rằng:

“Chúng ta không có sự tái-sinh kiếp sau thì tốt biết dường nào! Sự tái-sinh kiếp sau không đến với chúng ta thì tốt biết dường nào!”

Sự không tái-sinh kiếp sau không thể đạt được do sự mong ước ấy.

- Nay chư tỳ-khuru! Trạng-thái pháp ấy gọi là tham muốn điều nào mà không thể có được điều ấy là khổ.

• *Này chư tỳ-khuru! Chúng-sinh có trạng-thái sự già là thường nhưng mong ước rằng:*

“Chúng ta không có sự già thì tốt biết dường nào! Sự già không đến với chúng ta thì tốt biết dường nào!”

Sự không già không thể đạt được do sự mong ước ấy.

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái pháp ấy gọi là tham muốn điều nào mà không thể có được điều ấy là khổ.*

• *Này chư tỳ-khuru! Chúng-sinh có trạng-thái bệnh là thường nhưng mong ước rằng:*

“Chúng ta không có bệnh thì tốt biết dường nào! Sự bệnh không đến với chúng ta thì tốt biết dường nào!”

Sự không bệnh không thể đạt được do sự mong ước ấy.

- *Này chư tỳ-khuru! Trạng-thái pháp ấy gọi là tham muốn điều nào mà không thể có được điều ấy là khổ.*

• *Này chư tỳ-khuru! Chúng-sinh có trạng-thái sự chết là thường nhưng mong ước rằng:*

“Chúng ta không có sự chết thì tốt biết dường nào! Sự chết không đến với chúng ta thì tốt biết dường nào!”

Sự không chết không thể đạt được do sự mong ước ấy.

- Nay chư tỳ-khuru! Trạng-thái pháp ấy gọi là tham muốn điều nào mà không thể có được điều ấy là khổ.

• Nay chư tỳ-khuru! Chúng-sinh có trạng-thái sự sầu-nã, sự khóc-than, sự khổ thân, sự khổ tâm, sự khổ tâm cùng cực là thường nhưng mong ước rằng:

“Chúng ta không có sự sầu-nã, sự khóc-than, sự khổ thân, sự khổ tâm, sự khổ tâm cùng cực thì tốt biết dường nào! Sự sầu-nã, sự khóc-than, sự khổ thân, sự khổ tâm, sự khổ tâm cùng cực không đến với chúng ta thì tốt biết dường nào!”

Sự không sầu-nã, không khóc-than, không khổ thân, không khổ tâm, không khổ tâm cùng cực không thể đạt được do sự mong ước ấy.

- Nay chư tỳ-khuru! Trạng-thái các pháp ấy gọi là tham muốn điều nào mà không thể có được điều ấy là khổ.

1.12- Nay chư tỳ-khuru! Tóm lại thế nào gọi là ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ thật?

Năm uẩn là đối-tượng chấp thủ đó là sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ.

- *Này chư tỳ-khuru! Thật-tánh các pháp ấy gọi là ngũ-uẩn chấp-thủ.*

- *Này chư tỳ-khuru! Thật-tánh các pháp ấy gọi là khô-Thánh-đế.*

II- Khai Triển Nhân Sinh Khô-Thánh-Đế

- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là nhân sinh khô-Thánh-đế?*

Nhân sinh khô-Thánh-đế đó là tham-ái là nhân dắt dẫn tái-sinh kiếp sau, đồng sinh với ái dục say đắm trong kiếp của mình, vô cùng say đắm trong đối-tượng. Tham-ái nhân sinh khô đó là:

* *Kāmatanḥā: Tham-ái say đắm trong cõi dục-giới.*

* *Bhavatanḥā: Tham-ái say đắm trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.*

* *Vibhavatanḥā: Tham-ái say đắm đồng sinh với đoạn-kiến.*

- *Này chư tỳ-khuru! Tham-ái ấy đang phát sinh, phát sinh trong đối-tượng nào? Đang dính mắc, dính mắc trong đối-tượng nào?*

Trong ngũ-uẩn chấp-thủ, đối-tượng nào có tính chất đáng yêu thích, đối-tượng nào có tính chất đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng; đang dính mắc,

dính mắt trong đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

Đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ là thế nào?

2.1- **Mắt** (*cakkhu*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong mắt đáng yêu thích, đáng vừa lòng; đang dính mắc, dính mắc trong mắt đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- Tai là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Mũi là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Lưỡi là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thân là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

2.2- **Các sắc** (*rūpā*⁽²⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

¹ Cakkhu đó là cakkhupasāda: Nhãn-tịnh-sắc (mắt).

² Rūpā đó là rūpārammaṇa: Các đối-tượng sắc.

- Các âm thanh là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các mùi hương là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các loại vị là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các loại xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các pháp là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong các pháp đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong các pháp đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

2.3- **Nhãn-thức-tâm** (*cakkhuvīññāṇa*) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Nhĩ-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Tỷ-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thiệt-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thân-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Ý-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong ý-thức-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính

mắc trong ý-thức-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

2.4- **Nhãn-xúc** (*cakkhusamphassa*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Nhãn-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Tỷ-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thiệt-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thân-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Ý-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong ý-xúc đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong ý-xúc đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

2.5- **Nhãn-xúc sinh thọ** (*Cakkhusamphassajā vedanā*⁽²⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Nhãn-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Tỷ-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

¹ Cakkhusamphassa: Phassa nương nhờ nơi cakkhupasāda.

² Cakkhusamphassajāvedanā: Thọ sinh do xúc với nhãn-tịnh-sắc.

- *Thiệt-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Thân-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Ý-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong ý-xúc sinh thọ đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong ý-xúc sinh thọ đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.*

2.6- **Sắc tướng** (*rūpasaññā*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- *Thanh tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Hương tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Vị tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Xúc tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Pháp tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong pháp tướng đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong pháp tướng đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.*

¹ Rūpasaññā: Tướng có đối-tượng sắc.

2.7- **Sắc tác-y** (*Rūpasañcetanā* ⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh tác-y là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương tác-y là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị tác-y là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Xúc tác-y là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp tác-y là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong pháp tác-y đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong pháp tác-y đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

2.8- **Sắc tham-ái** (*rūpatanhā* ⁽²⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

¹ Rūpasañcetanā: Tác-y có đối-tượng sắc.

² Rūpatanhā: Tham-ái trong đối-tượng sắc.

- Xúc tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong pháp tham-ái đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong pháp tham-ái đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

2.9- **Sắc hướng-tâm** (*Rūpavitakka* ⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Xúc hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong pháp hướng-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong pháp hướng-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

¹ Rūpavitakka: Hướng tâm nghĩ đến đối-tượng sắc.

2.10- **Sắc quan-sát** (*Rūpavicāra* ⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Xúc quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nên tham-ái này đang phát sinh, phát sinh trong pháp quan-sát đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang dính mắc, dính mắc trong pháp quan-sát đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

- *Này chư tỳ-khuru! Tham-ái phát sinh trong các đối-tượng này được trình bày gọi là nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

III- Khai Triển Diệt Khổ-Thánh-Đế

- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là diệt khổ-Thánh-đế?*

Diệt khổ-Thánh-đế đó là Niết-bàn diệt tận

¹ Rūpavicāra: Quan sát đối-tượng sắc.

được mọi tham-ái không còn dư sót, từ bỏ mọi tham-ái, xả bỏ mọi tham-ái, giải thoát khỏi mọi tham-ái, không còn luyến tiếc.

- Nay chư tỳ-khuru! Tham-ái ấy đang bị từ bỏ, từ bỏ trong đối-tượng nào? Đang diệt, diệt trong đối-tượng nào?

Trong ngũ-uẩn chấp-thủ, đối-tượng nào có tính chất đáng yêu thích, đối-tượng nào có tính chất đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng; đang diệt, diệt trong đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

Đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ là thế nào?

3.1- Mắt (Cakkhu ⁽¹⁾) là đối-tượng đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong mắt đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong mắt đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

- Tai là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Mũi là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Lưỡi là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

¹ Cakkhu đó là cakkhupasāda: Nhãn-tịnh-sắc (mắt).

- Thân là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

3.2- **Các sắc** (*Rūpā*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các âm thanh là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các mùi hương là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các loại vị là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các loại xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Các pháp là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong các pháp đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong các pháp đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

3.3- **Nhãn-thức-tâm** (*Cakkhuvīññāṇa*) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng ...

¹ Rūpā đó là rūpārammaṇa: Các đối-tượng sắc.

- *Nhĩ-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Tỷ-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Thiệt-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Thân-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Ý-thức-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong ý-thức-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong ý-thức-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.*

3.4-Nhãn-xúc (*Cakkhusamphassa* ⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- *Nhĩ-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Tỷ-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Thiệt-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Thân-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Ý-xúc là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị*

¹ Cakkhusamphassa: Phassa nương nhờ nơi cakkhupasāda.

từ bỏ, bị từ bỏ trong ý-xúc đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong ý-xúc đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

3.5- **Nhãn-xúc sinh thọ** (*Cakkhusamphassajā vedanā*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Nhĩ-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Tỷ-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thiệt-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thân-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Ý-xúc sinh thọ là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong ý-xúc sinh thọ đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong ý-xúc sinh thọ đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

3.6- **Sắc tướng** (*Rūpasaññā*⁽²⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

¹ Cakkhusamphassajāvedanā: Thọ sinh do xúc với nhãn-tịnh-sắc.

² Rūpasaññā: Tướng có đối-tượng sắc.

- *Vị tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Xúc tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Pháp tướng là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong pháp tướng đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong pháp tướng đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.*

3.7- **Sắc tác-ý** (*Rūpasañcetanā*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- *Thanh tác-ý là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Hương tác-ý là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Vị tác-ý là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Xúc tác-ý là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...*

- *Pháp tác-ý là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong pháp tác-ý đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong pháp tác-ý đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.*

¹ *Rūpasañcetanā*: Tác-ý có đối-tượng sắc.

3.8- **Sắc tham-ái** (*Rūpatanhā*⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Xúc tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp tham-ái là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong pháp tham-ái đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong pháp tham-ái đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

3.9- **Sắc hướng-tâm** (*Rūpavitakka*⁽²⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị hướng-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

¹ Rūpatanhā: Tham-ái trong đối-tượng sắc.

² Rūpavitakka: Hướng tâm đến đối-tượng sắc.

- Xúc hương-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp hương-tâm là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong pháp hương-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong pháp hương-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

3.10- **Sắc quan-sát** (Rūpavicāra ⁽¹⁾) là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Thanh quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Hương quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Vị quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Xúc quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng, ...

- Pháp quan-sát là đối-tượng có tính chất đáng yêu thích, đáng vừa lòng nhưng tham-ái này đang bị từ bỏ, bị từ bỏ trong pháp quan-sát đáng yêu thích, đáng vừa lòng này; đang diệt, diệt trong pháp quan-sát đáng yêu thích, đáng vừa lòng này.

- Nay chư tỳ-khưu! Niết-bàn diệt tham-ái đã được trình bày gọi là diệt khổ-Thánh-đề.

¹ Rūpavicāra: Quan sát đối-tượng sắc.

IV- Khai Triển Pháp-Hành Dẫn Đến Diệt Khổ-Thánh-Đế

- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế?*

*Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn.*

4.1- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-kiến** (Sammādiṭṭhi)?*

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru hành-giả có:*

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế.*

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế.*

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

- *Này chư tỳ-khuru! Trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế gọi là chánh-kiến.*

4.2- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-tư-duy** (Sammāsaṅkappa)?*

* *Tư-duy chân-chánh thoát ra khỏi ngũ-dục.*

* Tư-duy chân-chánh không tự làm khổ mình, không làm khổ tất cả chúng-sinh.

* Tư-duy chân-chánh không tự làm hại mình, không làm hại tất cả chúng-sinh.

- Nay chư tỳ-khuru! Ba pháp tư-duy này gọi là chánh-tư-duy.

4.3- Nay chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-ngữ** (Sammāvācā)?

* Tránh xa sự nói-dối.

* Tránh xa sự nói lời chia rẽ.

* Tránh xa sự nói lời thô tục.

* Tránh xa sự nói lời vô ích.

- Nay chư tỳ-khuru! Tránh xa bốn loại ác-nghiệp này gọi là chánh-ngữ.

4.4- Nay chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-nghiệp** (Sammākammanta)?

* Tránh xa sự sát-sinh.

* Tránh xa sự trộm-cắp.

* Tránh xa sự tà-dâm.

- Nay chư tỳ-khuru! Tránh xa ba loại ác-nghiệp này gọi là chánh-nghiệp.

4.5- Nay chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-mạng** (Sammā ājīva)?

- Nay chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ cách sống tà-mạng

do thân và khẩu hành ác-nghiệp, mà sống theo chánh-mạng do hành đại-thiện-nghiệp.

- Nay chư tỳ-khuru! Nuôi mạng chân chánh gọi là chánh-mạng.

4.6- Nay chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-tinh-tán** (Sammāvāyāma)?

- Nay chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru hành-giả:

* Để ác-pháp tội lỗi chưa sinh, không cho sinh, nên hành-giả phát sinh tâm muốn tinh-tán, thường tinh-tán, kiên trì tinh-tán, tác động tâm tinh-tán, cố gắng tinh-tán.

* Để diệt ác-pháp tội lỗi đã sinh, nên hành-giả phát sinh tâm muốn tinh-tán, thường tinh-tán, kiên trì tinh-tán, tác động tâm tinh-tán, cố gắng tinh-tán.

* Để thiện-pháp chưa sinh thì phát sinh, nên hành-giả phát sinh tâm muốn tinh-tán, thường tinh-tán, kiên trì tinh-tán, tác động tâm tinh-tán, cố gắng tinh-tán.

* Để thiện-pháp đã sinh rồi được tồn tại, không bị mất, được tăng lên, được phát triển, được tăng trưởng đầy đủ, nên hành-giả phát sinh tâm muốn tinh-tán, thường tinh-tán, kiên trì tinh-tán, tác động tâm tinh-tán, cố gắng tinh-tán.

- Nay chư tỳ-khuru! Bốn pháp tinh-tán này gọi là chánh-tinh-tán.

4.7- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-niệm** (Sammāsati)?*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru hành-giả:*

* *Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ **thân** trong phần **thân niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.*

* *Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ **thọ** trong phần **thọ niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.*

* *Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ biết rõ **tâm** trong phần **tâm niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.*

* *Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ biết rõ **pháp** trong phần **pháp niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.*

- *Này chư tỳ-khuru! Bốn pháp-hành tứ-niệm-xứ này gọi là chánh-niệm.*

4.8- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là **chánh-định** (Sammāsamādhī)?*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru hành-giả:*

* *Thực-hành pháp-hành thiền-định làm vắng lặng được ngũ-dục, ngăn được mọi ác-pháp, nên chế-ngự được 5 pháp-chướng-ngại (nīvaraṇa), hành-giả chứng đắc **đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 5 chi-thiền là vitakka, vicāra, pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm).*

* *Chế-ngự được 2 chi-thiền là vitakka (huớng-tâm), vicāra (quan-sát), định tâm trong sáng, không có chi-thiền vitakka và vicāra, hành-giả chứng đắc **đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 3 chi-thiền là pīti, sukha, ekaggatā.*

* *Chế-ngự được 1 chi-thiền là pīti (hỷ), hành-giả chứng đắc **đệ-tam-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 2 chi-thiền là sukha, ekaggatā.*

* *Chế-ngự được 1 chi-thiền là sukha (lạc), thay bằng chi-thiền upekkhā (thọ xả không khổ không lạc), hành-giả chứng đắc **đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 2 chi-thiền là upekkhā, ekaggatā.*

- *Này chư tỳ-khuru! Bốn bậc thiền sắc-giới thiện-tâm này gọi là chánh-định.*

- *Này chư tỳ-khuru! Bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh này được trình bày gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

Đoạn kết của pháp niệm-xứ

Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ

tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các pháp trong pháp niệm-xứ bên trong của mình.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các pháp trong pháp niệm-xứ bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các pháp trong pháp niệm-xứ khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh trong các pháp.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong các pháp.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh, trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong các pháp.

Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: “Chỉ là pháp (thật-tánh-pháp không phải người, chúng-sinh) mà thôi”. Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

- *Này chư tỳ-khuru! Như vậy, gọi là tỳ-khuru hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dồi theo thấy rõ, biết rõ các pháp trong pháp niệm-xứ.*

(Xong pháp tứ Thánh-đế.)

(Xong phần pháp niệm-xứ.)

Quả báu của pháp-hành tứ-niệm-xứ

- *Này chư tỳ-khuru! Số người nào là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hành-giả thực-hành đối-tượng nào trong pháp-hành tứ-niệm-xứ này suốt bảy năm. Đối với tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy sẽ có hy vọng được một trong hai Thánh-quả-tâm là trở thành bậc Thánh A-ra-hán ngay trong kiếp hiện-tại hoặc nếu còn sót lại pháp-chấp-thủ thì sẽ trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Đừng nói đến bảy năm.*

- *Này chư tỳ-khuru! Số người nào là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hành-giả thực-hành đối-tượng nào trong pháp-hành tứ-niệm-xứ này suốt sáu năm, ... suốt năm năm, ... suốt bốn năm, ... suốt ba năm, ... suốt hai năm, ... suốt một năm, ...*

- *Này chư tỳ-khuru! Đừng nói đến một năm.*

- *Này chư tỳ-khuru! Số người nào là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hành-giả thực-hành đối-tượng nào trong pháp-hành tứ-niệm-xứ này suốt **bảy tháng**. Đối với tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy sẽ có hy vọng được một trong hai Thánh-quả-tâm là trở thành bậc Thánh A-ra-hán ngay trong kiếp hiện-tại hoặc nếu còn sót lại pháp-chấp-thủ thì sẽ trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Đừng nói đến bảy tháng.*

- *Này chư tỳ-khuru! Số người nào là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hành-giả thực-hành đối-tượng nào trong pháp-hành tứ-niệm-xứ này suốt sáu tháng, ... suốt năm tháng, ... suốt bốn tháng, ... suốt ba tháng, ... suốt hai tháng, ... suốt một tháng, ... suốt nửa tháng, ...*

- *Này chư tỳ-khuru! Đừng nói đến nửa tháng.*

- *Này chư tỳ-khuru! Số người nào là tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ hành-giả thực-hành đối-tượng nào trong pháp-hành tứ-niệm-xứ này suốt **bảy ngày**. Đối với tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ ấy sẽ có hy vọng được một trong hai Thánh-quả-tâm là trở thành bậc Thánh A-ra-hán ngay trong kiếp hiện-tại, hoặc nếu còn sót lại pháp-chấp-thủ thì sẽ trở thành bậc Thánh Bất-lai.*

Đoạn kết bài kinh Đại-niệm-xứ

- *Này chư tỳ-khuru! Đạo này là con đường duy nhất để dẫn đến sự thanh-tịnh hoàn toàn trong sạch khỏi mọi phiền-não ô-nhiễm trong tâm của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư Phật Độc-Giác, chư Thánh thanh-văn-giác; để diệt sự sầu não, khóc than; để diệt sự khổ tâm, khổ thân; để chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả; để chứng ngộ Niết-bàn.*

Đạo duy nhất này đó là pháp-hành tứ-niệm-xứ.

Đức-Phật thuyết giảng bài kinh Đại-niệm-xứ xong, chư tỳ-khuru vô cùng hoan-hỷ lời giáo huấn của Đức-Phật.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng bài kinh Đại-niệm-xứ, tâm của khoảng 30 ngàn vị tỳ-khuru không còn chấp thủ ta và của ta, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

(Xong bài kinh Đại-niệm-xứ.)

Tóm Lược Tứ Thánh-Đế

Tứ Thánh-đế đó là khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà mỗi đối-tượng Thánh-đế có chi-pháp như sau:

1- **Khổ-Thánh-đế** (*Dukkha ariyasacca*) đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ*, là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ (*upādāna*) gọi là *khổ-Thánh-đế*.

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn:

- *Sắc-uẩn chấp-thủ* đó là 28 *sắc-pháp* là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

- *Thọ-uẩn chấp-thủ* đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh với 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

- *Tưởng-uẩn chấp-thủ* đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

- *Hành-uẩn chấp thủ* đó là 50 *tâm-sở* còn lại (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

- *Thức-uẩn chấp-thủ* đó là 81 *tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

Pháp chấp-thủ (Upādāna) có 4 pháp:

- *Kāmupādāna*: *Chấp-thủ* trong *ngũ-dục* là *sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục* trong cõi dục-giới, có chi-pháp là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm.

- *Diṭṭhupādāna*: *Chấp-thủ* trong *tà-kiến thấy sai chấp lầm* (trừ *sīlabbatupādāna* và *attā-*

vādupādāna) có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Sīlabbatupādāna*: *Chấp-thủ trong pháp thường hành sai lầm* có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Attāvādupādāna*: *Chấp-thủ trong ngũ-uẩn cho là ta*, có chi-pháp là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

Như vậy, tóm lại 28 sắc-pháp, 51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở) với 81 tam-giới-tâm gọi là **khổ-Thánh-đế** (*dukkha ariyasacca*) là pháp nên biết, thì đã biết.

2- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** (*dukkhasamudaya ariyasacca*) đó là **tham-ái** (*taṇhā*) phát sinh trong các đối-tượng đáng yêu thích (*piyarūpa*), đáng vừa lòng (*sātarūpa*) gọi là *nhân sinh khổ-Thánh-đế*.

* Tham-ái có 3 loại:

- *Kāmatanḥā*: *Dục-ái* đó là *tham-ái* trong 6 đối-tượng (*đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp*) trong cõi dục-giới.

- *Bhavatanḥā*: *Hữu-ái* đó là *tham-ái* hợp với thường-kiến (*sassatadiṭṭhi*) thấy sai chấp lầm cho là thường tồn; hoặc *tham-ái* trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, bậc thiên vô-sắc-giới thiện-

tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên.

- *Vibhavatanhā*: Phi-hữu-ái đó là tham-ái hợp với đoạn-kiến (*ucchedadiṭṭhi*) thấy sai chấp lầm cho là chết rồi không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Tham-ái phát sinh trong đối-tượng đáng yêu thích (*piyarūpa*), đáng vừa lòng (*sātarūpa*) như sau:

- **6 môn**: *Nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 đối-tượng**: *Đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 thức**: *Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 xúc**: *Nhãn-xúc, nhĩ-xúc, tỷ-xúc, thiệt-xúc, thân-xúc, ý-xúc* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 xúc sinh thọ**: *Nhãn-xúc sinh thọ, nhĩ-xúc sinh thọ, tỷ-xúc sinh thọ, thiệt-xúc sinh thọ, thân-xúc sinh thọ, ý-xúc sinh thọ* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 tướng**: *Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 tác-ý**: *Sắc tác-ý, thanh tác-ý, hương tác-ý, vị tác-ý, xúc tác-ý, pháp tác-ý* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 ái**: *Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 hướng-tâm**: *Sắc hướng-tâm, thanh hướng-tâm, hương hướng-tâm, vị hướng-tâm, xúc hướng-tâm, pháp hướng-tâm* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 quan-sát**: *Sắc quan-sát, thanh quan-sát, hương quan-sát, vị quan-sát, xúc quan-sát, pháp quan-sát* đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

Như vậy, **tham-ái** phát sinh từ 60 đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa) gọi là *nhân sinh khổ-Thánh-đế* là pháp nên diệt.

Cho nên, *khổ-Thánh-đế* với *nhân sinh khổ-Thánh-đế* có liên quan với nhau theo **nhân** với **quả**: *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là **tham-ái** là nhân và *khổ-Thánh-đế* đó là **ngũ-uẩn chấp-thủ** là quả của *nhân sinh khổ-Thánh-đế*.

3- **Diệt khổ-Thánh-đế** (*dukkhanirodha ariyasacca*) đó là **Niết-bàn** (*Nibbāna*) diệt tận tham-ái không còn dư sót trong các đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa) gọi là *diệt khổ-Thánh-đế*.

* Niết-bàn có 2 loại:

- *Sa upādisesanibbāna*: Niết-bàn đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót, nhưng mà ngũ-uẩn vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Anupādisesanibbāna*: Niết-bàn đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Niết-bàn diệt tận được mọi tham-ái trong đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa) như sau:

- **6 môn**: Nhãn-môn, nhĩ-môn, tỷ-môn, thiệt-môn, thân-môn, ý-môn đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 đối-tượng**: Đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 thức**: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 xúc**: Nhãn-xúc, nhĩ-xúc, tỷ-xúc, thiệt-xúc, thân-xúc, ý-xúc đáng yêu thích, đáng vừa lòng.

- **6 xúc sinh thọ**: *Nhãn-xúc sinh thọ, nhĩ-xúc sinh thọ, tỷ-xúc sinh thọ, thiệt-xúc sinh thọ, thân-xúc sinh thọ, ý-xúc sinh thọ đáng yêu thích, đáng vừa lòng.*

- **6 tướng**: *Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng đáng yêu thích, đáng vừa lòng.*

- **6 tác-ý**: *Sắc tác-ý, thanh tác-ý, hương tác-ý, vị tác-ý, xúc tác-ý, pháp tác-ý đáng yêu thích, đáng vừa lòng.*

- **6 ái**: *Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái đáng yêu thích, đáng vừa lòng.*

- **6 hướng-tâm**: *Sắc hướng-tâm, thanh hướng-tâm, hương hướng-tâm, vị hướng-tâm, xúc hướng-tâm, pháp hướng-tâm đáng yêu thích, đáng vừa lòng.*

- **6 quan-sát**: *Sắc quan-sát, thanh quan-sát, hương quan-sát, vị quan-sát, xúc quan-sát, pháp quan-sát đáng yêu thích, đáng vừa lòng.*

Như vậy, **Niết-bàn** diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót trong 60 đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa) gọi là *diệt khổ-Thánh-đế* là pháp nên chứng ngộ.

Cho nên, *nhân sinh khổ-Thánh-đế* với *diệt khổ-Thánh-đế* có liên quan với nhau theo sự

sinh với *sự diệt*: *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái* sinh từ 60 đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa); còn *diệt khổ-Thánh-đế* đó là *Niết-bàn* diệt tận được *tham-ái* không còn dư sót trong 60 đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa).

Tham-ái sinh từ trong đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa) nào; thì *Niết-bàn* diệt tận được *tham-ái* không còn dư sót trong đối-tượng đáng yêu thích (piyarūpa), đáng vừa lòng (sātarūpa) ấy.

4- *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* (Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca) đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* (aṭṭhaṅgikamagga) là *pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế*.

Pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh:

1- *Sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến đó là trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế là khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế gọi là *chánh-kiến*.

2- *Sammāsaṅkappa*: Chánh-tư-duy đó là tư-duy chân chánh trong 3 pháp:

- Tư-duy chân-chánh thoát ra khỏi ngũ-dục.

- *Tu-đuy chân-chánh không tự làm khổ mình, không làm khổ tất cả chúng-sinh.*
- *Tu-đuy chân-chánh không tự làm hại mình, không làm hại tất cả chúng-sinh.*

Tu-đuy 3 pháp này gọi là chánh-tu-đuy.

3- **Sammāvācā**: Chánh-ngữ đó là khẩu tránh xa 4 loại ác-nghiệp:

- *Tránh xa sự nói-dối.*
- *Tránh xa sự nói lời chia rẽ.*
- *Tránh xa sự nói lời thô tục.*
- *Tránh xa sự nói lời vô ích.*

Tránh xa 4 ác-nghiệp này gọi là chánh-ngữ.

4- **Sammākammanta**: Chánh-nghiệp đó là thân tránh xa 3 loại ác-nghiệp:

- *Tránh xa sự sát-sinh.*
- *Tránh xa sự trộm-cắp.*
- *Tránh xa sự tà-dâm.*

Tránh xa 3 ác-nghiệp này gọi là chánh-nghiệp.

5- **Sammā ājīva**: Chánh-mạng. Trong Phật-giáo, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử từ bỏ cách sống tà-mạng do thân và khẩu hành ác-nghiệp, mà nuôi sống theo chánh-mạng do thân và khẩu hành đại-thiện-nghiệp gọi là chánh-mạng.

6- **Sammāvāyāma**: Chánh-tinh-tấn đó là tinh-tấn trong 4 pháp:

- *Tinh-tấn* ngăn ác-pháp chưa sinh, không cho phát sinh.

- *Tinh-tấn* diệt ác-pháp đã sinh.

- *Tinh-tấn* làm cho thiện-pháp chưa sinh, thì phát sinh.

- *Tinh-tấn* làm cho thiện-pháp đã sinh rồi, được phát triển, tăng trưởng đầy đủ.

Tinh-tấn trong 4 pháp này gọi là chánh-tinh-tấn.

7- **Sammā sati**: Chánh-niệm đó là hành-giả thực-hành 4 pháp tứ-niệm-xứ:

- Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ **thân** trong phần **thân niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.

- Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ **thọ** trong phần **thọ niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.

- Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong phần **tâm niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.

- Hành-giả có tâm tinh-tấn, có chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ **pháp** trong phần **pháp niệm-xứ**, để diệt tham-tâm hài lòng và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ.

Hành-giả thực-hành 4 pháp tứ-niệm-xứ gọi là chánh-niệm.

8- **Sammāsamādhī**: Chánh-định đó là thực-hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm:

- Chứng đắc đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là vitakka (hướng-tâm), vicāra (quan-sát), pīti (hỷ), sukha (lạc), ekaggatā (nhất-tâm) do chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại là tham-dục, sân-hận, buồn-chán - buồn-ngủ, phóng-tâm - hối-hận, hoài-ngại.

- Chứng đắc đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là pīti, sukha, ekaggatā do chế ngự được 2 chi-thiền là vitakka, vicāra.

- Chứng đắc đệ-tam-thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là sukha và ekaggatā do chế ngự được 1 chi-thiền là pīti.

- Chứng đắc đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là upekkhā và ekaggatā do chế ngự bằng cách thay chi-thiền sukha bằng chi-thiền upekkhā.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, dẫn đến chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm gọi là **chánh-định**.

Như vậy, pháp-hành bát-chánh-đạo gồm có 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ,

chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định gọi là *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là pháp nên tiến hành phận-sự trong tứ Thánh-đế:

- *Khổ-Thánh-đế* là pháp nên biết, thì pháp-hành bát-chánh-đạo đã biết.

- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* là pháp nên diệt, thì pháp-hành bát-chánh-đạo đã diệt.

- *Diệt khổ-Thánh-đế* là pháp nên chứng ngộ, thì pháp-hành bát-chánh-đạo đã chứng ngộ.

- *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* là pháp nên tiến hành, thì pháp-hành bát-chánh-đạo tiến hành đã biết ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế; đã diệt tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế; đã chứng ngộ Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế.

Cho nên, *diệt khổ-Thánh-đế* với pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế không có liên quan với nhau theo nhân với quả nào cả, bởi vì **Niết-bàn**, diệt khổ-Thánh-đế, là pháp vô-vi *asaṅkhata-dhamma*, không bị cấu tạo do 4 nhân-duyên: *kamma* (nghiệp), *citta* (tâm), *utu* (thời-tiết), *āhāra* (vật thực), nên không phải là nhân là quả của pháp nào cả. Còn **bát-chánh-đạo** gồm có đủ 8 chánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ **Niết-bàn**, chứ không phải là pháp-hành để phát sinh Niết-bàn.

Ví dụ: **Con đường dẫn đi đến thành-phố.**

Con đường ví như pháp-hành **bát-chánh-đạo**; **thành-phố** ví như **Niết-bàn**.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định đó là 8 tâm-sở như sau:

- Chánh-kiến đó là trí-tuệ tâm-sở.
- Chánh-tư-duy đó là hướng-tâm tâm-sở.
- Chánh-ngữ đó là chánh-ngữ tâm-sở.
- Chánh-nghiệp đó là chánh-nghiệp tâm-sở.
- Chánh-mạng đó là chánh-mạng tâm-sở.
- Chánh-tinh-tân đó là tinh-tân tâm-sở.
- Chánh-niệm đó là niệm tâm-sở.
- Chánh-định đó là nhất-tâm tâm-sở.

8 loại tâm-sở này cùng với 28 tâm-sở khác gồm có 36 tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Tuy nhiên, trong 8 loại tâm-sở này gọi là bát-chánh-đạo, có 3 loại tâm-sở là chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở gọi là **viraticetasika**: chế-ngự tâm-sở.

- Nếu 3 chế-ngự tâm-sở thuộc về lokuttara-viraticetasika: siêu-tam-giới chế-ngự tâm-sở thuộc

về *niyata ekatocetasika*: cố-định chế-ngự tâm-sở thì 3 chế-ngự tâm-sở này chắc chắn cùng đồng sinh với nhau trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm cùng có **đối-tượng Niết-bàn** siêu-tam-giới.

- Nếu 3 chế-ngự tâm-sở này thuộc về *lokiya-viraticetasika*: tam-giới chế-ngự tâm-sở thuộc loại *aniyatayogīcetasika*: bất-định tâm-sở còn thuộc loại *nānākadācicetasika* thì mỗi bất-định tâm-sở này riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, bởi vì mỗi bất-định tâm-sở này có mỗi **đối-tượng khác nhau**, nên không thể đồng sinh với nhau được.

Tứ Thánh-Đế Trong Phật-Giáo

Tứ Thánh-đế (*Ariyasacca*) có tầm quan trọng trong Phật-giáo, những hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, rồi mới chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

1- Đế trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, hành-giả là hạng người tam-nhân (*tihetukapuggala*) phạm-nhân nào đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ. Kiếp hiện-tại phạm-nhân ấy là người có giới-hạnh của

mình trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại tham-ái là ***bhavataṇhā*** trong 4 tham-tâm hợp với thường-kiến và ***vibhavataṇhā*** trong 4 tham-tâm hợp với đoạn-kiến không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)*.

Sau khi ***bậc Thánh Nhập-lưu*** chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có ***đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ*** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng ***người Thánh Nhập-lưu***, hoặc hóa-sinh làm ***vị thiên-nam Thánh Nhập-lưu***, hoặc ***vị thiên-nữ Thánh Nhập-lưu*** trên cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, chắc chắn ***bậc Thánh Nhập-lưu*** ấy sẽ trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao thượng, rồi sẽ tích diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- Để trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***, hành-giả là ***bậc Thánh Nhập-lưu*** nào đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-

pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ, có nhiều năng lực hơn *bậc Thánh Nhập-lưu*. Hành-giả Nhập-lưu ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề, *chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại tham-ái là kāmataṇhā loại thô* cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi)*.

Sau khi **bậc Thánh Nhất-lai** chết, chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau đầu thai làm hạng **người Thánh Nhất-lai**, hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam Thánh Nhất-lai**, hoặc **vị thiên-nữ Thánh Nhất-lai** trên cõi thiện dục-giới nhiều nhất **1 kiếp** nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, chắc chắn **bậc Thánh Nhất-lai** ấy sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Đề trở thành **bậc Thánh Bất-lai**, hành-giả là *bậc Thánh Nhất-lai* nào đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-*

pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ, có nhiều năng lực hơn *bậc Thánh Nhất-lai*. Hành-giả Nhất-lai ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề, *chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại tham-ái là kāmataṇhā loại vi-tế* cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)*.

Sau khi *bậc Thánh Bất-lai* chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp* trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có *bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy* gọi là *sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta)* làm phạm-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị phạm-thiên Thánh Bất-lai* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy. *Vị phạm-thiên Bất-lai* ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- Đề trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai* nào đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là *tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ,*

định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ, có nhiều năng lực hơn *bậc Thánh Bất-lai*. Hành-giả Bất-lai ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại tham-ái là ***bhavataṇhā*** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót, trong *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)*.

Bậc Thánh A-ra-hán cao thượng đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* giai đoạn ban đầu có các đối-tượng ***thân*** hoặc ***thọ*** hoặc ***tâm*** hoặc ***pháp*** hoặc ***sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp*** khác nhau, đến giai đoạn cuối chắc chắn đều dẫn đến chứng ngộ chân-lý ***tứ Thánh-đế***, mới chứng đắc ***Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn***, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Tứ Thánh-Đế Đối Với Chư Đức-Bồ-Tát

Bodhisattā: Đức-Bồ-tát là hạng chúng-sinh cao thượng, có đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ trong sạch, có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác hoặc Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác, thực-hành các **pháp-hạnh ba-la-mật** đầy đủ theo ý nguyện của mình, có mục đích cứu cánh cuối cùng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Pāramī: **Pháp-hạnh ba-la-mật** có 10 loại:

- 1- *Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật (Dānapāramī).*
- 2- *Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật (Sīlapāramī).*
- 3- *Pháp-hạnh xuất-gia ba-la-mật (Nekkhamma-pāramī).*
- 4- *Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật (Paññāpāramī).*
- 5- *Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật (Vīriyapāramī).*
- 6- *Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật (Khantipāramī).*
- 7- *Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật (Saccapāramī).*
- 8- *Pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật (Adhiṭṭhāna pāramī).*
- 9- *Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật (Mettāpāramī).*
- 10- *Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật (Upekkhapāramī).*

Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng như sau:

1- *Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

2- *Pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

3- *Pháp-hạnh xuất gia ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

4- *Pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

5- *Pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

6- *Pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

7- *Pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

8- *Pháp-hạnh phát nguyện ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

9- *Pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

10- *Pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.*

Như vậy, 10 pháp-hạnh ba-la-mật trở thành 30 pháp-hạnh ba-la-mật:

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ (*pāramī*).

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung (*upa-pāramī*).

- 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng (*paramatthapāramī*).

Đức-Bồ-tát thực-hành mỗi pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, bậc trung, bậc thượng khác nhau ⁽¹⁾.

Bodhisattā: Đức-Bồ-tát có 3 hạng ⁽²⁾:

- *Sammāsambodhisattā: Đức Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác.*
- *Paccekabodhisattā: Đức Bồ-tát Độc-giác.*
- *Sāvakabodhisattā: Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác.*

I- Sammāsambodhisattā: Đức Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác

Để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cần phải thực-hành đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật là 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng như sau:

*** 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ (Pāramī)**

- Khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ nào, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* dám hy sinh những gì thuộc về bên ngoài thân thể của mình

¹ Tìm hiểu trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển VI, VII, VIII: *Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*, cùng soạn giả.

² Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển VI: *Pháp-Hạnh Ba-La-Mật*, cùng soạn giả.

như của cải, tài sản, ngôi báu, thậm chí vợ con yêu quý, ... để thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* ấy.

*** 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung
(Upapāramī)**

- Khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung nào, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* dám hy sinh những gì thuộc về *bên trong thân thể của mình* như đôi mắt, quả thận, ... để thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung* ấy.

*** 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng
(Paramatthapāramī)**

- Khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng nào, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* dám hy sinh *sinh-mạng của mình*, để thành tựu *pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng* ấy.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có 3 hạng:

- *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có *trí-tuệ siêu-việt (Sammāsambuddha paññādhika)* nghĩa là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có **trí-tuệ** nhiều năng lực hơn *đức-tin* và *tinh-tấn*.

- *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt (Sammāsambuddha saddhādhika)* nghĩa là *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có **đức-tin** nhiều năng lực hơn *trí-tuệ* và *tinh-tấn*.

- *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt (Sammāsambuddha vīriyādhika) nghĩa là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có **tinh-tấn** nhiều năng lực hơn trí-tuệ và đức-tin.*

Ba hạng Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, mỗi hạng thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật có thời gian khác nhau như sau:

1- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt

Để trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt (Sammāsambuddha paññādhika)**, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* ấy cần phải thực-hành đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ:

- **Thời-kỳ đầu:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt* phát-nguyện **trong tâm**, có ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi thực-hành các *pháp-hạnh ba-la-mật* được tích lũy trong **tâm** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong khoảng thời gian suốt 7 *a-tăng-kỳ*, tiếp đến thời-kỳ giữa:

- **Thời-kỳ giữa:** Thời-kỳ Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt phát-nguyện ra bằng lời nói, để cho chúng-sinh nghe biết ý-nguyện muốn trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, rồi phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trong tâm sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong khoảng thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên gồm có 16 a-tăng-kỳ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt vẫn còn là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định (*aniyatabodhisattā*) nghĩa là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác ấy có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà chỉ muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác hoặc bậc Thánh thanh-văn-giác mà thôi.

Nếu như Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục kiên trì thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

- **Thời-kỳ cuối:** Thời-kỳ Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt ấy được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp

trái đất nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ siêu-việt ấy trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*** có trí-tuệ siêu-việt cố-định (*niyata-bodhisattā*). *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy tiếp tục kiên trì thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong suốt khoảng thời gian 4 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất* ấy cho được đầy đủ trọn vẹn 30 *pháp-hạnh ba-la-mật* cho đến kiếp chót.

Trong suốt thời-kỳ cuối, 4 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất*, thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 *pháp-hạnh ba-la-mật*, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ siêu-việt ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ siêu-việt ấy chắc chắn tái-sinh làm người nam tam-nhân trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ siêu-việt ấy xuất gia, rồi tự mình thực-hành

pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (*vāsanā*), trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** (*Sammāsambuddha*) độc nhất vô nhị trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh hữu-duyên cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề* y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hành-giả.

2- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt

Để trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt** (*Sammāsambuddha saddhādhika*) thì Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt ấy cần phải thực-hành đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ:

- **Thời-kỳ đầu:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt phát-nguyện trong tâm*, có ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi thực-hành các *pháp-hạnh ba-la-mật* được tích lũy trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong khoảng thời gian suốt 14 *a-tăng-kỳ*, tiếp đến thời-kỳ giữa:

- **Thời-kỳ giữa:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* phát nguyện ra *bằng lời nói*, để cho chúng-sinh nghe biết ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, rồi phải thực-hành các *pháp-hạnh ba-la-mật* được tích lũy trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong khoảng thời gian suốt 18 *a-tăng-kỳ*.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên gồm có 32 *a-tăng-kỳ*, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* vẫn còn là ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định*** (*aniyatabodhisattā*) nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà chỉ muốn trở

thành *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc *bậc Thánh thanh-văn-giác* mà thôi.

Nếu như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* ấy vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục kiên trì thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

- **Thời-kỳ cuối:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* ấy được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là 8 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất* nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* ấy trở thành ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có đức-tin siêu-việt cố-định*** (*niyata bodhisattā*). *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy tiếp tục kiên trì thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong suốt khoảng thời gian 8 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất* ấy cho được đầy đủ trọn vẹn 30 *pháp-hạnh ba-la-mật* cho đến kiếp chót.

Trong suốt thời-kỳ cuối, 8 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất*, thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 *pháp-hạnh ba-la-mật*, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên

thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* ấy chắc chắn tái-sinh làm người nam tam-nhân trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *đức-tin siêu-việt* ấy xuất gia, rồi tự mình *thực-hành pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi *tiền-khiên-tật* (*vāsanā*), trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** đầu tiên trong toàn cõi-giới *chúng-sinh*, gọi là ***Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*** (*Sammāsambuddha*) *độc nhất vô nhị* trong muôn ngàn cõi-giới *chúng-sinh*.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ *chúng-sinh hữu-duyên* cũng chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* y theo *Đức-Phật*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, tùy theo năng lực của 10 *pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ* và 5 *pháp-chủ*: *tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ* của hành-giả.

3- Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt

Để trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt** (*Sammāsambuddha vīriyādhika*), thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* ấy cần phải thực-hành đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời-kỳ:

- **Thời-kỳ đầu:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* phát-nguyện **trong tâm**, có ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi thực-hành các *pháp-hạnh ba-la-mật* được tích lũy trong **tâm** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong khoảng thời gian suốt 28 *a-tăng-kỳ*, tiếp đến thời-kỳ giữa:

- **Thời-kỳ giữa:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt* phát-nguyện ra **bằng lời nói**, để cho chúng-sinh nghe biết ý-nguyện muốn trở thành một *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai, rồi phải thực-hành các *pháp-hạnh ba-la-mật* được tích lũy trong **tâm** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong khoảng thời gian suốt 36 *a-tăng-kỳ*.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên gồm có 64 a-tăng-kỳ, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tấn siêu-việt* vẫn còn là **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định** (*Aniyatabodhisattā*) nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà chỉ muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc *bậc Thánh thanh-văn-giác* mà thôi.

Nếu như *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tấn siêu-việt* ấy vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục kiên trì thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật thì sẽ dẫn đến thời-kỳ cuối.

- **Thời-kỳ cuối:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tấn siêu-việt* ấy được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là 16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* trong thời vị-lai.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tấn siêu-việt* ấy trở thành **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có tinh-tấn siêu-việt cố-định** (*niyatabodhisattā*). *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy tiếp tục kiên trì thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trong *tâm* sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tứ sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, trong suốt

khoảng thời gian *16 a-tăng-kỳ* và *100 ngàn đại-kiếp trái đất* ấy cho được đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật* cho đến kiếp chót.

Trong suốt thời-kỳ cuối, *16 a-tăng-kỳ* và *100 ngàn đại-kiếp trái đất*, thực-hành bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn *30 pháp-hạnh ba-la-mật*, mỗi khi có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tán siêu-việt* ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại.

Đến kiếp chót, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tán siêu-việt* ấy chắc chắn tái-sinh làm người nam tam-nhân trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* nào xuất hiện trên thế gian. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *tinh-tán siêu-việt* ấy xuất gia, rồi tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đề** đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc *4 Thánh-đạo*, *4 Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (*vāsanā*), trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** (*Sammāsambuddha*) độc nhất vô nhị trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh hữu-duyên cũng *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, tùy theo năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của hành-giả.

* ĐỨC PHẬT GOTAMA

Hiện-tại chúng ta đang sống trong thời-kỳ giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, tuy Đức-Phật đã tịch diệt Niết-bàn cách đây 2.564 năm, song giáo-pháp của Đức-Phật vẫn còn lưu truyền trên thế gian cho đến 5.000 năm, rồi sẽ bị mai một hoàn toàn, bởi vì khi ấy các hàng thanh-văn đệ-tử không còn ai có trí-tuệ giữ gìn duy trì chánh-pháp của Đức-Phật Gotama được nữa.

Tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama

Đức-Phật Gotama là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt (*Sammāsambuddha paññādhika*), cho nên, vô số tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, nghĩa là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có **trí-tuệ** nhiều năng lực hơn đức-tin và tinh-tấn.

Trong bộ *Jinakālamālī* và bộ *Chú-giải Buddhavaṃsa* giảng giải về tiểu sử của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trải qua ba thời-kỳ như sau:

- **Thời-kỳ đầu:** Thời-kỳ Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã phát-nguyện **trong tâm**, có ý-nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, để thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trong **tâm** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, khoảng thời gian suốt 7 a-tăng-kỳ, tiếp đến thời-kỳ giữa:

- **Thời-kỳ giữa:** Thời-kỳ Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã phát-nguyện ra **bằng lời nói**, để cho chúng-sinh nghe biết ý-nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai, rồi phải thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trong **tâm** sinh rồi diệt liên tục từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng

tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, khoảng thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ.

Dù đã trải qua hai thời-kỳ trên gồm có 16 a-tăng-kỳ, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *trí-tuệ siêu-việt* là tiền-kiếp của **Đức-Phật Gotama** vẫn còn là **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác bất-định** (*aniyatabodhisattā*), nghĩa là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ấy có thể thay đổi ý-nguyện của mình, không muốn trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* mà chỉ muốn trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* hoặc *bậc Thánh thanh văn-giác* mà thôi. Nhưng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *trí-tuệ siêu-việt* là tiền-kiếp của **Đức-Phật Gotama** vẫn giữ ý-nguyện, tiếp tục kiên trì thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật nên dẫn đến thời-kỳ cuối.

- **Thời-kỳ cuối:** Thời-kỳ *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có *trí-tuệ siêu-việt* là vị **Đạo-sĩ Sumedha**, tiền-kiếp của **Đức-Phật Gotama** đã chứng đắc 4 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới.⁽¹⁾

Một hôm, **Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha** đang bay trên hư không, nhìn thấy dân chúng xứ Rammavati đang hoan-hỷ sửa sang con đường,

¹ Ngũ thông tam-giới: Đa-dạng-thông, thiên-nhân-thông, thiên-nhĩ-thông, tha-tâm-thông, tiền-kiếp-thông.

để đón rước **Đức-Phật Dīpaṅkara** cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán ngự đi qua, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha đáp xuống đất đến xin dân chúng nhường cho một đoạn đường. Dân chúng biết vị đạo-sĩ có phép-thần-thông, nên nhường đoạn đường khó làm.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha không sử dụng phép-thần-thông mà dùng sức lực của mình làm đoạn đường ấy. Khi còn đứng một sải tay, nghe mọi người vui mừng đón rước **Đức-Phật Dīpaṅkara** cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán đang ngự đến, **Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha** quyết định rằng:

“Hôm nay ta xin cúng dường sinh-mạng của ta đến Đức-Phật Dīpaṅkara bằng cách nằm sấp trên đoạn đường còn lại, nguyện lấy tâm thân này làm như một chiếc cầu để cúng dường Đức-Phật Dīpaṅkara cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán ngự đi qua. Chắc chắn ta sẽ được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.”

Khi ấy, một nữ bà-la-môn tên là **Sumittā**⁽¹⁾ trên tay cầm 8 đóa hoa sen để cúng dường Đức-Phật Dīpaṅkara, khi nhìn thấy vị đạo-sĩ Sumedha như vậy, nên cô liền phát sinh đức-tin trong sạch kính dâng đến vị đạo-sĩ 5 đóa hoa sen, còn 3 đóa sen để lại cho mình.

¹ Nữ bà-la-môn chính là tiền-kiếp của công chúa Yasodharā.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha nằm sấp, hai tay cầm 5 đóa hoa sen để trên trán. Khi ấy, **Đức-Phật Dīpaṅkara** cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán ngự đi ngang qua bằng phép-thần-thông một cách nhẹ nhàng trên tấm thân của **Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha**, nên **Đức-Bồ-tát** vẫn được an toàn.

Khi ấy, **Đức-Phật Dīpaṅkara** với Phật-nhãn xem xét thấy rõ, biết rõ quá-khứ, vị-lai; và đặc biệt hiện-tại của **vị đạo-sĩ Sumedha** hội đủ 8 chi-pháp.

Tám chi-pháp là:

- 1- *Manussattā*: Loài người thật.
- 2- *Liṅgasampatti*: Người nam thật.
- 3- *Hetu*: Đây đủ pháp-hạnh ba-la-mật có khả năng trở thành bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại.
- 4- *Satthāradassana*: Đến hầu đánh lễ Đức-Phật.
- 5- *Pabbajjā*: Bậc xuất-gia đạo-sĩ có chánh-kiến.
- 6- *Guṇasampatti*: Đây đủ 8 bậc thiền sắc-giới và vô-sắc-giới, 5 phép-thần-thông thế gian.
- 7- *Adhikāra*: Cúng dường sinh-mạng đến Đức-Phật Dīpaṅkara.
- 8- *Chandatā*: Ý-nguyện tha thiết muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Cho nên, **Đức-Phật Dīpaṅkara** đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại của **vị đạo-sĩ Sumedha** rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ⁽¹⁾ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất⁽²⁾ nữa, vị đạo-sĩ **Sumedha** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**.”

Sau khi **Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha** được **Đức-Phật Dīpaṅkara** đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama** trong thời vị-lai. Kể từ kiếp ấy và vô số kiếp kế tiếp cho đến kiếp chót, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama chính thức trở thành **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt cố-định** (*niyatabodhisattā*), tiếp tục kiên trì thực-hành đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật được tích lũy trọn vẹn trong tâm trong suốt khoảng thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Trong suốt khoảng thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, nếu có Đức-Phật

¹ *A-tăng-kỳ* (*asankhyeyya*) là khoảng thời gian không thể tính bằng số. Cứ trải qua vô số đại-kiếp trái đất (*mahākappa*) kể 1 a-tăng-kỳ.

² *Đại-kiếp trái đất* (*mahākappa*) thời gian đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ **thành-trụ-hoại-không**, là thời gian quá lâu.

Đức-Phật có ví dụ: Một hòn núi đặc hình khối, mỗi chiều 1 do-tuần (khoảng 20 km), cứ 100 năm, vị thiên-nam lấy tấm vải mịn và mỏng quét nhẹ qua một lần cho đến khi mòn hết hòn núi ấy, thế mà suốt thời gian ấy chưa kể được 1 đại-kiếp trái đất.

Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, thì *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* có trí-tuệ siêu-việt, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy và được *Đức-Phật* ấy thọ ký xác định thời gian còn lại.

Như vậy, có 24 *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* theo tuần tự mỗi *Đức-Phật* xuất hiện trên thế gian như sau:

24 *Đức-Phật* theo tuần tự thọ ký ⁽¹⁾

Tóm lược 24 *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian.

1- *Đức-Phật Dīpaṅkara* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *vị đạo-sĩ Sumedha* là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, đã được *Đức-Phật Dīpaṅkara* đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, *vị đạo-sĩ Sumedha* này sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.”

Khi *Đức-Phật Dīpaṅkara* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển I: Tam-Bảo, cùng soạn giả.

giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Trải qua 1 a-tăng-kỳ có vô số đại-kiếp trái đất không có Đức-Phật nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* có 1 Đức-Phật là:

2- **Đức-Phật Koṇḍañña** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức Chuyển-Luân Thánh-vương Vijitāvī**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Koṇḍañña**, và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“*Trong thời vị-lai, còn 3 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, Đức Chuyển-luân Thánh-vương Vijitāvī này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*”

Khi *Đức-Phật Koṇḍañña* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Trải qua 1 a-tăng-kỳ có vô số đại-kiếp trái đất không có Đức-Phật nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sāramaṇḍakappa* có 4 Đức-Phật là *Đức-Phật Maṅgala*,

Đức-Phật Sumana, Đức-Phật Revata, Đức-Phật Sobhita, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

3- **Đức-Phật Maṅgala** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **vị Bà-la-môn Suruci**, đến hầu đánh lễ Đức-Phật **Maṅgala** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **vị Bà-la-môn Suruci** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật Maṅgala tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

4- **Đức-Phật Sumana** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức Long-vương Atula**, đến hầu đánh lễ Đức-Phật **Sumana** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức-Phật Maṅgala rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **Đức Long-vương**

Atula này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật Sumana tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

5- **Đức-Phật Revata** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là vị **bà-la-môn Atideva**, đến hầu đánh lễ Đức-Phật Revata và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức-Phật Maṅgala và Đức-Phật Sumana rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, vị **Bà-la-môn Atideva** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật Revata tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

6- **Đức-Phật Sobhita** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là vị **bà-la-môn Sujāta**, đến hầu đánh lễ Đức-Phật Sobhita và

được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Maṅgala*, *Đức-Phật Sumana* và *Đức-Phật Revata* rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **vị bà-la-môn Sujāta** này sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.”

Khi *Đức-Phật Sobhita* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Trải qua 1 a-tăng-kỳ có vô số đại-kiếp trái đất không có Đức-Phật nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Varakappa* có 3 Đức-Phật là *Đức-Phật Anomadassī*, *Đức-Phật Paduma*, *Đức-Phật Nārada*, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

7- ***Đức-Phật Anomadassī*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*, tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama*, là **vị Thống-tướng Yakkha**, đến hầu đánh lễ ***Đức-Phật Anomadassī*** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **vị Thống-tướng**

***Yakkha** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”*

Khi Đức-Phật Anomadassī tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

8- **Đức-Phật Paduma** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là **sư tử chúa**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Paduma** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức-Phật Anomadassī rằng:

*“Trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **sư tử chúa** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”*

Khi Đức-Phật Paduma tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

9- **Đức-Phật Nārada** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là **vị đạo-sĩ**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Nārada** và được

Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Anomadassī* và *Đức-Phật Paduma* rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **vị đạo-sĩ** này sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.”

Khi *Đức-Phật Nārada* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của *Đức-Phật* dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Trái qua 1 a-tăng-kỳ có vô số đại-kiếp trái đất không có *Đức-Phật* nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sarakappa* có 1 *Đức-Phật* là:

10- *Đức-Phật Padumuttara* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiên-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **phú-hộ Jaṭila**, đên hầu đánh lễ *Đức-Phật Padumuttara* và được *Đức-Phật* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, **phú-hộ Jaṭila** này sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.”

Khi *Đức-Phật Padumuttara* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 70 ngàn đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Mandakappa* có 2 Đức-Phật là *Đức-Phật Sumedha* và *Đức-Phật Sujāta*, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

11- *Đức-Phật Sumedha* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là *vị Bà-la-môn Uttara*, đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Sumedha*, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Về sau, *vị tỳ-khưu Uttara* được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“*Trong thời vị-lai, còn 30 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, vị tỳ-khưu Uttara này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*”

Khi *Đức-Phật Sumedha* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn.

12- **Đức-Phật Sujāta** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là Đức Chuyển-luân Thánh-vương**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Sujāta**, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Về sau, Đức-Bồ-tát tỳ-khưu được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như **Đức-Phật Sumedha** rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 30 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, vị tỳ-khưu này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi **Đức-Phật Sujāta** tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 28.200 đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Varakappa* có 3 Đức-Phật là **Đức-Phật Piyadassī, Đức-Phật Atthadassī** và **Đức-Phật Dhammadassī**, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

13- **Đức-Phật Piyadassī** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **vị Bà-la-môn Kassapa**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Piyadassī** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 1.800 đại-kiếp trái đất nữa, vị Bà-la-môn Kassapa này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi *Đức-Phật Piyadassī* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

14- **Đức-Phật Atthadassī** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **vị Đạo-sĩ Susīma**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Atthadassī** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Piyadassī* rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 1.800 đại-kiếp trái đất nữa, vị Đạo-sĩ Susīma này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi *Đức-Phật Atthadassī* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

15- *Đức-Phật Dhammadassī* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là *Đức-vua trời Sakka*, đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Dhammadassī* và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Piyadassī* và *Đức-Phật Atthadassī* rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 1.800 đại-kiếp trái đất nữa, *Đức-vua trời Sakka* này sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.”

Khi *Đức-Phật Dhammadassī* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 1.706 đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* có 1 Đức-Phật là:

16- **Đức-Phật Siddhattha** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama**, là vị **Bà-la-môn phú-hộ** xuất gia trở thành **vị đạo-sĩ Maṅgala**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Siddhattha** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 94 đại-kiếp trái đất nữa, **vị đạo-sĩ Maṅgala** này sẽ trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**.”

Khi **Đức-Phật Siddhattha** tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 2 đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Maṇḍakappa* có 2 Đức-Phật là **Đức-Phật Tissa** và **Đức-Phật Phussa**, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

17- **Đức-Phật Tissa** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn

năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **vị đạo-sĩ Sujāta**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Tissa** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 92 đại-kiếp trái đất nữa, vị đạo-sĩ Sujāta này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi *Đức-Phật Tissa* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

18- **Đức-Phật Phussa** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức-Chuyển-luân Thánh-vương Vajitāvī**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Phussa**, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khuru. Về sau, *vị tỳ-khuru Vajitāvī* được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Tissa* rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 92 đại-kiếp trái đất nữa, vị tỳ-khuru Vajitāvī này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi *Đức-Phật Phussa* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 1 đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sarakappa* có 1 *Đức-Phật Vipassī* xuất hiện trên thế gian.

19- **Đức-Phật Vipassī** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 80 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức Long-vương Atula**, đến hầu đảnh lễ **Đức-Phật Vipassī** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 91 đại-kiếp trái đất nữa, **Đức Long-vương Atula** này sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là *Đức-Phật Gotama*.”

Khi *Đức-Phật Vipassī* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 60 đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Maṇḍakappa*

có 2 Đức-Phật là *Đức-Phật Sikhī* và *Đức-Phật Vessabhū*, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất ấy.

20- **Đức-Phật Sikhī** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 70 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức-vua Arindama**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Sikhī** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 31 đại-kiếp trái đất nữa, **Đức-vua Arindama** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi *Đức-Phật Sikhī* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

21- **Đức-Phật Vessabhū** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức-vua Sudassana**, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Vessabhū**, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khuru. Về sau, vị tỳ-khuru *Sudassana* được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Sikhī* rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 31 đại-kiếp trái đất nữa,

vị tỳ-khuru Sudassana này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật Vessabhū tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

* Về sau, trải qua 31 đại-kiếp trái đất mà mỗi đại-kiếp trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không mà không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian.

Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Bhaddakappa* (trái đất mà chúng ta đang sống) có 5 Đức-Phật là Đức-Phật *Kakusandha*, Đức-Phật *Koṇāgama*, Đức-Phật *Kassapa*, Đức-Phật *Gotama* và Đức-Phật *Metteyya*, mỗi Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian trong cùng kiếp trái đất *Bhaddakappa* này.

22- Đức-Phật *Kakusandha* xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 40 ngàn năm. Khi ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, là Đức-vua *Khema*, đến hầu đánh lễ Đức-Phật *Kakusandha*, xin phép xuất gia trở thành tỳ-khuru. Về sau, vị tỳ-khuru *Khema* được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, ngay trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, **vị tỳ-khuru Khema** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật *Kakusandha* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

23- **Đức-Phật *Koṇāgamana*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 30 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama*, là **Đức-vua *Pabhata***, đến hầu đánh lễ **Đức-Phật *Koṇāgamana*** và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức-Phật Kakusandha* rằng:

“Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, **Đức-vua *Pabhata*** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật *Koṇāgamana* tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

24- **Đức-Phật *Kassapa*** xuất hiện trên thế gian vào thời đại con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm. Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác, tiền-*

kiếp của Đức-Phật Gotama, là bà-la-môn Jotipāla đến hầu đánh lễ **Đức-Phật Kassapa**, xin xuất gia trở thành **tỳ-khuru Jotipāla**. Về sau, vị **tỳ-khuru Jotipāla** được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana rằng:

“Trong thời vị-lai, ngay cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này, **tỳ-khuru Jotipāla** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Khi Đức-Phật Kassapa tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới, và giáo-pháp của Đức-Phật dần dần bị mai một hoàn toàn.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama

Thật ra, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, đã thực-hành các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua vô số kiếp không sao kể xiết, đến kiếp Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác **đạo-sĩ Sumedha** mới được Đức-Phật **Dīpaṅkara** đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**.

Trong khoảng thời gian 4 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp* trái đất có 24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian. Mỗi khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác là *tiền-kiếp* của Đức-Phật Gotama, đều đến hầu đánh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy và được Đức-Phật thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Đến kiếp Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác *tỳ-khuru Jotipāla*, *tiền-kiếp* của Đức-Phật Gotama, được Đức-Phật Kassapa thứ 24 cuối cùng thọ ký xác định thời gian còn lại ngay trong kiếp trái đất gọi là *Bhaddakappa* này, *tỳ-khuru Jotipāla* sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama trong thời vị-lai.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có *trí-tuệ siêu-việt*, *tiền-kiếp* của Đức-Phật Gotama, kiên trì thực-hành bồi bổ 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, trải qua vô số kiếp cho đến kiếp áp chót là kiếp Đức-vua Bồ-tát Vessantara thực-hành pháp-hạnh đại-thí con yêu quý là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhā-jinā yêu quý nhất đến cho ông bà-la-môn Jūjaka, và pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đến ông bà-la-môn, để bỏ

sung vào *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho đầy đủ* tại núi Vaṅka, trong rừng núi Himavanta.

Như vậy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt áp chót là Đức-vua Bồ-tát Vessantara, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama* đã thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật hoàn toàn đầy đủ trọn vẹn.

Sau khi *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* băng hà, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có *đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là *tái-sinh-tâm* (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm *vị thiên-nam Setaketu* trên cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) hưởng sự an-lạc trong cõi trời ấy.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót

Khi ấy, các Đức-vua-trời cùng toàn thể chư thiên cõi dục-giới, chư phạm-thiên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên đồng tụ hội đến hầu *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu*, đồng kính thỉnh *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu tái-sinh kiếp chót xuống làm người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi thuyết pháp tế độ chúng-sinh hữu-duyên nên tế độ, để giải thoát khổ từ sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Lắng nghe lời thỉnh cầu của chư-thiên, chư phạm-thiên, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* suy xét 5 điều trước khi tái-sinh kiếp chót:

- 1- *Suy xét thời-kỳ tuổi thọ con người.*
- 2- *Suy xét châu đến tái-sinh kiếp chót.*
- 3- *Suy xét xứ sở đến tái-sinh kiếp chót.*
- 4- *Suy xét dòng họ nơi tái-sinh kiếp chót.*
- 5- *Suy xét tuổi thọ của mẫu-hậu để đầu thai.*

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu suy xét kỹ mỗi điều:

1- **Suy xét về tuổi thọ:** Đức-Phật không xuất hiện trên thế gian trong thời đại con người có tuổi thọ trên 100 ngàn năm và dưới 100 năm.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu xem xét thấy khi ấy thời đại con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, đó là thời-kỳ thích hợp cho Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt xuất hiện trên thế gian.

2- **Suy xét về bốn châu:** Trong quá-khứ, chư Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ xuất hiện trong cõi Nam-thiện-bộ-châu mà thôi, không xuất hiện ở 3 châu khác.

Vì vậy, *Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu* quyết định tái-sinh kiếp chót trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này.

3- **Suy xét về xứ:** Cõi Nam-thiện-bộ-châu rộng lớn minh mông, chư Phật Chánh-Đẳng-Giác chỉ xuất hiện tại *Trung-xứ (Majjhima-padesa)* mà thôi, không xuất hiện ở nơi biên địa.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu quyết định tái-sinh kiếp chót tại Trung-xứ (Majjhima-padesa) vùng Sakka, kinh-thành Kapilavatthu.

4- **Suy xét về dòng dõi:** Trong thời quá-khứ, chư Phật Chánh-Đẳng-Giác không sinh trong dòng dõi thấp hèn, nghèo khổ, mà chỉ sinh trong dòng dõi Vua chúa hoặc dòng dõi bà-la-môn cao quý mà thôi.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu quyết định tái-sinh kiếp chót vào dòng vua Sakya, Đức-vua Suddhodana trải qua nhiều đời vua tinh khiết (không lẫn lộn với dòng khác) làm Đức Phụ-vương của Đức-Bồ-tát.

5- **Suy xét về tuổi thọ của Mẫu-hậu:** Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót là người có giới-hạnh trong sạch, đã từng thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu xem xét thấy Bà Mahāmāyādevī, Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, có đầy đủ tiêu chuẩn và tuổi thọ của Bà Mahāmāyādevī chỉ còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày.

Vì vậy, Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu chọn Bà Mahāmāyādevī làm Mẫu-hậu của Đức-Bồ-tát kiếp chót.

Sau khi suy xét đầy đủ 5 điều rồi, Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu quyết định sẽ tái-sinh kiếp chót xuống làm người, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát truyền dạy rằng:

- *Này chư-thiên, chư phạm-thiên! Ta đồng ý nhận lời thỉnh cầu của các người. Ta sẽ tái-sinh kiếp chót xuống làm người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu tại trung-xứ, kinh-thành Kapilavatthu, trong dòng dõi vua Sakya, Đức-vua Suddhodana là Đức Phụ-vương và Bà Mahāmāyādevī, Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua Suddhodana, là Mẫu-hậu của ta.*

Sau khi lắng nghe lời truyền dạy của Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu, tất cả chư-thiên, chư phạm-thiên vô cùng hoan-hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát thiên-nam, rồi xin phép trở về cõi-giới của mình.

Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu chuyển kiếp từ cõi trời Tusita, **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động, cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm thứ nhất** đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác-động, gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta)

làm phận-sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào trong bụng của Mẫu-hậu *Mahā-māyādevī*, nhằm vào canh chót **đêm rằm tháng sáu** (âm-lich). Khi ấy, Bà *Mahāmāyādevī* có tuổi thọ được 55 năm 6 tháng 20 ngày ⁽¹⁾. Ngay khi ấy, trái đất rung mình chuyển động và có 32 hiện tượng xảy ra chưa từng có bao giờ. Chư-thiên, chư phạm-thiên vô cùng hoan-hỷ loan báo tin lành rằng:

“Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã tái-sinh kiếp chót rồi.”

Thai-nhi Đức-Bồ-tát được tăng trưởng trong bụng của mẫu-hậu với tư thế ngồi kiết già như vị Pháp-sư ngồi trên pháp-tòa cho đến khi tròn đúng 10 tháng.

Đức-Bồ-tát kiếp chót đản-sinh (Năm 624 TCN)

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī biết gần đến ngày đản sinh Thái-tử, theo truyền thống Bà ngự đến châu Đức-vua Suddhodana tâu rằng:

- Muôn tâu Bệ-hạ, thần thiếp xin phép trở về kinh-thành Devadaha để sinh hạ Thái-tử.

Đức-vua Suddhodana chuẩn tâu, rồi truyền bảo các quan sửa sang đường sá bằng phẳng, trang hoàng đẹp đẽ từ kinh-thành Kapilavatthu

¹ Theo bộ *Samantacakkhuddīpanī*.

đến kinh-thành Devadaha, để tiễn đưa *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* trở về, và truyền bảo làm một chiếc kiệu mới thật sang trọng để cho *Chánh-cung Hoàng-hậu* ngự đi.

Mọi việc được chuẩn bị sẵn sàng, các quan thỉnh *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* ngự lên chiếc kiệu, các quan khiêng đi từ kinh-thành Kapilavatthu đến kinh-thành Devadaha.

Trên đường đi, đến khu vườn Lumbinī, hôm ấy khu vườn Lumbinī thật là tuyệt vời! Cả muôn hoa đều đua nở, muôn chim ca hát như hân hoan đón mừng một sự kiện trọng đại.

Truyền bảo các quan dừng kiệu lại, *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* ngự đi vào khu vườn Lumbinī để du lãm. Hôm ấy, chư-thiên cùng chư phạm-thiên tụ hội tại khu vườn vui mừng reo hò rằng:

“*Hôm nay, tại khu vườn Lumbinī này, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót sẽ đản sinh ra đời khỏi lòng Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī.*”

Chư-thiên cùng chư phạm-thiên cầm những đóa hoa trời, vật thơm trời, nhạc trời, các chiếc lông trắng che phủ trên không gian.

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī ngự đi đến cây Sāla có thân to, các cành cây đầy hoa

đang nở rộ. Khi Bà đứng đưa cánh tay phải lên, thì cành cây tự nhiên sà xuống, Bà đưa tay nắm lấy cành cây với tư thế dáng đứng vững vàng, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* kiếp chót sẽ đản sinh ra đời.

Khi ấy, các quan, các cung nữ che màn xung quanh nơi *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* đang đứng trong tư thế vững vàng, ***Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác*** kiếp chót đản sinh ra đời khỏi lòng bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* bằng đôi chân ra trước, rồi xuôi hai tay, toàn thân mình sạch sẽ ra sau, một cách suôn sẻ an lành cả *Đức-Bồ-tát* lẫn *mẫu-hậu* của *Đức-Bồ-tát* vào ***ngày rằm tháng tư (âm-lịch)***. Khi ấy, hai dòng nước ấm và lạnh từ trên hư không chảy xuống làm cho sạch sẽ thân hình của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* và *mẫu-hậu* của *Đức-Bồ-tát*. Trước tiên 4 vị *Đại-phạm-thiên* có thiện-tâm trong sạch, mỗi vị cầm mỗi chéo tấm lưới bằng vàng đón nhận *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* xong, rồi đưa trước mặt bà *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* và tâu rằng:

- Muôn tâu *Chánh-cung Hoàng-hậu*, kính xin Bà phát sinh *đại-thiện-tâm hoan-hỷ!* Đây là *Thái-tử* của Bà, cũng là *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* cao thượng kiếp chót, sẽ trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng nhất* trong toàn cõi-giới chúng-sinh muôn loài.

Sau đó, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* từ trên tay 4 vị *Đại-phạm-thiên* được trao sang cho 4 vị *Tứ Đại-thiên-vương* đón tiếp bằng tấm da mềm mại. Một lần nữa, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* từ trên tay 4 vị *Tứ Đại-thiên-vương* được trao sang cho các quan đón tiếp bằng tấm vải trắng tinh.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* từ trên tay các quan, bước xuống đạp trên mặt đất bằng đôi bàn chân bằng phẳng. *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* đứng quay mặt nhìn về hướng Đông, chư-thiên và nhân-loại dâng hoa cúng dường *Đức-Bồ-tát*, rồi tán dương ca tụng rằng:

- *Kính bạch Đức Đại-nhân, tất cả chúng-sinh trong hướng này, Ngài là Bạc tối-thượng nhất, không có một ai hơn Ngài.*

Tiếp đến, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* quay mặt nhìn về Đông Nam ... hướng Nam ..., hướng Tây Nam ..., hướng Tây ..., hướng Tây Bắc ..., hướng Bắc ..., Đông Bắc ..., trong 8 hướng, mỗi hướng chư-thiên và nhân-loại đều dâng hoa cúng dường *Đức-Bồ-tát*, rồi tán dương ca tụng rằng:

- *Kính bạch Đức Đại-nhân, tất cả chúng-sinh trong hướng này, Ngài là Bạc tối-thượng nhất, không có một ai hơn Ngài.*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cúi mặt nhìn xuống hướng Dưới, rồi ngẩng mặt nhìn lên hướng Trên, chư-thiên, chư phạm-thiên đều dâng hoa tán dương và ca tụng rằng:

- *Kính bạch Đức Đại-nhân, chư-thiên, chư phạm-thiên hướng trên này, Ngài là Bạc tối-thượng nhất, không có chư-thiên, chư phạm-thiên nào hơn Ngài.*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng đứng nhìn về hướng Bắc rồi *bước đi 7 bước*, bước đầu tiên Đức-Bồ-tát bước bằng chân phải, mỗi bước có đóa hoa sen nâng đỡ dưới bàn chân.

Khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* bước đi, Đức-vua trời Phạm-thiên cầm chiếc lọng màu trắng che cho Đức-Bồ-tát, Đức-vua Suyāma cầm quạt lông, còn ba thứ khác là đôi hia, gươm báu, vương miện, mỗi Đức-vua trời cầm mỗi thứ đi theo sau *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng*. Đó là năm báu vật của lễ phong vương.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng bước đi đến bước chân thứ 7 rồi dừng lại. Khi ấy, tất cả chư-thiên, chư phạm-thiên bảo với nhau rằng:

“*Bây giờ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng sẽ truyền dạy những lời tối quan trọng.*”

Đức-Bồ-tát truyền dạy lời đầu tiên

Toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên đều im lặng, chờ lắng nghe, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng* đồng dạy truyền dạy rằng:

*“Aggo' ham' asmi lokassa!
 Jettho' ham' asmi lokassa!
 Settho'ham' asmi lokassa!
 Ayamantimā jāti.
 Natthi dāni punabbhavo ⁽¹⁾.”*

*“Ta là Bạc cao-cả nhất, trong toàn cõi-giới chúng-sinh!
 Ta là Bạc vĩ-đại nhất, trong toàn cõi-giới chúng-sinh!
 Ta là Bạc tối-thượng nhất, trong toàn cõi-giới chúng-sinh!
 Kiếp này là kiếp chót của ta.
 Ta không còn tái-sinh kiếp nào khác nữa!”*

Toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên và nhân-loại vô cùng hoan-hỷ đồng thanh tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng*.

7 Người và vật đồng sinh với Đức-Bồ-tát

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng đản-sinh ra đời, đồng thời có **7 người và vật** cùng sinh với *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác tối-thượng*.

¹ Dīghanikāya, Mahāvaggapāli, Mahāpadānasutta.

1- Công-chúa *Bhaddakaccānā* gọi *Yasodharā* (là công-chúa của Đức-vua *Suppabuddha* và Chánh-cung Hoàng-hậu *Amitādevī* tại kinh-thành *Devadaha*).

2- Hoàng-tử *Ānanda* (Hoàng-tử của ông hoàng *Amitodana* dòng *Sakya* là hoàng-đệ của Đức-vua *Suddhodana*).

3- *Channa* (quan giữ ngựa).

4- *Kāḷudāyī* (vị quan cận thân).

5- Ngựa báu *Kaṇḍaka*.

6- Cây *Mahābodhirukkha* vốn là cây *assattha* mọc trong khu rừng *Uruvelā*, sau này trở thành cây Đại-Bồ-đề của Đức-Phật *Gotama*.

7- Bốn hàm vàng, kho báu trong kinh-thành *Kapilavatthu*.

Sau khi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử đản-sinh ra đời tại khu vườn *Lumbinī*, Chánh-cung Hoàng-hậu *Mahāmāyādevī* cùng Thái-tử hội cung ngự trở về lại kinh-thành *Kapilavatthu*.

Lễ đặt tên Đức-Bồ-tát thái-tử

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử sinh ra đời được năm ngày thì Đức-vua *Suddhodana* tổ chức buổi lễ trọng thể gọi đầu và đặt tên cho Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Thái-tử.

Đức-vua *Suddhodana* truyền lệnh mời 108 vị

Bà-la-môn thông hiểu rõ ba bộ sách xem tướng (theo truyền thống của Bà-la-môn) vào cung điện để thiết đãi món ăn đặc biệt “*com nấu bằng sữa tươi nguyên chất*”.

Trong số 108 vị Bà-la-môn ấy, có 8 vị Bà-la-môn đại-trí là vị Bà-la-môn Rāma, vị Bà-la-môn Dhaja, vị Bà-la-môn Lakkhaṇa, vị Bà-la-môn Jotimanta, vị Bà-la-môn Yañña, vị Bà-la-môn Subhoja, vị Bà-la-môn Suyāma và vị Bà-la-môn Sudattā, sau khi xem tướng, thấy Thái-tử có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ.

Trong 8 vị Bà-la-môn đại-trí, có 7 vị đồng đưa lên 2 ngón tay và tiên đoán quả quyết rằng:

* Thái-tử là Bậc có đầy đủ trọn vẹn các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ này:

- Nếu sống tại cung điện thì sẽ trở thành Đức Chuyển-luân Thánh-vương trị vì thiên-hạ có bốn biển làm ranh giới.

- Nếu từ bỏ cung điện đi xuất gia thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Duy chỉ có một vị Bà-la-môn trẻ tuổi nhất, thuộc dòng dõi Koṇḍañña tên là Bà-la-môn Sudattā, sau khi xem xét kỹ các tướng tốt của Thái-tử xong, vị Bà-la-môn này chỉ đưa một ngón tay lên và tiên đoán quả quyết rằng:

- *Thái-tử có đầy đủ trọn vẹn các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ này, Thái-tử không thể nào sống tại cung điện mà Thái-tử sẽ từ bỏ cung điện đi xuất gia, rồi chắc chắn Thái-tử sẽ trở thành một Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Tất cả các vị Bà-la-môn đại-trí cũng đều nhất trí với nhau rằng: “*Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*”

Trong lễ gọi đầu và đặt tên cho *Thái-tử*, tất cả các vị Bà-la-môn đại-trí đều nhất trí với nhau:

- *Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc cho chúng-sinh trong tam-giới và chắc chắn sẽ được thành tựu như ý. Cho nên, đặt tên là **Thái-tử SIDDHATTHA.**⁽¹⁾*

Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha sinh ra đời đến ngày thứ 7, *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* hết tuổi thọ quy thiên, hưởng thọ được 56 năm 4 tháng 27 ngày ở cõi người.

Sau khi *Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī* quy thiên, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là *tái-sinh-tâm (paṭisandhi-*

¹ Các Bậc Đại-trí làm lễ đặt tên cho đứa trẻ nào, xem xét về tương lai cuộc đời của đứa trẻ ấy, rồi đặt tên thích hợp.

citta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị thiên-nam Santussita** trên cõi trời *Tusita* (*Đâu-xuất-đà-thiên*) có tuổi thọ 4.000 năm trời, so với thời gian cõi người bằng 576 triệu năm, bởi vì 1 ngày 1 đêm tại cõi trời *Tusita* bằng 400 năm cõi người.

Cuộc đời Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha

Đức-Bồ-tát Thái-tử Siddhattha trưởng thành lên 16 tuổi được *Đức Phụ-vương Suddhodana* truyền ngôi báu cho Thái-tử lên ngôi làm vua.

Trong buổi lễ đăng quang lên ngôi vua, *Thái-tử Siddhattha* làm lễ thành hôn với *Công-chúa Yasodharā*⁽¹⁾. *Đức-vua Siddhattha* tấn phong *Công-chúa Yasodharā* lên ngôi *Chánh-cung Hoàng-hậu*.

Đức-vua Bồ-tát Siddhattha trị vì đất nước được thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên-hạ được an cư lạc nghiệp. *Đức vua Bồ-tát Siddhattha* hưởng sự an-lạc trên ngai vàng suốt thời gian trải qua 12 năm, chưa từng thấy cảnh nào để phát sinh *động-tâm (saṃvega)*.

¹ Công-chúa *Yasodharā* của *Đức-vua Suppabuddha* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Amitādevī* kinh-thành *Devadaha*. Công-chúa *Yasodharā* là người đồng sinh với *Đức-Bồ-tát Siddhattha* trong ngày rằm tháng tư 16 năm về trước.

Nguyên nhân Đức-Bồ-tát Siddhattha đi xuất gia

* **Lần đầu tiên**, vào ngày rằm tháng 6, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, bỗng nhiên Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy **một người già**, do chư-thiên hóa ra, để làm cho Đức-vua Bồ-tát phát sinh **động-tâm** (*saṃvega*).

Thật vậy, Đức-vua Bồ-tát chưa từng nhìn thấy người già như thế bao giờ, cho nên Đức-vua Bồ-tát suy tư:

*“Chấn chấn ta sẽ có **sự già** như thế, không thể tránh khỏi sự già được.”*

Nỗi ưu tư tràn ngập trong lòng, không còn muốn đi du lãm nữa, Đức-vua Bồ-tát truyền bảo quan đánh xe đưa Đức-vua hồi cung.

* **Lần thứ nhì**, cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 10, Đức-vua Bồ-tát lại ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, lần này Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy **một người bệnh**, cũng do chư-thiên hóa ra.

Như lần trước, Đức-vua Bồ-tát suy tư:

*“Chắc chắn ta cũng có **sự bệnh** như thế, không thể tránh khỏi sự bệnh được.”*

Tâm trạng u buồn, Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh bảo quan đánh xe đưa Đức-vua hồi cung.

* *Lần thứ ba*, cũng cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 2, để voi bót nỗi buồn, Đức-vua Bô-tát lại ngự đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, bất chợt Đức-vua Bô-tát nhìn thấy **một người chết**, cũng do chư-thiên hóa ra.

Như hai lần trước, Đức-vua Bô-tát suy tư:

“*Chắc chắn ta cũng có **sự chết** như thế, không thể tránh khỏi sự chết được.*”

Nỗi lo sợ phát sinh trong lòng, Đức-vua Bô-tát truyền lệnh bảo quan đánh xe đưa Đức-vua hồi cung.

Từ đó, Đức-vua Bô-tát lúc nào cũng suy tư về **sự già, sự bệnh, sự chết**. Đức-vua Bô-tát tự hỏi có con đường nào giải thoát khỏi **sự già, sự bệnh, sự chết** hay không? Sở dĩ có sự già, sự bệnh, sự chết là vì có **sự tái-sinh**.

“*Ôi! Sự tái-sinh đáng kinh sợ thật!*”

* *Lần thứ tư*, 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 6, để khuây khỏa nỗi u buồn, lo sợ trong lòng, một lần nữa, Đức-vua Bô-tát ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Trên đường đi, Đức-vua Bô-tát nhìn thấy một **bậc xuất-gia** đang ngồi tĩnh tọa dưới cội cây, có vẻ an nhiên tự tại, cũng do chư-thiên hóa ra, để làm cho Đức-vua Bô-tát nghĩ đến việc xuất-gia.

Thật vậy, khi Đức-vua Bồ-tát nhìn thấy bậc xuất-gia, liền trút bỏ được mọi nỗi ưu tư nặng trĩu trong lòng về *sự già, sự bệnh, sự chết*. Đức-vua Bồ-tát quyết định xuất gia ngay đêm ấy, để *tìm con đường giải thoát khỏi sự tái-sinh là giải thoát khỏi khổ già, khổ bệnh, khổ chết*.

Hôm ấy, Đức-Bồ-tát cảm thấy vô cùng hoan-hỷ nên Đức-Bồ-tát vẫn tiếp tục ngự đi du lãm vườn thượng uyển.

Khi Đức-vua Bồ-tát hồi cung, ngay trong đêm ấy Đức-vua Bồ-tát nghe tin *Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā* đã sinh hạ *Hoàng-tử*, tình thương con phát sinh trong tâm, Đức-vua Bồ-tát than rằng:

“Sự ràng buộc lớn!”

Do đó, Hoàng-tử được đặt tên là *“Rāhula”*.

Mặc dù vậy, chí nguyện xuất-gia của Đức-vua Bồ-tát vẫn không thay đổi.

Đêm ấy, Đức-vua Bồ-tát đến tìm gặp Channa, quan giữ ngựa thân tín rồi truyền bảo rằng:

- Nay Channa! Đêm nay, Trẫm sẽ rời khỏi hoàng cung, đi xuất gia, Khanh hãy sửa soạn cho Trẫm con ngựa Kāṇḍaka ngay bây giờ, và nhớ không để cho một ai hay biết cả.

Như vậy, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha lên ngôi vua, trị vì đất nước được 13 năm.

Đức-Bồ-tát Siddhattha đi xuất gia

Bỗng nhiên Đức-vua Bồ-tát thoáng nghĩ:

“Trước khi xuất gia, ta nên đến nhìn mặt Hoàng-nhi.”

Đức-vua Bồ-tát đi nhẹ nhàng lén vào phòng Chánh-cung Hoàng-hậu Yasodharā, dưới ánh đèn mờ nhạt, Chánh-cung Hoàng-hậu đang nằm nghiêng, choàng cánh tay qua Hoàng-nhi, vì đứng đằng sau nên không thể nhìn thấy rõ mặt Hoàng-nhi, nên Đức-vua Bồ-tát thầm nghĩ:

“Nếu ta đến gần e rằng Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ thức giấc, làm trở ngại việc xuất-gia của ta trong đêm nay. Bây giờ, ta chưa nhìn thấy mặt Hoàng-nhi thì chờ sau khi ta trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, ta sẽ trở về gặp vậy.”

Vào *nửa đêm ngày rằm tháng sáu âm lịch*, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha nhẹ nhàng bước ra khỏi phòng, lên ngựa Kaṇḍaka, còn Channa đi theo sau, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha trốn khỏi hoàng cung, đi xuất gia, lúc 29 tuổi.

Mỗi vó ngựa đều có bàn tay chư-thiên nâng đỡ, không phát ra tiếng động, nên không một ai hay biết, khi đến cửa thành thì liền có chư-thiên mở cửa cho ngựa Kaṇḍaka phi nhanh qua.

Đức-vua Bồ-tát Siddhattha ngự đi qua khỏi ba xứ: *xứ Sakya, xứ Koliya và xứ Malla* khoảng 30

do tuần chỉ trong một đêm. Đến bờ sông Anoma, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha ra hiệu cho ngựa *Kaṇḍaka* bay sang bờ bên kia, rồi Ngài nhẹ nhàng xuống ngựa cởi các đồ trang phục đức-vua, rồi bảo Channa rằng:

- *Này Channa! Trẫm sẽ xuất gia tại nơi đây, khanh hãy mang tất cả đồ trang phục này trở về hoàng cung, trình tâu cho Đức-Phụ-vương của Trẫm biết.*

Đức-vua Bồ-tát Siddhattha dùng thanh gươm báu cắt tóc, chừa lại khoảng hai lóng tay, tất cả những sợi tóc còn lại tự xoắn vòng xoáy theo khu ốc sang bên phải nằm sát trên da đầu và cạo sạch râu. Chỉ một lần ấy thôi, từ đó về sau suốt cả cuộc đời của Đức-Phật, không còn phải cắt tóc, cạo râu nữa.

Sau khi cắt tóc xong, Đức-vua Bồ-tát cầm nắm tóc trên tay, phát nguyện rằng:

“Nếu ta trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì xin cho nắm tóc này ở trên hư không, còn nếu như ta không trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì nắm tóc này sẽ rơi xuống đất.”

Đức-Bồ-tát ném nắm tóc lên hư không.

Thật là phi thường thay! Nắm tóc bay bổng lên trên hư không khoảng một do tuần rồi đứng yên một chỗ. Khi ấy, Đức-vua trời Sakka nhìn thấy bèn đem cái hộp bằng ngọc hiện xuống,

cung kính đặt năm tóc của Đức-vua Bồ-tát vào hộp, đem về tôn thờ ở ngôi tháp Cuḷamanī tại cõi Tam-thập-tam-thiên.

Vị **Đại phạm-thiên Ghaṭikāra**, bạn thân cũ trong tiền-kiếp của Đức-vua Bồ-tát trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, biết hôm nay **Đức-vua Bồ-tát Siddhattha** xuất gia, nên mang 8 thứ vật dụng của bậc Sa-môn là tam y, bình bát, dao cạo, kim chỉ, dây thắt lưng và đồ lọc nước đến kính dâng cúng dường Đức-vua Bồ-tát.

Đức-Bồ-tát Siddhattha mặc y vàng màu lõi mít, tượng trưng như lá cờ chiến thắng của bậc Thánh A-ra-hán, trở thành **bậc xuất-gia**, lúc Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha 29 tuổi.

Đức-Bồ-tát thọ giáo pháp-hành thiên-định

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha tìm đến vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta xin thọ giáo. Vị Đạo-sư hân hoan tiếp nhận Đức-Bồ-tát, rồi truyền dạy pháp-hành thiên-định.

Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiên-định qua một thời gian không lâu, Đức-Bồ-tát chứng đắc được 4 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, và chứng đắc đến đệ-tam-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là vô-sở-hữu-xứ-thiên thiện-tâm (*akiñcaññāyatana-jhānakusalacitta*) ngang bằng với bậc thiên mà vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã chứng đắc.

Vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta tán dương ca tụng tài đức của Đức-Bồ-tát rằng:

- *Này hiền-giả! Tôi đã chứng đắc bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm nào thì hiền-giả cũng chứng đắc được bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm ấy. Hiền-giả chứng đắc bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm nào thì tôi cũng đã chứng đắc bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm ấy.*

- *Này hiền-giả! Từ nay, hai chúng ta cùng làm Đạo-sư dạy dỗ nhóm đệ-tử này.*

Đức-Bồ-tát suy xét rằng:

*“Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-tam-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là vô-sở-hữu-xứ-thiên thiện-tâm này sẽ cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là Vô-sở-hữu-xứ-thiên, có tuổi thọ sống lâu đến 60.000 đại-kiếp trái đất, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ-uẩn, không diệt tận được mọi tham-ái, không chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, không chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, không giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.”*

Đức-Bồ-tát Siddhattha không bằng lòng với sở đắc của mình, nên Đức-Bồ-tát xin từ giã vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta khả kính, để đi tìm

pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Sau khi từ giã vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta, Đức-Bồ-tát Siddhattha tìm đến vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta xin thọ giáo. Vị Đạo-sư hân hoan tiếp nhận Đức-Bồ-tát, rồi truyền dạy pháp-hành thiền-định.

Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiền-định một thời gian không lâu, đã chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc đến *đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh* gọi là *Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiền thiện-tâm* (*nevasaññānāsaññā-yatanajjhānakusalacitta*) là *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh* ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta đã chứng đắc.

Vị Đạo-sư tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát:

- *Này hiền giả! Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh nào thì hiền-giả cũng chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh ấy. Hiền-giả chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh nào thì tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh ấy.*

- *Này hiền-giả! Tôi xin thỉnh hiền-giả làm Đạo-sư dạy dỗ nhóm đệ-tử này.*

Đức-Bồ-tát suy xét rằng:

“*Vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-tứ-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh gọi là phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên thiện-tâm này sẽ cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên, có tuổi thọ sống lâu đến 84.000 đại-kiếp trái đất, nên không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ-uẩn, không diệt tận được mọi tham-ái, không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề, không chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, không giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*”

Đức-Bồ-tát Siddhattha xin từ già Đạo-sư Udaka Rāmaputta khả kính, để đi tìm pháp-môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-khổ-hạnh

Sau khi từ già vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đi đến khu rừng Uruvelā gần con sông Nerañjarā, nơi đây có nhóm 5 tỳ-khưu: Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña là trưởng nhóm cùng với Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji xin theo hộ độ Đức-Bồ-tát Siddhattha.

Đức-Bồ-tát Siddhattha tinh-tấn thực-hành pháp-khổ-hạnh (*dukkaracariyā*) đó là pháp-

khó-hành như là phương-pháp nín thở vào, thở ra bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai; rồi tiếp tục nín thở vào, thở ra bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đâm lên đầu đau dữ dội, hơi đâm xuống bụng đau tức tối, hơi nóng phát ra toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Đức-Bồ-tát chết ngất.

* Số chư-thiên tưởng rằng: “*Sa-môn Gotama chết rồi!*”

* Số khác tưởng rằng: “*Sa-môn Gotama gần chết!*”

* Số khác cho rằng: “*Sa-môn Gotama không phải chết, cũng không phải gần chết, mà Sa-môn Gotama đang thực-hành pháp-hành của bậc Thánh A-ra-hán!*”

Đức-Bồ-tát Siddhattha tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống dần ... Vì vậy, kim thân của Đức-Bồ-tát gầy ốm chỉ còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng thì đụng phải xương sống.

Trước kia kim thân của Đức-Bồ-tát có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có làn da màu vàng sáng ngời. Đến nay, các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ đã biến mất, còn làn da đã trở thành màu đen sẫm.

Một hôm, Đức-Bồ-tát suy xét: “*Ta đã thực-hành pháp-khổ-hạnh là pháp khó hành này đến chỗ tốt cùng rồi! Trong quá-khứ, chưa từng có Sa-môn, Bà-la-môn nào đã thực-hành pháp-khổ-hạnh đến mức như ta đang thực-hành. Hiện-tại và vị-lai cũng sẽ không có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể thực-hành pháp-khổ-hạnh như ta, thế mà, ta không thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*”

Như vậy, chắc chắn còn có một pháp-hành nào khác dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

Đức-Bồ-tát Siddhattha hỏi tương lại: “*Khi còn nhỏ, ta cùng đi với Đức-Phụ-vương ra đồng làm lễ hạ điền, Đức-Phụ-vương để ta ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây mạn (đào). Ta đã ngồi niệm đề mục hơi thở vào, hơi thở ra, và ta đã chứng đắc bậc thiên sắc-giới thiện-tâm. Vậy, chắc chắn pháp-hành thiên-định ấy làm nền tảng, để cho ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng nên.*”

Đức-Bồ-tát suy xét rằng: “*Bây giờ, thân thể của ta gầy ốm, sức khỏe của ta yếu đuối, ta không thể thực-hành pháp-hành thiên-định với đề mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra này được.*”

Vậy, điều tốt hơn hết, ta nên thọ thực trở lại, để phục hồi sức khỏe, rồi ta mới có thể thực-hành pháp-hành thiền-định với đề mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra.”

Đức-Bồ-tát từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh

Đức-Bồ-tát Siddhattha đã thực-hành **pháp-khổ-hạnh** (*dukkaracariyā*) đó là **pháp-khó-hành** suốt 6 năm trường ròng rã, mà không đạt đến mục đích trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*, nên từ bỏ pháp-hành khổ-hạnh. Đức-Bồ-tát mang bát vào xóm nhà Senā đi khát thực trở lại.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Siddhattha đi khát-thực như vậy, nên nhóm 5 tỳ-khưu hiểu lầm *Đức-Bồ-tát Siddhattha đã từ bỏ sự tinh-tân thực-hành pháp-khổ-hạnh để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà trở lại đời sống bình thường.* Nên nhóm 5 tỳ-khưu không theo hộ độ Đức-Bồ-tát nữa, họ dẫn nhau đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, trú tại nơi ấy.

Đức-Bồ-tát độ vật thực lại được thời gian không lâu, thì sức khỏe của Đức-Bồ-tát được hồi phục trở lại.

Trong thời-kỳ thực-hành pháp-khổ-hạnh là pháp-khó-hành, 32 tướng tốt bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ của Đức-Bồ-tát Siddhattha bị biến

mất. Nay, kim thân của Đức-Bồ-tát Siddhattha lại hiện rõ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có nước da màu vàng sáng ngời như trước.

Ngày 14 tháng tư âm lịch, vào canh chót đêm ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha nằm thấy 5 đại-mộng (*mahāsupina*). Qua 5 đại-mộng này, Đức-Bồ-tát Siddhattha đoán biết chắc chắn rằng:

“Ta sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

Sáng sớm hôm **rằm tháng tư âm lịch**, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đến ngồi dưới gốc cây da, để chờ đến giờ đi vào xóm khát-thực.

Tại gốc cây da này, hằng năm, vào **ngày rằm tháng tư**, nàng **Sujātā** thường đem lễ vật đến cúng dường, tạ ơn chư-thiên theo lời nguyện của nàng. Nàng Sujātā là con gái của ông phú hộ Mahāsenā ở làng Senā gần khu rừng Uruvelā, khi trưởng thành, nàng có đến gốc cây da này cầu nguyện rằng:

“Khi tôi trưởng thành được kết duyên với người cùng dòng dõi, cùng giai cấp và sinh được một đứa con trai đầu lòng. Nếu tôi được toại nguyện thì hằng năm vào ngày rằm tháng tư, tôi sẽ làm lễ cúng dường tạ ơn chư-thiên cội cây này.”

Lời cầu nguyện của nàng được thành tựu như ý, cho nên, hằng năm vào **ngày rằm tháng tư** âm lịch, nàng **Sujātā** thường đem cơm sữa đến cúng dường tạ ơn chư-thiên cội cây này.

Từ sáng sớm, nàng *Sujātā* thức dậy vắt sữa của 8 con bò tinh khiết, khi nàng đem nồi đựng sữa để gần vú con bò thứ nhất thì dòng sữa tự nhiên chảy ra một mạch. Thật là việc lạ thường chưa từng có bao giờ! Lần lượt 7 con bò còn lại, dòng sữa cũng chảy ra một mạch như vậy.

Khi nàng đổ sữa vào nồi nấu cơm, sữa sôi xoay tròn bên phải, không một giọt nào chảy tràn ra bên ngoài, còn lửa củi cháy đều không có một làn khói nào bốc lên.

Sở dĩ, có những sự việc lạ thường như vậy, là vì buổi sáng hôm ấy có *Tứ Đại-Thiên-vương* trông coi lò lửa, *Đức-vua trời Sakka* lấy củi bỏ vào lò, *Đức Phạm-Thiên* che lọng, tất cả chư-thiên đem những chất bổ dưỡng do năng lực của mình bỏ vào nồi cơm sữa.

Nàng *Sujātā* gọi tứ gái tên *Puṇṇā* bảo rằng:

- *Này Puṇṇā! Hôm nay chư-thiên của ta thật đáng kính, trước đây ta chưa từng chứng kiến những hiện tượng lạ thường như thế này! Con hãy mau đến cội cây da quét dọn cho sạch sẽ, để chúng ta mang cơm sữa đến dâng cúng, tạ ơn vị thiên thần cội cây ấy.*

Vâng lời bà chủ, người tứ gái *Puṇṇā* đến gốc cây da để quét dọn, cô nhìn thấy *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đang ngồi quay mặt về hướng Đông,

từ kim thân của Đức-Bồ-tát phát ra hào quang sáng ngời tỏa khắp quanh vùng, cô nghĩ rằng:

“Sáng hôm nay, vị thiên-thần cội cây của chúng ta hiện ra ngồi đợi thọ nhận cơm sữa cúng dường.”

Nghĩ như vậy, nên cô vô cùng hoan hỷ vội vàng trở về báo tin mừng cho bà chủ biết.

Nghe lời tường trình rõ ràng của người tớ gái, nàng Sujātā phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ bảo người tớ gái Puṇṇā rằng:

- Nay Puṇṇā! Kể từ hôm nay về sau, ngươi trở thành đũa con gái của ta.

Sau khi nói xong, nàng Sujātā ban cho cô Puṇṇā những đồ trang sức quý giá, xứng đáng với địa vị đũa con gái của nàng.

Nàng Sujātā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm, khi nàng đặt mâm gần nồi cơm, thì cơm sữa trong nồi tự nhiên viên lại thành vắt bằng trái thốt nốt lặn ra tuần tự từ nồi sang mâm đúng 49 vắt vừa đầy mâm. Nàng lại chứng kiến thêm một việc lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng Sujātā lấy một chiếc lồng bàn đập lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Hôm ấy, nàng Sujātā trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá, rồi đội mâm cơm sữa cùng người con gái Puṇṇā đi theo sau đến gốc cây da.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát có đầy đủ tướng tốt của bậc đại-nhân và tướng tốt phụ, hào quang tỏa ra từ kim thân của Đức-Bồ-tát sáng khắp vùng. Thấy vậy, nàng lại càng phát sinh đức-tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ, bởi vì nàng tưởng rằng:

Đức-Bồ-tát Siddhattha là vị thiên-thần cội cây hiện ra để thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng.

Đức-Bồ-tát thọ nhận cơm sữa của nàng Sujātā

Nàng Sujātā cung kính đi đến gần Đức-Bồ-tát đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa và bình nước, hoa quả, vật thơm, ... cung kính cúng dường lên Đức-Bồ-tát.

Khi ấy, cái bát của Đức-Bồ-tát Siddhattha bỗng nhiên biến mất, Đức-Bồ-tát nhìn nàng Sujātā. Nàng liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thiên-thần, con thành kính cúng dường chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này lên Ngài.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ thọ nhận chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Con được toại nguyện như thế nào, kính xin Ngài cũng được toại nguyện như thế ấy.

Đức-Bồ-tát Siddhattha đưa hai tay ra nhận lấy

chiếc mâm vàng đầy phẩm vật cúng dường ấy của nàng Sujātā.

Sau khi thọ nhận mâm vàng đầy cơm sữa của nàng Sujātā xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha đứng dậy rời khỏi gốc cây da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa đi đến bên sông Nerañjarā, nơi mà chư Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác quá-khứ kiếp chót, trước khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng đều ngự đến đây để tắm, nên bên sông này gọi là *bến Supatitthita*. Đức-Bồ-tát Siddhattha đặt mâm vàng đầy cơm sữa tại *bến Supatitthita*, rồi xuống dòng sông Nerañjarā tắm.

Sau khi tắm xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha mặc y cà-sa tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư Thánh A-ra-hán, đoạn Đức-Bồ-tát ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt cơm sữa, rồi uống hết bình nước. *(Từ đó về sau suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày, Đức-Phật không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng hương vị giải thoát Niết-bàn.)*

Sau khi độ cơm xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha cầm chiếc mâm vàng rồi phát nguyện rằng:

“Nếu hôm nay tôi sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì xin cho chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước, nếu không thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước.”

Phát-nguyện xong, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ném chiếc mâm vàng xuống

dòng sông Nerañjarā. Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt ngang dòng nước đang chảy, trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược dòng nước một cách vô cùng mau lẹ, khoảng một đoạn khá xa, rồi chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy nước, đụng phải **3 chiếc mâm vàng của 3 Đức-Phật quá-khứ: Đức-Phật Kakusandha, Đức-Phật Koṇāgamana và Đức-Phật Kassapa**, phát ra một âm thanh vang dội, làm cho Long-vương Kālanāga tỉnh giấc, nên nghĩ rằng:

“*Hôm qua một Đức-Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức-Phật khác xuất hiện.*”

Long-vương Kālanāga thức dậy vô cùng hoan hỷ tán dương ca tụng hằng trăm bài kệ vui mừng Đức-Phật sẽ xuất hiện trên thế gian.

Trưa hôm ấy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha nghỉ trong một khu rừng Sāla, bên bờ sông Nerañjarā, những cây Sāla đua nhau nở hoa khắp cả khu rừng, để đón mừng Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.

Chiều hôm ấy, trên đường Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngự đến **cội cây Assattha**⁽¹⁾

¹ Cây Assattha này là Cây Đại-Bồ-đề đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Siddhattha. Đúng 35 năm sau, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đến ngôi tại cội cây Đại-Bồ-đề này, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama. Cho nên, cây Assattha này trở thành cây Đại-Bồ-đề của Đức-Phật Gotama.

tại khu rừng Uruvelā, dọc theo hai bên đường, chư-thiên trang hoàng những đóa hoa trời rất xinh đẹp, các hàng chư-thiên ở các cõi trời đua nhau cúng dường hương thơm cùng với thiên nhạc vang rền khắp 10 ngàn thế giới chúng-sinh.

Ngôi bồ-đoàn quý-báu phát sinh

Cùng lúc ấy, một *người cắt cỏ* tên *Sotthiya*, trên đường đi ngược chiều về phía *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*, nhìn thấy Đức-Bồ-tát liền phát sinh đức-tin trong sạch, nên dâng cúng dường tám năm cỏ lên *Đức-Bồ-tát*. Nhận tám năm cỏ xong, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác* ngự đi thẳng đến *cội cây Assattha*.

* *Đức-Bồ-tát Siddhattha* đứng hướng Nam của *cội cây Assattha* nhìn thẳng về hướng Bắc, có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Bắc được nổi lên đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

“*Đây không phải là chỗ ngồi để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*”

* *Đức-Bồ-tát* ngự đi sang đứng hướng Tây của *cội cây Assattha*, nhìn thẳng về hướng Đông, cũng như vậy, có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Tây

bị chìm sâu xuống cõi địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Đông được nổi lên đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

“Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

* Đức-Bồ-tát ngự đi sang đứng hướng Bắc của cội cây Assattha, nhìn thẳng hướng Nam, cũng như vậy, có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Bắc bị chìm sâu xuống cõi địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Nam được nổi lên đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

“Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

* Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngự đi sang đứng **hướng Đông** của cội cây Assattha, nhìn thẳng về hướng Tây.

Thật phi thường thay! Đức-Bồ-tát có cảm giác toàn khắp cõi-giới chúng-sinh đều ở trạng thái thăng bằng, nên Đức-Bồ-tát suy nghĩ rằng:

“Chính đây là chỗ ngồi, để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh-Đẳng-Giác.”

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha trải 8 năm cỏ tại **hướng Đông** của cội cây Assattha.

Thật phi thường thay! Tại ngay chỗ ngôi ấy bỗng nhiên hóa thành *ngôi bồ-đoàn quý báu* có chiều cao 14 hắc tay thật nguy nga lộng lẫy, mà không có một nhà kiến trúc mỹ thuật nào có thể tạo nên một *ngôi bồ-đoàn đẹp tuyệt vời như vậy*. Bởi vì, ngôi *bồ-đoàn quý báu* này phát-sinh do oai-lực của *30 pháp-hạnh ba-la-mật* đầy đủ trọn vẹn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* kiếp chót sắp trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngôi kiết già vững vàng trên ngôi *bồ-đoàn quý báu*, quay mặt về *hướng Đông* rồi phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

“*Dù cho thịt và máu trong thân ta khô cạn hết, dù sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, ta quyết không bao giờ rời khỏi ngôi Bồ-đoàn quý báu này.*”

Ngôi bồ-đoàn nơi toàn thắng Ác-ma-thiên

Khi ấy, từ cõi trời *Tha-hóa-tự-tại-thiên*, *Ác-ma-thiên* hóa ra hàng ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cõi *voi trời Girimekhala* dẫn đầu đoàn thiên ma tướng, thiên ma binh rầm rộ hiện xuống vây quanh *cội cây Assattha*, kéo dài 12 do tuần. Bên trên hư không, chúng thiên ma binh dày đặc 9 do tuần, chúng la hét âm thanh vang

đội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi, quyết tranh giành cho được ngôi bồ-đoàn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*.

Vừa mới đây, chư-thiên, phạm-thiên từ 10 ngàn cõi-giới đến cung kính cúng dường, tán dương ca tụng *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*.

Khi thoáng nhìn thấy *Ác-ma-thiên* cùng với thiên ma binh, thiên ma tướng trùng trùng điệp điệp từng đoàn, từng lớp hiện xuống, nên tất cả chư-thiên, phạm-thiên đều bay xa lánh mặt, trở về chỗ ở của mình, chỉ còn một mình *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* vẫn điềm nhiên ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu một cách an nhiên tự tại.

Ác-ma-thiên đã sử dụng đủ mọi loại vũ khí và phép thuật cực kỳ nguy hiểm, quyết tranh với *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*, để chiếm đoạt ngôi bồ-đoàn quý báu ấy, với mục đích ngăn cản không cho *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác*.

Do oai-lực 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* sắp trở thành *Đức-Phật Chánh-Giác*, nên không có một loại phép thuật hay vũ khí nguy hiểm nào có thể thắng *Đức-Bồ-tát* được.

Quả thật như vậy! Do oai-lực 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha, các loại vũ khí và phép thuật của Ác-ma-thiên đều hóa thành những vật cúng dường Đức-Bồ-tát.

Ngồi trên lưng voi trời Girimekhala, Ác-ma-thiên vô cùng căm uất chỉ tay về Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ra lệnh rằng:

- *Này Sa-môn Gotama! Nhà ngươi hãy mau mau rời khỏi ngôi bồ-đoàn ấy, vì ngôi bồ-đoàn ấy là của ta, không phải của ngươi!*

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha từ tốn đáp lại rằng:

- *Này Ác-ma-thiên! Ngôi bồ-đoàn quý báu này phát sinh do oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành mà Như-Lai đã thực-hành từ vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này. Vì vậy, ngôi bồ-đoàn này thuộc về của Như-Lai, không phải của ngươi.*

Khi ấy, chỉ một mình Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu, ngoài ra, không còn có một ai bên cạnh Đức-Bồ-tát cả, nên Ác-ma-thiên đặt câu hỏi bắt bí Đức-Bồ-tát rằng:

- *Thưa Sa-môn Gotama! Ngài nói rằng: “Ngôi bồ-đoàn quý báu ấy thuộc về của Ngài. Vậy, ai làm chứng cho Ngài!”*

Nhìn xung quanh đều không có một chư-thiên, phạm-thiên nào cả, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* bèn đưa bàn tay phải ra, rồi dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất như truyền dạy bằng lời chân thật rằng:

- *Tiền-kiếp của Như-Lai trải qua vô số kiếp quá-khứ đã từng thực-hành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, có 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng-sinh nào đứng ra làm chứng cho Như-Lai, chỉ có mặt đất, mặt đất này không có tâm thức có thể làm chứng cho Như-Lai được không?*

Thật phi thường thay! Lời chân-thật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* vừa chấm dứt, thì ngay tức khắc, mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, làm cho *Ác-ma-thiên* kinh hoàng khiếp đảm, giục voi trời *Girimekhala* bỏ chạy trở về cõi trời Tha-hóa tự-tại thiên; còn đám thiên ma binh, thiên ma tướng thì hỗn quân, hỗn quan vô cùng khiếp sợ, cũng hốt hoảng chạy tán loạn theo *Ác-ma-thiên* trở về cõi trời Tha-hóa tự-tại-thiên.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu dưới cội cây Assattha đã toàn thắng *Ác-ma-thiên*, vừa đứng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng ló dạng hướng Đông. Khắp mười ngàn

cõi-giới chúng-sinh, chư-thiên các cõi trời dục-giới, các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cõi Long-vương dưới long-cung, ... toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng oai lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* rằng:

- *Đức-Bồ-tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!*
- *Ác-ma-thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!*

Như vậy, ngôi *bồ-đoàn quý báu* này được phát sinh do oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*, nên gọi là "*Aparājitapallaṅka*" nghĩa là ngôi *bồ-đoàn quý báu nơi toàn thắng Ác-ma-thiên*.

Toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ cõi trời đến cúng dường, tán dương ca tụng oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha*.

Đức-Bồ-tát Siddhattha chứng đắc tam-minh

Sau khi *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* đã toàn thắng *Ác-ma-thiên* vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, *Đức-Bồ-tát* thực-hành ***pháp-hành thiền-định*** (*samathabhāvanā*) với *đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra* (*anāpānassati*) tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm:

- *Đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi-thiền là *hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm*, do chế ngự được 5 pháp chướng-ngại là *tham-dục, sân-hận, buồn-chán và buồn-ngủ, phóng-tâm và hối-hận, hoài-nghi*.

- *Đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi-thiền là *hỷ, lạc, nhất-tâm*, do chế ngự được 2 chi-thiền là *hướng-tâm, quan-sát*.

- *Đệ-tam-thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *lạc, nhất-tâm*, do chế ngự được 1 chi-thiền là *hỷ*.

- *Đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi-thiền là *xả, nhất-tâm*, do chế ngự được 1 chi-thiền *lạc*, thay bằng chi-thiền *xả*.

Đó là 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền-tảng để chứng đắc Tam-minh.

Tam-Minh (Tevijja)

1- Tiên-kiếp-minh (Pubbenivāsānussatiñāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm, có định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-tâm không lay động làm nền-tảng để *Đức-Bồ-tát* hướng tâm đến chứng đắc ***tiên-kiếp-minh***: *trí-tuệ nhớ rõ lại tiên-kiếp, từ một kiếp đến hàng vạn kiếp, hàng triệu kiếp, hàng triệu triệu kiếp, cho đến vô số kiếp không giới hạn*⁽¹⁾.

¹ Đối với Đức-Phật Độc-Giác và Thanh-văn-Giác có giới hạn.

Tiền-kiếp-minh là trí-tuệ nhớ rõ tiền-kiếp thuộc loại chúng-sinh nào, trong cõi-giới nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, thực-hành đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, ...

Tiền-kiếp-minh là *minh thứ nhất* mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư (âm lịch).

2- Thiên-nhãn-minh (Dibbacakkhuñña)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm, có định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiên-tâm không lay động làm nền tảng để Đức-Bồ-tát hướng tâm đến chứng đắc *thiên-nhãn-minh*: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh hơn thiên-nhãn của chư-thiên, phạm-thiên.

Thiên-nhãn-minh có 2 loại:

- *Tử-sinh-minh* (Cutūpapātañña): Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh muôn loài trong các cõi-giới, do nghiệp nào, do quả của nghiệp nào...

- *Vị-lai kiến-minh* (Anāgatamañña): Trí-tuệ thấy rõ vô-số-kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh. Chư Phật sử dụng *vị-lai kiến-minh* này để thọ ký, xác định thời gian còn lại của chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác, chư Đức-Bồ-tát Độc-giác, chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác, v.v ..., xác

định thời gian còn lại của các chúng-sinh trong kiếp vị-lai xa xăm.

Thiên-nhãn-minh là minh thứ nhì mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã chứng đắc vào lúc canh giữa đêm rằm tháng tư (âm lịch).

3- Trầm-luân tận-minh (Āsavakkhayañāṇa)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha dùng đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền-tảng, để thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** suy-xét thấy rõ các pháp **thập-nhị duyên-sinh** (*paṭicca-samuppāda*) là **đối-tượng pháp-hành thiền-tuệ** của chư Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

* Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha suy xét **thập-nhị duyên-sinh** theo chiều thuận như sau:

- Do vô-minh làm duyên, nên các hành sinh.
(*Avijjāpaccayā saṅkhārā.*)

- Do các hành làm duyên, nên tái-sinh-thức sinh. (*Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ.*)

- Do tái-sinh-thức làm duyên, nên danh-pháp, sắc-pháp sinh. (*Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ.*)

- Do danh-pháp sắc-pháp làm duyên, nên lục-xú sinh. (*Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam.*)

Do lục-xú làm duyên, nên lục-xúc sinh.
(*Saḷāyatanapaccayā phasso.*)

- Do lục-xúc làm duyên, nên lục-thọ sinh.
(Phassapaccayā vedanā.)
- Do lục-thọ làm duyên, nên lục-ái sinh.
(Vedanāpaccayā taṇhā.)
- Do lục-ái làm duyên, nên tứ-thủ sinh.
(Taṇhāpaccayā upādānaṃ.)
- Do tứ-thủ làm duyên, nên nhị-hữu sinh.
(Upādānapaccayā bhavo.)
- Do nhị-hữu làm duyên, nên tái-sinh sinh.
(Bhavapaccayā jāti.)
- Do tái-sinh làm duyên, nên lão, tử... sinh.
(Jātipaccayā jarāmaranaṃ ...)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha suy xét **thập-nhị duyên-sinh** theo chiều-thuận, chiều-sinh, để trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ “**sự-sinh**” của mỗi pháp do nhân-duyên sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý **khổ-Thánh-đế** và **nhân sinh khổ-Thánh-đế**.

* Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha suy xét **thập-nhị nhân-diệt** theo chiều-nghịch, chiều-diệt như sau:

- Do diệt tận được vô-minh, nên diệt các hành.
(Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho.)

- Do diệt tận được các hành, nên diệt tái-sinh-thức. (Saṅkhāranirodhā viññānanirodho.)

- Do diệt tận được tái-sinh-thức, nên diệt danh-pháp, sắc-pháp. (*Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho.*)

- Do diệt tận được danh-pháp sắc-pháp, nên diệt lục-xứ. (*Nāmarūpanirodhā salāyatana-nirodho.*)

- Do diệt tận được lục-xứ, nên diệt lục-xúc. (*Salāyatananirodhā phassanirodho.*)

- Do diệt tận được lục-xúc, nên diệt lục-thọ. (*Phassanirodhā vedanānirodho.*)

- Do diệt tận được lục-thọ, nên diệt lục-ái. (*Vedanānirodhā taṇhānirodho.*)

- Do diệt tận được lục-ái, nên diệt tứ-thủ. (*Taṇhānirodhā upādānanirodho.*)

- Do diệt tận được tứ-thủ, nên diệt nhị-hữu. (*Upādānanirodhā bhavanirodho.*)

- Do diệt tận được nhị-hữu, nên diệt tái-sinh. (*Bhavanirodhā jātinirodho.*)

- Do diệt tận được tái-sinh, nên diệt lão, tử.... (*Jātinirodhā jarāmaraṇa ... nirodho.*)

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha suy xét **thập-nhị nhân-diệt** theo chiều-nghịch, chiều-diệt, để trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ “**sự-diệt**” của mỗi pháp do nhân-duyên-diệt, trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý **Diệt khổ-Thánh-đế** và **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế**.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha suy xét **thập-nhị duyên-sinh, thập-nhị nhân-diệt** theo *chiều-thuận, chiều-nghịch, chiều-sinh, chiều-diệt; trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự-sinh, sự-diệt** của mỗi pháp do *nhân-duyên-sinh* do *nhân-duyên-diệt; trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ 3 *trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi pháp; dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đề* đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 **Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được 4 *pháp-trầm-luân (āsava)* bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* theo tuần tự như sau:

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** trong *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là **tà-kiến trầm-luân (ditthāsava)** đồng thời diệt được *tất cả mọi tà-kiến* khác không còn dư sót.

2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** trong *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là **tham-dục trầm-luân (kāmāsava)** trong *ngũ-dục loại thô cõi dục-giới* (còn loại *vi-tê* chưa diệt được) đồng thời diệt được *tất cả mọi tham-tâm loại thô cõi dục-giới* khác không còn dư sót.

3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** trong *Bất-lai Thánh-đạo-tâm* diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là **tham-dục trầm-luân (kāmāsava)** trong *ngũ-dục loại vi-tê cõi dục-giới*, đồng thời diệt được

tất cả mọi tham-tâm loại vi-tế cõi dục-giới khác không còn dư sót.

4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** trong **A-ra-hán Thánh-đạo-tâm** diệt tận được 2 pháp-trâm-luân là **kiếp-sinh trâm-luân** (*bhavāsava*) và **vô-minh trâm-luân** (*avijjāsava*) không còn dư sót, đồng thời diệt tận được hoàn toàn *mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót*, đặc biệt diệt tận tất cả mọi *tiền-khiên-tật* (*vāsanā*) đã tích lũy từ vô-thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ.

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã tự mình chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế** đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 **Thánh-đạo**, 4 **Thánh-quả**, **Niết-bàn**, trở thành bậc **Thánh A-ra-hán cao thượng** đầu tiên trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Trâm-luân tận-minh là minh thứ 3 mà **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** đã chứng đắc vào canh chót của **đêm rằm tháng tư** (âm-lịch), trước lúc rạng đông (*aruna*).

Cho nên, **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** đã trở thành bậc **Thánh A-ra-hán cao thượng** đầu tiên trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama** tại *cội cây Assattha*, đúng như 24 **Đức-Phật quá-khứ** đã từng thọ ký, nên *cây Assattha*

này trở thành *Mahābodhirukkha* ⁽¹⁾: **cây Đại-Bồ-đề của Đức-Phật Gotama** tại khu rừng Uruvelā (nay gọi là *Buddhagayā* tại nước Ấn-Độ).

* **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** trở thành **Đức-Phật Gotama** lúc tròn 35 tuổi.

Mười ngàn cõi-giới chúng-sinh từ mặt đất lên đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, chư-thiên, phạm-thiên vô cùng vui mừng hoan hỷ thốt lên lời:

Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!

- ***Buddho uppanno!***

Đức-Phật-Bảo đã xuất hiện trên thế gian!

- ***Dhammo uppanno!***

Đức-Pháp-Bảo đã xuất hiện trên thế gian!

- ***Saṃgho uppanno!***

Đức-Tăng-Bảo cũng sẽ xuất hiện trên thế gian!

Tiếng hoan hô vang dội khắp toàn mười ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Điều phi thường chưa từng có trên thế gian này là:

¹ Dưới cội cây nào mà mỗi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thì cây ấy được gọi là Mahābodhirukkha: Cây Đại-Bồ-đề. Mỗi Đức-Phật có mỗi cây Đại-Bồ-đề khác nhau. Cây Assattha này tại khu rừng Uruvelā đồng sinh cùng một lúc với Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha từ 35 năm về trước, gọi là **cây Đại-Bồ-đề của Đức-Phật Gotama** hiện tại của chúng ta.

- Tất cả các loài hoa đều đua nhau nở để cúng dường đến Đức-Phật.

- Tất cả các loại cây ăn trái đều cho quả ngon ngọt.

- Tất cả những người mù từ lúc đầu thai, khi sinh ra đời không thấy được gì, thì nay có đôi mắt sáng, có thể nhìn thấy rõ mọi vật trên đời.

- Tất cả những người điếc từ lúc đầu thai, khi sinh ra đời không nghe được âm thanh gì, thì nay hai tai có thể nghe rõ mọi thứ âm thanh.

- Tất cả những người què, bại liệt từ lúc đầu thai, khi sinh ra đời không đi lại được, thì nay họ đi lại dễ dàng.

- Đặc biệt nhất, địa-ngục Lokantarika rộng lớn tới tám, nơi giáp ranh với ba cõi-giới, dành cho những chúng-sinh có tà-kiến cố-định (niyatamicchādittī) hoàn toàn không tin nghiệp và quả của nghiệp. Địa-ngục tới tám ấy, dù ánh sáng của 7 mặt trời mọc lên cùng một lúc, cũng không thể chiếu sáng đến nơi ấy, song ánh sáng hào quang của Đức-Phật Gotama tỏa khắp mười ngàn cõi-giới, chiếu sáng đến tận địa-ngục Lokantarika, cho nên, những chúng-sinh ở trong cõi địa-ngục ấy có thể nhìn thấy lẫn nhau, ...

Toàn thể mười ngàn cõi-giới, chư-thiên, chư phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ các tầng trời đến cúng dường **Đức-Phật Gotama** và tán dương ca tụng hằng ngàn bài kệ.

Phật ngôn đầu tiên của Đức-Phật Gotama

Khi ấy, Đức-Phật Gotama tự thuyết ở trong tâm bằng hai bài kệ ⁽¹⁾ 153-154 rằng:

*Anekajātisamsāraṃ, sandhāvissaṃ anibbisaṃ.
Gahakāraṃ gavesanto, dukkhā jāti punappunaṃ.
Gahakāraka diṭṭho'si, puna gehaṃ na kāhasi.
Sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūṭaṃ visaṅkhatāṃ.
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ, taṇhānaṃ khayamajjhagā.*

- Nay người thợ “tham-ái” xây nhà ‘thân’!

Như-Lai cố tìm người mà chưa gặp,

Nên tử sinh luân-hồi vô số kiếp,

Tái-sinh mãi trong tam-giới là khổ.

- Nay “tham ái” người thợ xây nhà ‘thân’!

Bây giờ Như-Lai đã gặp người rồi.

Tất cả sườn nhà, “phiền-não” ⁽²⁾ của người,

Như-Lai đã hủy hoại sạch cả rồi.

Đỉnh nhà “vô-minh” cũng bị tiêu diệt,

Nay người không còn xây nhà Như-Lai,

Tâm Như-Lai đã chứng ngộ Niết-bàn,

Diệt tận được tất cả mọi “tham-ái”

Như-Lai đã chứng đắc A-ra-hán.

Hai bài kệ cảm ứng tự thuyết ở trong tâm của Đức-Phật Gotama này là Phật ngôn đầu tiên của Đức-Phật Gotama (Paṭhamabuddhavaṇṇa).

¹ Dhammapadagāthā số 153 và số 154.

² Phiền-não có tất cả 1.500 loại. Tham-ái gồm có 108 loại.

Đức-Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn

Sau khi đã trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**, Đức-Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày⁽¹⁾.

Sau khi an hưởng pháp-vị giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ gồm có 49 ngày xong, **Đức-Phật Gotama** suy tư về 9 pháp siêu-tam-giới (*lokuttaradhamma*) mà Đức-Phật đã chứng đắc.

Pháp siêu-tam-giới (lokuttaradhamma) có 9 pháp:

* **Thánh-đạo-tâm (Ariyamaggacitta)** có 4 tâm:

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimagga-citta).*
- *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (Sakadāgāmimagga-citta).*
- *Bất-lai Thánh-đạo-tâm (Anāgāmimagga-citta).*
- *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (Arahattāmagga-citta).*

* **Thánh-quả-tâm (Ariyaphalacitta)** có 4 tâm:

- *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphala-citta).*
- *Nhất-lai Thánh-quả-tâm (Sakadāgāmiphala-citta).*

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển I: Tam-Bảo cùng soạn giả.

- *Bất-lai Thánh-quả-tâm (Anāgāmi-phala-citta).*
- *A-ra-hán Thánh-quả-tâm (Arahattāphala-citta).*

* **Bậc Thánh-nhân (Ariyapuggala)** có 4 bậc:

- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).*
- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi).*
- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi).*
- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

Chín pháp siêu-tam-giới đó là 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm và Niết-bàn chỉ là pháp của 4 bậc Thánh-nhân đã chứng đắc mà thôi, còn tất cả mọi chúng-sinh còn phàm-nhân đang bị dính mắc trong ngũ-dục là sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục; bị chìm đắm trong ngũ-dục, làm tội tở của 108 loại tham-ái, làm nô lệ của 1500 loại phiền-não; thì khó mà chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề, khó mà chứng đắc được 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn đó là 9 pháp siêu-tam-giới (navalokuttaradhamma) này.

Đức-Phật Gotama suy nghĩ rằng: “Nếu Như-lai thuyết pháp mà chúng-sinh không thấu hiểu chánh-pháp, không chứng đắc pháp siêu-tam-giới cao thượng này, thì chỉ làm cho Như-lai vất vả mệt nhọc, hoài công vô ích mà thôi.”

Vì vậy, Đức-Phật Gotama còn do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Đại-phạm-thiên thỉnh Đức-Phật thuyết pháp

Biết **Đức-Phật Gotama** đang còn do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh, nên **vị Đại-phạm-thiên Sahampati** bèn thông báo cho toàn cõi phạm-thiên, chư-thiên khắp mười ngàn cõi-giới chúng-sinh hay biết rằng:

- *Nassati vata Bho loko!*

- *Vinassati vata Bho loko!*⁽¹⁾

- *Này chư vị! Toàn cõi-giới chúng-sinh bị bất lợi!*

- *Này chư vị! Toàn cõi-giới chúng-sinh bị thiệt hại!*

Bởi vì, **Đức-Phật Gotama** đang còn do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ, cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm-luân, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, **Đại-phạm-thiên Sahampati** cùng chư-thiên, chư phạm-thiên khắp mười ngàn cõi-giới hiện xuống kính lễ Đức-Thế-Tôn, đồng kính thỉnh rằng:

- *Desetu Bhante Bhagavā dhammaṃ.*

- *Desetu Sugato dhammaṃ.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn! Chúng con hết lòng thành kính cung thỉnh Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.*

- *Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn! Chúng con hết*

¹ Bộ Majjhimanikāyapāḷi, Mūlapaṇṇāsapāḷi, Pāsārāsisutta.

lòng thành kính cung thỉnh Đức-Thiện-Ngôn có tâm đại-bi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Có số chúng-sinh nào phiền-não nhẹ, có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn. Nếu số chúng-sinh ấy không có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Thế-Tôn thì sự bất lợi sẽ lớn lao biết dường nào!

Nghe lời thỉnh cầu của vị Đại-Phạm-thiên Sahampati cùng chư-thiên, chư phạm-thiên, Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi suy xét bằng Phậ-nhãn (Buddhacakkhu) thấy rõ, biết rõ số chúng-sinh có tham-ái nhẹ; số chúng-sinh có tham-ái nặng; số chúng-sinh có phiền-não nhẹ; số chúng-sinh có phiền-não nặng; số chúng-sinh đã từng thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ đã được tích lũy trong tâm sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài; số chúng-sinh có 5 pháp-chủ già dặn; số chúng-sinh có 5 pháp-chủ non yếu; ...

Ví như 4 loại hoa sen ⁽²⁾:

1- Có đóa hoa sen vượt qua khỏi mặt nước, chờ tiếp xúc với ánh sáng mặt trời liền nở ngay ngày hôm ấy.

² Bộ Chú-giải Majjhimanikāya, Mūlapannāsa, kinh Pāsarāsisutta.

2- Có đóa hoa sen vươn lên, nằm ngang tầm mặt nước, sẽ chờ nở vào ngày hôm sau.

3- Có đóa hoa sen còn ở dưới mặt nước, sẽ chờ thời gian ba hoặc bốn hôm nữa mới nở được.

4- Có đóa hoa sen còn non vừa mới tượng hình ở dưới nước sâu. Những mầm sen non ấy sẽ làm vật thực cho loài rùa, ...

Bốn loại hoa sen này được so sánh như bốn hạng người ở trong đời:

1- **Ugghāṭitaññū**: Hạng người có trí-tuệ bậc thượng, bèn chạy khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp, chưa cần khai triển, hay trong một bài kệ có bốn câu, chỉ nghe hai câu đầu, hạng người có trí-tuệ bậc thượng ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn ngay khi ấy.

2- **Vipañcitaññū**: Hạng người có trí-tuệ bậc trung khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp và **khai triển**, hay được nghe một bài kệ đầy đủ bốn câu, hạng người có trí-tuệ bậc-trung ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn ngay sau đó.

3- **Neyya**: Hạng người có trí-tuệ bậc hạ khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp và **khai triển** xong, còn cần phải có thời gian thân cận gần gũi với bậc Thánh-nhân, bậc thiện-trí hướng

*dẫn chỉ dạy thêm, hạng người có trí-tuệ bậc hạ ấy mới có khả năng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn trong kiếp hiện-tại này.*

*4- **Padaparama**: Hạng người có trí-tuệ kém dù được nghe nhiều, học nhiều đi nữa hoặc có thân cận với bậc thiện-trí, người có trí-tuệ kém ấy cũng chưa có khả năng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn trong kiếp hiện-tại này. Nhưng đây là một cơ hội tốt, một dịp may, để bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, để chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn trong kiếp vị-lai.*

*Đức-Phật Gotama xem xét tất cả chúng-sinh bằng Phật-nhãn thấy rõ có 4 hạng người như vậy, cho nên, sự thuyết pháp của Đức-Phật sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho ba hạng người trước có khả năng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, ngay trong kiếp hiện-tại, và cũng đem lại lợi ích cho hạng người thứ tư (*padaparama*) trong kiếp vị-lai.*

Vì vậy, Đức-Phật Gotama nhận lời thỉnh cầu của vị Đại-Phạm-thiên Sahampati, Đức-Phật Gotama sẽ thuyết pháp tế độ chúng-sinh. Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Nay Đại-Phạm-thiên Sahampati! Bây giờ,

Như-Lai nhận lời thỉnh cầu của các người, Như-Lai sẽ thuyết pháp tế độ cho chúng-sinh hữu-duyên nên tế độ, để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Khi biết Đức-Thế-Tôn đã nhận lời thỉnh cầu, nên vị Đại-Phạm-thiên Sahampati cùng toàn thể chư phạm-thiên, chư-thiên vô cùng hoan-hỷ đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cõi-giới của mình.

Thật ra, trong đời này, chỉ có Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót và chư Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót mới không cần lắng nghe chánh-pháp từ một vị thầy nào, mà tự mình thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** đầu tiên gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh, hoặc trở thành **Đức-Phật Độc-Giác** mà thôi.

Ngoài Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót và chư Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót ra, còn tất cả chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác bậc nào cũng đều cần phải lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi thực-hành theo pháp-hành thiên-tuệ mới có thể dẫn đến chứng ngộ

chân-ly tứ Thánh-đề y theo Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chứng đắc như sau:

* Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* (*ditṭhi*) và *hoài-nghi* (*vicikicchā*), trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***.

* Chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân* (*dosa*) ***loại thô***, trở thành ***bậc Thánh Nhất-lai***.

* Chứng đắc đến *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não *sân* (*dosa*) ***loại vi-tế***, trở thành ***bậc Thánh Bát-lai***.

* Chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham* (*lobha*), *si* (*moha*), *ngã-mạn* (*māna*), *buồn-chán* (*thīna*), *phóng-tâm* (*uddhacca*), *không biết hổ-thẹn tội-lỗi* (*ahirika*), *không biết ghê-sợ tội-lỗi* (*anottappa*), trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán cao thượng***.

Đề trở thành *bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật bậc nào* đều hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của 10 *pháp-hạnh ba-la-mật* và 5 *pháp-chủ* (*indriya*): *tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ* của mỗi bậc Thánh-nhân.

Thật vậy, Ngài Đại Trưởng-lão *Sāriputta* là bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn-giác có trí-tuệ xuất sắc bậc nhất trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama. Vậy mà tự Ngài không có khả năng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, cho đến khi Ngài lắng nghe Ngài Trưởng-lão *Assaji* thuyết dạy một bài kệ gồm bốn câu, vừa nghe hai câu đầu, Ngài liền chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu tại nơi ấy.

Vì vậy, gọi là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Thuyết pháp tế độ người đầu tiên

Đức-Phật Gotama suy xét nên thuyết pháp tế độ cho người nào đầu tiên, Đức-Phật nghĩ đến vị Đạo-sư *Ālāra Kālāmagotta* là bậc thiện-trí có trí-tuệ, nếu vị Đạo-sư *Ālāra Kālāmagotta* được nghe chánh-pháp thì sẽ nhanh chóng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Khi ấy, chư-thiên đến hầu Đức-Phật và kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Đạo-sư *Ālāra Kālāmagotta* đã viên tịch được 7 ngày qua.

Đức-Phật xem xét thấy đúng vị Đạo-sư *Ālāra Kālāmagotta* đã viên tịch, **vô-sắc-giới thiện-**

ngiệp trong *đệ-tam-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là **Vô-sở-hữu-xứ thiên** có tuổi thọ 60.000 đại-kiếp trái đất. Đức-Phật suy nghĩ rằng:

“*Thật là sự bất lợi lớn lao quá!*”⁽¹⁾

* Tiếp đến, Đức-Phật nghĩ đến vị *Đạo-sư Udaka Rāmaputta* là bậc thiện-trí có trí-tuệ, nếu vị *Đạo-sư Udaka Rāmaputta* được nghe chánh-pháp thì sẽ nhanh chóng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn*.

Khi ấy, chư-thiên đến hầu Đức-Phật và kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta vừa mới viên tịch chiều hôm qua.*

Đức-Phật xem xét thấy đúng vị *Đạo-sư Udaka Rāmaputta* đã viên tịch, **vô-sắc-giới thiện-ngiệp** trong *đệ-tứ-thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên gọi là **Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên** có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất. Đức-Phật suy nghĩ rằng:

¹ **Sự bất lợi** ở đây có nghĩa: Chúng-sinh ở cõi trời vô-sắc-giới không có sắc-uẩn, nên không có tai để nghe được chánh-pháp, đã mất đi cơ hội tốt hiếm có, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

“Thật là sự bất lợi lớn lao quá!”

* Tiếp đến, Đức-Phật nghĩ đến *nhóm năm tỳ-khuru* đã từng phụng sự, hộ độ Đức-Phật trong suốt thời gian còn là Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-khổ-hạnh tại khu rừng Uruvelā, Đức-Phật nghĩ rằng:

“Vây, Như-Lai nên thuyết pháp tế độ nhóm năm tỳ-khuru này đầu tiên.”

Khi ấy, nhóm năm tỳ-khuru đang trú tại khu rừng phóng-sinh-nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Đức-Phật từ khu rừng Uruvelā ngự đi đến khu rừng phóng-sinh-nai ấy, để thuyết pháp tế độ nhóm năm tỳ-khuru: *Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña* trưởng nhóm, *Ngài Vappa*, *Ngài Bhaddiya*, *Ngài Mahānāma* và *Ngài Assaji*.

Đức-Phật thuyết kinh Chuyển-pháp-luân

Đức-Thế-Tôn ngự đến khu rừng phóng-sinh-nai gọi là Isipatana, nhằm vào *ngày rằm tháng 6*, (âm lịch) sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tròn đúng hai tháng.

Nhóm năm tỳ-khuru nhìn thấy **Đức-Phật Gotama** từ xa đi đến, họ nghĩ lầm rằng: *“Sa-môn Gotama đã từ bỏ sự tinh-tấn thực-hành pháp-khổ-hạnh để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà trở lại đời sống sung túc.”*

Vì nghĩ lầm như vậy, nên nhóm năm tỳ-khưu không còn đức-tin và sự kính trọng Đức-Phật như trước, họ đồng ý thỏa thuận với nhau rằng:

“Chúng ta không đứng dậy đón rước, không tiếp nhận y và bát, không đánh lễ, chỉ nên sắp đặt chỗ để cho Sa-môn Gotama ngồi mà thôi.”

Nhưng khi **Đức-Phật Gotama** đến gần, do oai lực tâm đại-bi của Đức-Phật, nhóm năm tỳ-khưu không còn nhớ lời giao ước, mà mỗi vị đều tự động đứng dậy cung kính đón rước. *Vị nhận y bát, vị lấy nước rửa chân, vị thì sắp đặt trải chỗ ngồi cao quý, thỉnh Đức-Phật ngự đến ngồi chỗ cao quý ấy.* Nhưng cách xưng hô của họ đối với Đức-Phật bằng cách gọi “*Āvuso*” không hợp lẽ đạo, thiếu sự cung kính đối với Đức-Thế-Tôn.

Nghe vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

*- Nay chư tỳ-khưu! Các con không nên gọi Như-Lai bằng tiếng “Āvuso”⁽¹⁾. Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Như-Lai sẽ thuyết pháp giảng dạy chánh-pháp mà Như-Lai đã chứng ngộ. Các con hãy lắng nghe chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp, các con cũng sẽ chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** y theo Như-lai,*

¹ “Āvuso” từ dùng để gọi vị nhỏ hạ. “Bhante” từ dùng để gọi vị cao hạ một cách tôn kính.

cũng chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, y theo Như-Lai đã chứng đắc.

Nhóm năm tỳ-khuru vẫn chưa tin theo lời dạy của Đức-Phật, bởi vì nghĩ rằng:

“Trước đây Sa-môn Gotama thực-hành pháp-khổ-hạnh đến như thế, mà không trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Nay, Sa-môn Gotama trở lại đời sống sung túc như vậy, lại có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được hay sao?”

Thấu hiểu rõ sự hoài-nghi của nhóm năm tỳ-khuru, nên Đức-Thế-Tôn đã giải thích làm cho nhóm năm tỳ-khuru hiểu rõ, không còn hoài-nghi nữa. Cuối cùng, họ hết lòng tôn kính Đức-Thế-Tôn và phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn.

Khi ấy, mặt trời sắp lặn ở hướng Tây, mặt trăng ló dạng ở hướng Đông, lần đầu tiên **Đức-Phật Gotama** thuyết-pháp giảng giải bài kinh **Dhammacakkappavattanasutta** ⁽¹⁾: *Kinh Chuyển-pháp-luân*, để tế độ nhóm 5 tỳ-khuru là Ngài Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji tại khu rừng phóng-sinh-nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành

¹ Samyuttanikāya, Mahāvagga, Dhammacakkappavattanasutta. Tìm hiểu toàn bài kinh này trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển I: Tam-Bảo, phần Đức-Pháp, cùng soạn giả.

Bārāṇasī, vào ngày rằm tháng 6 (âm-lịch), tròn đúng 2 tháng sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña

Sau khi lắng nghe Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài Kinh Chuyên-Pháp-Luân xong, trong nhóm 5 tỳ-khưu ấy chỉ có **Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña** là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña được Đức-Phật gọi tên mới là **Aññāsikoṇḍañña** nghĩa là Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** y theo Đức-Phật Gotama cùng với 180 triệu chư-thiên và chư phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành sa-di và tỳ-khưu.

Đức-Phật xem xét thấy Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña có đầy đủ phước-duyên phát

sinh **8 thứ vật dụng** cần thiết của tỳ-khuru là *tam y, bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ, ống lọc nước* phát sinh như thần thông, nên Đức-Phật đưa bàn tay phải ra, chỉ ngón tay trở truyền dạy rằng:

- *“Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo, cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ.”*

- *Này Aññāsikondañña! Con hãy đến với Như-lai! Con trở thành tỳ-khuru theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, cuối cùng giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.”*

Thật kỳ diệu thay! Sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt câu, ngay khi ấy, hình tướng cũ của Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña biến mất, thay thế Tăng tướng mới đạo mạo của vị tỳ-khuru có đầy đủ 8 thứ vật dụng được thành-tựu như thần thông. Vị tỳ-khuru có Tăng tướng trang nghiêm, lục-môn thanh-tịnh như Ngài Trưởng-lão có 60 hạ.

Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikondañña là **vị tỳ-khuru** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, đồng thời ngay khi ấy, **Tam Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo** trọn

ven lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 6 âm-lịch.

* Ngày rằm tháng tư (âm lịch) **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, đồng thời **Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo** xuất hiện trên thế gian.

* Ngày rằm tháng 6 âm-lịch (2 tháng sau khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian) mới có **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña** là bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử cũng là **vị tỳ-khuru đầu tiên** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama. Đồng thời **Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo** trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian.

Vào ngày 16 tháng 6, **Đức-Phật Gotama** nhập hạ đầu tiên cùng với nhóm 5 tỳ-khuru tại khu rừng phóng-sinh-nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.

- Ngày 16 tháng 6, **Ngài Trưởng-lão Vappa** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn**, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru.

Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi “Ehi Bhikkhu”.

- Ngày 17 tháng 6, **Ngài Trưởng-lão Bhaddiya** chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc

*Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru.*

Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi “Ehi Bhikkhu”.

- Ngày 18 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Mahā-nāma* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru.

Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi “Ehi Bhikkhu”.

- Ngày 19 tháng 6, *Ngài Trưởng-lão Assaji* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, rồi kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru.

Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khuru theo cách gọi “Ehi Bhikkhu”.

- Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài **kinh Anattālakkaṇasutta**: kinh Trạng-thái vô-ngã, tế độ nhóm 5 tỳ-khuru đều trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**⁽¹⁾.

¹ Tìm hiểu rõ toàn bài kinh này trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I: Tam-Bảo, phần Đức-Pháp, cùng soạn giả.

Khi ấy, 5 bậc Thánh A-ra-hán là thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama đã xuất hiện trong cõi người.

II- Paccakabodhisattā: Đức Bồ-tát Độc-Giác

Đức-Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác, thì **Đức Bồ-tát Độc-Giác** cần phải thực-hành đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật là 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ và 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung.

* Mỗi khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ nào, **Đức-Bồ-tát Độc-Giác** dảm hy sinh những của cải tài-sản, ... bên ngoài thân thể của mình, để thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ ấy.

* Mỗi khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung nào, **Đức-Bồ-tát Độc-Giác** dảm hy sinh những bộ phận nào trong thân thể của mình, để thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung ấy.

Đức-Bồ-tát Độc-Giác thực-hành đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, đều được tích lũy đầy đủ **trong tâm** sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới, cho đến khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định thời gian còn lại, để trở thành Đức-Phật Độc-Giác.

Đức-Bồ-tát Độc-Giác có 3 hạng:

- *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt.*
- *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt.*
- *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có tinh-tấn siêu-việt.*

* *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có trí-tuệ siêu-việt* sau khi được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thọ ký xác định thời gian còn lại 2 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất* để bồi bổ 20 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

* *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có đức-tin siêu-việt* sau khi được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thọ ký xác định thời gian còn lại 4 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất* để bồi bổ 20 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

* *Đức-Bồ-tát Độc-Giác có tinh-tấn siêu-việt* sau khi được *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* thọ ký xác định thời gian còn lại 8 *a-tăng-kỳ* và 100 ngàn *đại-kiếp trái đất* để bồi bổ 20 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

Đức Bồ-tát Độc-Giác ấy *kiếp chót* sinh làm người nam tam-nhân trong thời-kỳ không có *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* xuất hiện trên thế gian, *Đức Bồ-tát Độc-Giác* ấy xuất gia không thọ giáo với vị thầy nào, tự mình thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tử Thánh-đế** không có thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-

đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* gọi là **Đức-Phật Độc-Giác**, bởi vì Đức-Phật không thể thuyết pháp giảng dạy các chúng-sinh cùng chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đề* y theo Đức-Phật Độc-Giác được.

Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng thời đại, song mỗi *Đức-Phật Độc-Giác* đều tự mình thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đề*, không có thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* gọi là **Đức-Phật Độc-Giác**.

Đến khi hết tuổi thọ, **Đức-Phật Độc-Giác** tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

III-Sāvaka bodhisattā: Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác

Vị Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh thanh-văn-giác, thì *vị Bồ-tát thanh-văn-giác* cần phải thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

* Mỗi khi thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ nào, *vị Bồ-tát thanh-văn-giác* dám hy sinh *những của cải tài-sản, ... bên ngoài thân thể của mình*, để thành tựu pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ ấy.

Vị-Bồ-tát thanh-văn-giác thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ vô số kiếp quá-khứ, đều được tích lũy đầy đủ **trong tâm** sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác có 3 hạng:

- *Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác (Aggasāvakabodhisattā).*
- *Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác (Mahāsāvakabodhisattā).*
- *Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường (Pakatisāvakabodhisattā).*

1- Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác (Aggasāvakabodhisattā)

Vị Bồ-tát có ý nguyện muốn trở thành *Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác (Aggasāvaka-bodhisattā)* cần phải thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ vô số kiếp quá-khứ, cho đến khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu nào trong thời vị lai.

Vị Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác ấy cần phải thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, được tích lũy đầy đủ **trong tâm** sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới suốt 1 a-tăng-kỳ và 100

ngàn đại-kiếp trái đất, để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu ấy xuất hiện trên thế gian, vị *Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác* ấy kiếp chót sinh làm người nam tam-nhân trong thời-kỳ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu ấy đúng như *Đức-Phật quá-khứ* đã từng thọ ký.

Vị *Bồ-tát Tối-thượng Thanh-văn-giác* ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy, xin xuất gia trở thành tỳ-khuru, lắng nghe chánh-pháp của *Đức-Phật*, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế* y theo *Đức-Phật*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, cùng với *tứ tuệ-phân-tích*, *lục-thông*.

Nhân dịp chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng hội, *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy tuyên dương ngôi vị *Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử* của *Đức-Phật* ấy.

Mỗi *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* chỉ có 2 vị *Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử* mà thôi.

Đức-Phật Gotama có 2 vị *Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử* là:

- Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên phải có **trí-tuệ xuất sắc bậc nhất** trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

- Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna là bậc Thánh A-ra-hán Tối-thượng thanh-văn đệ-tử bên trái có **phép thần-thông xuất sắc bậc nhất** trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

2- Vị Bồ-tát Đại-Thanh-văn-giác (Mahāsāvakabodhisattā)

Vị Bồ-tát Đại Thanh-văn-giác cần phải thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ vô số kiếp quá-khứ, cho đến khi được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký xác định Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu nào trong thời vị lai.

Vị Bồ-tát Đại Thanh-văn-giác ấy cần phải thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, được tích lũy đầy đủ **trong tâm sinh rồi diệt** từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ.

Trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu ấy xuất hiện trên thế gian, vị Bồ-tát Đại Thanh-văn-giác ấy kiếp chót sinh làm

người nam tam-nhân trong thời-kỳ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* có danh hiệu ấy đúng như *Đức-Phật quá-khứ* đã từng thọ ký.

Vị *Bồ-tát Đại Thanh-văn-giác* ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy, xin xuất gia trở thành sa-di, tỳ-khưu, lắng nghe chánh-pháp của *Đức-Phật*, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế* y theo *Đức-Phật*, chứng đắc *4 Thánh-đạo*, *4 Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, cùng với *tứ tuệ-phân-tích*, *lục-thông*.

Nhân dịp chư *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng hội*, *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* ấy tuyên dương ngôi vị *Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* ấy.

Đức-Phật Gotama có 80 vị *Thánh A-ra-hán Đại-thanh-văn đệ-tử*.

3- Vị *Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường* (*Pakatisāvaka bodhisattā*)

Vị *Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường* cần phải thực-hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ từ vô số kiếp quá-khứ, được tích lũy đầy đủ *trong tâm sinh rồi diệt* từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam-giới

suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất hoặc dưới 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường ấy sinh làm người tam-nhân trong thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian. Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác hạng thường ấy đến hầu đánh lễ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tử Thánh-đế** y theo Đức-Phật, chứng đắc như sau:

* Có số chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

* Có số chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.

* Có số chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.

* Có số chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật Gotama có vô-số bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường đủ các hạng như sa-di, tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, chư-thiên, chư phạm-thiên.

Phần II

Tứ Thánh-đế trong bài kinh Dhammacakkappavattānasutta

Tứ Thánh-đế trong bài *Dhammacakkappavattānasutta* ⁽¹⁾: Kinh Chuyển-pháp-luân là một bài kinh cốt lõi trọng yếu trong Phật-giáo, bởi vì trong bài kinh này Đức-Phật thuyết giảng về *pháp-hành trung-đạo* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế* là *khổ-Thánh-đế*, *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, *diệt khổ-Thánh-đế*, *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*.

Đức-Phật thuyết giảng mỗi *Thánh-đế* có *tam-tuệ-luân* luân chuyển theo tuần tự từ *trí-tuệ-học* (*saccañāṇa*) luân chuyển đến *trí-tuệ hành* (*kiccañāṇa*), rồi luân chuyển đến quả *trí-tuệ-thành* (*katañāṇa*). Vì vậy, *Tứ Thánh-đế* gồm có 12 (3x4) loại *trí-tuệ*. Đức-Phật thuyết giảng như sau:

Catu ariyasacca

1- *Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkhaṃ ariyasaccam.*

Jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, byādhipi dukkho,

¹ Samyuttanikāya, Mahāvaggasamyut, Dhammacakkappavattānasutta.

maraṇampi dukkhaṃ, appiyehi sampayogo dukkho, piyehi vippayogo dukkho, yampicchaṃ na labhati, tampi dukkhaṃ, saṃkhittena pañcupādānakkhandhā dukkhā.

2- *Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkha-samudayaṃ ariyasaccaṃ.*

Yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandirāgasahagatā tatrataṭṭrābhinandinī.

Seyyathidaṃ- Kāmatāṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

3- *Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkha-nirodhaṃ ariyasaccaṃ.*

Yo tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.

4- *Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkha-nirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ.*

Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathidaṃ sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammākammanto, sammā-ājivo, sammāvāyamo, sammāsati, sammāsamādhi.

1.1- *“Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

1.2- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyan”ti me bhikkhave, pubbe*

ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

1.3- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

2-1- “*Idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

2.2- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabban*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

2.3- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahīnan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

3.1- “*Idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

3.2- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabban*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

3.3- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikatan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

4.1- “*Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

4.2- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabban*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

4.3- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

Yāvakīvañca me bhikkhave, imesu catūsu ariya-

*saccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ
yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ na suvisuddhaṃ
ahosi.*

*Neva tāvā'haṃ bhikkhave, sadevake loke
samārake sabrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā
pajāya sadevamanussāya “**anuttaraṃ sammā-
sambodhiṃ abhisambuddho**”ti paccaññāsiṃ.*

*Yato ca kho me bhikkhave, imesu catūsu
ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ
yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **suvisuddhaṃ**
ahosi.*

*Athā'haṃ bhikkhave, sadevake loke samārake
sabhrahmake sassamaṇabrāhmaṇiyā pajāya
sadevamanussāya “**anuttaraṃ sammāsambodhiṃ
abhisambuddho**”ti paccaññāsiṃ.*

*Ñāṇaṅca pana me dassanaṃ udapādi,
“akuppā me vimutti ⁽¹⁾, ayamantimā jāti, natthi
dāni punabbhavo”ti.*

*Idamavoca Bhagavā. Attāmanā pañcavaggiyā
bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandunti.*

*Imasmimca pana veyyākaraṇasmim bhañña-
māne āyasmato Koṇḍaññaassa virajaṃ vītamaḷaṃ
dhammacakkuṃ udapādi “**yaṃ kiñci samudaya-
dhammaṃ, sabbaṃ taṃ nirodhadhammaṃ**”ti.*

¹ Syāma cetovimutti.

Tứ Thánh-Đế

1- Khổ-Thánh-đế (Dukkha Ariyasacca)

- *Này chư tỳ-khuru! Khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:*

* *Tái-sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ.*

* *Phải gân gỏi, thân cận với người không thương yêu là khổ.*

* *Phải xa lìa người thương yêu là khổ.*

* *Mong muốn đừng có sinh, đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết ... mà điều ấy không thể nào được như ý là khổ.*

*Tóm lại, chấp thủ trong **ngũ-uẩn** do tâm tham-ái và tà-kiến là khổ.*

Những thật-tánh khổ ấy gọi là khổ-Thánh-đế.

2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế (Dukkhasamudaya Ariyasacca)

- *Này chư tỳ-khuru! Nhân sinh khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là **tham-ái**, là nhân dắt dẫn tái-sinh kiếp sau, hợp với tham muốn, ái-dục say mê trong mỗi kiếp ấy, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống.*

Nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là:

* *Dục-ái (kāmatanḥā): Tham-ái trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái).*

* *Hữu-ái (bhavataṇhā)*: Tham-ái trong 6 đối-tượng ái hợp với thường-kiến, hoặc tham-ái trong các bậc thiên sắc-giới, vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

* *Phi-hữu-ái (vibhavataṇhā)*: Tham-ái trong 6 đối-tượng ái hợp với đoạn-kiến.

Những thật-tánh tham-ái ấy gọi là nhân sinh khổ-Thánh-đế.

3- Diệt khổ-Thánh-đế (Dukkhanirodha Ariyasacca)

- *Này chư tỳ-khuru!* Diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là **Niết-bàn**, là pháp diệt tận được mọi tham-ái không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, Niết-bàn xả ly tất cả, Niết-bàn từ bỏ chấp-thủ trong ngũ-uẩn chấp-thủ, Niết-bàn giải thoát khổ, Niết-bàn không còn luyến ái, không còn dính mắc.

Những thật-tánh Niết-bàn ấy gọi là diệt khổ-Thánh-đế.

4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Dukkhanirodhagaminī Paṭipadā Ariyasacca)

- *Này chư tỳ-khuru!* Pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế, là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là **Thánh-đạo** hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tu-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

Những thật-tánh pháp-hành bát-chánh-đạo ấy gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế

1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế

1.1- Trí-tuệ-học biết khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ tái-sinh là khổ, già là khổ, ... tóm lại ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

“Thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-học có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế.”

1.2- Trí-tuệ-hành phận sự biết khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-*

thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ tái-sinh là khổ, già là khổ,... tóm lại ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.”

1.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự biết khổ-Thánh-đế (Katañāṇa)

- Nay chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ tái-sinh là khổ, già là khổ,... tóm lại ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với

Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên biết rõ, thì trí-tuệ-thành đã biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi.”

2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

2.1- Trí-tuệ-học biết nhân sinh khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)

- Nay chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ 108 loại tham-ái đó là 3 loại tanhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā nhân với 6 loại đối-tượng là sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái thành 18 loại tham-ái; rồi nhân với 2 bên là bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác thành 36 loại; rồi nhân với 3 thời là thời quá-khứ, thời hiện-tại, thời vị-lai gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ nhân sinh khổ-Thánh-

đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế; mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế, là pháp mà **trí-tuệ-học** có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ **tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế.**”

2.2- Trí-tuệ-hành phận sự diệt nhân sinh khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)

- Nay chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ 108 loại tham-ái đó là 3 loại tanhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā ... gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế, là pháp mà **trí-tuệ-hành** có phận sự nên diệt tham-ái bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.**”

2.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự diệt tận nhân sinh khổ-Thánh-đế (Katañña)

- Nay chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ 108 loại tham-ái đó là 3 loại tanhā là kāmataṇhā, bhava-taṇhā, vibhavataṇhā ... gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế; mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên diệt, thì **trí-tuệ-thành** đã diệt tận được tham-ái bằng **4 Thánh-đạo-tuệ rời.**”

3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế

3.1-Trí-tuệ-học biết diệt khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ 2 loại Niết-bàn là sa-upādisesanibbāna, anupādisesanibbāna, biết rõ 3 loại Niết-bàn là animitanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

“Thật-tánh của Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-học có phân sự học hỏi, hiểu biết rõ Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế.”

3.2- Trí-tuệ-hành phân sự chứng ngộ diệt khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ*

sáng suốt (*paññā*) biết rõ 2 loại Niết-bàn là *sapādisesanibbāna*, *anupādisesanibbāna*; biết rõ 3 loại Niết-bàn là *animitanibbāna*, *appaṇihitanibbāna*, *suññatanibbāna* đã phát sinh; tuệ-minh (*vijjā*) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (*āloko*) diệt màn vô-minh che phủ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế, là pháp mà **trí-tuệ-hành** có phận sự nên chứng ngộ Niết-bàn bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.**”

3.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế (Katañña)

- Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (*cakkhu*) thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (*ñāṇa*) thấy rõ, biết rõ thật-tánh diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (*paññā*) biết rõ 2 loại Niết-bàn là *sapādisesanibbāna*, *anupādisesanibbāna*; biết rõ 3 loại Niết-bàn là *animitanibbāna*, *appaṇihitanibbāna*, *suññatanibbāna* đã phát sinh; tuệ-minh (*vijjā*) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn diệt

khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế; mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên chứng ngộ, thì trí-tuệ-thành đã chứng ngộ Niết-bàn bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi.”

4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

4.1- Trí-tuệ-học biết pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)

- Đây chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“*Thật-tánh của pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định, là pháp mà trí-tuệ-học có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh là **chánh-kiến**, ... là **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.***”

4.2- Trí-tuệ-hành phận sự tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhân (cakkhu) thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo hợp với 8 chánh là chánh-kiến, ... đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành*

Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của pháp-hành bát-chánh-đạo hợp với 8 chánh là chánh-kiến, ... là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.”

4.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Katañña)

- Đây chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, ... đã phát sinh; tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh; ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, ... là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, là pháp mà trí-tuệ-

*hành có phận sự nên tiến hành thì **trí-tuệ-thành** đã tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh bằng **4 Thánh-đạo-tuệ rồi**.”*

Vai trò quan trọng của tam-tuệ-luân

- *Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **chưa phát sinh** đến với Như-Lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi ấy Như-Lai chưa truyền dạy rằng: “Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thấy.”*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “**Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng** trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thấy.”*

Trí-tuệ quán-triệt (Paccavekkhaṇāṇa)

Trí-tuệ quán-triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”

Ngài Trưởng-Lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân này xong, nhóm 5 tỳ-khuru phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật.

*Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết bài kinh Chuyển-pháp-luân toàn văn xuôi này, thì Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã phát sinh **dhammacakkhu**: pháp-nhãn chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** (ditṭhi) và **hoài-nghi** (vicikicchā) không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nên Ngài thấy rõ, biết rõ chắc chắn rằng:*

“Tất cả các pháp-hữu-vi nào trong tam-giới có trạng-thái-sinh, thì tất cả pháp-hữu-vi ấy đều có trạng-thái-diệt.”

Tứ Thánh-đế cần biết

Trong bài *Kinh Chuyển-pháp-luân*:

Ariyasacca: Thánh-đế là sự thật chân-lý mà bậc *Thánh-nhân* đã chứng ngộ.

Ariyasacca: Thánh-đế có 4 pháp:

1- **Dukkha ariyasacca**: *Khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* là *sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ* thuộc về tam-giới, là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ đều là **khổ-Thánh-đế**.

2- **Dukkhasamudaya ariyasacca**: *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là **tham tâm-sở** gọi là **tham-ái**, có 3 loại tham-ái (taṇhā):

- **Kāmatāṇhā**: *Dục-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) trong cõi dục-giới.

- **Bhavaṭaṇhā**: *Hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với **thường-kiến** và **tham-ái** trong thiên sắc-giới, thiên vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

- **Vibhavaṭaṇhā**: *Phi-hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với **đoạn-kiến**.

3- **Dukkhanirodha ariyasacca**: *Diệt khổ-thánh-đế* đó là **Niết-bàn**.

4- **Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca:** *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định.*

* Trong Bộ *Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo* giảng giải về 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế⁽¹⁾:

1- **Khổ-Thánh-đế** (*Dukkha ariyasacca*) đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc sắc-pháp và danh-pháp tam-giới* đó là 81 *tam-giới-tâm* (trừ 8 *siêu-tam-giới-tâm*) và 51 *tâm-sở* (trừ *tham tâm-sở*) có 4 thật-tánh:

- *Thật-tánh khổ là luôn hành hạ.*
- *Thật-tánh khổ là do nhân-duyên cấu tạo.*
- *Thật-tánh khổ làm nóng nảy.*
- *Thật-tánh khổ là luôn luôn biến đổi.*

2- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** (*Dukkhasamudaya ariyasacca*) đó là *tham tâm-sở* gọi là **tham-ái**, có 3 loại *tham-ái* (*taṇhā*) là *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh làm cho phát sinh khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh ràng buộc trong khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh dính mắc trong khổ-Thánh-đế.*

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Pariññādikiccakathā*.

3- Diệt khổ-Thánh-đế (*Dukkhanirodha ariyasacca*) đó là **Niết-bàn**, là pháp diệt khổ-Thánh-đế, có 4 thật-tánh:

- Thật-tánh giải thoát khỏi khổ-Thánh-đế.
- Thật-tánh không bị ràng buộc trong khổ-Thánh-đế.
- Thật-tánh không bị nhân-duyên cấu tạo.
- Thật-tánh không tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (*Dukkhanirodhagamini paṭipadā ariyasacca*) đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định, có 4 thật-tánh là:

- Thật-tánh pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn.
- Thật-tánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.
- Thật-tánh là pháp-hành giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.
- Thật-tánh là pháp-hành dẫn đầu làm phận sự:
 - Biết khổ-Thánh-đế.
 - Diệt nhân sinh khổ-Thánh-đế.
 - Chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Tất cả 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế này đồng thành tựu cùng một lúc trong **4 Thánh-đạo-tâm**.

Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế

- 1- *Saccañāṇa*: Trí-tuệ-học hiểu biết trong tứ thánh-đế.
- 2- *Kiccañāṇa*: Trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế.
- 3- *Katañāṇa*: Trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự trong tứ Thánh-đế.

1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế

1.1- **Trí-tuệ-học** là trí-tuệ-học hiểu biết rõ khổ-Thánh-đế đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ (dukkham ariyasaccam)*.

1.2- **Trí-tuệ-hành** là trí-tuệ thực-hành phạm sự của pháp-hành thiên-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **khổ-đế** là **pháp nên biết bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới (dukkham ariyasaccam pariññeyyam)**.

1.3- **Trí-tuệ-thành** là trí-tuệ hoàn thành phạm sự của trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý **khổ-Thánh-đế**, chứng đắc 4 **Thánh-đạo-tuệ** biết rõ **khổ-Thánh-đế** là **pháp nên biết thì đã biết bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi (dukkham ariyasaccam pariññātam)**.

2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

2.1- **Trí-tuệ-học** là trí-tuệ-học hiểu biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là **3 loại tham-ái (dukkhasamudayaṃ ariyasaccam)**.

2.2- **Trí-tuệ-hành** là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiên-tuệ phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *nhân sinh khổ-đế* là **pháp nên diệt** bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (*dukkhasamudayaṃ ariyasaccam pahātabbam*).

2.3- **Trí-tuệ-thành** là trí-tuệ hoàn thành phận sự của *trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới*, chứng ngộ chân-lý *nhân sinh khổ-Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *nhân sinh khổ-Thánh-đế* là **pháp nên diệt** thì **đã diệt tận** được bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* rồi (*dukkhasamudayaṃ ariyasaccam pahīnaṃ*).

3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế

3.1- **Trí-tuệ-học** là trí-tuệ-học hiểu rõ diệt khổ Thánh-đế đó là **Niết-bàn** (*dukkhanirodham ariyasaccam*).

3.2- **Trí-tuệ-hành** là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiên-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *diệt khổ-đế* là **pháp nên chứng ngộ** bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (*dukkhanirodham ariyasaccam sacchikātabbam*).

3.3- **Trí-tuệ-thành** là trí-tuệ hoàn thành phận sự của *trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới*, chứng ngộ chân-lý *diệt khổ-Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *diệt khổ-Thánh-đế* là **pháp nên chứng ngộ** thì **đã chứng ngộ** bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* rồi (*dukkhanirodham ariyasaccam sacchikatam*).

4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

4.1- **Trí-tuệ-học** là trí-tuệ-học hiểu biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam*).

4.2- **Trí-tuệ-hành** là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiên-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế** là **pháp nên tiến-hành** bằng **trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới** (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam bhāvetabbam*).

4.3- **Trí-tuệ-thành** là trí-tuệ hoàn thành phận sự của **trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới**, chứng ngộ chân-lý **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế**, chứng đắc 4 **Thánh-đạo-tuệ** biết rõ **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** là **pháp nên tiến hành thì đã tiến hành** bằng 4 **Thánh-đạo-tuệ** rồi (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam bhāvitam*).

Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế gồm có 12 (3x4) loại trí-tuệ, có vai trò quan trọng làm phận sự chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** mà Đức-Phật đã thuyết giảng trong bài *kinh Dhammacakkappavattanasutta: Kinh Chuyển-pháp-luân* rằng:

- “Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo

tam-tuệ-luân (*trí-tuệ-học, trí-tuệ hành, trí-tuệ thành*) (4x3) thành 12 loại *trí-tuệ* hoàn toàn trong *sáng thanh-tịnh đã phát sinh đến Như-Lai*.

- *Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “Anuttaram sammā sambodhim abhisambuddho”* Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy.

Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ ***chân-lý tứ Thánh-đế***, rồi chứng đắc 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*. Hành-giả cần phải học và hành theo *tam-tuệ-luân* trong *tứ Thánh-đế*.

1- *Saccañāṇa: Trí-tuệ-học* trong *tứ Thánh-đế*.

2- *Kiccañāṇa: Trí-tuệ-hành phận sự* trong *tứ Thánh-đế*.

3- *Katañāṇa: Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong *tứ Thánh-đế*.

Hành-giả cần phải học và hành theo tuần tự trong *tam-tuệ-luân* như sau:

1- Bốn trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, trước

tiên cần phải học pháp-học trong tứ Thánh-đế đó là học 4 tri-tuệ-học trong tứ Thánh-đế cho hiểu biết rõ chi pháp của mỗi Thánh-đế như sau:

1.1- **Khổ-Thánh-đế** đó là ngũ-uẩn chấp-thủ:

Ngũ-uẩn chấp-thủ nghĩa là ngũ-uẩn là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ trong đối-tượng:

- *Kāmapādāna*: Chấp-thủ trong ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) trong cõi dục-giới có chi-pháp là **tham tâm-sở** đồng sinh với 8 tham-tâm.

- *Diṭṭhupādāna*: Chấp-thủ trong tà-kiến (ngoài *sīlabbatupādāna* và *attāvādupādāna*) có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Sīlabbatupādāna*: Chấp-thủ trong pháp thường-hành sai lầm, có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Attāvādupādāna*: Chấp-thủ trong ngũ-uẩn cho là ta, có chi-pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

4 pháp chấp-thủ này trong tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 pháp đó là:

1- **Sắc-uẩn chấp-thủ** đó là 28 sắc-pháp, là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

2- **Thọ-uẩn chấp-thủ** đó là *thọ tâm-sở* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

3- **Tướng-uẩn chấp-thủ** đó là *tướng tâm-sở* trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

4- **Hành-uẩn chấp-thủ** đó là 50 *tâm-sở* (trừ thọ tâm-sở và tướng tâm-sở) trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

5- **Thức-uẩn chấp-thủ** đó là 81 *tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ này thuộc **khổ-Thánh-đế** là pháp nên biết.

- Chúng-sinh ở trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới đều có đủ *ngũ-uẩn*.

- Chúng-sinh ở trong 4 cõi vô-sắc-giới chỉ có 4 *danh-uẩn* (*thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*) mà thôi (chỉ có tâm, không có thân).

- Chúng-sinh ở trong cõi *sắc-giới Vô-tướng-thiên* chỉ có 1 uẩn là *sắc-uẩn* mà thôi (chỉ có thân, không có tâm).

Mỗi *tâm* phát sinh đều có đủ 4 *danh-uẩn* (*thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*).

Thật vậy, *mỗi tâm* phát sinh chắc chắn có *số tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy*.

- *Tâm ấy* thuộc về *thức-uẩn*.

- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *thọ-uẩn*.

- *Tưởng tâm-sở* đồng sinh với tâm ấy thuộc về *tưởng-uẩn*.

- *Số tâm-sở* còn lại đồng sinh với tâm ấy thuộc về *hành-uẩn*.

- *Vatthurūpa* là nơi nương nhờ của *tâm* với *tâm-sở* ấy để phát sinh thuộc về *sắc-uẩn*.

* Đối với chúng-sinh trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới (trừ cõi Vô-tưởng-thiên), mỗi tâm phát sinh đều có đầy đủ ngũ-uẩn phát sinh.

* Đối với chúng-sinh là phạm-thiên trong 4 cõi vô-sắc-giới, mỗi tâm phát sinh đều có đầy đủ tứ-uẩn phát sinh (không có sắc-uẩn).

* Đối với chúng-sinh là phạm-thiên ở trong cõi sắc-giới Vô-tưởng-thiên chỉ có nhất-uẩn là sắc-uẩn mà thôi (không có 4 danh-uẩn).

* Còn *thọ-uẩn*, *tưởng-uẩn*, *hành-uẩn*, *thức-uẩn* trong 8 siêu-tam-giới-tâm (4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm) không phải là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ.

Như vậy, 28 sắc-pháp và 81 tam-giới-tâm và 51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở) đều thuộc về **khổ-Thánh-đế là pháp nên biết**.

1.2- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là *tham tâm-sở* gọi là **tham-ái**

Tham-ái có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại:

* **Tham-ái** có 3 loại đó là:

1- *Kāmatanḥā*: *Dục-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (*sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái*) trong cõi dục-giới.

2- *Bhavatanḥā*: *Hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (*sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái*) hợp với **thường-kiến**; và **tham-ái** trong thiên sắc-giới, thiên vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

3- *Vibhavatanḥā*: *Phi-hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (*sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái*) hợp với **đoạn-kiến**.

* **Tham-ái** có 6 loại đó là *tham-ái* trong 6 đối-tượng:

1- *Sắc-ái (rūpatanḥā)* là *tham-ái* trong đối-tượng sắc-dục.

2- *Thanh-ái (saddatanḥā)* là *tham-ái* trong đối-tượng thanh-dục.

3- *Hương-ái (gandhatanḥā)* là *tham-ái* trong đối-tượng hương-dục.

4- *Vị-ái (rasatanḥā)* là *tham-ái* trong đối-tượng vị-dục.

5- *Xúc-ái (phoṭṭhabbatanḥā)* là *tham-ái* trong đối-tượng xúc-dục.

6- *Pháp-ái (dhammatanhā)* là *tham-ái* trong đối-tượng pháp-dục.

* **Tham-ái** có 18 loại đó là 3 loại *tham-ái* nhân với 6 *đối-tượng ái* thành 18 loại *tham-ái*.

* **Tham-ái** có 54 loại đó là 18 loại *tham-ái* nhân với 3 *thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai)* thành 54 loại *tham-ái*.

* **Tham-ái** có 108 loại đó là 54 loại *tham-ái* nhân với 2 (*bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác, đối-tượng khác*) thành 108 loại *tham-ái*.

Các loại *tham-ái* thuộc về *nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt*.

1.3- *Diệt khổ-Thánh-đế* đó là *Niết-bàn* diệt *nhân sinh khổ-Thánh-đế*

Niết-bàn có 2 loại đó là:

1- *Hữu-dư Niết-bàn (Sa upādisesanibbāna)* là *Niết-bàn* đối với bậc *Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi *tham-ái*, mọi *phiền-não* không còn dư sót, còn gọi là *kilesaparinibbāna: mọi phiền-não Niết-bàn*, nhưng *ngũ-uẩn* vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- *Vô-dư Niết-bàn (Anupādisesanibbāna)* là *Niết-bàn* đối với bậc *Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được tất cả mọi *tham-ái*, mọi *phiền-não* không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt *Niết-*

bàn, còn gọi là *khandhaparinibbāna*: *ngũ-uẩn Niết-bàn*, nghĩa là *ngũ-uẩn* diệt rồi không còn *ngũ-uẩn* nào tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Niết-bàn có 3 loại theo đối-tượng thiên-tuệ đó là:

1- **Vô-hiện-tượng Niết-bàn** (*Animittanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường* (*aniccalakkhaṇa*) hiện rõ hơn *trạng-thái khổ* và *trạng-thái vô-ngã*; do *năng lực tín pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*); hoặc do *năng lực của giới*, dẫn đến chứng ngộ **Niết-bàn** gọi là **vô-hiện-tượng Niết-bàn** (*animittanibbāna*) **Niết-bàn** không có hiện-tượng các pháp hữu-vi.

2- **Vô-ái Niết-bàn** (*Appaṇihitanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ *trạng-thái khổ* (*dukkhalakkhaṇa*) hiện rõ hơn *trạng-thái vô-thường* và *trạng-thái vô-ngã*; do *năng lực định pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tín pháp-chủ,*

tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ); hoặc do năng lực của **định**, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **vô-ái Niết-bàn** (*appaṇihita-nibbāna*) Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.

3- **Chân-không Niết-bàn** (*Suññatanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-ngã (*anattā-lakkhana*) hiện rõ hơn trạng-thái khổ và trạng-thái vô-thường; do năng lực **tuệ pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín pháp-chủ, tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ*); hoặc do năng lực của **tuệ**, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **chân-không Niết-bàn** (*suññatanibbāna*): Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.

Những đối-tượng Niết-bàn ấy thuộc về **diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ**.

1.4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đó là **bát-chánh-đạo**, là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế

Bát-chánh-đạo có 8 chánh:

1- **Chánh-kiến** (*Sammāditṭhi*): Trí-tuệ chân-chính là trí-tuệ-thiên-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

2- **Chánh-tư-duy** (*Sammāsaṅkappa*): Tư-duy chân-chánh là:

- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ-dục.
- Tư-duy không làm khổ mình khổ người.
- Tư-duy không làm hại mình hại người.

3- **Chánh-ngữ** (*Sammāvācā*): Lời nói chân-chánh là:

- Không nói-dối, mà nói lời chân thật.
- Không nói lời chia rẽ, mà nói lời hòa hợp.
- Không nói lời thô tục, mà nói lời nhã nhặn.
- Không nói lời vô ích, mà nói lời hữu ích.

4- **Chánh-nghiệp** (*Sammākammanta*): Nghề-nghiệp chân-chánh là:

- Không sát-sinh.
- Không trộm-cắp.
- Không tà-dâm.

5- **Chánh-mạng** (*Sammā-ājīva*): Nuôi mạng chân-chánh là tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành ác và khẩu hành ác.

6- **Chánh-tinh-tấn** (*Sammāvāyāma*): Tinh-tấn chân-chánh là:

- Tinh-tấn ngăn ác pháp chưa sinh, không phát sinh.
- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.

- *Tinh-tân làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.*

7- **Chánh-niệm** (*Sammāsati*) là niệm chân-chánh trong 4 pháp-hành tứ-niệm-xứ, có 4 pháp:

- *Thân niệm-xứ: Thân* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Thọ niệm-xứ: Thọ* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Tâm niệm-xứ: Tâm* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Pháp niệm-xứ: Pháp* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

8- **Chánh-định** (*Sammāsamādhi*): Định chân-chánh là định-tâm trong các bậc thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.

Bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 tâm siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới mà thôi, bởi vì trong bát-chánh-đạo có 3 chánh là chánh-ngữ, chánh-nghiệp và chánh-mạng là 3 loại chế-ngự tâm-sở thuộc loại *niyata-ekatocetasika*: 3 loại tâm-sở cố định chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới mà thôi.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh đó là 8 tâm-sở:

- Chánh-kiến đó là trí-tuệ tâm-sở.

- Chánh-tư-duy đó là hướng-tâm tâm-sở.

- Chánh-ngữ đó là chánh-ngữ tâm-sở.

- Chánh-nghiệp đó là *chánh-nghiệp tâm-sở*.
- Chánh-mạng đó là *chánh-mạng tâm-sở*.
- Chánh-tinh-tấn đó là *tinh-tấn tâm-sở*.
- Chánh-niệm đó là *niệm tâm-sở*.
- Chánh-định đó là *nhất-tâm tâm-sở*.

Như vậy, **bát-chánh-đạo** đó là 8 *tâm-sở* cùng với 28 *tâm-sở khác* đồng sinh với 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

* Thật ra, **8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm** có 36 *tâm-sở* đồng sinh, trong 36 *tâm-sở* ấy có *chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* là 3 loại *ché-ngự tâm-sở* (*viraticetasika*) thuộc loại ***niyata-ekatocetasika***: 3 *ché-ngự tâm-sở cố định* chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm* có *Niết-bàn* làm đối-tượng mà thôi.

* Trong ***tam-giới-tâm***, *ché-ngự tâm-sở* (*virati-cetasika*) có 3 *chánh* là *chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* thuộc về loại ***aniyatayogīcetasika***: *bất-định tâm-sở* còn thuộc loại ***nānākadāci*** mỗi *ché-ngự tâm-sở* sinh riêng rẽ và không *nhất định* trong 8 *đại-thiện-tâm*, bởi vì mỗi *ché-ngự tâm-sở* có mỗi đối-tượng khác nhau.

* **Bát-chánh-đạo có 3 nhóm**

1- **Nhóm tuệ** gồm có 2 *chánh* là *chánh-kiến* và *chánh-tư-đuy* có đối-tượng *Niết-bàn*.

2- **Nhóm giới** gồm có 3 chánh là *chánh-ngũ*, *chánh-nghiệp*, *chánh-mạng* có đối-tượng Niết-bàn.

3- **Nhóm định** gồm có 3 chánh là *chánh-tinh-tán*, *chánh-niệm*, *chánh-định* có đối-tượng Niết-bàn.

Trong **bát-chánh-đạo** có 3 nhóm **tuệ**, **giới**, **định** đồng sinh cùng nhau với 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm* cùng có đối-tượng Niết-bàn *siêu-tam-giới*.

Sở dĩ trong **bát-chánh-đạo** có *chánh-kiến*, *chánh-tư-đuy* thuộc về **nhóm tuệ** dẫn đầu, tiếp theo *chánh-ngũ*, *chánh-nghiệp*, *chánh-mạng* thuộc về **nhóm giới**, cuối cùng *chánh-tinh-tán*, *chánh-niệm*, *chánh-định* thuộc về **nhóm định**, là vì **nhóm tuệ** dẫn đầu làm phạm-sự chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn *siêu-tam-giới*.

Bát-chánh-đạo tam-giới và siêu-tam-giới

Bát-chánh-đạo có 8 chánh mà mỗi chánh có nhiều loại như sau:

1- **Chánh-kiến** (*Sammādiṭṭhi*) là *trí-tuệ chân-chánh* thấy đúng, biết đúng, có 6 loại:

- *Kammassakatā sammādiṭṭhi*: *Chánh-kiến sở-nghiệp* là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng tất cả mọi chúng-sinh có nghiệp là của riêng mình, và thừa hưởng quả của nghiệp. Nếu tạo thiện-nghiệp nào rồi thì hưởng quả an-lạc của thiện-

ngiệp ấy; nếu tạo ác-ngiệp nào rồi thì phải chịu quả khổ của ác-ngiệp ấy.

- *Jhānasammādiṭṭhi*: Chánh-kiến thiền-định là định-tâm vững chắc trong đối-tượng thiền-định dẫn đến chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm.

- *Vipassanā sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến thiền-tuệ là trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- *Maggasammādiṭṭhi*: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não.

- *Phalassammādiṭṭhi*: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn, làm an-tĩnh phiền-não mà 4 Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được.

- *Paccavekkhaṇa sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến quán-triệt là trí-tuệ quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả đã chứng đắc; Niết-bàn đã chứng ngộ, phiền-não nào đã diệt tận được rồi, phiền-não nào còn lại chưa diệt được.

Trong 6 loại chánh-kiến này, *chánh-kiến sở-nghiệp, chánh-kiến thiên-định, chánh-kiến thiên-tuệ, chánh-kiến quán-triệt* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ trong 4 *Thánh-đạo-tâm, chánh-kiến Thánh-quả-tuệ* trong 4 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn, thì thuộc về *siêu-tam-giới*.

* Thật ra, **chánh-kiến** có chi-pháp là **trí-tuệ tâm-sở** (*paññindriyacetasika*) đồng sinh với 47 hoặc 79 tâm đó là 12 *dục-giới tịnh-hảo-tâm* hợp với *trí-tuệ*, 15 *sắc-giới-tâm*, 12 *vô-sắc-giới-tâm*, 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*.

* Nếu khi *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* thì *chánh-kiến* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm*, 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn thì *chánh-kiến* thuộc về *siêu-tam-giới*.

2- **Chánh-tư-duy** (*Sammāsankappa*) là tư-duy chân-chánh, có 3 loại:

- *Tư-duy thoát ra khỏi ngũ dục.*
- *Tư-duy không làm khổ mình, khổ người.*
- *Tư-duy không làm hại mình, hại người.*

Thật ra, **chánh-tư-duy** có chi-pháp là *hướng-tâm tâm-sở* (*vitakkacetasika*) đồng sinh với 35 tâm đó là 24 *dục-giới tịnh-hảo-tâm*, 3 *đệ-nhất-*

thiền sắc-giới-tâm, 4 đệ-nhất-thiền Thánh-đạo-tâm, 4 đệ-nhất-thiền Thánh-quả-tâm.

* Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tư-duy* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với 4 *đệ-nhất-thiền Thánh-đạo-tâm* và 4 *đệ-nhất-thiền Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn* thì *chánh-tư-duy* thuộc về *siêu-tam-giới*.

3- **Chánh-ngữ** (*Sammāvācā*) là lời nói chân-chánh, có 3 loại:

3.1- *Kathā sammāvācā*: *Chánh-ngữ* lời nói là nói hay, nói thật, nói lời chân-chánh đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

3.2- *Cetanā sammāvācā*: *Chánh-ngữ* tác-y là tác-y đại-thiện-tâm tránh xa 4 tà-ngữ:

- *Tránh xa* lời nói-dối, mà nói lời chân thật.
- *Tránh xa* lời nói chia rẽ, mà nói lời hòa hợp.
- *Tránh xa* lời nói thô tục, mà nói lời nhã nhặn
- *Tránh xa* lời nói vô ích, mà nói lời hữu ích.

3.3- *Virati sammāvācā*: *Chánh-ngữ* chế-ngự là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa tà-ngữ, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại *chánh-ngữ* này, *chánh-ngữ* lời-nói, *chánh-ngữ* tác-y thuộc về *tam-giới*.

Chánh-ngữ chế-ngự là *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4

hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn, thuộc về siêu-tam-giới.

Thật ra, **chánh-ngữ** có chi-pháp là *chánh-ngữ tâm-sở* (*sammāvācācetasika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, và 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

* Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm ấy thì *chánh-ngữ* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn, thì *chánh-ngữ* thuộc về *siêu-tam-giới*.

4- **Chánh-nghiệp** (*Sammākammanta*) là nghề nghiệp chân-chánh, có 3 loại:

4.1- *Kiriyā sammākammanta*: *Chánh-nghiệp hành-động* là hành thiện-nghiệp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

4.2- *Cetanā sammākammanta*: *Chánh-nghiệp tác-y* là tác-y thiện-tâm tránh xa 3 tà-nghiệp:

- Tránh xa sự sát-sinh.
- Tránh xa sự trộm-cắp.
- Tránh xa sự tà-dâm.

4.3- *Virati sammākammanta*: *Chánh-nghiệp chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa tà-nghiệp khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại chánh-nghiệp này, *chánh-nghiệp hành-động*, *chánh-nghiệp tác-y* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-nghiệp chế-ngự tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn, thuộc về *siêu-tam-giới*.

Thật ra, **chánh-nghiệp** có chi-pháp là *chánh-nghiệp tâm sở* (*sammākammantacetāsika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm* có đối-tượng Niết-bàn.

* Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-nghiệp* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn, thì *chánh-nghiệp* thuộc về *siêu-tam-giới*.

5- **Chánh-mạng** (*Sammā-ājīva*) là nuôi mạng chân-chánh, có 2 loại:

- *Vīriyasammā-ājīva*: *Chánh-mạng tinh-tấn* là tinh-tấn nuôi mạng chân-chánh, từ bỏ cách sống tà-mạng do thân hành ác, do khẩu nói ác.

- *Viratisammā-ājīva*: *Chánh-mạng chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa cách sống tà mạng khi đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Trong 2 loại chánh-mạng này, *chánh-mạng tinh-tấn* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-mạng chế-ngự tâm-sở đồng sinh với 4

hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn, thuộc về siêu-tam-giới.

Thật ra, **chánh-mạng** có chi-pháp là *chánh-mạng tâm-sở* (*sammā-ājīvacetasika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm có đối-tượng Niết-bàn.

* Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm ấy thì *chánh-mạng* thuộc về tam-giới.

* Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn, thì *chánh mạng* thuộc về siêu-tam-giới.

6- **Chánh-tinh-tấn** (*Sammāvāyāma*) là tinh-tấn chân-chánh, có 4 pháp:

- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không phát sinh.

- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh.

- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp chưa sinh, được phát sinh.

- Tinh-tấn làm cho tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

Thật ra, **chánh-tinh-tấn** có chi-pháp là *tinh-tấn tâm-sở* (*vīriyacetasika*) đồng sinh với 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm đó là 24 dục-giới tịnh-hảo-tâm, 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm, 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

* Nếu khi *ting-tấn tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-ting-tấn* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *ting-tấn tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-ting-tấn* thuộc về *siêu-tam-giới*.

7- **Chánh-niệm** (*Sammāsati*) là niệm chân-chánh có 4 pháp là pháp-hành tứ-niệm-xứ:

- *Thân niệm-xứ*: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Thọ niệm-xứ*: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Tâm niệm-xứ*: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- *Pháp niệm-xứ*: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

Chánh-niệm có 4 đối-tượng là **thân, thọ, tâm, pháp** của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đề**, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não.

Thật ra, **chánh-niệm** có chi-pháp là *niệm tâm-sở* (*saticetasika*) đồng sinh với 59 hoặc 91 *ting-hảo-tâm* đó là 24 *dục-giới ting-hảo-tâm*, 15 *sắc-giới-tâm*, 12 *vô-sắc-giới-tâm*, 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*.

* Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-niệm* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-niệm* thuộc về *siêu-tam-giới*.

8- **Chánh-định** (*Sammāsamādhi*) là định chân-chánh trong 5 bậc thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.

- *Đệ-nhất-thiền siêu-tam-giới* có 5 *chi-thiền* là *hương-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn*.

- *Đệ-nhị-thiền siêu-tam-giới* có 4 *chi-thiền* là *quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn*.

- *Đệ-tam-thiền siêu-tam-giới* có 3 *chi-thiền* là *hỷ, lạc, nhất-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn*.

- *Đệ-tứ-thiền siêu-tam-giới* có 2 *chi-thiền* là *lạc* và *nhất-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn*.

- *Đệ-ngũ-thiền siêu-tam-giới* có 2 *chi-thiền* là *xả* và *nhất-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn*.

Thật ra, **chánh-định** có chi-pháp là *nhất-tâm tâm-sở* (*ekaggatācetasika*) đồng sinh với 59 hoặc 91 *tịnh-hảo-tâm* đó là 24 *dục-giới tịnh-hảo-tâm*, 15 *sắc-giới-tâm*, 12 *vô-sắc-giới-tâm*, 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*.

* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-định* thuộc về *tam-giới*.

* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-niệm* thuộc về *siêu-tam-giới*.

4 loại trí-tuệ-học trong tứ *Thánh-đế* thuộc về **pháp-học Phật-giáo** (*pariyattisāsana*).

2- Bốn trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ *Thánh-Đế*

Sau khi hành-giả đã *học phần pháp-học tứ Thánh-đế* đó là **4 trí-tuệ-học** trong tứ *Thánh-đế* hiểu biết rành rẽ xong, hành-giả luân chuyển đến *phần thực-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế* đó là **4 trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế**.

Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, cần phải biết sử dụng *trí-tuệ-hành phạm sự trong mỗi Thánh-đế* thấy rõ, biết rõ mỗi *Thánh-đế* có mỗi phạm sự riêng biệt như sau:

2.1- **Khổ-Thánh-đế** đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới*, là pháp mà **trí-tuệ-hành** có phạm sự **nên biết sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ-đế** bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (không phải là phạm sự nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.2- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là 3 loại *tham-ái*, là pháp mà **trí-tuệ-hành** có phạm sự

nên diệt tham-ái ⁽¹⁾ từng thời (*tadaṅgappahāna*) bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* (không phải là phạm sự nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.3- ***Diệt khổ-Thánh-đế*** đó là Niết-bàn, là pháp mà *trí-tuệ-hành* có phạm sự ***nên chứng ngộ Niết-bàn*** ⁽²⁾ từng thời bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* (không phải là phạm sự nên biết, nên diệt, nên tiến hành).

2.4- ***Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** là *pháp-hành bát-chánh-đạo*, là pháp mà *trí-tuệ-*

¹ **Pahāna**: Diệt tham-ái có 5 cách:

1-Vikkhambhanappahāna: Diệt tham-ái bằng cách chế ngự do năng lực thiền-định.

2- Tadaṅgappahāna: Diệt tham-ái từng thời do năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.

3- Samucchedappahāna: Diệt tận tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.

4- Paṭippassadhippahāna: An tịnh tham-ái đã bị diệt do năng lực của Thánh-quả-tuệ.

5- Nissaraṇappahāna: Thoát khỏi tham-ái đã bị diệt do đối-tượng Niết-bàn.

² **Nirodho Nibbāna**: Niết-bàn có nghĩa là diệt, có 5 loại:

1- Vikkhambhana nibbāna: Diệt tham-ái bằng cách chế ngự do năng lực thiền-định.

2-Tadaṅga nibbāna: Diệt tham-ái từng thời do năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.

3- Samuccheda nibbāna: Diệt tận tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.

4- Paṭippassadhi nibbāna: An tịnh tham-ái đã bị diệt do năng lực của Thánh-quả-tuệ.

5- Nissaraṇanibbāna: Thoát khỏi tham-ái đã bị diệt do đối-tượng Niết-bàn.

hành có phận sự nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới (không phải là phận sự nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).

Trong 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong tứ Thánh-đế này, *trí-tuệ-hành có phận sự nên biết sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới là **khổ-đế** là chính, còn 3 *trí-tuệ-hành phận sự* của 3 Thánh-đế còn lại là phụ.

Thật ra, 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong tứ Thánh-đế có *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới làm đối-tượng, phát sinh đồng thời không trước, không sau.

Khi *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới nào là **khổ-đế**, là *pháp nên biết bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới*.

- Cũng đồng thời *tham-ái, nhân sinh khổ-đế* bị diệt, không thể nương nhờ nơi *sắc-pháp, danh pháp* trong tam-giới ấy để phát sinh.

- Cũng đồng thời *chứng ngộ diệt khổ-đế* (diệt tham-ái, nhân sinh khổ-đế).

- Cũng đồng thời đang *tiến hành pháp-hành chánh-đạo* có *chánh-niệm, chánh-kiến, chánh-tinh-tán*; có *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp* tam-giới ấy là **khổ-đế**, là *pháp nên biết*; *tham-ái* là nhân sinh **khổ-đế** là *pháp nên diệt*; **Niết-bàn** là *pháp nên chứng ngộ*; *pháp-hành chánh-đạo* là *pháp nên tiến hành*.

Như vậy, 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong tứ đế phát sinh đồng thời không trước, không sau.

4 loại trí-tuệ-hành phân sự trong tứ đế thuộc về **pháp-hành Phật-giáo** (*paṭipattisāsana*).

3- Bốn trí-tuệ-thành hoàn thành phân sự trong tứ Thánh-đế

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, thực-hành **4 trí-tuệ-hành phân sự trong tứ đế** đến khi hoàn thành mọi phân sự trong **tứ đế**, thì tự động được luân chuyên đến **4 trí-tuệ-thành hoàn thành phân sự trong tứ Thánh-đế**.

Vì vậy, **4 trí-tuệ-hành phân sự trong tứ đế** đến khi hoàn thành mọi phân sự bằng **trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới** thì tự động được luân chuyên đến **4 trí-tuệ-thành hoàn thành phân sự trong tứ Thánh-đế** bằng **trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới**, chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **4 Thánh-đạo-tuệ** trong **4 Thánh-đạo-tâm** có đối-tượng **Niết-bàn siêu-tam-giới** (không còn đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới nữa).

Khi ấy, **khổ-Thánh-đế** đó là **ngũ-uẩn chấp-thủ**, là pháp mà **trí-tuệ-hành có phân sự nên biết bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới**, thì **trí-tuệ-thành đã biết xong bằng trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo-tuệ**.

- Cũng đồng thời **nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là **tham-ái**, là pháp mà **trí-tuệ-hành có phân**

sự nên diệt từng thời bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới**, thì **trí-tuệ-thành** đã diệt tận được mọi tham-ái xong bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo-tuệ**.

- Cũng đồng thời **diệt khổ-Thánh-đế**, đó là **Niết-bàn**, là pháp mà **trí-tuệ-hành** có phận sự nên chứng ngộ bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới**, thì **trí-tuệ-thành** đã chứng ngộ xong bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo-tuệ**.

- Cũng đồng thời **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh (chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định) là pháp mà **trí-tuệ-hành** có phận sự nên tiến hành bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới**, thì **trí-tuệ-thành** đã tiến hành xong bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo-tuệ**:

- **Khổ-Thánh-đế** là pháp nên biết, thì đã biết.

- Nhân sinh **khổ-Thánh-đế** là pháp nên diệt, thì đã diệt tận được mọi tham-ái.

- **Diệt khổ-Thánh-đế** là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ Niết-bàn.

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** là pháp nên tiến hành, thì đã tiến hành.

4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự của tứ

Thánh-đế đã hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế đồng thời cùng một lúc không trước, không sau.

Trong 4 **trí-tuệ-thành** hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế thì **trí-tuệ-thành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đã hoàn thành xong phận sự tiến-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chính yếu, 3 **trí-tuệ-thành** còn lại là phụ cũng hoàn thành xong phận sự trong mỗi Thánh-đế, cùng một lúc không trước không sau với trí-tuệ-thành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

4 loại **trí-tuệ-thành** hoàn thành phận sự của tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong mọi phận sự tứ Thánh-đế, thuộc về **pháp-thành Phật-giáo** (*paṭi-vedhasāsana*), đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn gọi là **navalokuttaradhamma**: 9 pháp siêu-tam-giới.

Cho nên, bài kinh **Dhammacakkappavattanasutta** là một bài kinh đặc biệt gồm có đầy đủ 3 loại Phật-giáo: **pháp-học Phật-giáo**, **pháp-hành Phật-giáo**, **pháp-thành Phật-giáo**. Đó là **trí-tuệ-học** trong tứ Thánh-đế thuộc về **pháp-học Phật-giáo**, được luân chuyển đến **trí-tuệ-hành phận sự** của tứ Thánh-đế thuộc về **pháp-hành Phật-giáo**, được luân chuyển đến **trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự** của tứ Thánh-đế thuộc về **pháp-thành Phật-giáo**.

Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân

* Từ quả đến nhân, từ nhân đến quả

4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo*, *4 Thánh-quả*, *Niết-bàn* đó là quả đã hoàn thành xong *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế*.

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã thực-hành đúng theo mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế đó là quả của *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* đã hiểu biết rõ mỗi chi-pháp của mỗi Thánh-đế.

Như vậy, *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* hiểu biết rõ đúng các chi-pháp của mỗi Thánh-đế làm nền tảng cơ bản, làm nhân phát sinh quả là *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* đúng theo mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế.

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành là nhân phát sinh quả là *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế* chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc theo tuần tự như sau:

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* và *Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại tham-ái là *bhavataṇhā* tham-ái hợp với *thường-*

kiến và **vibhavataṇhā** tham-ái hợp với **đoạn-kiến** không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

- Chúng đắc đến **Nhất-lai Thánh-đạo**, **Nhất-lai Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được 1 loại tham-ái là **kāmatāṇhā**: tham-ái trong 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) loại thô trong cõi dục-giới không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

- Chúng đắc đến **Bất-lai Thánh-đạo**, **Bất-lai Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được 1 loại tham-ái là **kāmatāṇhā**: tham-ái trong 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) loại vi-tế trong cõi dục-giới không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

- Chúng đắc đến **A-ra-hán Thánh-đạo**, **A-ra-hán Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được 1 loại tham-ái là **bhavataṇhā**: tham-ái trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

Trí-tuệ quán triệt thấy rõ, biết rõ phạm-hạnh đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn phải tái-sinh kiếp nào khác nữa, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Như trong đoạn *kinh Chuyển-pháp-luân*, Đức-Thế-Tôn khẳng định:

“*Nāṇaṅca pana me dassanaṃ udapādi, akuppā me vimutti, ayam’antimājāti, natthi dāni punabbhavo.*”

Trí-tuệ quán triệt đã phát sinh đến Như-Lai, biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp hiện-tại này, không còn phải tái-sinh kiếp nào nữa.”

Bảng tóm tắt tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế

Tam-tuệ-luân	Tứ Thánh-đế			
	Khổ-thánh-đế	Nhân sinh khổ-Thánh-đế	Diệt khổ-Thánh-đế	Pháp hành diệt khổ-Thánh-đế
Trí-tuệ-học	sắc-pháp danh-pháp	tham-ái	Niết-bàn	bát-chánh-đạo
Trí-tuệ-hành	nên biết	nên diệt	nên chứng ngộ	nên tiến hành
Trí-tuệ-thành	đã biết	đã diệt	đã chứng ngộ	đã tiến hành

Tứ Thánh-đế	Tam-Tuệ-Luân		
	Trí-tuệ-học	Trí-tuệ-hành	Trí-tuệ-thành
Khổ-Thánh-đế	sắc-pháp danh-pháp	nên biết	đã biết
Nhân sinh khổ-Thánh-đế	tham-ái	nên diệt	đã diệt
Diệt khổ-Thánh-đế	Niết-bàn	nên chứng ngộ	đã chứng ngộ
Pháp-hành diệt khổ-Thánh-đế	bát-chánh-đạo	nên tiến hành	đã tiến hành

Bậc Thánh-nhân trải qua tam-tuệ-luân

Mỗi bậc Thánh-nhân đều trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế, mỗi tuệ-luân có năng lực trí-tuệ khác nhau đối với mỗi bậc Thánh-nhân.

- **Bậc Thánh Nhập-lưu** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ nhất, *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 2 loại tham-ái là bhavataṇhā: tham-ái hợp với thường-kiến và vibhavataṇhā: tham-ái hợp với đoạn-kiến* trong 4 tham-tâm hợp tà-kiến (còn 4 tham-tâm không hợp tà-kiến thì chưa diệt được).

- **Bậc Thánh Nhất-lai** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ nhì, *Nhất-lai Thánh-*

đạo-tuệ đã diệt tận được 1 loại tham-ái là **kāma-tañhā**: tham-ái trong 6 đối-tượng ái loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp tà-kiến (còn 6 đối-tượng ái loại vi-tế thì chưa diệt được).

- **Bậc Thánh Bất-lai** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ ba, **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** đã diệt tận được 1 loại tham-ái là **kāmatañhā**: tham-ái trong 6 đối-tượng ái loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp tà-kiến (còn tham-ái trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên thì chưa diệt được).

- **Bậc Thánh A-ra-hán** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ tư, **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** đã diệt tận được **bhavatañhā**: tham-ái trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên trong 4 tham-tâm không hợp tà-kiến không còn dư sót.

Như vậy, đến **bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được hoàn toàn mọi **tham-ái** không còn dư sót, nghĩa là **bậc Thánh A-ra-hán** không còn **tham-ái** là nhân dấy dẫn tái-sinh kiếp sau nữa. Vì vậy, **bậc Thánh A-ra-hán** đến khi hết tuổi thọ, gọi là **khandhaparinibbāna**: ngũ-uẩn Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tính chất 4 phạm sự trong tứ Thánh-đế

4 trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế và 4 trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự trong tứ Thánh-đế có tính chất liên quan đồng thời, không phạm sự nào trước, không phạm sự nào sau.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo có ví dụ: Khi đốt một cái đèn dầu trong đêm tối có 4 sự việc xảy ra đồng thời không trước không sau:

- Ánh sáng tỏa ra.
- Bóng tối bị biến mất.
- Tim đèn bị cháy mòn.
- Dầu bị hao dần.

Cũng giống như trường-hợp *4 trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế* và *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự trong tứ Thánh-đế* có tính chất đồng thời không trước không sau.

Trong kinh *Gavampatisutta* ⁽¹⁾ có đoạn Ngài Trưởng-lão Gavampati thưa với chư tỳ-khưu rằng:

- *Này chư pháp hữu! Tôi được nghe từ nơi Đức-Thế-Tôn dạy rằng:*

* *Vị tỳ-khưu nào chứng ngộ khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khưu ấy cũng chứng ngộ nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

¹ Bộ Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Gavampatisutta.

* *Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ nhân sinh khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

* *Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ diệt khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

* *Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế.*

Như vậy, tứ Thánh-đế có sự liên quan về phạm sự với nhau đồng thời không trước không sau.

Phần giải thích

4 Trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế

Trong 4 **trí-tuệ-hành** phạm sự trong tứ Thánh-đế, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-hành phạm sự trong **khổ-đế** là pháp nên biết là chính, còn 3 trí-tuệ-hành phạm sự trong 3 **đế** còn lại cũng được thành tựu đồng thời không trước không sau.

Thật vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ khi phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp** nào, hoặc **danh-pháp tam-giới** nào là **khổ-đế** là pháp nên biết; thì

đồng thời *tham-ái*, *nhân sinh khổ-đế* không sinh trong *sắc-pháp ấy*, hoặc trong *danh-pháp tam-giới ấy*; đồng thời *chứng ngộ diệt khổ-đế* (diệt tham-ái nhân sinh khổ-đế).

Trong khi đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *chánh-niệm*, *chánh-kiến*, *chánh-tinh-tấn*, ... khi phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *khổ-đế* là *pháp nên biết*, *nhân sinh khổ-đế* là *pháp nên diệt*, *diệt khổ-đế* là *pháp nên chứng ngộ*, thì chính *pháp-hành* dẫn đến *diệt khổ-đế* là *pháp nên tiến-hành*.

Như vậy, 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong *tứ đế* đồng thời không trước không sau, đều có đối-tượng *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới*.

4 Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự tứ Thánh-đế

Trong 4 *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong *tứ Thánh-đế*, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong *pháp-hành* dẫn đến *diệt khổ-Thánh-đế* có đối-tượng Niết-bàn là chính, còn 3 *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong 3 *Thánh-đế* còn lại cũng được hoàn thành xong đồng thời không trước không sau.

Thật vậy, khi hành-giả có *trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới* đó là 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã hoàn thành xong *phận sự tiến-hành pháp-hành* dẫn đến *diệt khổ-Thánh-đế* thì:

- Đồng thời 4 *Thánh-đạo-tuệ* cũng đã hoàn thành xong *phận sự biết khổ-Thánh-đế*.

- Đồng thời 4 *Thánh-đạo-tuệ* cũng đã hoàn thành xong *phận sự diệt tận đờc mọi tham-ái, nhân sinh khổ-Thánh-đế*.

- Đồng thời 4 *Thánh-đạo-tuệ* và 4 *Thánh-quả-tuệ* đã hoàn thành xong *phận-sự chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế*.

- Đồng thời pháp-hành *bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 *chánh*: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định* đó là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm*, đã hoàn thành xong *phận sự tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là:

- *Khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* là pháp nên biết, thì đã biết.

- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái* là pháp nên diệt, thì đã diệt tận.

- *Diệt khổ-Thánh-đế* đó là *Niết-bàn* là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ.

- *Pháp-hành bát-chánh-đạo* dẫn đến *diệt khổ-Thánh-đế* là pháp nên tiến hành, thì đã tiến hành.

4 trí-tuệ-thành đã hoàn thành xong **4 phận sự trong tứ Thánh-đế** đồng thời không trước không sau.

Vai trò 4 trí-tuệ-hành và 4 trí-tuệ-thành

* Trong **4 trí-tuệ-hành** phận sự trong tứ đế ở giai đoạn đầu, *trí-tuệ-hành* phận sự biết khổ-đế đóng vai trò chính yếu, đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là khổ đế, là pháp nên biết*, còn trí-tuệ-hành phận sự của mỗi đế còn lại, cũng được thành tựu phận sự đồng thời không trước không sau.

* Trong **4 trí-tuệ-thành** hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế ở giai đoạn cuối, **trí-tuệ-thành** hoàn thành phận sự đã tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đóng vai trò chính yếu, đó là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, là *trí-tuệ-thành* hoàn thành xong phận sự đã tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, thì **trí-tuệ-thành** hoàn thành phận sự trong 3 Thánh-đế còn lại cũng được thành tựu mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế đồng thời không trước không sau.

Tứ Thánh-đế trong giáo-pháp của Đức-Phật

Tứ Thánh-đế là chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, tứ Thánh-đế là nền tảng căn bản, là pháp cốt lõi trọng yếu trong giáo-pháp

của chư Phật quá-khứ, của Đức-Phật hiện-tại và của chư Phật vị-lai.

Tứ Thánh-đế đó là:

1- Khổ-Thánh-đế đó là ngũ-uẩn chấp-thủ hay sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Trong giáo-pháp của Đức-Phật, tất cả mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới (cõi dục-giới, cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới)* đúng theo sự thật chân-lý chỉ là **khổ-đế** (*dukkhasacca*) mà thôi, không có **lạc đế**.

Tuy có **thọ-lạc** (*sukhavedanā*) nhưng *thọ-lạc* gọi là *vipariṇāmadukkha*: *biến-chất-khổ*, bởi vì *thọ-lạc* cũng *sinh rồi diệt* là *vô-thường* nên cũng chỉ là **khổ-đế** mà thôi.

Trong tam-giới, tất cả *các pháp hữu-vi: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* đều *sinh rồi diệt* nên có 4 *trạng-thái* là *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất tịnh*.

Vậy, do nguyên-nhân nào cho là **lạc** trong đời này?

Thật-tánh của tất cả mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới* đều có 4 *trạng-thái*: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh*, nhưng do 3 **pháp-đảo-điên** (*vipallāsa*) là *tâm-đảo-điên, tướng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên* cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

Pháp-đảo-điên (vipallāsa) có 3 loại:

- **Cittavipallāsa**: Tâm-đảo-điên là tâm biết sai, chấp lầm trong các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

- **Saññāvipallāsa**: Tưởng-đảo-điên là tưởng sai, chấp lầm trong các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

- **Diṭṭhivipallāsa**: Tà-kiến đảo-điên là tà-kiến thấy sai, chấp lầm trong các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

* Thật-tánh của các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới đều có **trạng-thái vô-thường**, (anicca) nhưng do tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên cho là **thường** (nicca).

* Thật-tánh của các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới đều có **trạng-thái khổ** (dukkha), nhưng do tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên cho là **lạc** (sukha).

* Thật-tánh của các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới đều có **trạng-thái vô-ngã** (anattā), nhưng do tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên cho là **ngã** (attā).

* Thật-tánh của các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới đều có **trạng-thái bất-tịnh** (asubha), nhưng do tâm-đảo-điên, tưởng-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên cho là **tịnh** (subha).

Như vậy, **pháp-đạo-điên** có 3 x 4 trạng-thái gồm có 12 pháp-đạo-điên.

Sự thật chân-lý của các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới chỉ là **khổ-đế** mà thôi, nhưng do tâm-đảo-điên, tướng-đảo-điên, tà-kiến đảo-điên đảo ngược lại thật-tánh cho là **lạc**.

Vậy, **lạc** không phải là sự thật chân-lý, mà thuộc về lạc-đảo-điên (*sukhavipallāsa*).

Như Đại-đức tỳ-khuru-ni Vajirā dạy rằng:

“Chỉ có khổ-đế sinh, khổ-đế trụ, khổ-đế diệt, ngoài khổ-đế ra, không có gì sinh, không có gì trụ, không có gì diệt...”⁽¹⁾

Cho nên, ngũ-uẩn chấp-thủ, hay sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới đều chỉ là **khổ-đế**, không phải là **lạc** thật sự, mà chỉ là lạc-đảo-điên (*sukhavipallāsa*) mà thôi.

Cho nên, người nào tìm lạc thú trong đời, người ấy chắc chắn sẽ bị thất vọng, bởi vì chỉ có **khổ** thật sự mà thôi.

2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là tham-ái

* **Tham-ái là nhân sinh khổ** trong kiếp hiện-tại

- Nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong đối-tượng nào mà không được thỏa mãn như ý

¹ Bộ Samyuttanikāya, Sagathavagga, kinh Vajirāsutta.

thì người ấy phát sinh **sân-tâm** không vừa lòng, làm cho **khổ tâm**.

- Nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong **đối-tượng** nào mà được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **tham-tâm chấp-thủ** cho là của ta, cũng làm nhân phát sinh tâm sầu não, lo sợ, cũng làm cho **khổ tâm**.

Như Đức-Phật dạy trong pháp-cú kệ rằng:

*Taṇhāya jāyatī soko,
taṇhāya jāyatī bhayaṃ.
Taṇhāya vippamuttassa,
natthi soko kuto bhayaṃ?* ⁽¹⁾

*Sự sầu não phát sinh do tham-ái,
Sự lo sợ phát sinh do tham-ái.
Bậc Thánh A-ra-hán diệt tận tham-ái,
Không sầu não, từ đâu có lo sợ?*

Thật ra, trong kiếp hiện-tại, nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong **đối-tượng** nào không được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **sân-tâm** không vừa lòng, chỉ làm cho **khổ tâm** trong khoảng thời gian ngắn, rồi cũng lãng quên theo thời gian mà thôi.

Còn nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong **đối-tượng** nào mà được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **tham-tâm chấp-thủ** cho là

¹ Bộ Dhammapadagāthā câu kệ thứ 216.

của ta, nên làm nhân phát sinh **khổ tâm** trong suốt khoảng thời gian dài vì đối-tượng ấy.

*** Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp-sau**

Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái không còn dư sót, đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chúng-sinh có ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn trong 11 cõi dục-giới và trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, hoặc chúng-sinh có tứ-uẩn (thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cũng chỉ có khổ-đế mà thôi. Thậm chí chư phạm-thiên chỉ có nhất-uẩn (sắc-uẩn) trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên, kiếp hiện-tại không có khổ, bởi vì chỉ có **thân** mà không có **tâm**, nhưng kiếp vị-lai cũng không thoát khỏi khổ-đế.

Tất cả mọi chúng-sinh còn là **hạng phàm-nhân** trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, đều có khổ-đế, mỗi chúng-sinh có khổ-đế khác nhau là khổ nhiều hoặc khổ ít mà thôi.

Chư bậc Thánh-nhân sống trong đời đều có **khổ thân** vì tứ-đại bất hòa, còn **khổ tâm** do phiền-não bị giảm dần cho đến hết theo năng lực của mỗi bậc Thánh-nhân như sau:

- **Bậc Thánh Nhập-lưu** đã diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (ditthi)* và *hoài-nghi (vicikicchā)* không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, **bậc Thánh Nhập-lưu** không còn **khổ tâm** vì 2 loại phiền-não ấy nữa.

Kiếp vị-lai **bậc Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn khổ tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới nữa, mà chỉ còn khổ tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, **bậc Thánh Nhập-lưu** ấy chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- **Bậc Thánh Nhất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa)* loại thô không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, **bậc Thánh Nhất-lai** không còn **khổ tâm** vì phiền-não sân loại thô ấy nữa.

Kiếp vị-lai **bậc Thánh Nhất-lai** chỉ còn khổ tái-sinh kiếp sau trong cõi-thiện-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, **bậc Thánh Nhất-lai** ấy chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- **Bậc Thánh Bất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế* và *diệt tận được*

tham-ái trong cõi dục-giới không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Bất-lai* không còn **khổ tâm** vì phiền-não sân và tham-ái trong cõi dục-giới nữa.

Kiếp vị-lai *bậc Thánh Bất-lai* không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên Bất-lai trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi. Vị phạm-thiên Bất-lai chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha)*, *si (moha)*, *ngã-mạn (māna)*, *buồn-chán (thina)*, *phóng-tâm (uddhacca)*, *không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika)*, *không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)* không còn dư sót. Trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn không có **khổ-tâm** vì phiền-não nữa, chỉ còn **khổ thân** mà thôi.

Đến khi *bậc Thánh A-ra-hán* hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì vậy, tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế.

3- Diệt khổ-Thánh-đế đó là **Niết-bàn**, là pháp diệt tận được **tham-ái**, nhân sinh khổ-Thánh-đế.

Niết-bàn có 2 loại đó là:

- **Hữu-dur Niết-bàn** (*Sa upādisesanibbāna*) là Niết-bàn đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, còn gọi là **kilesaparinibbāna**: mọi phiền-não Niết-bàn, nhưng **ngũ-uẩn** vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

- **Vô-dur Niết-bàn** (*Anupādisesanibbāna*) là Niết-bàn đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, còn gọi là **khandhaparinibbāna**: ngũ-uẩn Niết-bàn nghĩa là ngũ-uẩn diệt rồi không còn ngũ-uẩn nào tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Niết-bàn có 3 loại theo đối-tượng thiên-tuệ là:

- **Vô-hiện-tượng Niết-bàn** (*Animittanibbāna*) là Niết-bàn đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** (*aniccalakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái khổ** và **trạng-thái vô-ngã**; do **tín-pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (**tán-pháp-chủ, niệ-m-pháp-chủ, địn-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ**); hoặc do **năng lực của giới**, dẫn đến chứng ngộ

Niết-bàn gọi là **vô-hiện-tượng Niết-bàn**: *Niết-bàn không có hiện-tượng các pháp hữu-vi.*

- **Vô-ái Niết-bàn** (*Appaṇihitanibbāna*) là *Niết-bàn* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** (*dukkhalakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái vô-thường** và **trạng-thái vô-ngã**; do **năng lực định-pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*); hoặc do **năng lực của định**, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là **vô-ái Niết-bàn** (*appaṇihitanibbāna*): *Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.*

- **Chân-không Niết-bàn** (*Suññatanibbāna*) là *Niết-bàn* đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** (*anattā-lakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái khổ** và **trạng-thái vô-thường**; do **năng lực tuệ-pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ*); hoặc do **năng lực của tuệ**, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là **chân-không Niết-bàn** (*suññatanibbāna*): *Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Vì vậy, Niết-bàn là pháp diệt khổ-Thánh-đế.

4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*. Khi ấy, 4 **Thánh-đạo-tâm** hợp đủ 8 *chánh*: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định*, đó là 8 tâm-sở cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* đã hoàn thành xong 4 phận sự:

- *Khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ là pháp nên biết*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã biết *ngũ-uẩn chấp-thủ* xong.

- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái là pháp nên diệt*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được mọi *tham-ái* xong không còn dư sót.

- *Diệt khổ-Thánh-đế* đó là *Niết-bàn là pháp nên chứng ngộ*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã chứng ngộ *Niết-bàn* xong.

- *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp nên tiến hành*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã tiến hành *pháp-hành bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 *chánh* xong.

Vì vậy, **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp-

hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Tứ Thánh-đế là nền tảng, là cốt lõi chính yếu trong giáo-pháp của chư Phật. Cho nên, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ ban đầu dù có những đối-tượng thiền-tuệ như *thân, hoặc thọ, hoặc tâm, hoặc pháp, hoặc sắc-pháp, hoặc danh-pháp tam-giới* khác nhau, nhưng đến giai đoạn cuối cùng cũng đều đạt đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mới chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn.*

Nhân quả liên quan của tứ Thánh-đế

Chân-lý tứ Thánh-đế có nhân quả liên quan với nhau như sau:

- **Khổ-Thánh-đế** đó là **ngũ-uẩn chấp-thủ**, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, là **quả của nhân sinh khổ-Thánh-đế.**

- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là **tham-ái**, là **nhân** dẫn dắt tái-sinh kiếp sau (*taṇhā ponob-bhavikā*).

- **Diệt khổ-Thánh-đế** đó là **Niết-bàn**, không thuộc về quả của một nhân nào, bởi vì Niết-bàn là pháp vô-vi (*asaṅkhatadhamma*), là pháp hoàn toàn không do một nhân duyên nào cấu tạo, **Niết-bàn** là đối-tượng siêu-tam-giới của 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.

- **Pháp-hành** dẫn đến **diệt khổ-Thánh-đế** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Như vậy, **pháp-hành bát-chánh-đạo** là nhân đạt đến Niết-bàn (diệt khổ-Thánh-đế), không phải là nhân sinh Niết-bàn, và diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn) cũng không phải là quả của pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà chỉ là đối-tượng siêu-tam-giới của pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh (chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm) dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế mà thôi.

Ví dụ nôm na: Con đường dẫn đến kinh-đô.

- **Con đường** ví như pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn).

- **Kinh-đô** ví như Niết-bàn là pháp diệt khổ-Thánh-đế.

Con đường dẫn đến kinh-đô chứ không phải là nhân sinh kinh-đô.

Cũng như vậy, pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn) không phải nhân sinh Niết-bàn (diệt khổ-Thánh-đế).

Niết-bàn siêu-tam-giới chỉ là đối-tượng của

pháp-hành bát-chánh-đạo trong 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm mà thôi.

Pháp-Hành Trung-Đạo (Majjhimāpaṭipadā)

Pháp-hành trung-đạo (*Majjhimāpaṭipadā*) là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Trong kinh **Dhammacakkappavattanasutta** ⁽¹⁾: *Kinh Chuyển-pháp-luân* mà Đức-Phật thuyết giảng lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma, Ngài Trưởng-lão Assaji tại khu rừng phóng sinh nai gọi *Isipatana*, gần kinh-thành Bāraṇasī.

Đức-Phật thuyết giảng **pháp-hành trung-đạo** rằng:

- “*Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*”

Tuy nhiên, 8 chánh này gọi là **pháp-hành bát-chánh-đạo** có chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn,

¹ Saṃ., Mahāvaggapāli, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

chánh-niệm, chánh-định, đó là 8 tâm-sở (cetasika) đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Thật ra, trong 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có 36 tâm-sở đồng sinh, trong 36 tâm-sở ấy có 8 tâm-sở gọi là 8 chánh như sau:

- 1- Trí-tuệ tâm-sở gọi là *chánh-kiến*.
- 2- Hướng-tâm tâm-sở gọi là *chánh-tư-duy*.
- 3- Chánh-ngữ tâm-sở gọi là *chánh-ngữ*.
- 4- Chánh-nghiệp tâm-sở gọi là *chánh-nghiệp*.
- 5- Chánh-mạng tâm-sở gọi là *chánh-mạng*.
- 6- Tinh-tân tâm-sở gọi là *chánh-tinh-tân*.
- 7- Niệm tâm-sở gọi là *chánh-niệm*.
- 8- Nhất-tâm tâm-sở gọi là *chánh-định*.

8 tâm-sở này cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Cho nên, **pháp-hành trung-đạo** đó là **pháp-hành-bát chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh trong 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Như vậy, **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh này không phải là *pháp-hành bắt đầu thực-hành*, cũng không phải là *pháp-hành đang thực-hành*, mà sự thật là *pháp-hành đã thực-hành xong rồi, đã hoàn thành xong mọi phận sự từ Thánh-đế*, nên **pháp-hành bát-chánh-đạo**

hợp đủ 8 chánh này gọi là **pháp-thành Phật-giáo** (*paṭivedhasāsana*) là kết quả của **pháp-hành Phật-giáo** (*paṭipattisāsana*).

Cho nên, **pháp-hành trung-đạo** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh ở **giai đoạn cuối**.

Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo

* Giai đoạn đầu **thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo**, hành-giả cần phải bắt đầu thực-hành **chánh-niệm**: *niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp*, đó là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**.

Thật vậy, trong *kinh Rahogatasutta* ⁽¹⁾ Ngài Trưởng-lão Anuruddha từng tư duy rằng:

“Hành-giả nào chán nản thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** thì hành-giả ấy là người chán nản thực-hành **pháp-hành bát-chánh-đạo**, nên không thể dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Hành-giả nào tinh-tấn thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** thì hành-giả ấy là người có tinh-tấn thực-hành **pháp-hành bát-chánh-đạo**, nên có khả năng dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.”

Như vậy, **thực-hành chánh-niệm** là 1 chánh

¹ *Samyuttanikāya*, bộ *Mahāvaggapāli*, *kinh Rahogatasutta*.

trong pháp-hành bát-chánh-đạo đó là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** là nhân bắt đầu dẫn đến quả cuối cùng là **Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh**: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định, đó là **8 tâm-sở** đồng sinh trong 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Trong Chú-giải kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavannanā giảng giải rằng:

“Pubbabhāgasatipaṭṭhānamaggo” tứ-niệm-xứ là phần đầu của bát-chánh-đạo.

Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ

Trong Chi-bộ-kinh, phần 3 chi-pháp, Đức-Phật thuyết giảng về 3 pháp-hành (paṭipadā):

- 1- Āgāḷhā paṭipadā: Pháp-hành hưởng lạc thú trong ngũ-dục là cực đoan.
- 2- Nijjhāmāpaṭipadā: Pháp-hành tự ép xác hành khổ hạnh là cực đoan.
- 3- Majjhimāpaṭipadā: Pháp-hành trung-đạo.

Đức-Phật thuyết giảng về pháp-hành trung-đạo rằng:

- Nay chư tỳ-khuru! Pháp-hành trung-đạo là thế nào?

- Nay chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru:

1- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **thân** trong **phần thân niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **phần thọ niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **phần tâm niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong **phần pháp niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này, ...”

Như vậy, phần đầu của **pháp-hành trung-đạo** là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** và đến phần cuối của **pháp-hành trung-đạo** là đạt đến **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh đó là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Pháp-hành tứ-niệm-xứ với pháp-hành thiền-tuệ

* *Thân, thọ, tâm, pháp* là đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*.

- *Phần thân niệm-xứ* có 14 đối-tượng thuộc về *sắc-pháp*.

- *Phần thọ niệm-xứ* có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ thuộc về *danh-pháp*.

- *Phần tâm niệm-xứ* có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm thuộc về *danh-pháp*.

- *Phần pháp niệm-xứ* có 5 đối-tượng thuộc về *sắc-pháp* và *danh-pháp*.

Như vậy, *tứ-niệm-xứ* gồm có 21 đối-tượng *sắc-pháp, danh-pháp* ⁽¹⁾ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

* *Sắc-pháp, danh-pháp* trong *tứ-niệm-xứ* là đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ*.

Như vậy, *pháp-hành tứ-niệm-xứ* với *pháp-hành thiền-tuệ* chỉ có khác nhau về danh từ gọi, còn về *đối-tượng* là hoàn toàn giống nhau. Cho nên, thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* với thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* đều dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn* giống nhau.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, phần *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, cùng soạn giả.

Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn:

- *Giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.*
- *Giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.*

1- Giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo

Vị *Bồ-tát Thanh-văn-giác* nào đã từng thực-hành *10 pháp-hạnh ba-la-mật* trải qua vô số kiếp trong quá-khứ được tích lũy *trong tâm* sinh rồi diệt từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong tam giới.

Kiếp hiện-tại vị *Bồ-tát Thanh-văn-giác* ấy là hành-giả có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiền-tuệ** có đối-tượng thiền-tuệ **sắc-pháp** nào hoặc **danh-pháp tam-giới** nào đúng theo *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), có khả năng dẫn đến phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** gọi là ***nāmarūpapariccheda-ñāṇa***: *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp hiện-tại ấy, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại ấy đều là pháp-vô-ngã (anattā) không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào, v.v... mà chỉ là sắc-pháp ấy, danh-pháp tam-giới ấy mà thôi, thuộc về chân-nghĩa-pháp.* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ có

khả năng dẫn đến phát sinh các trí-tuệ-thiền-tuệ theo tuần tự đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gọi là *gotrabhuñña*: trí-tuệ-thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phân sự chuyển dòng từ hạng thiện-trí phạm-nhân lên bậc Thánh-nhân.

Từ **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañña* đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñña* thuộc về trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới, nên vẫn còn ở giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.

2- Giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo

Hành-giả ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là **Maggañña**: Thánh-đạo-tuệ trong **Thánh-đạo-tâm** và trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là **Phalañña**: Thánh-quả-tuệ trong **Thánh-quả-tâm** thuộc về siêu-tam-giới-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Trong 4 **Thánh-đạo-tâm** và 4 **Thánh-quả-tâm** có **bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, nên ở giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.

Thực-Hành Pháp-Hành Trung-Đạo

Ban đầu hành-giả thực-hành *pháp-hành trung-đạo* (*majjhimāpaṭipadā*) đó là thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* gồm có 21 đối-tượng niệm-xứ⁽¹⁾ mà mỗi đối-tượng niệm-xứ đều dẫn đến diệt *tham-tâm* hài lòng (*abhijjhā*) và diệt *sân-tâm* không hài lòng (*domanassa*) trong ngũ-uẩn chấp-thủ; đều có *sự sinh, sự diệt*; đều có **3 trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*; có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đề*, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

Thật vậy, trong 21 đối-tượng niệm-xứ này, mỗi đối-tượng niệm-xứ, mỗi đối-tượng sắc-pháp, mỗi đối-tượng danh-pháp đều thuộc về *chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*), có thật-tánh rõ ràng làm đối-tượng niệm-xứ hoặc đối-tượng thiền-tuệ; đều có *sự sinh, sự diệt*; đều có **3 trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới cả thấy; đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đề*, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cả thấy.

¹ Tìm hiểu đầy đủ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, cùng soạn giả.

Cho nên, hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* không nên coi trọng đối-tượng này, coi khinh đối-tượng kia, bởi vì đối-tượng nào cũng đều có khả năng giống nhau, không hơn không kém.

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* có đối-tượng **thân** hoặc đối-tượng **thọ** hoặc đối-tượng **tâm** hoặc đối-tượng **pháp** hoặc đối-tượng **sắc-pháp** hoặc đối-tượng **danh-pháp tam-giới**, đối-tượng nào cũng đều diệt **tham-tâm** hài lòng (*abhijjhā*) và diệt **sân-tâm** không hài lòng (*domanassa*), đồng thời diệt **si-tâm** không nương nhờ trong đối-tượng ấy. Hành-giả thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** với **đại-thiện-tâm** trong sạch trung dung trong mỗi đối-tượng, không thiên về đối-tượng nào cả, nghĩa là không coi trọng đối-tượng này, không coi khinh đối-tượng kia. Bởi vì mỗi đối-tượng **thân, thọ, tâm, pháp, sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*), có thật-tánh rõ ràng; đều có **sự sinh, sự diệt**; đều có **3 trạng-thái chung**: **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới giống nhau; đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cả thảy.

* Thực-hành sai pháp-hành trung-đạo

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, nếu coi trọng *đối-tượng* này, coi khinh *đối-tượng* kia, thì không thể diệt được **tham-tâm** hài lòng với *đối-tượng* này, và không thể diệt được **sân-tâm** không hài lòng với *đối-tượng* kia.

Ví dụ: Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* với **đối-tượng tứ oai-nghi**, là 1 trong 14 *đối-tượng* trong *phần thân niệm-xứ* ⁽¹⁾.

Khi đang ngồi, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* nơi **toàn tư thế ngồi**, **toàn dáng ngồi** gọi là **sắc ngồi** (*sắc-pháp*) và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi **sắc ngồi** (cho là *ta ngồi*), nên **tham-tâm** hài lòng nương nhờ nơi *đối-tượng sắc ngồi*. Nếu khi **phóng-tâm** (*danh-pháp*) phát sinh, thì buông bỏ *đối-tượng sắc ngồi*, nên **sân-tâm** phát sinh không hài lòng nơi *đối-tượng phóng-tâm*.

Như vậy, hành-giả thực-hành không đúng *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc không đúng *pháp-hành thiên-tuệ*, bởi vì không diệt được **tham-tâm** hài lòng nơi *đối-tượng sắc ngồi*, và không diệt được **sân-tâm** không hài lòng nơi *đối-tượng phóng-tâm*.

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển *Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ: Đối-Tượng Tứ Oai-Nghi*, cùng soạn giả.

Hành-giả *thực-hành sai pháp-hành trung-đạo*, bởi vì hành-giả *coi trọng đối-tượng sắc ngòi (sắc-pháp)*, làm nơi nương nhờ cho **tham-tâm** phát sinh, và *coi khinh đối-tượng phóng-tâm (danh-pháp)*, làm nơi nương nhờ cho **sân-tâm** phát sinh.

Cho nên, giai đoạn đầu, hành-giả thực-hành **không đúng pháp-hành trung-đạo**, nên *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* không phát sinh, không dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, không chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* nào và *Niết-bàn* được.

* Thực-hành đúng pháp-hành trung-đạo

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ*, không coi trọng *đối-tượng* này, cũng không coi khinh *đối-tượng kia*, nên diệt được **tham-tâm** không nương nhờ nơi *đối-tượng* này, cũng diệt được **sân-tâm** không nương nhờ nơi *đối-tượng* kia.

Ví dụ: Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* với **đối-tượng tứ oai-nghi** là 1 trong 14 *đối-tượng* trong phần *thân niệm-xứ*.

Khi đang ngòi, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* nơi **toàn tư thế ngòi, toàn dáng ngòi** gọi là **sắc ngòi** (không phải ta ngòi), và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi **sắc ngòi** thuộc về **sắc-pháp**. Khi ấy, dù *phóng-tâm* phát sinh, *đối-*

tượng phóng-tâm thuộc về **danh-pháp**, hành-giả vẫn có *chánh-niệm trực nhận* nơi *phóng-tâm* thuộc về **danh-pháp** (không phải *ta phóng tâm*) và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi **phóng-tâm** thuộc về **danh-pháp** ấy. Khi không còn *phóng tâm*, hành-giả trở lại thực-hành *đối-tượng sắc ngò* thuộc về **sắc-pháp** như trước.

Như vậy, hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* với *đối-tượng tứ oai-nghi* trong *oai-nghi ngò*, diệt được **tham-tâm** hài lòng không nương nhờ nơi *đối-tượng sắc ngò* (**sắc-pháp**) và cũng diệt được **sân-tâm** không hài lòng không nương nhờ nơi *đối-tượng phóng-tâm* (**danh-pháp**), bởi vì hành-giả không coi trọng *đối-tượng sắc ngò*, cũng không coi khinh *đối-tượng phóng-tâm*.

Cho nên, hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo*, nghĩa là đúng theo *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc đúng theo *pháp-hành thiên-tuệ*.

Giai đoạn đầu, hành-giả thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo**, nên *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* theo tuần tự phát sinh thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới**, thấy rõ biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của **sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới**, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của **sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới**.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* có *chánh-niệm* và *trí-tuệ tỉnh-giác* biết rõ nơi **đối-tượng sắc-pháp** như *sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm ...* hoặc **đối-tượng danh-pháp** như *nhãn-thức-tâm* thấy đối-tượng sắc, *nhĩ-thức-tâm* nghe đối-tượng thanh, *tỷ-thức-tâm* ngửi đối-tượng hương, ... *ý-thức-tâm* biết đối-tượng pháp, v.v... Dù cho *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp* nào, *danh-pháp* nào thay đổi tùy theo nhân-duyên, nhưng mà *chánh-niệm* và *trí-tuệ tỉnh-giác* vẫn biết rõ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp* ấy, *danh-pháp* ấy.

* Hay một cách khác, khi đang ngồi, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* nơi **toàn tư thế ngồi, toàn dáng ngồi** gọi là **sắc ngồi** (không phải là ta ngồi) thuộc về **sắc-pháp** và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi **sắc ngồi** thuộc về **sắc-pháp**. Khi thất niệm quên mình, *phóng-tâm* phát sinh, khiến hành-giả buông bỏ *đối-tượng sắc ngồi*, nếu khi biết được như vậy, thì hành-giả liền trở lại có *chánh-niệm trực nhận* nơi **toàn tư thế ngồi, toàn dáng ngồi** gọi là **sắc ngồi** (không phải là ta ngồi) thuộc về **sắc-pháp** và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi **sắc ngồi** thuộc về **sắc-pháp** ấy trở lại như trước.

Nếu khi hành-giả có *chánh-niệm* và *trí-tuệ tỉnh-giác*, có sự tinh-tấn liên tục thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*

có *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng thiên-tuệ* thì **phóng-tâm** không có cơ hội phát sinh.

Giai đoạn ban đầu, *thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo*, hành-giả không coi trọng *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* này, và cũng không coi khinh *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* kia, có *đại-thiện-tâm trung dung* trong mỗi *đối-tượng sắc-pháp, mỗi đối-tượng danh-pháp tam-giới*; nên diệt được **tham-tâm** không nương nhờ nơi *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* này, và cũng diệt được **sân-tâm** không nương nhờ nơi *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* kia; nên hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc đúng theo *pháp-hành thiên-tuệ* được tiến hành thuận lợi.

Thật ra, *đối-tượng tứ-niệm-xứ* là **thân, thọ, tâm, pháp** gồm có 21 *đối-tượng chi tiết* hoặc *đối-tượng thiên-tuệ* gồm có tất cả mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* đều có **thật-tánh** rõ ràng; đều có **sự sinh, sự diệt** của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp*; đều có 3 **trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp*; đều có khả năng dẫn đến chúng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chúng đắc 4 **Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được mọi *tham-ái, mọi phiền-nã* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cả thấy.

Cho nên, hành-giả muốn thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi hiểu biết rõ về ***trí-tuệ-học*** trong *tứ Thánh-đế* và ***trí-tuệ-hành*** *phận sự* trong *mỗi Thánh-đế*.

Khi đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, hành-giả cần phải có ***yonisomanasikāra***: *trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới*, làm nhân-duyên phát sinh ***chánh-niệm*** và ***trí-tuệ tỉnh-giác*** hỗ trợ cho hành-giả thực-hành *đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *đúng theo pháp-hành thiên-tuệ* được tiến hành thuận lợi.

Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác

Tất cả các pháp phát sinh đều do nhân-duyên, *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* phát sinh cũng do nhân-duyên.

Vậy, do nhân-duyên nào để cho chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác phát sinh?

Trong bài *kinh Avijjāsutta* ⁽¹⁾ Đức-Phật thuyết giảng đoạn nhân quả liên hoàn tuần tự như sau:

“Thường được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, mới lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ.

¹ *Āṅguttaranikāya*, phần *Dasakanipāta*, *Kinh Āvijjāsuttapāli*.

- Có lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ, mới có đức-tin được đầy đủ.

- Có đức-tin được đầy đủ, mới có **yoniso-manasikāra** được đầy đủ.

- Có **yonisomanasikāra** được đầy đủ, mới có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ.

- Có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ, mới giữ gìn cẩn trọng lục-môn thanh-tịnh được đầy đủ.

- Có giữ gìn cẩn trọng lục-môn thanh-tịnh được đầy đủ, mới có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ.

- Có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ, mới có **tứ-niệm-xứ** được đầy đủ.

- Có **tứ-niệm-xứ** được đầy đủ, mới có **thất-giác-chi** được đầy đủ.

- Có **thất-giác-chi** được đầy đủ, mới có **trí-minh** (vijjā) Thánh-đạo-tuệ và **giải-thoát** (vimutti) Thánh-quả-tuệ được đầy đủ.”

Qua đoạn kinh trên “có **yonisomanasikāra** được đầy đủ, mới có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ”.

Vậy, **yonisomanasikāra** là pháp như thế nào?

Ý nghĩa yonisomanasikāra

Yonisomanasikāra có 3 từ ghép là:

Yoniso + manasi + kāra

- *Yoniso*: với trí-tuệ
- *manasi*: trong tâm
- *kāra*: sự hiểu biết

Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng với 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, danh-pháp tam-giới như sau:

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **vô-thường** (*anicca*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-thường** (*anicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **khổ** (*dukkha*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **khổ** (*dukkha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **vô-ngã** (*anattā*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-ngã** (*anattā*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **bất-tịnh** (*asubha*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **bất-tịnh** (*asubha*).

Yonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** hỗ trợ chính cho hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ; dẫn đến chứng ngộ

chân-lý tứ Thánh-đề, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Tính chất đặc biệt của Yonisomanasikāra

* *Yonisomanasikāra* là 1 trong 4 chi-pháp để trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*, như trong bài kinh *Sotāpattiyaṅgasutta* ⁽¹⁾ Đức Phật dạy 4 chi-pháp để trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* như sau:

1- *Sappurisasamseva*: Sự gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

2- *Saddhammassavana*: Sự lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

3- *Yonisomanasikāra*: Sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

4- *Dhammānudhammapaṭipatti*: Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ hướng đến chứng đắc 9 siêu-tam-giới-pháp: 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Như vậy, muốn trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*, hành-giả cần phải có đầy đủ 4 chi-pháp này.

Yonisomanasikāra là chi-pháp quan trọng hỗ trợ hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành tứ-*

¹ *Samyuttanikāya, Mahāvaggapāli, Kinh Sotāpattiyaṅgasutta.*

niệm-xứ hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, để dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* và *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành bậc ***Thánh Nhập-lưu***.

* ***Yonisomanasikāra*** là pháp hỗ trợ hành-giả thực-hành đúng theo ***pháp-hành trung-đạo*** (*majjhimāpaṭipadā*) diệt ***tham-tâm*** trong *đối-tượng sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới* và diệt ***sân-tâm*** trong *đối-tượng sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới*; bởi vì nhờ *yonisomanasikāra* nên ngăn chặn được ***tham-tâm*** và ***sân-tâm*** không nương nhờ nơi mọi *đối-tượng sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới*.

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành-thiên-tuệ với ***đối-tượng tứ-oai-nghi*** (*oai-nghi đi*, *oai-nghi đứng*, *oai-nghi ngồi*, *oai-nghi nằm*). Trong ***đối-tượng oai-nghi ngồi***, có ***chánh-niệm*** trực nhận mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi ấy, có ***trí-tuệ tỉnh-giác*** trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi ấy là ***sắc ngồi*** (không phải ta ngồi), nên ***tham-tâm*** không nương nhờ nơi sắc ngồi mà phát sinh, dù có ***phóng-tâm*** là ***danh-pháp*** phát sinh, nhưng ***sân-tâm*** vẫn không nương nhờ nơi phóng tâm mà phát sinh. Đó là do nhờ ***yonisonasikāra*** sự hiểu biết trong tâm với ***trí-tuệ*** hiểu biết ***sắc***

ngôi thuộc về **sắc-pháp** có trạng-thái vô-ngã, nên **tham-tâm** không phát sinh, dù có **phóng-tâm** thuộc về **danh-pháp** cũng có trạng-thái vô-ngã, nên **sân-tâm** vẫn không phát sinh.

Cũng như trên, khi *oai-nghi* ngôi là sắc ngôi phát sinh **thọ khổ**, sắc ngôi khổ (không phải ta khổ), nên **sân-tâm** không phát sinh.

Hành-giả cần phải thay đổi *oai-nghi* ngôi cũ sang *oai-nghi* đi mới là **sắc đi**, để làm giảm bớt thọ khổ của *oai-nghi* ngôi cũ. Dù khi thay đổi **oai-nghi đi** mới cho bớt khổ, **tham-tâm** hài lòng vẫn không phát sinh. Đó là do nhờ **yonisomanasikāra**: sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Cho nên, dù có thay đổi đối-tượng *oai-nghi* nào, vẫn có chánh-niệm trực nhận nơi đối-tượng *oai-nghi* ấy, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác đối-tượng *oai-nghi* hiện-tại ấy một cách tự nhiên.

Cho nên, **yonisomanasikāra**: sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hỗ trợ cho hành-giả thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc đúng theo pháp-hành thiên-tuệ, đúng theo

pháp-hành trung-đạo, diệt-tùng-thời được **tham-tâm** và **sân-tâm** trong mỗi đối-tượng sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại ấy.

Tuy nhiên, **yonisomanasikāra** còn là pháp hỗ trợ cho mọi thiện-pháp, kể từ *dục-giới thiện-pháp*, *sắc-giới thiện-pháp*, *vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến *siêu-tam-giới thiện-pháp* nữa.

Trái nghĩa với **yonisomanasikāra** là **ayoniso-manasikāra**

* **Ayonisomanasikāra** có 3 từ ghép là:

Ayoniso + manasi + kāra

- *Ayoniso*: do si-mê

- *manasi*: trong tâm

- *kāra*: sự hiểu biết

Ayonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm với si-mê biết sai lầm trong 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau:

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **vô-thường** (*anicca*) do si-mê biết sai lầm cho là **thường** (*nicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **khổ** (*dukkha*) do si-mê biết sai lầm cho là **lạc** (*sukha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái **vô-ngã** (*anattā*) do si-mê biết sai lầm cho là **ngã** (*attā*).

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái bất-tịnh (asubha) do si-mê biết sai lầm cho là tịnh (subha).*

Ayonisomanasikāra: Sự hiểu biết trong tâm với si-mê biết sai lầm trong 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh làm nhân-duyên phát sinh pháp-đảo-điên (vipallāsa).

Pháp-đảo-điên (Vippallāsa) có 3 loại:

1- *Tướng-đảo-điên (Saññāvipallāsa): Tướng sai lầm nơi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

2- *Tâm-đảo-điên (Cittavipallāsa): Tâm biết sai lầm nơi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

3- *Tà-kiến-đảo-điên (Ditthivipallāsa): Tà-kiến thấy sai lầm nơi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

Như vậy, 3 pháp-đảo-điên nhân với 4 điều sai lầm (thường, lạc, ngã, tịnh) gồm có 12 pháp-đảo-điên này làm nhân-duyên phát sinh mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp tùy theo đối-tượng, làm che phủ **thật-tánh** của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nên chỉ có *yonisomanasikāra: sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng*

4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, mới ngăn chặn được 12 pháp-đảo-điên ấy mà thôi.

Đức-Phật dạy về tính chất **ayonisomanasikāra** và **yonisomanasikāra** trong Chi-bộ-kinh, phần 1 chi-pháp như sau:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy một pháp nào làm nhân-duyên cho ác-pháp chưa phát sinh thì phát sinh, hoặc thiện-pháp đã phát sinh rồi bị diệt như **ayonisomanasikāra**.*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi người nào có ayoniso-manasikāra làm nhân-duyên cho ác-pháp chưa phát sinh thì phát sinh, hoặc thiện-pháp đã phát sinh rồi bị diệt.*

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy một pháp nào làm nhân-duyên cho thiện-pháp chưa phát sinh thì phát sinh, hoặc ác-pháp đã phát sinh rồi bị diệt như **yonisomanasikāra**.*

- *Này chư tỳ-khuru! Người nào có yoniso-manasikāra làm nhân-duyên cho thiện-pháp chưa phát sinh thì phát sinh, hoặc ác-pháp đã phát sinh rồi bị diệt.*

Vì vậy, **yonisomanasikāra** là pháp hỗ trợ cho mọi thiện-pháp từ dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp được phát triển.

Trí-tuệ-thiền-tuệ (Vipassanāñāṇa)

Vị *Bồ-tát Thanh-văn-giác* nào đã từng thực-hành 10 *pháp-hạnh ba-la-mật* từ vô số kiếp trong thời quá-khứ được tích lũy đầy đủ ở *trong tâm* từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tứ sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là hạng *người tam-nhân* có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp hành thiền-tuệ* có 1 trong 21 *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc có *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* nào, có *yonisomanasikāra* hỗ trợ thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo*; có *chánh-niệm* trực nhận *đối-tượng sắc-pháp hiện-tại* ấy hoặc *danh-pháp tam-giới hiện-tại* ấy; có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của *sắc-pháp hiện-tại* ấy hoặc *danh-pháp tam-giới hiện-tại* ấy; dẫn đến phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* theo tuần tự trải qua 16 *loại trí-tuệ-thiền-tuệ* từ *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* như sau:

Trí-tuệ-thiền-tuệ có 16 loại

1- Trí-tuệ thứ nhất Nāmarūpaparicchedañāṇa

Hành-giả ấy thực-hành đúng theo *pháp-hành*

tứ-niệm-xứ hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp* nào, *danh-pháp tam-giới* nào *đúng theo pháp-hành trung-đạo*, có khả năng dẫn đến phát sinh ***trí-tuệ thứ nhất*** gọi là *nāmarūpaparicchedañāna*: *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh* của mỗi *sắc-pháp hiện-tại*, mỗi *danh-pháp tam-giới hiện-tại* đều là ***pháp-vô-ngã*** (*anattā*) không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chủng-sinh nào, không phải vật này, vật kia, v.v... đều chỉ là ***sắc-pháp, danh-pháp*** *đúng theo chân-nghĩa-pháp* (*paramattha-dhamma*) mà thôi.

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāna* không chỉ thấy rõ, biết rõ ***đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp tam-giới*** hiện-tại, mà còn thấy rõ, biết rõ ***chủ-thể*** (*tâm biết đối-tượng*) cũng là *danh-pháp* mà thôi.

Vậy, ***trí-tuệ thứ nhất*** *nāmarūpaparicchedañāna* này thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của ***đối-tượng thiền-tuệ*** và ***chủ-thể*** (*tâm biết đối-tượng*), liên quan với nhau chỉ là ***sắc-pháp*** và ***danh-pháp*** đều là ***pháp-vô-ngã*** (*anattā*) mà thôi.

Trước kia, ***thật-tánh*** của ***sắc-pháp, danh-pháp*** bị màn ***vô-minh*** (*avijjā*) che phủ, nên không thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của ***sắc-pháp, danh-pháp***, lại còn ***tà-kiến*** theo ***chấp ngã***

(*attānudiṭṭhi*) thấy sai chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là *ta* (*ngã*), *người*, *người nam*, *người nữ*, *chúng-sinh*, v.v ...

Bây giờ, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có đối-tượng thiên-tuệ là sắc-pháp hiện-tại hoặc danh-pháp tam-giới hiện-tại, *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi **sắc-pháp**, mỗi **danh-pháp tam-giới** đúng theo **chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*) là:

- *Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.*
- *Danh-pháp chỉ là danh-pháp.*
- *Sắc-pháp là một, danh-pháp là một.*

Khi **trí-tuệ thứ nhất này** thấy rõ, biết rõ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp** nào, **danh-pháp tam-giới** nào thì cũng biết đến **chủ-thể** tâm biết đối-tượng **sắc-pháp** ấy, **danh-pháp tam-giới** ấy, chỉ là **danh-pháp** mà thôi (không phải ta biết), bởi vì **đối-tượng thiên-tuệ** với **chủ-thể** (tâm biết đối-tượng ấy) liên quan với nhau.

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), *không phải ngã* (*ta*), *không phải người*, *không phải người nam*, *không phải người nữ*, *không phải chúng-sinh* nào cả, ... mà chỉ là **sắc-pháp**, **danh-pháp** mà thôi. Khi ấy, *trí-tuệ diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*)

được **tà-kiến** theo chấp ngã (*attānuditṭhi*) hoặc **tà-kiến** chấp ngã trong ngũ-uẩn (*sakkāyaditṭhi*) trong đối-tượng lần chủ-thể, nên gọi là **chánh-kiến thiền-tuệ** (*vipassanāsammāditṭhi*), đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 3 ⁽¹⁾ gọi là **ditṭhivissuddhi**: chánh-kiến thanh-tịnh là **pháp-thanh-tịnh thứ nhất** của pháp-hành thiền-tuệ.

Ví dụ: Trước kia, ông A đi trên đường vào ban đêm có ánh sáng trăng mờ, thấy **sợi dây ngoằn ngoèo** giống như con rắn nằm giữa đường, ông A thấy sai, tưởng lầm **sợi dây ngoằn ngoèo** kia cho là **con rắn độc**, ông phát sinh tâm sợ hãi, nên tránh xa “**con rắn độc**” ấy mà đi.

Sau đó, ông A gặp được bậc thiện-trí giảng dạy cho ông biết rõ sự-thật đó chỉ là **sợi dây**, không phải là **con rắn độc** như ông đã thấy sai, tưởng lầm. Bậc thiện-trí trao cho ông cây đèn, dẫn ông trở lại chỗ **sợi dây ngoằn ngoèo** ấy. Ông A rọi đèn chiếu sáng đến **sợi dây ngoằn ngoèo** ấy, tận mắt thấy rõ, biết rõ đúng sự-thật là **sợi dây ngoằn ngoèo** này chỉ là **sợi dây ngoằn ngoèo** mà thôi, không phải **con rắn độc** như trước kia ông đã thấy sai, tưởng lầm, nên tâm của ông trở lại tự nhiên, không còn sợ hãi như trước nữa.

Qua ví dụ trên nên hiểu rằng:

¹ Bộ Visuddhimagga, Pháp-thanh-tịnh có 7 pháp.

- Sợi dây ám chỉ đến *sắc-pháp, danh-pháp*.

- Thấy sai, tưởng làm nơi sợi dây cho là con rắn độc nghĩa là thấy sai, tưởng làm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp tam-giới cho là **ngã** (ta), là người, là người nam, là người nữ, là chúng-sinh, là vật này, vật kia, v.v...

Rọi đèn chiếu sáng, tận mắt thấy rõ sợi dây chỉ là sợi dây mà thôi, nghĩa là **trí-tuệ thứ nhất** phát sinh thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** và **chủ-thể** (tâm biết đối-tượng thuộc về danh-pháp) liên quan với nhau đều là **sắc-pháp, danh-pháp** là **pháp-vô-ngã** (anattā), không phải **ngã** (attā), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, ...

Vai trò trí-tuệ thứ nhất

Trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ của pháp-hành thiền-tuệ thì **trí-tuệ thứ nhất** nāmarūpaparicchedañāna có vai trò tối ưu thiết yếu, làm nền tảng cho các trí-tuệ-thiền-tuệ tuần tự phát sinh. Bởi vì trí-tuệ thứ nhất này thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới thuộc về **chân-nghĩa-pháp**, thấy rõ, biết rõ **sự-thật chân-lý** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đều là **khổ-đế** (dukkhasacca).

Cho nên, hành-giả có được **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa* này ví như gặp được **vị Chân-sư** thật sự đó là **đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp**.

Từ nay, **vị Chân-sư đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** trực tiếp dẫn dắt phát sinh tuần tự 13 loại **trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới**.

* **Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** dẫn dắt phát sinh 2 loại **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới**.

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh liên tiếp theo sau.

2- Trí-tuệ thứ nhì

Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* **trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới**.

Trí-tuệ thứ nhì này phát sinh do nương nhờ **trí-tuệ thứ nhất** làm nền tảng, làm nhân-duyên:

- **Tri-tuệ thứ nhất** (*Nāmarūpaparicchedañāṇa*) thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*).

- **Tri-tuệ thứ nhì** (*Nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*) thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Tri-tuệ này thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới khác nhau, tùy theo quan điểm của mỗi hành-giả, song chắc chắn có kết quả giống nhau là **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāna*) được **tâm hoài-nghi** về **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới bên trong của mình và bên ngoài mình, của người khác, chúng-sinh khác trong thời hiện-tại, thời quá-khứ và thời vị-lai.

* Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp

Mỗi danh-pháp nào phát sinh do hội đủ **nhân-duyên-sinh** riêng biệt của danh-pháp tam-giới ấy như sau:

1- **Đối-tượng sắc** (*hình dạng*) tiếp xúc với **nhãn-tịnh-sắc** (*mắt*), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự **thấy đối-tượng sắc** ấy.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* ⁽¹⁾, 2 *nhãn-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bệnh mù).*
- *Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.*
- *Ánh sáng đủ thấy được.*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì ***nhãn-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc ấy (không có người nào thấy đối-tượng sắc ấy).*

2- *Đối-tượng thanh (âm thanh) tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc (tai),* khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh ấy.*

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).*
- *Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.*
- *Không gian không bị vật cản bao kín.*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì ***nhĩ-thức-tâm***

¹ Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Trưởng-lão Anuruddha.

phát sinh làm phạm sự *nghe đối-tượng thanh* (không có người nào nghe *đối-tượng thanh* ấy).

3- *Đối-tượng hương* (các mùi) tiếp xúc với *tỷ-tịnh-sắc* (mũi), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì ***tỷ-thức-tâm*** phát sinh làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *tỷ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Tỷ-tịnh-sắc* (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).
- *Đối-tượng hương* rõ ràng tiếp xúc với *tỷ-tịnh-sắc*.
- *Chất* gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.
- *Ngũ-môn-hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng hương* ấy.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì ***tỷ-thức-tâm*** phát sinh làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương* ấy (không có người nào *ngửi đối-tượng hương*).

4- *Đối-tượng vị* (các vị) tiếp xúc với *thiệt-tịnh-sắc* (lưỡi), khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì ***thiệt-thức-tâm*** phát sinh làm phạm sự *nếm đối-tượng vị*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *thiệt-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Thiệt-tịnh-sắc* (lưỡi) tốt (không bị bệnh).
- *Đối-tượng vị* rõ ràng tiếp xúc với *thiệt-tịnh-sắc*.
- *Chất* nước miếng.
- *Ngũ-môn-hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng vị* ấy.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *ném đối-tượng vi ấy*. (không có người nào ném đối-tượng vi ấy).

5- *Đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...)* tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc (thân)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *thân-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- *Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt)*.
- *Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc*.
- *Chất đất cứng, mềm, nóng lạnh, ...*
- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy*.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc cứng, mềm, nóng, lạnh, ... ấy*, (không có người nào xúc giác đối-tượng xúc cứng, mềm ấy).

6- *Đối-tượng pháp* ⁽¹⁾ tiếp xúc với *hadaya-vatthurūpa (sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm)*, khi *ý-thức-tâm* nào hội đủ nhân-duyên thì **ý-thức-tâm** ấy phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp ấy*.

¹ Đối-tượng pháp (dhammārammaṇa) có 6 loại là 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 75 *ý-thức-tâm* ⁽¹⁾ phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

- *Hadayavattthurūpa*: *Sắc-pháp* là nơi sinh của *ý-thức-tâm*.

- *Đối-tượng pháp* ấy tiếp xúc với *hadaya-vattthurūpa*.

- *Ý-môn-hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng pháp* ấy.

Khi hội đủ 3 nhân-duyên của *ý-thức-tâm* nào thì *ý-thức-tâm* ấy phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp* ấy (không có người nào *biết đối-tượng pháp* ấy).

Như vậy, mỗi danh-pháp phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì *danh-pháp tam-giới* ấy không phát sinh được.

Cho nên, mọi danh-pháp tam-giới phát sinh do nhân-duyên của mỗi pháp, đều là pháp-vô-ngã (anattā).

* **Sắc-pháp** phát sinh do 4 nhân-duyên

Số hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggaha-ñāna* phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là:

¹ 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

1- **Kamma**: Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, có 25 loại nghiệp ⁽¹⁾, trừ 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.

Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **kammajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do nghiệp này trong thân của mỗi chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm (*khaṇacitta*) kể từ khi tái-sinh.

2- **Citta**: Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp có 75 tâm (đó là 75 ý-thức-tâm đã trình bày ở trên).

Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **cittajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do tâm trong thân của mỗi chúng-sinh suốt mỗi sát-na-sinh (*uppādakkhaṇa*) của tâm kể từ hộ-kiếp-tâm đầu tiên sau tái-sinh-tâm, v.v...

3- **Utu**: Thời tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là sự lạnh, sự nóng bên trong và bên ngoài thân.

Thời tiết nóng, lạnh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **utujarūpa**: sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-trụ (*ṭhitikhaṇa*) của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v...

¹ 25 loại nghiệp đó là 12 bất-thiện-nghiệp + 8 đại-thiện-nghiệp + 5 sắc-giới thiện-nghiệp.

4- *Āhāra*: *Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là *chất bỏ* trong các món vật-thực đã dùng vào trong sắc-thân của chúng-sinh.

Vật thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là *āhārajarūpa*: *sắc-pháp phát sinh do vật-thực* trong sắc-thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm, ...

Sắc-pháp phát sinh do tâm

Tứ-oai-nghi là *sắc-pháp phát sinh do tâm* (*cittajarūpa*) có 32 tâm.⁽¹⁾

1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

Oai-nghi đi phát sinh do *tâm* qua quá trình diễn biến *do nhiều nhân-duyên liên tục* như sau:

- *Tâm* nghĩ “*đi*”.
- *Do tâm nghĩ đi*, nên phát sinh *chất gió*.
- *Chất gió* phát sinh do *tâm ấy* làm cho *toàn thân cử động*.
- *Toàn thân di chuyển bước đi* mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi do *năng lực của chất gió* phát sinh do *tâm ấy*.

Vì vậy, gọi là “*thân đi*” hoặc “*sắc đi*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm* (*cittajarūpa*), (*không có người đi*).

¹ 32 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + tiểu-sinh-tâm+y-môn hướng-tâm+đặc biệt 2 thân-thông-tâm.

2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do *tâm* qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- *Tâm* nghĩ “*đứng*”.

- Do *tâm* nghĩ *đứng*, nên phát sinh *chất gió*.

- *Chất gió* phát sinh do *tâm* ấy làm cho *toàn thân cử động*.

- *Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên* theo mỗi tư thế *đứng*, mỗi dáng *đứng* do năng lực của *chất gió* phát sinh do *tâm* ấy.

Vì vậy, gọi là “*thân đứng*” hoặc “*sắc đứng*” là *sắc-pháp* phát sinh do *tâm* (*cittajarūpa*), (không có người *đứng*).

3- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi

Oai-nghi ngồi phát sinh do *tâm* qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- *Tâm* nghĩ “*ngồi*”.

- Do *tâm* nghĩ *ngồi*, nên phát sinh *chất gió*.

- *Chất gió* phát sinh do *tâm* ấy làm cho *toàn thân cử động*.

- *Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co* theo mỗi tư thế *ngồi*, mỗi dáng *ngồi* do năng lực của *chất gió* phát sinh do *tâm* ấy.

Vì vậy, gọi là “*thân ngồi*” hoặc “*sắc ngồi*” là *sắc-pháp* phát sinh do *tâm* (*cittajarūpa*), (không có người *ngồi*).

4- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm

Oai-nghi nằm phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**nằm**”.

- Do **tâm** nghĩ **nằm** nên phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió** phát sinh do **tâm** ấy làm cho **toàn thân cử động**.

- **Toàn thân nằm yên** trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của **chất gió** phát sinh do **tâm** ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc nằm**” là **sắc-pháp** phát sinh do **tâm** (*cittajarūpa*), (không có người nằm).

Các **oai-nghi phụ**: quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là **sắc-pháp** phát sinh do **tâm**.

Sở dĩ người bị bệnh bại liệt dù tâm muốn đi, đứng, ngồi, nằm cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm như ý được, bởi vì **chất gió** phát sinh do **tâm** ấy không đủ năng lực làm cho **toàn thân cử động** theo ý muốn của người ấy được vì **chất đất** và **chất nước nặng nề**.

Như vậy, mỗi **sắc-pháp**, mỗi **danh-pháp** tam-giới phát sinh đều do nhân-duyên-sinh, nên **mọi sắc-pháp**, **mọi danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã**, không do một ai có quyền năng tạo nên một sắc-pháp nào, một danh-pháp nào được.

Trí-tuệ thứ nhì này thấy rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới, cho nên có khả năng **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgap-pahāna*) **tâm hoài-nghi** trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggaha-ñāṇa* làm nền tảng với **paccakkhañāṇa**: **trí-tuệ trực-tiếp** thấy rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp hiện-tại, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại **bên trong của mình** (*ajjhattā*) như thế nào, và với **anumānañāṇa**: **trí-tuệ gián-tiếp** biết rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới **bên ngoài mình** (*bahiddhā*), của người khác, chúng-sinh khác cũng như thế ấy.

Hơn nữa **trí-tuệ thứ nhì** này còn có khả năng biết rõ mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới trong hiện-tại phát sinh do **nhân-duyên-sinh** như thế nào thì mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, trong vị-lai cũng phát sinh do **nhân-duyên-sinh** như thế ấy.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** này có khả năng **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāna*) **tâm hoài-nghi** trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai.

Hoài-nghi có 16 điều ⁽¹⁾ như sau:

* **Diệt 5 điều hoài-nghi trong thời quá-khứ**

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Kaṅkhāvitaraṇavisuddhiniddesa.

- 1- Trong quá-khứ ta đã có hay không?
- 2- Trong quá-khứ ta đã không có phải không?
- 3- Trong quá-khứ ta đã là gì?
- 4- Trong quá-khứ ta đã là thế nào?
- 5- Trong quá-khứ ta đã là thế nào, sinh đến đây như thế này?

*** Diệt 5 điều hoài-nghi trong thời vị-lai**

- 1- Trong thời vị-lai ta sẽ có hay không?
- 2- Trong thời vị-lai ta sẽ không có phải không?
- 3- Trong thời vị-lai ta sẽ là gì?
- 4- Trong thời vị-lai ta sẽ là thế nào?
- 5- Trong thời vị-lai ta sẽ là thế nào, sau kiếp này?

*** Diệt 6 điều hoài-nghi trong thời hiện-tại**

- 1- Trong thời hiện-tại ta có hay không?
- 2- Trong thời hiện-tại ta không có phải không?
- 3- Trong thời hiện-tại ta là gì?
- 4- Trong thời hiện-tại ta là thế nào?
- 5- Ta từ đâu đến đây?
- 6- Rồi sau khi ta chết, sẽ sinh ở cõi-giới nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thứ nhì** này phát sinh, nên diệt được **16 điều hoài-nghi** này.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi **trí-tuệ thứ nhì** phát sinh thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bằng nhiều đối-tượng

khác nhau, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là **trí-tuệ thứ nhì** này có khả năng **diệt-từng-thời** (*tadaṅgappahāna*) được **tâm hoại-nghi** về **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới; hoặc thoát ly khỏi **sự hoại-nghi** về **nhân-duyên-sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai nữa.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccaya-pariggahañāna* này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: **trí-tuệ-thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh**, cũng là **pháp-thanh-tịnh thứ nhì** của **pháp-hành thiên-tuệ**, nên **diệt-từng-thời** được **tâm hoại-nghi** về **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới. **Trí-tuệ thứ nhì** này chưa có khả năng **diệt tận** được (*samucchedappahāna*) **tâm hoại-nghi**.

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāna* này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: **trí-tuệ thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh**, cũng gọi là **dhammaṭṭhitiñāna**: **trí-tuệ thấy rõ vững chắc thật-tánh-pháp** do **nhân-duyên-sinh**, hoặc gọi là **yathābhūtañāna**: **trí-tuệ thấy rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đúng theo sự thật chân-nghĩa-pháp** (*paramattha-dhamma*) hoặc gọi là **sammāpassana**: **chánh-kiến thấy đúng theo chánh-pháp**.

* **Trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa* và **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* thuộc về **ñātapariññā**: trí-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ trạng-thái riêng của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới.

Quả báu của 2 trí-tuệ đầu pháp-hành thiên-tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, có khả năng làm phát sinh 2 loại trí-tuệ theo tuần tự như sau:

* Khi **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-ngiã-pháp (*paramatthadhamma*) đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào cả, ... nên có **chánh-kiến thiên-tuệ** (*vipassanāsammādiṭṭhi*), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivissuddhi**: chánh-kiến-thanh-tịnh, cũng là pháp-thanh-tịnh thứ nhất của pháp-hành thiên-tuệ **diệt-tùng-thời** được (*tadaṅgappahāna*) **tà-kiến** (chưa diệt tận được tà-kiến).

* **Trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bên trong của mình (*ajjhattā*) với **paccakkhañāṇa** như thế nào; và với **anumānañāṇa**: trí-tuệ gián-tiếp biết

rõ **nhân-duyên-sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới bên ngoài mình (*bahiddhā*) của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai phát sinh cũng do **nhân-duyên-sinh** của chúng cũng như thế ấy.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccaya-pariggahañāna* này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 4 gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: trí-tuệ thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh, là **pháp-thanh-tịnh thứ nhì** của pháp-hành thiền-tuệ, nên **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāna*) được **hoài-nghi** (chưa diệt tận được hoại-nghi).

Tiểu-Nhập-Lưu Cūlasotāpanna

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi **trí-tuệ thứ nhất** phát sinh, đạt đến chánh-kiến-thanh-tịnh nên **diệt-tùng-thời** được **tà-kiến trong ngũ-uẩn**. Tiếp theo **trí-tuệ thứ nhì** phát sinh, đạt đến trí-tuệ thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh nên **diệt-tùng-thời** được **hoài-nghi** trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Như vậy, hành-giả có 2 trí-tuệ đầu (trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ) của pháp-hành thiền-tuệ: trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì đạt đến 2 pháp-thanh-tịnh có khả năng diệt-tùng-thời được **tà-kiến** và **hoài-nghi**, nên hành-giả được gọi là **cūlasotāpanna**: **tiểu-nhập-lưu**. *Cūlasotāpanna*

vẫn còn là *hạng thiên-trí phàm-nhân*, chưa phải là *bậc Thánh-Nhập-lưu*, bởi vì hành-giả chưa chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chưa chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* và *Niết-bàn*, chưa diệt tận được (*samucchadappahāna*) *tà-kiến* và *hoài-nghi*.

Hành-giả vẫn là người có giới hạnh trong sạch trọn vẹn, có định-tâm vững vàng, vẫn duy trì thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* như vậy, nếu *kiếp hiện-tại* chưa trở thành *Thánh-nhân* bậc nào thì sau khi chết sẽ không bị tái-sinh kiếp sau trong *cõi ác-giới* (*địa-ngục*, *a-su-ra*, *ngạ-quỷ*, *súc-sinh*) mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp* sẽ cho *quả tái-sinh kiếp sau* trong *cõi thiện-dục-giới*: cõi người hoặc cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammāsanañāṇa* phát sinh.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 Sammasanañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammāsanañāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới do nhân-*

duyên-diệt; nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *sammasanañāna* này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* và *trí-tuệ thứ nhì* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- *Trí-tuệ thứ nhất* *nāmarūpaparicchedañāna*: *trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo *chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*).

- *Trí-tuệ thứ nhì* *nāmarūpapaccayapariggahañāna*: *trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-sinh**.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 là tổng hợp *trí-tuệ thứ nhất* và *trí-tuệ thứ nhì* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3*** *sammasanañāna* ⁽¹⁾: *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-diệt**; nên đặc biệt thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

¹Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *sammasanañāna* dù được ghép vào trí-tuệ-thiền-tuệ vẫn chưa chính thức là trí-tuệ-thiền-tuệ, bởi vì trí-tuệ này chỉ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà chưa thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba *sammasanañāṇa* này là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của các đối-tượng thiền-tuệ mỗi phần có nhiều pháp mà mỗi pháp đều có **3 trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã có nhiều chi tiết*, mà mỗi trạng-thái chi tiết là mỗi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do *nhân-duyên-diệt*, nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới*.

Để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* và các *trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao* được phát triển, hành-giả đã có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*, cần phải thực-hành đầy đủ 9 pháp-hỗ-trợ cho 5 *pháp-chủ* tăng thêm nhiều năng lực.

Pháp-hỗ-trợ có 9 pháp:

1- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 thường thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-diệt.*

2- *Thường thấy rõ biết rõ sự diệt như vậy.*

3- *Thường tinh-tấn không ngừng thấy rõ, biết rõ sự diệt như vậy.*

4- Hành-giả nên có đầy đủ 7 nơi chốn thuận lợi, tránh xa 7 nơi bất lợi.

5- Thường tinh-tấn hướng tâm đến đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

6- Thực-hành 7 pháp giác-chi thích ứng với mỗi trường-hợp, để trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 có nhiều năng lực.

7- Thường tinh-tấn thực-hành như vậy, không màng đến thân và sinh mạng của mình.

8- Thường tinh-tấn liên tục không ngừng, để chế-ngự tâm biếng nhác.

9- Thường tinh-tấn liên tục không thoái chí nản lòng, chỉ quyết tâm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để giải thoát khổ mà thôi.

Hành-giả đã có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3** *sammasanañāṇa* cần phải thực-hành đầy đủ 9 pháp-hỗ-trợ cho 5 pháp-chủ là *tín-pháp-chủ*, *tấn-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ* tăng thêm nhiều năng lực để làm nhân-duyên hỗ trợ cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4

Udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt**; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- *Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).

- *Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*: *trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-sinh**.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-diệt**.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa là trí-tuệ tổng hợp 3 loại trí-tuệ trước làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4**: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa bắt đầu chính thức gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ**.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên có 4 trường hợp như sau:

- 1- Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh.
- 2- Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt.
- 3- Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh.
- 4- Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt.

* **Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp là do **5 nhân-duyên-sinh**:

- 1- Sự sinh của sắc-pháp là do vô-minh sinh.
- 2- Sự sinh của sắc-pháp là do tham-ái sinh.

- 3- Sự sinh của sắc-pháp là do nghiệp sinh.
- 4- Sự sinh của sắc-pháp là do vật-thực sinh.
- 5- Trạng-thái-sinh của sắc-pháp.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả sinh** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

*** Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp là do **5 nhân-duyên-diệt**:

- 1- Sự diệt của sắc-pháp là do vô-minh diệt.
- 2- Sự diệt của sắc-pháp là do tham-ái diệt.
- 3- Sự diệt của sắc-pháp là do nghiệp diệt.
- 4- Sự diệt của sắc-pháp là do vật-thực diệt.
- 5- Trạng-thái-diệt của sắc-pháp.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả diệt** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

*** Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của danh-pháp tam-giới là do **5 nhân-duyên-sinh**:

- 1- Sự sinh của danh-pháp là do vô-minh sinh.
- 2- Sự sinh của danh-pháp là do tham-ái sinh.
- 3- Sự sinh của danh-pháp là do nghiệp sinh.
- 4- Sự sinh của danh-pháp là do danh-pháp, sắc-pháp sinh.
- 5- Trạng-thái-sinh của danh-pháp.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của danh-pháp là do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **quả sinh** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

* **Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt**

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của danh-pháp tam-giới là do **5 nhân-duyên-diệt**:

- 1- Sự diệt của danh-pháp là do vô-minh diệt.
- 2- Sự diệt của danh-pháp là do tham-ái diệt.
- 3- Sự diệt của danh-pháp là do nghiệp diệt.
- 4- Sự diệt của danh-pháp là do danh-pháp, sắc-pháp diệt.
- 5- Trạng-thái-diệt của danh-pháp.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của danh-pháp là do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **quả diệt** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

*** Sự sinh, sự diệt của danh-pháp**

- **Danh-pháp** đó là *tâm với tâm-sở*, có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ. Đức-Phật dạy trong Chi-bộ-kinh, phần *Ekakanipāta* rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.*

Trong Chú-giải Pāli giảng giải rằng:

“*Chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.* ⁽¹⁾”

Mỗi tâm với tâm-sở có 3 sát-na:

1- *Uppādakkhaṇa: Sát-na-sinh.*

2- *Ṭhitikhana: Sát-na-trụ.*

3- *Bhaṅgakhana: Sát-na-diệt.*

*** Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp**

- **Sắc-pháp** đó là *nippannarūpa*, có 18 sắc-pháp thật ⁽²⁾ thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*), nên có sự sinh, sự diệt chậm hơn sự sinh, sự diệt của danh-pháp (so sánh với thời gian 3 sát-na: sinh - trụ - diệt của danh-pháp).

Sắc-pháp có 4 *lakkhaṇarūpa* là:

1- *Upacayarūpa: Sắc-pháp-sinh.*

2- *Santatirūpa: Sắc-pháp liên-tục.*

¹ Chú-giải Sam. Khandhavagga, kinh Phenapiṇḍupamāsuttavaṇṇanā.

² 18 sắc-pháp là 4 sắc tứ đại + 5 tịnh-sắc + 7 hoặc 4 sắc đối-tượng + 2 sắc tính + 1 sắc-y-căn + 1 sắc mạng-chủ + 1 sắc vật-thực.

3- *Jaratārūpa*: **Sắc-pháp** già-giễn.

4- *Aniccatārūpa*: **Sắc-pháp** vô-thường.

Sắc-pháp có 4 trạng-thái: **sắc-pháp-sinh**, **sắc-pháp liên-tục**, **sắc-pháp già-giễn**, **sắc-pháp vô-thường**; so sánh với 3 **sát-na**: **sát-na-sinh**, **sát-na-trụ**, **sát-na-diệt** của **danh-pháp**:

- **Sắc-pháp-sinh** của **sắc-pháp** là tương đương với **sát-na-sinh** của **danh-pháp**.

- **Sắc-pháp liên-tục** và **sắc-pháp già-giễn** tương đương với **sát-na-trụ** của **danh-pháp**.

- **Sắc-pháp vô-thường** của **sắc-pháp** tương đương với **sát-na-diệt** của **danh-pháp**.

Sắc-pháp-sinh và **sắc-pháp vô-thường** có thời gian 1 **sát-na** giống như **sát-na-sinh** và **sát-na-diệt** của **danh-pháp**.

Nhưng **sắc-pháp trụ** (**sắc-pháp liên-tục** và **sắc-pháp già-giễn**) có thời gian trụ lâu hơn **sát-na-trụ** của **danh-pháp**, bằng 49 **sát-na-nhỏ** của **danh-pháp**.

Ví dụ: *Nhãn-môn lộ-trình-tâm* (*cakkhuvāra-vīthicitta*) có **đối-tượng sắc** hình dạng rõ ràng gồm có đủ 17 **sát-na-tâm**, mỗi **sát-na-tâm** có 3 **sát-na-nhỏ**: **sát-na-sinh**, **sát-na-trụ**, **sát-na-diệt**, nên 17 **sát-na-tâm** gồm có 51 **sát-na-nhỏ**.

- Thời gian **sinh**, **trụ**, **diệt** của mỗi **danh-pháp** chỉ có 1 **sát-na-sinh**, 1 **sát-na-trụ**, 1 **sát-na-diệt** mà thôi.

- Thời gian **sinh, trụ, diệt** của **sắc-pháp** có **1 sát-na-sinh, 1 sát-na-diệt** giống như danh-pháp. Nhưng mà **thời gian trụ** (**sắc-pháp liên-tục** và **sắc-pháp già-giặn**) của **sắc-pháp** chậm hơn của **danh-pháp**, tương đương với **49 sát-na-nhỏ** của **danh-pháp**.

Xem **nhãn-môn lộ-trình-tâm** gồm có số tâm **sinh rồi diệt** theo tuần tự liên tục, có **đối-tượng** **sắc** rõ ràng, bắt đầu từ **hộ-kiếp-tâm quá-khứ thứ nhất** cho đến **tiếp-đối-tượng-tâm thứ 17** là chấm dứt **nhãn môn lộ-trình-tâm**.⁽¹⁾

* Sự sinh, sự diệt của tứ oai-nghi

Tứ oai-nghi là **oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm** là **sắc-pháp phát sinh** do tâm gọi là **sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm** như sau:

- **Sắc đi** là **sắc-pháp phát sinh** do tâm đó là **tư thế đi, dáng đi một cách tự nhiên**.

- **Sắc đứng** là **sắc-pháp phát sinh** do tâm đó là **tư thế đứng, dáng đứng một cách tự nhiên**.

- **Sắc ngồi** là **sắc-pháp phát sinh** do tâm đó là **tư thế ngồi, dáng ngồi một cách tự nhiên**.

- **Sắc nằm** là **sắc-pháp phát sinh** do tâm đó là **tư thế nằm, dáng nằm một cách tự nhiên**.

¹ Xem đầy đủ trong bộ **Nền-Tảng-Phật-Giáo**, quyển X: **Pháp-Hành Thiên-Tuệ**, trang 348, cùng soạn giả.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-
ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc đi, sắc đứng,**
sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh**.

1- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **vô-minh** sinh.

2- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **tham-ái** sinh.

3- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **nghiệp** sinh.

4- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **vật-thực** sinh.

5- **Trạng-thái-sinh** của sắc đi, sắc đứng, sắc
ngồi, sắc nằm hiện-tại.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupas-
sanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc đi, sắc**
đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại do 5 nhân-
duyên-diệt như sau:

1- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **vô-minh** diệt.

2- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **tham-ái** diệt.

3- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **nghiệp** diệt.

4- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc
nằm hiện-tại là do **vật-thực** diệt.

5- **Trạng-thái-diệt** của sắc đi, sắc đứng, sắc
ngồi, sắc nằm hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt như vậy; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc đi, mỗi sắc đứng, mỗi sắc ngồi, mỗi sắc nằm hiện-tại ấy.

*** Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn**

Ngũ-uẩn là sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn; mà **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn có 5 trạng-thái như sau:

1- Sự sinh, sự diệt của sắc-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vật-thực** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của sắc-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của sắc-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **tham-ái** diệt.

- Sự diệt của sắc-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **vật-thực** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của sắc-uẩn.

2- Sự sinh, sự diệt của thọ-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thọ-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của thọ-uẩn do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **xúc** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của thọ-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa có thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thọ-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của thọ-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **xúc** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của thọ-uẩn.

3- Sự sinh, sự diệt của tưởng-uẩn, hành-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **tưởng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh giống thọ-uẩn như sau:

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** sinh.

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** sinh.

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** sinh.

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** sinh.

- **Trạng-thái-sinh** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **tướng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt giống thọ-uẩn như sau:

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** diệt.

- **Trạng-thái-diệt** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

5- Sự sinh, sự diệt của thức-uẩn

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thức-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của thức-uẩn do **vô-minh** sinh.

- Sự sinh của thức-uẩn do **tham-ái** sinh.

- Sự sinh của thức-uẩn do **nghiệp** sinh.

- Sự sinh của thức-uẩn do **danh-pháp, sắc-pháp** sinh.

- **Trạng-thái-sinh** của thức-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thức-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của thức-uẩn do **vô-minh** diệt.

- Sự diệt của thức-uẩn do **tham-ái** diệt.

- Sự diệt của thức-uẩn do **nghiệp** diệt.

- Sự diệt của thức-uẩn do **danh-pháp, sắc-pháp** diệt.

- **Trạng-thái-diệt** của thức-uẩn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt như vậy; nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi uẩn hiện-tại.

- **Sắc-uẩn** thuộc về **sắc-pháp**.

- Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn thuộc về **danh-pháp**.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, nên diệt được **tà-kiến** loại **ucchedadiṭṭhi: đoạn-kiến**; và thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** hiện-tại do **nhân-**

duyên-diệt, nên diệt được tà-kiến loại sassata-ditthi: thường-kiến.

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāna* thấy rõ, biết rõ *sự sinh* và *sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh và do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ 3 trạng-thái chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã, của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới,

Trạng-thái-chung sāmāññalakkhaṇa

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới là pháp-hữu-vi (*saṅkhatadhamma*) thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) đều có *sự sinh, sự diệt*; có 3 **trạng-thái-chung**: trạng-thái-vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã.

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *Maggāmagga-ñānadassanavisuddhi* trình bày mỗi trạng-thái-chung có các trạng-thái chi-tiết:

*** Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường**

Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái như sau:

- 1- *Aniccato*: Trạng-thái vô-thường.
- 2- *Palokato*: Trạng-thái tiêu diệt.
- 3- *Calato*: Trạng-thái biến đổi.
- 4- *Pabhaṅguto*: Trạng-thái tan rã.

5- *Addhuvato*: Trạng-thái không bền vững.

6- *Vipariṇāmadhammato*: Trạng-thái biến đổi là thường.

7- *Asārakato*: Trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.

8- *Vibhavato*: Trạng-thái bị suy.

9- *Saṅkhatato*: Trạng-thái bị cấu tạo.

10- *Maraṇadhammato*: Trạng-thái diệt, chết là thường.

10 trạng-thái chi-tiết của **trạng-thái vô-thường** cũng là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ aniccānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực *trí-tuệ-thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

* Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ

Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái khổ có 25 trạng-thái như sau:

1- *Dukkhatto*: Trạng-thái khổ khó chịu.

2- *Rogato*: Trạng-thái khổ như bệnh tật.

3- *Gaṇdato*: Trạng-thái khổ như ung nhọt.

4- *Sallato*: Trạng-thái khổ như mũi tên độc.

5- *Aghato*: Trạng-thái khổ bất hạnh.

6- *Ābādhato*: Trạng-thái khổ như ốm đau.

7- *Ītito*: Trạng-thái khổ suy đồi.

8- *Upaddavato*: Trạng-thái khổ tai nạn.

9- *Bhayato*: Trạng-thái khổ đáng kinh sợ.

10- *Upasaggato*: Trạng-thái khổ cản trở.

11-*Atāṇato*: Trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ

12-*Aleṇato*: Trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.

13-*Asaraṇato*: Trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ.

14-*Ādīnavato*: Trạng-thái khổ vì tội chướng.

15-*Aghamūlato*: Trạng-thái nguồn gốc của khổ.

16-*Vadhakato*: Trạng-thái khổ như kẻ sát hại.

17-*Sāsavato*: Trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân.

18-*Mārāmisato*: Trạng-thái khổ như mồi của Ma.

19-*Jātidhammato*: Trạng-thái khổ sinh là thường.

20-*Jarādhammato*: Trạng-thái khổ già là thường.

21-*Byādhidhammato*: Trạng-thái khổ bệnh là thường.

22-*Sokadhammato*: Trạng-thái khổ sâu não là thường.

23-*Paridevadhammato*: Trạng-thái khổ than khóc là thường.

24-*Upāyāsadhammato*: Trạng-thái nổi thống khổ cùng cực.

25-*Samkilesikadhammato*: Trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não.

25 trạng-thái chi-tiết của **trạng-thái khổ** cũng là đối-tượng của trí-tuệ-thiền-tuệ *dukkhānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ của mỗi hành-giả.

*** Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã**

Trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái như sau:

- 1- *Anattato*: Trạng-thái vô-ngã, không phải ta.
- 2- *Parato*: Trạng-thái khác lạ (không phải ta).
- 3- *Rittato*: Trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã.
- 4- *Tucchato*: Trạng-thái không có thật là ta.
- 5- *Suññato*: Trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta.

5 trạng-thái chi-tiết của **trạng-thái vô-ngã** cũng là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ anattā-nupassanā*. Mỗi trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo năng lực *trí-tuệ-thiền-tuệ* của mỗi hành-giả.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có 2 loại:

- 1- *Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa* là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu.
- 2- *Balava udayabbayānupassanāñāṇa* là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* có nhiều năng lực.

4.1- Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa

Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu, nên **vipassanupakkilesa**: 10 pháp-bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư* gọi là **phi-đạo** (*amagga*) phát sinh

xen vào làm trở ngại *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy không thể phát triển lên các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được.

Giải giải Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả là hạng người *tam-nhân (tihetukapuggala)* có đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, có *giới-hạnh* trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, có sự *trì-tâm không ngừng* đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung*: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

Đối với hành-giả ấy ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, tuy ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*** này đã phát sinh, nhưng vẫn còn non yếu, gọi là ***taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu; nên ***vipassanupakkilesa***: *pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư* phát sinh xen vào làm trở ngại *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy không thể phát triển lên các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao hơn được.

Vipassanupakkilesa là thế nào?

Vipassanupakkilesa là do 2 danh từ ghép:

Vipassanā + upakkilesa

- *Vipassanā* đó là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu.

- *upakkilesa*: *pháp-bản* đó là *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* phát sinh xen vào làm trở ngại *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không thể phát triển lên trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được.

Vipassanupakkilesa: 10 loại *pháp-bản* của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu đó là *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatthāna, upekkhā, nikanti*.

Trong 10 *pháp-bản* này có 9 loại *pháp-bản* kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về *thiền-pháp*, không phải *ác-pháp*, mà chỉ là *đối-tượng* của *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* mà thôi. Còn *nikanti* không chỉ là *đối-tượng* của *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* mà còn là *phiên-não vô cùng vi-tế* khó biết được nữa.

Vipassanupakkilesa: *Pháp-bản* của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy thật là lạ thường, chưa từng có từ trước đây đối với hành-giả ban đầu thực-hành

pháp-hành thiên-tuệ, làm cho hành-giả hài lòng hoan-hỷ dính mắc nơi *pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ tư ấy*, rồi thấy sai, chấp lầm nơi *pháp-bản ấy không phải **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, không phải **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả***. Vì vậy, các trí-tuệ-thiên-tuệ bậc cao không phát triển được.

Giải thích 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ tư

Vipassanupakkilesa ⁽¹⁾ có 10 pháp-bản:

1- *Obhāsa*: Ánh sáng đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ.

2- *Nāṇa*: Trí-tuệ xuất sắc của trí-tuệ-thiên-tuệ.

3- *Pīti*: Hỷ đặc biệt đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ.

4- *Passadhi*: An-tịnh đặc biệt đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ.

5- *Sukha*: An-lạc đặc biệt đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ.

6- *Adhimokkha*: Đức-tin trong sạch đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ.

7- *Paggaha*: Tinh-tân không ngừng phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ.

8- *Upaṭṭhāna*: Niệm khắng khít liên tục đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ.

9- *Upekkhā*: Xả tự nhiên đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Vipassanupakkilesakathā.

10- *Nikanti*: Tâm hài lòng phát sinh trong 9 pháp-bản từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* ở trên.

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tấn không ngừng, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* phát sinh còn non yếu nên 10 loại pháp-bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ* này phát sinh đối với hành-giả ấy.

* Hành-giả hiểu lầm, bị dính mắc trong pháp-bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy, nên *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* ấy không thể phát triển lên *trí-tuệ-thiền-tuệ* bậc cao được, bởi vì hiểu sai chấp lầm nơi pháp-bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy, rồi cho rằng: “*Ta đã chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán rồi!*”

Cho nên, hành-giả vô cùng hoan-hỷ hài lòng trong pháp-bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư* ấy.

1- *Obhāsa* đó là *vipassanobhāsa*: ánh sáng đặc biệt phát sinh từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* phát sinh, đang còn non yếu, đồng thời ánh sáng đặc biệt chưa từng thấy cũng phát sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng đặc biệt phát sinh từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* thật là lạ thường chưa

từng thấy trước đây bao giờ, nên hành-giả hiểu sai chấp lầm rằng: “Ánh sáng như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ! Vậy, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm pháp-bản ánh sáng đặc biệt ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, pháp-bản ánh sáng đặc biệt ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Vì vậy, hành-giả bỏ đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc mà trước đây trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 đã thấy rõ, biết rõ. Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi vipassanobhāsa: ánh sáng đặc biệt lạ thường phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng đặc biệt lạ thường phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy tỏa ra hẹp hoặc rộng như thế nào tùy theo năng lực định-tâm của mỗi hành-giả.

- Ánh sáng này tỏa ra trong căn phòng.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra nửa do-tuần.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra 1 do-tuần.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra 2, 3, 4, 5 do-tuần.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra từ mặt đất lên đến các tầng trời dục-giới, đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cho đến tầng trời sắc-giới Akaniṭṭha tột đỉnh.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng đặc biệt lạ thường phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này thường phát sinh đối với hành-giả trước kia đã từng thực-hành pháp-hành thiền-định, đã chứng đắc các bậc thiền, rồi tiếp theo thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 phát sinh còn non yếu, nên ánh sáng ấy cũng phát sinh.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng đặc biệt lạ thường phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy gọi là vipassanupakkilesa; bởi vì không chỉ làm trở ngại cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu không thể phát triển lên các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao, mà còn làm đối-tượng của tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến chấp thủ nữa.

* Tuy nhiên, trong trường hợp ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ toàn-giác (*sabbaññutañāṇa*) của Đức-Phật Gotama có khả năng chiếu sáng thấu suốt 10.000 thế giới chúng-sinh thì không phải là vipassanupakkilesa.

2- Ñāṇa là *vipassanāñāṇa* đó là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* xuất sắc, đặc biệt vô cùng sâu sắc thấu suốt các pháp.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này đang thấy rõ, biết

rõ sâu sắc **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp. *Trí-tuệ-thiền-tuệ* này đặc biệt vô cùng sắc bén, thấu suốt các pháp như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*, ... Bây giờ, hành-giả vô cùng hoan-hỷ hài lòng nơi *trí-tuệ-thiền-tuệ* đặc biệt này.

3- Pīti đó là *vipassanāpīti*: *hỷ phát sinh cùng với trí-tuệ-thiền-tuệ udayabbayānupassanāñāṇa*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu có **hỷ tâm-sở** (*pīti*) đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Pīti có 5 loại:

1- *Khuddakāpīti*: *Hỷ chút ít có cảm giác nổi da gà*.

2- *Khaṇikāpīti*: *Hỷ từng thời có cảm nhận như tia chớp*.

3- *Okkantikāpīti*: Hỷ có trạng-thái rung người qua lại, như ngồi trên thuyền có sóng nhấp nhô.

4- *Ubbegāpīti*: Hỷ có trạng-thái làm cho thân tâm nhẹ như bay bóng lên.

5- *Pharaṇāpīti*: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu.

Pharaṇāpīti: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu phát sinh cùng với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu, nên hành-giả cảm giác **pháp hỷ** có trạng-thái như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm **pháp hỷ** ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, **pháp hỷ** ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ **đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc**, ... Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi **pháp hỷ** ấy.

4- **Passaddhi** đó là *vipassanāpassaddhi*: **pháp an-tịnh** phát sinh cùng với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* này phát sinh đang

còn non yếu, có **an-tịnh tâm-sở** đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 còn non yếu ấy.

Khi hành-giả ấy thực-hành pháp-hành *thiền-tuệ*, ban đêm hoặc ban ngày, cảm giác **thân và tâm an-tịnh**, có những điều như:

- Không có sự nóng nảy bức dọc.
- Không có sự nặng nề khó chịu.
- Tay chân không cứng nhắc.
- Không có sự cử động khó khăn.
- Không có sự khổ thân, khổ tâm, ...

Mà chỉ có cảm giác **thân và tâm an-tịnh** như:

- Thân tâm thanh-tịnh an lạc.
- Thân tâm nhẹ nhàng.
- Thân tâm nhu nhuyễn.
- Thân tâm uyển chuyển.
- Thân tâm trong sáng, ...

Hành-giả cảm giác *thân tâm an-tịnh* như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp an-tịnh* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp an-tịnh* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*, ... Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi *thân tâm an-tịnh* ấy.

5- Sukha đó là *vipassanāsukha: an-lạc phát sinh cùng với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*.

Đôi với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này phát sinh còn non yếu, **thọ lạc tâm-sở** đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Pháp an-lạc vô cùng vi-tế phát sinh làm cho toàn thân và tâm cảm giác an-lạc không sao diễn tả được. *Pháp an-lạc lạ thường như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm **thọ lạc ấy** không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**; **thọ lạc ấy** không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...* Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi **thọ lạc ấy**.

6- Adhimokkha đó là *vipassanāsaddhā: đức-tin đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*.

Đôi với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4*

udayabbayānupassanāñāṇa này phát sinh còn non yếu, có **đức-tin tâm-sở** đồng sinh với *trì-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 còn non yếu ấy.

Adhimokkha ấy trở thành *vipassanupakkilesa* là sự trong sáng của đại-thiền-tâm có đức-tin vô cùng trong sạch và nhiều năng lực. Vì đại-thiền-tâm với tâm-sở trong sáng có đức-tin trong sạch hoàn toàn như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Ta muốn những người thân của ta cũng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để họ có đức-tin trong sạch như ta.*”

“*Ta có được đức-tin hoàn toàn trong sạch nơi Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo như thế này là nhờ vị Thầy chỉ dạy pháp-hành thiền-tuệ cho ta. Ân-đức Thầy thật vô cùng lớn lao quá đối với ta.*”

Nghĩ về chuyện này sang chuyện khác, hành-giả hài lòng hoan-hỷ trong những chuyện phước-thiện ấy với đức-tin hoàn toàn trong sạch của mình.

Thấy **đức-tin** hoàn toàn trong sạch như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Đức-tin hoàn toàn trong sạch như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.*”

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp làm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp làm nơi *đức-tin ấy*, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *đức-tin ấy* không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...* Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi *đức-tin ấy*.

Thật ra, *đức-tin hoàn toàn trong sạch là điều tốt*, dù *đức-tin đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu* vẫn là *đức-tin trong sạch thanh-tịnh* mà người thường không dễ có được. Nhưng *đức-tin ấy trở thành vipassanupakkilesa*, bởi vì tâm hài lòng hoan-hỷ trong *đức-tin ấy*, mà xao lãng phạm sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu* không phát triển lên các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao.

7- Paggāha đó là *vipassanāvīriya: tinh-tân đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayab-bayānupassanāñāna*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayab-bayānupassanāñāna* này phát sinh đang còn non yếu, có **tinh-tân tâm-sở đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy**.

Đại-thiện-tâm có tinh-tân không hăng hái quá cũng không chênh mảng quá, tâm tinh-tân đều

đặng không ngừng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, không có cảm giác mệt nhọc, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Trước đây, dù có vị Thiên-su thường động viên khuyến khích ta cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiên-tuệ mà ta vẫn cảm thấy khó khăn, mệt nhọc, không thể cố gắng tinh-tấn nổi. Nhưng bây giờ, ta có đại-thiện-tâm có tinh-tấn đặc biệt tự nhiên, thuận lợi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, thì thật là lạ thường chưa từng có từ trước đây bao giờ.*”

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm pháp tinh-tấn ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, pháp tinh-tấn ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên, hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...* Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi *pháp tinh-tấn ấy*.

8- Upatthāna đó là *sati*: niệm đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-nāṇa*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-nāṇa* này phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **niệm tâm-sở** đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Nếu *sati* là *sammāsati*: *chánh-niệm* thì đó là *niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp* mà *thôi*, gọi là *pháp-hành tứ-niệm-xứ*.

Upaṭṭhāna đó là *sati* là *vipassanupakkilesa*: *niệm tâm-sở đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng đặc biệt niệm ghi nhớ khăng khít các đối-tượng.

Nếu hành-giả niệm đến đối-tượng nào thì đối-tượng ấy hiện rõ trong tâm ngay. Ví như hành-giả có nhãn-thông, muốn nhìn thấy cõi chúng-sinh nào dù gần dù xa thì cõi chúng-sinh ấy hiện rõ trong tâm ngay như thế ấy. *Niệm* là *upaṭṭhāna* phát sinh đến với hành-giả *như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ*.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp upaṭṭhāna* là *sati* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp upaṭṭhāna* là *sati* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...* Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi *pháp upaṭṭhāna* là *sati* ấy.

9- Upekkhā đó là *vipassanupekkhā, āvajjanupekkhā* đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*.

- *Vipassanupekkhā* là tâm trung-dung trong tất cả mọi pháp hữu-vi.

- *Āvajjanupekkhā* là tâm trung-dung khi phát sinh trong ý môn.

Upekkhā này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này phát sinh đang còn non yếu, đồng thời *upekkhā* này phát sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Khi hành-giả hướng tâm đến bất cứ đối-tượng nào thì *đại-thiền-tâm có upekkhā* đặc biệt nhiều năng lực này phát sinh, không hài lòng cũng không nhàm chán các đối-tượng ấy, giống như hành-giả không có phiền-não, tâm hành-giả không hề rung động đối với tất cả các đối-tượng, đó là *tâm có upekkhā* nhiều năng lực vững chắc, dù cho đối-tượng như thế nào tiếp xúc với tâm, tâm vẫn không lay động, *tâm có upekkhā trung-dung* trong mọi đối-tượng. Cho nên hành-giả cảm thấy quá lạ thường chưa từng có bao giờ. Vì vậy, hành-giả hiểu sai chấp lầm rằng: “*Ta là bậc Thánh A-ra-hán rồi! Bởi vì tâm có upekkhā của ta đặt trung-dung trong mọi đối-tượng, không còn tham muốn hoặc nhàm chán đối-tượng nữa.*”

“*Diệt tận được mọi phiền-não, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn là như vậy!*”

Đó là do **tà-kiến** nương nhờ *upekkhā* ấy.

Tiếp theo nghĩ sai rằng: “*Ta là người có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nên thực-hành không lâu thì chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não dễ dàng như vậy, không có ai như ta.*”

Đó là do **ngã mạn** nương nhờ *upekkhā* ấy.

Tiếp theo nghĩ sai rằng: “*Ta được an nhiên tự tại rồi. Đối với tất cả mọi đối-tượng, ta không còn tham muốn, cũng không nhàm chán nữa. Đối với mọi người, ta không còn thương, không còn ghét, không còn vui, không còn buồn, không còn lo lắng khổ tâm như mọi người nữa. Xin cho tôi luôn luôn được như vậy.*”

Đó là do **tham-ái** nương nhờ *upekkhā* ấy.

Thật ra, *tâm upekkhā* này là *vipassanupakkilesa* thuộc về thiện-pháp, không phải ác-pháp, nhưng hành-giả hiểu sai, chấp lầm *upekkhā* này nên làm nơi nương nhờ của **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái phát sinh.**

10- Nikanti đó là *vipassanānikanti*: *tâm hài lòng phát sinh từ trí-tuệ-thiên-tuệ udayabbayā-nupassanāñāṇa.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này phát sinh đang

còn non yếu, có **tâm hài lòng** phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Nikanti: Tâm hài lòng này vô cùng vi-tế, có trạng-thái an-tịnh phát sinh đến với hành-giả, làm cho hành-giả hài lòng tha thiết trong các pháp *vipassanupakkilesa* từ *obhāsa*, *ñāṇa*, *pīti*, *passaddhi*, *sukha*, *adhimokkha*, *paggaha*, *upatṭhāna*, *upekkhā*.

Nikanti: Tâm hài lòng vô cùng vi-tế, có trạng-thái an-tịnh gắn bó tha thiết với các pháp *vipassanupakkilesa*, mà không dễ có ai biết được rằng: tâm hài lòng này là **phiên-não tham-ái**.

Cũng như các pháp *vipassanupakkilesa* như *obhāsa*, *ñāṇa*, v.v... khác, **nikanti**: tâm hài lòng tha thiết trong các pháp từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thật là lạ thường như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ, nên hành-giả hiểu sai chấp lầm rằng: “**Chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!**”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm pháp *nikanti* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, pháp *nikanti* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Vì vậy, hành-giả bỏ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc** mà trước đây trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ. Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan-hỷ nơi

nikanti: tâm hài lòng phát sinh từ 9 pháp phiền-não từ obhāsa cho đến upekkhā.

Vấn: Vipassanupakkilesa: Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khi nào? Và không phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc hạng hành-giả nào?

Đáp: Vipassanupakkilesa: Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư này phát sinh đối với hành-giả trước kia đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, sau đó thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tân thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc đúng theo pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayab-bayānupassanāñña phát sinh còn non yếu.

Và vipassanupakkilesa: pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư không phát sinh đối với 4 hạng hành-giả như sau:

- 1- Bậc Thánh-nhân đã từng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn rồi.*
- 2- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không đúng theo pháp-hành trung-đạo, nghĩa là không đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc không đúng theo pháp-hành thiền-tuệ.*
- 3- Hành-giả không tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa (nghỉ không thực-hành pháp-hành thiền-tuệ).*

4- *Hành-giả tuy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đứng ở giai đoạn ban đầu, nhưng là hạng hành-giả không có sự tinh-tấn nhiều.*

Vipassanupakkilesa: Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư không phát sinh đối với 4 hạng hành-giả này.

10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư

Tóm lại, 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu:

* 9 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải là ác-pháp, mà chỉ là *đối-tượng của tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* mà thôi.

* *Nikanti* không chỉ là đối-tượng của phiền-não *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* mà còn là *phiền-não* nữa.

Tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái chấp thủ trong 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu như thế nào?

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, nên thường phát sinh *vipassanupakkilesa* gồm có 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư ấy không chỉ làm trở ngại cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không thể phát triển lên ***trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao*** được, mà còn làm đối-tượng của ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** dính mắc trong 10 loại pháp-bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* ấy nữa.

Bộ Visuddhimagga, trong phần vipassanupakkilesakathā giảng giải về sự dính mắc như sau:

Ví dụ: ***Obhāso***: *Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy rằng:

- “*Mama obhāso uppanno.*”

Ánh sáng đã phát sinh đến với ta rồi!

Nếu hành-giả cố chấp như vậy, gọi là *ditṭhi-gāha*: *cố chấp do năng lực của tà-kiến.*

- “*Manāpo vata obhāso uppanno.*”

Ánh sáng đã phát sinh đối với ta, xinh đẹp lạ thường thật đáng hài lòng hoan-hỷ quá!

Nếu hành-giả cố chấp như vậy, gọi là *mānā-gāha*: *cố chấp do năng lực của ngã-mạn.*

- “*Obhāsaṃ assādayato.*”

Hành-giả vô cùng hài lòng hoan-hỷ nơi ánh sáng ấy.

Nếu hành-giả cố chấp như vậy, gọi là *taṇhāgāha*: *cố chấp do năng lực của tham-ái.*

9 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu còn lại cũng tương tự như *obhāsa*. Mỗi *vipassanupakkilesa* đều có *tà-kiến*, *ngã-mạn*, *tham-ái* cố chấp như vậy, nên 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ gồm có 30 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Không nhận thức được pháp-bản của thiền-tuệ

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chưa có đủ kinh nghiệm, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, nên thường phát sinh *vipassanupakkilesa*: 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy đó là *obhāsa*, *ñāṇa*, *pīti*, *passaddhi*, *sukha*, *adhimokkha*, *paggaha*, *upatthāna*, *upekkhā*, *nikanti* thật lạ thường, hành-giả chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Hơn nữa, hành-giả là người ban đầu có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu, chưa sáng suốt, tâm không vững vàng, nên phát sinh tâm dôi theo 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư ấy, do năng lực của *tham-ái*, *ngã-mạn*, *tà-kiến* cố chấp rằng:

“*Etam mama, eso ’ham ’asmi, eso me attā.*”

- *Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy là của ta (etam mama) cố chấp do năng lực của tâm tham-ái.*

- *Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy là ta (eso 'ham'asmi) cố chấp do năng lực của tâm ngã-mạn.*

- *Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy là tự ngã của ta (eso me attā) cố chấp do năng lực của tâm tà-kiến.*

10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy đều bị cố chấp do năng lực của tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến, nên gồm có 30 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Thật ra, trong 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy, có 9 loại pháp-bản kể từ obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatṭhāna, upekkhā thuộc về **thiện-pháp**, không phải là ác-pháp. Bởi vì 9 loại pháp-bản này phát sinh do hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4, tuy còn non yếu nhưng không phải dễ dàng có được.

Sở dĩ 9 loại pháp ấy gọi là pháp-bản là vì **tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến** phát sinh, cố chấp trong 9 loại pháp ấy làm cho 9 pháp ấy trở nên bản, nên gọi là 9 loại pháp-bản của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Còn **nikanti** là phiền-não vô cùng vi-tế thật là khó biết.

Nhận thức được pháp-bản của thiên-tuệ

Khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sâu sắc nhận thức thấy rõ, biết rõ được rằng:

* 10 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy là **phi-đạo** (*amagga*) không dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

* Còn đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, đó chính là **chánh-đạo** (*magga*) dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Khi ấy, 9 loại pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* không còn bản, bởi vì **tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến** không còn nương nhờ nơi 9 pháp *vipassanupakkilesa* ấy nữa. Cho nên, 9 loại pháp ấy trở lại thuần túy thiện-pháp mà thôi.

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ, biết rõ được rằng:

“*Netam mama, neso ’ham ’asmi, na meso attā.*”

- *Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không phải là của ta (netam mama), không còn cố chấp do năng lực của tâm tham-ái.*

- *Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không phải là ta (neso ’ham ’asmi), không còn cố chấp do năng lực của tâm ngã-mạn.*

- *Pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không phải là tự ngã của ta (na meso attā), không còn cố chấp do năng lực của tâm tà-kiến.*

Ví dụ: *Nāṇa* đó là *vipassanāñāṇa* là *vipassanupakkilesa* như sau:

- *Nāṇa: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không phải là của ta (netam mama), không còn cố chấp do năng lực của tâm tham-ái.*

- *Nāṇa: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không phải là ta (neso ’ham ’asmi), không còn cố chấp do năng lực của tâm ngã-mạn.*

- *Nāṇa: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không phải là tự ngã của ta (na meso attā), không còn cố chấp do năng lực của tâm tà-kiến.*

8 *vipassanupakkilesa* còn lại cũng được thấy rõ, biết rõ tương tự như *nāṇa* vậy.

Khi ấy, hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt, sâu sắc thấu suốt, nhận thức, thấy rõ, biết rõ rằng:

- 10 pháp vipassanupakkilesa là **amagga**: **phi-đạo**, không phải là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, không phải là pháp-hành dẫn đến chứng đắc **4 Thánh-đạo**, **4 Thánh-quả**, **Niết-bàn**.

- Và đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại mà trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại. Đó chính là **magga**: **chánh-đạo**, đúng là **pháp-hành trung-đạo**, pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, là pháp-hành dẫn đến chứng đắc **4 Thánh-đạo**, **4 Thánh-quả**, **Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

Sau khi nhận thức thấy rõ, biết rõ như vậy, hành-giả từ bỏ 10 vipassanupakkilesa pháp-bán của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 là **phi-đạo** (amagga), rồi thực-hành theo **pháp-hành chánh-đạo** (sammāmagga) đó là thực-hành đúng theo pháp-hành **trung-đạo**, thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**, hoặc **pháp-hành thiên-tuệ** như trước.

Đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayā-nupassanāñāṇa* phát sinh trở lại có nhiều năng lực, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayā-nupassanāñāṇa* có năng lực phát sinh, chính thức đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là **maggā-maggañāṇadassanavisuddhi**: chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh là **pháp-thanh-tịnh thứ 3** trong pháp-hành thiền-tuệ.

Khi đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5, maggā-maggañāṇadassanavisuddhi**: chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh, thì xem như hành-giả đã biết rõ được **3 sự thật chân-lý** với *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanāñāṇa)* như sau:

1- Hành-giả biết rõ sự-thật chân-lý **khổ-đế** (*dukkhasacca*) với *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpa-paricchedañāṇa*, đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3 ditthivisuddhi**: chánh-kiến-thanh-tịnh.

2- Hành-giả biết rõ sự-thật chân-lý **nhân sinh khổ-đế** (*samudayasacca*) với *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*, đạt đến **pháp-**

thanh-tịnh thứ 4 **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh.

3- Hành-giả biết rõ sự-thật chân-lý **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế** (*maggasacca*) với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa*, đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 5 **maggāmaggāñāṇa-dassanavisuddhi**: chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh.

4.2- Balava Udayabbayānupassanāñāṇa

Sau khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ, biết rõ **phi-đạo** (*amagga*) và **pháp-hành chánh-đạo** (*sammā-magga*), mới từ bỏ 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 là **phi-đạo**, tiếp tục thực-hành theo **pháp-hành chánh-đạo** là thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (*majjhimāpaṭipadā*), là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiền-tuệ** dẫn đến phát sinh từ **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa* cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa*.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực (*balava udayabbayānupassanāñāṇa*) phát sinh, nên có khả năng thoát khỏi 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 (*upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*),

thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do *nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt*, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4

* Khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là *maggāmaggañāṇadassanavisuddhi*: *chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh* là **pháp-thanh-tịnh thứ 3** trong pháp-hành thiền-tuệ.

* Khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực (*balava udayabbayānupassanāñāṇa*) có khả năng thoát khỏi 10 *pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư (upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa)* đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là *paṭipadāñāṇadassanavisuddhi*: *pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh* là **pháp-thanh-tịnh thứ 4** của pháp-hành thiền-tuệ.

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này thuộc về *tiraṇapariññā*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do *nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt*, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường,*

trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Ba gút mắt của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thường gặp phải 3 điều gút mắt là:

1- Gút mắt thứ nhất về pháp-học của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu kỹ tất cả **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** một cách rành rẽ từng chi tiết trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Sắc-pháp, danh-pháp mà hành-giả đang học hỏi, nghiên cứu ấy thuộc về *vijjamānapaññatti: chế-định-pháp về danh từ ngôn-ngữ có thật-tánh-pháp làm nền tảng*, không phải là *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*; nhưng *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ chỉ có sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà thôi. Bởi vì chỉ có **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới** thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mới có **thật-tánh**; có **sự sinh, sự diệt**; có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

Cho nên, hành-giả cần phải có trí-tuệ sáng suốt biết phân biệt rõ **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** như thế nào gọi là:

- **Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chế-định-pháp** (*paññattidhamma*).

- **Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*).

Bởi vì mỗi loại đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp có tính chất hoàn toàn khác nhau:

- Nếu đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** thuộc về **chế-định-pháp** thì không có **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; không có **sự sinh, sự diệt**; không có **3 trạng-thái-chung** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Cho nên, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy không phải là **đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ**.

- Nếu đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** thì có **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; có **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Cho nên, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy là **đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ**.

Vì vậy, hành-giả muốn thực-hành pháp-hành

thiền-tuệ cần phải có trí-tuệ hiểu biết phân biệt rõ *mỗi sắc-pháp*, *mỗi danh-pháp* thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) để làm **đối-tượng thiền-tuệ**, khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Như vậy, hành-giả đã tháo gỡ được gút mắt quan trọng đầu tiên, trước khi bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, biết sử dụng *mỗi sắc-pháp*, *mỗi danh-pháp tam-giới* thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) làm **đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ**.

2- Gút mắt thứ nhì về pháp-hành thiền-tuệ

Sau khi học hỏi, nghiên cứu, phân biệt hiểu biết rõ được tất cả *mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp tam-giới* thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*); không phải *sắc-pháp*, *danh-pháp* thuộc về **chế-định-pháp danh từ ngôn-ngữ** (*vijjamañapaññatti*) có **thật-tánh-pháp** làm nền tảng.

Hành-giả bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có **đối-tượng thiền-tuệ** là **mỗi sắc-pháp** hoặc **mỗi danh-pháp tam-giới** dẫn đến phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của *mỗi sắc-pháp*, hoặc của *mỗi danh-pháp tam-giới* đúng theo **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*).

Thật-tánh của *mỗi sắc-pháp*, *mỗi danh-pháp tam-giới* là **sự-thật chân-lý hiển nhiên** trong đời,

sở dĩ **thật-tánh** của mỗi **sắc-pháp**, của mỗi **danh-pháp tam-giới** không hiện rõ là vì **vô-minh** (*avijjā*) che phủ.

Vậy, để thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi **sắc-pháp**, mỗi **danh-pháp tam-giới**, hành-giả cần phải luôn luôn có **yonisomanasikāra**: sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi **sắc-pháp**, mọi **danh-pháp tam-giới**, làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác** mới ngăn được **vô-minh** (*avijjā*) không phát sinh, đồng thời ngăn được 3 **pháp-đảo-điên** (*vipallāsa*) là **trưởng-đảo-điên**, **tâm-đảo-điên**, **tà-kiến đảo-điên** thấy sai, hiểu lầm cho rằng: **sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới** là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh** không phát sinh, để hỗ trợ cho **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác** phát sinh, thực-hành pháp-hành **thiền-tuệ** dẫn đến phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi **sắc-pháp**, mỗi **danh-pháp tam-giới** đúng theo sự-thật **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*).

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa* là trí-tuệ đầu tiên trong 16 trí-tuệ-thiền-tuệ, đóng vai trò quan trọng, làm nền tảng, làm nhân-duyên để hỗ trợ cho 15 trí-tuệ-thiền-tuệ tuần tự phát sinh.

Như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã tháo gỡ được gút mắt thứ nhì rồi, chỉ còn gút mắt cuối cùng nữa mà thôi.

3- Gút mắt thứ ba ở giai đoạn trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh còn non yếu, thường có vipassanupakkilesa là 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy phát sinh, các pháp-bản ấy rất lạ thường mà hành-giả chưa từng thấy từ trước đây bao giờ, nên hành-giả thấy sai chấp lầm rằng:

“Chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh quả và Niết-bàn rồi!”

Như vậy, pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ tư ấy không phải là Thánh-đạo cho là Thánh-đạo, không phải là Thánh-quả cho là Thánh-quả. Chính pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 ấy làm trở ngại cho trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu không phát triển lên các trí-tuệ-thiên-tuệ bậc cao được. Đó là điều gút mắt thứ ba của pháp-hành thiên-tuệ.

* Khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt nhận thức biết rõ được rằng: “vipassanupakkilesa là 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu

ấy là **phi-đạo** (*amagga*), không dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.”

* Và tiếp theo trí-tuệ sáng suốt nhận thức biết rõ rằng: “*sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại* mà **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, đã biết rõ **sự sinh, sự diệt** của *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại* do *nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt*; đã thấy rõ, đã biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại*. Đó chính là **chánh-đạo** (*sammāmagga*), dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**.

Hành-giả từ bỏ **phi-đạo** (*amagga*), trở lại thực-hành theo **chánh-đạo** (*sammāmagga*), đó là thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** là thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ.

Đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực phát sinh, mới thoát khỏi 10 **pháp-bản** của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** non yếu ấy, gọi là *upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*: **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thoát khỏi 10 **pháp-bản** của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** non yếu ấy.

Như vậy, hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đến giai đoạn đã **tháo gỡ được gút mắt thứ ba** cuối cùng, hành-giả không còn gút mắt nào trong pháp-hành thiền-tuệ nữa.

Nếu hành-giả có đầy đủ 10 *pháp-hạnh ba-la-mật*, và có đủ 5 *pháp-chủ (indriya)*: *tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ* thì hành-giả có khả năng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16* của *pháp-hành thiền-tuệ*, nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát triển từ *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (lokiyavipassanāñāṇa)* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanāñāṇa)* chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo*, *Thánh-quả*, *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong Phật-giáo.

Cho nên, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5* gọi là *bhaṅgānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*

sanāñāṇa có nhiều năng lực đã thoát khỏi vipassanupakkilesa làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 gọi là bhāṅgānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dôi theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-diệt mà thôi; nên hiện rõ ràng 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa này phát sinh do nương nhờ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- Trí-tuệ thứ nhất thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).

- Trí-tuệ thứ nhì thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-sinh**.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới do **nhân-duyên-diệt**.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** là tổng hợp 4 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** gọi là **bhaṅgānupassanāñāṇa**, trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt** mà thôi; nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa phát sinh như thế nào?

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thường thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt**; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 tăng thêm nhiều năng lực.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại một cách mau lẹ.

Đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** bhaṅgānupassanāñāṇa ấy bỏ qua **sự sinh** của mỗi sắc-pháp,

mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, mà chỉ dõ theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi **đối-tượng** sắc-pháp, mỗi **đối-tượng** danh-pháp tam-giới hiện-tại; còn thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể** tâm biết đối-tượng nữa, làm cho hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng thấy trước kia bao giờ, cho nên, chỉ hướng tâm đến **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi, mà không quan tâm đến **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại nữa.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanā-ñāna này đặc biệt chỉ dõ theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (khaya), **sự diệt mất** (vaya) **sự tan vỡ** (bheda) **sự diệt** (nirodha) của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi.

Tuy nhiên, **sự diệt** (nirodha) của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại mà **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** đặc biệt này thấy rõ, biết rõ là **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại này còn làm nhân-duyên cho **sự sinh** của sắc-pháp kia, danh-pháp tam-giới kia; hoàn toàn không giống **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới như bậc Thánh A-ra-hán nhập-diệt-thọ-tướng (nirodhasamāpatti), **sự diệt** của danh-pháp tam-giới trong khi “**nhập diệt-thọ-tướng**” là **sự diệt** của danh-pháp suốt 7 ngày đêm, đến ngày thứ 8 mới có **sự sinh** của danh-pháp trở lại.

Cho nên, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** đặc biệt này thường chỉ thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*), **sự tan vỡ** (*bheda*) **sự diệt** (*nirodha*) của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại này mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này là trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ rằng **sự diệt** do **nhân-duyên-diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Hoặc **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt**, nên gọi là *bhaṅgānupassanāñāṇa*.

Dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp danh-pháp tam-giới hiện-tại như thế nào?

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt**, **sự diệt mất** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại như sau:

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-thường**, không phải thấy **thường**.

- Thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái khổ**, không phải thấy **lạc**.

- Thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-ngã**, không phải thấy **ngã**.

- Nên phát sinh **tâm nhàm chán**, không phải **tâm ham muốn**.

- Nên phát sinh **tâm ly dục**, không phải **tâm tham dục**.

- Nên phát sinh **tâm diệt**, không phải **tâm sinh**.

- Nên phát sinh **tâm từ bỏ**, không phải **tâm chấp thủ**.

- Khi thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-thường**, nên diệt được **niccasaññā**: tưởng làm cho là thường.

- Khi thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái khổ**, nên diệt được **sukhasaññā**: tưởng làm cho là lạc.

- Khi thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **trạng-thái vô-ngã**, nên diệt được **attāsaññā**: tưởng làm cho là ngã.

- Khi phát sinh **tâm nhàm chán**, nên diệt được **tâm ham muốn**.

- Khi phát sinh **tâm ly-dục**, nên diệt được **tâm tham-dục**.

- Khi phát sinh **tâm diệt**, nên diệt được **tâm sinh**.
- Khi phát sinh **tâm từ bỏ**, nên diệt được **tâm chấp thủ**.

Quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thường dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là thường thấy rõ, biết rõ rằng:

“*Sabbe saṅkhārā bhijjanti bhijjanti.*”

“Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đều diệt, diệt.”

Hành-giả có được **aṭṭhānisamsa**⁽¹⁾: **8 quả báu**:

1- *Bhavaditṭhippahāna*: Hành-giả diệt được từng thời thường-kiến trong kiếp.

2- *Jīvitānīkanti-pariccāga*: Hành-giả từ bỏ sự say mê trong sinh-mạng.

3- *Sadāyuttapayuttatā*: Hành-giả tinh-tấn ngày đêm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

4- *Visuddhājīvitā*: Hành-giả nuôi mạng trong sạch thanh-tịnh.

5- *Ussukkappahāna*: Hành-giả bỏ sự cố gắng trong mọi công việc lớn nhỏ khác, bởi vì phát sinh động tâm cực độ.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Bhaṅgānupassanāñāṇakathā.

6- *Vigatabhayatā*: Hành-giả không có điều tai họa.

7- *Khantisoraccapaṭilābha*: Hành-giả có đức nhẫn-nại hoan-hỷ trong pháp-hành thiền-tuệ.

8- *Aratiratisahanatā*: Hành-giả có sự chế-ngự được sự hài lòng và không hài lòng.

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, và biết 8 **quả báu cao quý của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** này, nên kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không thoái chuyển, với ý nguyện chỉ mong chứng đạt **Niết-bàn, giải thoát khổ** mà thôi.

Ví như người bị lửa cháy chiếc khăn quấn trên đầu, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là *bhayatupaṭṭhānāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *Bhayatupaṭṭhānāñāṇa*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là *bhayatupaṭṭhānāñāṇa*: **trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại thật đáng kinh sợ; nên hiện rõ ràng 3 trạng-**

thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** là tổng hợp 5 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là **bhayatupaṭṭhānañāṇa**: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại do **nhân-duyên-diệt, thật đáng kính sợ**; nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa phát sinh như thế nào?

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** bhāṅgānupassanāñāṇa có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*), **sự tan vỡ** (*bheda*), **sự diệt** (*nirodha*) của ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Các pháp hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại có **sự diệt** trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇaṭṭhiti*), trong **9 cõi-giới chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kính sợ cực độ**.

Cũng như **con thú dữ** như *sur tử, hổ, beo, trâu rừng, bò rừng, voi rừng, con rắn hổ mang, hàm lửa đang cháy, v.v...* đó là những vật **đáng kinh sợ** đối với người nhát gan có tính hay sợ sệt, muốn sống an lạc.

* Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ đặc biệt** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời rằng:

“*Atītā saṅkhārā niruddhā, paccuppannā nirujjhanti, anāgate nibbattānakasaṅkhārāpi evameva nirujjhissanti.*”

Các pháp *hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ đã diệt rồi* trong thời *quá-khứ*; *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt* trong thời *hiện-tại*; và *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới sẽ phát sinh* trong thời *vị-lai cũng sẽ diệt* trong thời *vị-lai mà thôi*.

Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ đặc biệt** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời như vậy, đó là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.

Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* không phải là *trí-tuệ-thiền-tuệ* có sự **đáng kinh sợ** nào cả, mà *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6* là *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ thấu suốt *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* trong 3 thời **đáng kinh sợ**:

Tất cả các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp

tam-giới quá-khứ đã diệt trong thời quá-khứ rồi; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại; sắc-pháp, danh-pháp tam-giới vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt trong thời vị-lai.

Thật vậy, ví như một người nhìn thấy **3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực**, chính người ấy không có sự kinh sợ gì cả, nhưng suy xét thấy **3 hầm lửa than hồng** ấy đáng kinh sợ rằng:

“*Nếu có người nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng ấy thì chắc chắn phải chịu khổ vì lửa thiêu nóng kinh khủng.*”

Cũng như vậy, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa** này không có sự kinh sợ nào cả, mà chỉ nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới ví như 3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực ấy.

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ đã diệt rồi.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại đang diệt.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới vị-lai chắc chắn cũng sẽ bị diệt.*

* Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa** thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-

khứ, hiện-tại, vị-lai đều có trạng-thái vô-thường thật đáng kinh sợ.

* Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có trạng-thái khổ** thật đáng kinh sợ.

* Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều có trạng-thái vô-ngã** thật đáng kinh sợ.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 Ādīnavānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa*: **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đầy tội chướng**.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* là tổng hợp 6 loại trí-tuệ từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

Tính chất của *ādīnavānupassanāñāṇa*

Khi hành-giả phát triển **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thường đôi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực; tiến triển đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng**, nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇaṭṭhiti*), trong **9 cõi chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu thật đáng kinh sợ tột độ. Bởi vì tất cả mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ẩn náu** (*neva tāṇam*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇam*), không phải là **nơi đến lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*nappaṭisaraṇam*), và cũng không phải nơi mong muốn đối với hành-giả. Tại sao vậy?

Bởi vì, **tam-giới** gồm có 31 cõi-giới (11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới) đang hiện-hữu như 3 hầm lửa đầy than hồng đang hùng hực cháy rực không có khói.

- **Tứ đại** (địa-đại, thủy-đại, hỏa-đại, phong-đại) trong sắc-thân đang hiện-hữu như 4 con rắn độc kinh khủng.

- **Ngũ-uẩn** (sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) đang hiện-hữu như tên đao phủ đang giơ thanh đao chém xuống đầu.

- **6 xứ bên trong** (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đang hiện-hữu như xóm làng hoang, không có người ở.

- **6 xứ bên ngoài** (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đang hiện-hữu như kẻ trộm cướp chiếm lấy của cải tài sản.

- **7 thức trụ, 9 cõi chúng-sinh** đang hiện-hữu như bị 11 thứ lửa (lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực) đang cháy ngầm thiêu đốt ngày đêm.

- Tất cả các pháp-hữu-vi đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đang hiện-hữu như là **ung nhọt đau nhức** (gaṇḍabhūtā), như là **căn bệnh trầm kha** (rogabhūtā), như là **mũi tên độc** (sallabhūtā), như là **sự đau khổ** bất hạnh triền

miên (*aghabhūtā*), như là **bệnh tật đau khổ** (*ābādhabhūtā*), không có chút an-lạc nào cả, chỉ là khối đại tội chướng (*mahā ādīnavarāsibhūtā*) mà thôi.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-nāṇa* như thế nào?

Ví như một người có tính nhát gan hay sợ sệt, chỉ mong muốn cuộc sống an-lạc mà thôi. Khi người ấy đi gặp phải hang có hùm beo, hoặc xuống sông gặp dạ-xoa dưới nước, hoặc đi đường gặp kẻ cướp sát nhân, gặp kẻ thù giơ thanh đao để chém xuống đầu, hoặc nằm trong căn nhà đang bị cháy, hoặc dùng vật-thực có chất độc, v.v... Người ấy phát sinh sự sợ hãi, sự kinh hồn bạt vía, bởi vì thấy những điều xảy ra ấy thật đáng kinh sợ, chỉ là những điều **đầy tội chướng** mà thôi, như thế nào, đối với hành-giả cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cả 3 thời (quá-khứ, hiện-tại, vị-lai) **đáng kinh sợ**; nên cũng thấy rõ, biết rõ ràng tất cả các pháp-hữu-vi đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**, không có chút an-lạc nào cả.

Trí-tuệ-thiền-tuệ nào thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-

tại, vị-lai **đầy tội chướng** (thấy lỗi cả đối-tượng lẫn chủ thể), trí-tuệ-thiền-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa**.

Vấn: **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānā-ñāṇa** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực để trở nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng** bằng cách nào?

Đáp: Để trở nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa**, thì **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānāñāṇa** cần phải thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ** bằng cách thấy rõ, biết rõ trong 5 đối-tượng như sau:

1- **Uppāda**: **Sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ**; nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

2- **Pavatta**: **Sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ**; nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa** thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

3- **Nimitta**: Các pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật đáng kinh sợ**; nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

4- **Āyūhana**: Sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**; nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

5- **Paṭisandhi**: Sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**; nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng**; nên tâm không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong 3 cõi-giới (*bhava*), trong 4 loài (*yoni*), trong 5 cõi tái-sinh (*gati*), trong 7 thức trụ (*viññāṇaṭṭhiti*), trong 9 cõi-giới chúng-sinh (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ tội độ**, bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là nơi ẩn náu (*neva tāṇaṃ*), không phải là nơi an toàn (*na leṇaṃ*), không

phải là nơi đến lánh nạn (na gati), không phải là nơi nương nhờ (nappaṭisaraṇaṃ). Cho nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** này chỉ hướng tâm đến **Niết-bàn** giải thoát khổ mà thôi.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānāñāṇa** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới với 5 đối-tượng uppāda, pavatta, nimitta, āyūhana, paṭisandhi **thật đáng kinh sợ** (bhaya); còn **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** hướng đến Niết-bàn với 5 đối-tượng trái ngược lại là **anuppāda, appavatta, animitta, anāyūhana, appaṭisandhi** bằng cách:

* **Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an-tịnh**

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự sinh** (uppāda) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là đáng kinh sợ** (bhaya); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** biết rằng: Niết-bàn **không có sự sinh** (anuppāda) là **pháp an-tịnh** (khemā), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự hiện-hữu** (pavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là đáng kinh sợ** (bhaya); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không có sự hiện-hữu** (appavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, là **pháp an-tịnh** (khema), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp-hữu-vi** (saṅkhāranimitta) đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là đáng kinh sợ** (bhaya); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **pháp-vô-vi** (animitta) là **pháp an-tịnh** (khema), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tích lũy nghiệp chướng** (āyūhana) cho

quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh trong tam-giới **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** biết rằng: Niết-bàn **không có sự tích lũy nghiệp chướng** (anāyūhana) là **pháp an-tịnh** (khema), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhi) trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** biết rằng: Niết-bàn **không có sự tái-sinh kiếp sau** (appaṭisandhi), là **pháp an-tịnh** (khema), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

* **Đôi-tượng khổ và đôi-tượng an-lạc**

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự sinh** (uppāda) của sắc-pháp, danh-

pháp 3 thời trong tam-giới **thật là khổ** (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không có sự sinh** (anuppāda) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, là **pháp an-lạc** (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự hiện-hữu** (pavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là khổ** (dukkha); nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không có sự hiện-hữu** (appavatta) của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là **pháp an-lạc** (sukha), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp-hữu-vi** (saṅkhāranimitta) đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong 3 thời **thật là**

khổ (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **pháp-vô-vi** (*animitta*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp trong tam-giới **đầy tội chướng**.

* Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*); nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

* *Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không có sự tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanā-ñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tận được tất cả mọi pháp-hữu-vi ...

Thực-hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ

Hành-giả kiên trì thực-hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ cho thuần thực là:

* *5 ādīnavañāṇa* là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7* thấy rõ, biết rõ rằng 5 đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có **sự sinh** (*uppāda*), **sự hiện-hữu** (*pavatta*), **pháp-hành tạo-tác** (*saṅkhāra-nimitta*), **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*), **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới đầy tội chướng, và

* *5 santipadañāṇa* là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7* hướng tâm đến Niết-bàn có 5 đối-tượng hoàn toàn trái ngược lại với 5 đối-tượng của *ādīnavañāṇa*, đó là Niết-bàn không sinh (*anuppāda*), pháp không hiện-hữu (*appavatta*), pháp-vô-vi (*animitta*), pháp không tích lũy nghiệp chướng (*anāyūhana*), pháp không tái-sinh kiếp sau (*appaṭisandhi*).

Khi kiên trì thực-hành 10 trí-tuệ-thiền-tuệ này một cách thuần thực rồi, hành-giả ấy không hề bị lay chuyển bởi các tà-kiến.

Như vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ ādīnavañāṇa* với *trí-tuệ-thiền-tuệ santipadañāṇa*, mỗi loại có 5 đối-tượng hoàn toàn trái ngược lại với nhau, và dẫn đến như sau:

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **đầy tội chướng, thật đáng kinh sợ tội độ**, bởi vì *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới không phải là nơi ẩn náu (neva tāṇaṃ), không phải là nơi an toàn (na leṇaṃ), không phải là nơi đến lánh nạn (na gati), không phải là nơi nương nhờ (nappatisaraṇaṃ), chỉ có khổ thật sự mà thôi.*

Cho nên, hành-giả phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán, không dính mắc vào sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy.

* *Trí-tuệ-thiền-tuệ santipadañāṇa* hướng đến **Niết-bàn tịch tịnh** đầy ân-đức. *Niết-bàn là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.*

Cho nên, hành-giả phát sinh đức-tin trong sạch vững chắc trong pháp-hành thiền-tuệ này dẫn đến chứng ngộ **Niết-bàn**, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho

trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8*** gọi là ***nibbidānupassanāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.*

- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa*** là tổng hợp 7 loại *trí-tuệ* trên từ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8*** gọi là ***nibbidānupassanāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.*

Nibbidā: *Thật đáng nhàm chán* có nghĩa là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã trải qua 7 loại *trí-tuệ-thiền-tuệ* từ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* như sau:

- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*** đã thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; hiện rõ

trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanā-ñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **đặc biệt sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới chỉ có **khô thật sự** mà thôi.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* đã thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **thật đáng kinh sợ tội độ** (*bhaya*).

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-ñāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy những tội chướng** (*ādīnava*).

* Vì thế, đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* này phát sinh chỉ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **thật đáng nhàm chán tội độ**, nên chỉ còn hướng tâm đến *Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới* mà thôi.

Cho nên, hành-giả cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành dõi theo **7 pháp anupassanā**, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.**

Bảy pháp Anupassanā

1- *Aniccānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường.

2- *Dukkhānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái khổ.

3- *Anattānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-ngã.

4- *Nibbidānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán.

5- *Virāgānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới không đáng say mê.

6- *Nirodhānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đáng diệt bỏ.

7- *Paṭinissaggānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đáng xả bỏ.

Giảng Giải

1- *Aniccānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-

pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-thường** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này; nên diệt được **niccasaññā**: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là **thường**.

2- **Dukkhānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái khổ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái khổ** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **sukhasaññā**: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là **lạc**.

3- **Anattānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-ngã** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **attasaññā**: thấy sai, tưởng lầm sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là **ngã**.

4- **Nibbidānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-

pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng nhàm chán**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng nhàm chán** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **nandi**: tâm tham-ái hài lòng trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

5- **Virāgānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật không đáng say mê**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật không đáng say mê** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **rāga**: tâm tham-ái say mê trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

6- **Nirodhānupassanā**: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng diệt bỏ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng diệt bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **samudaya**: nhân-sinh-khổ của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

7- ***Paṭinissaggānupassanā***: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng xả bỏ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng xả bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại này; nên diệt được **āḍāna**: sự chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Trong 7 pháp **ānupassanā** này có 3 loại căn bản là **aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā**, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ

1- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupatthānānāna*** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đáng kinh sợ**.

2- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanānāna*** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng**.

3- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanānāna*** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đáng nhàm chán**.

Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ này chỉ có khác nhau về tên gọi mà thôi, còn giống nhau về ý nghĩa.

Thật vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã trải qua từ **trí-tuệ thứ nhất** *nāma-rūpaparicchedañāṇa* cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* này.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **đáng kinh sợ** thì gọi là *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp danh-pháp tam-giới **đầy tội chướng** thì gọi là *ādīnavānupassanañāṇa*.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ danh-pháp sắc-pháp tam-giới **đáng nhàm chán** thì gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai **thật đáng nhàm chán tột độ**; nên hướng tâm đến **đối-tượng santipada: Niết-bàn là pháp an-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.**

Đối-tượng santipada: Niết-bàn như thế nào?

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* thấu suốt biết rõ rằng:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ rằng: **uppāda**: sự sinh của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anuppāda**: sự không sinh của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ rằng: **pavatta**: sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anuppāda**: sự không sinh của sắc-pháp, danh-pháp, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ rằng: **nimitta** (saṅkhāranimitta): pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **animitta**: pháp-vô-vi, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ rằng: **āyūhana**: sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anāyūhana**: sự không tích lũy nghiệp chướng, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** thấy rõ, biết rõ rằng: **paṭisandhi**: sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **appaṭisandhi**: sự không tái-sinh kiếp sau, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối, v.v...

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** nibbidānupassanā-ñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi. Nên chỉ hướng đến đối-tượng **santipada**: Niết-bàn diệt tận được tất cả các pháp-hữu-vi, là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, có sự an-lạc tuyệt đối.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanā-ñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** nibbidānupassanā-ñāṇa có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** gọi là

muñcitukamyatāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

- ***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa* là tổng hợp 8 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa* phát sinh như thế nào?

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi, nên hướng tâm đến đối-tượng ***santipada***: Niết-bàn diệt tận được tất cả các pháp hữu-vi làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāṇa* chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

* **Ba giới** gồm có 31 cõi, chia ra 3 giới:

- *Dục-giới* gồm có 11 cõi-giới.

- *Sắc-giới* gồm có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

- *Vô sắc-giới* gồm có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

1- **Dục-giới** có 11 cõi chia làm 2 cõi-giới:

- **Cõi ác-giới** có 4 cõi là cõi *địa-ngục*, *a-su-ra*, *ngạ-quỷ*, *súc-sinh*. Chúng-sinh bị tái-sinh kiếp sau 1 trong 4 cõi ác-giới do **quả của ác-nghiệp**⁽¹⁾ mà chúng-sinh ấy đã tạo, phải chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới được, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

- **Cõi thiện dục-giới** gồm có 7 cõi là cõi *người* và 6 cõi trời *dục-giới*. Chúng-sinh được tái-sinh kiếp sau 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới do **quả của dục-giới thiện-nghiệp** mà chúng-sinh ấy đã tạo, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi mãn quả của *dục-giới thiện-nghiệp* ấy, mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển “Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống”, cùng soạn giả.

2- **Sắc-giới** có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên

Chúng-sinh là hành-giả nào được tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào do **quả của sắc-giới thiện-nghiệp** mà hành-giả ấy đã chứng đắc. Vị phạm-thiên ấy hưởng an-lạc trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời ấy ⁽¹⁾, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

3- **Vô-sắc-giới** có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên

Chúng-sinh là hành-giả nào được tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên nào do **quả của vô-sắc-giới thiện-nghiệp** mà hành-giả ấy đã chứng đắc. Vị phạm-thiên ấy hưởng an-lạc trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Tam-giới là cõi dục-giới, cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới gồm có 31 cõi-giới, chỉ là **nơi tạm trú** của tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới mau hoặc lâu mà thôi.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IX: *Pháp-Hành Thiên-Định*, cùng soạn giả.

Dù vị phạm-thiên nào trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tốt đỉnh gọi là *Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên*, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất, đến khi hết tuổi thọ cũng phải chết. Sau khi vị phạm-thiên ấy chết, tùy theo thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

* **Bốn loài** đó là 4 loài chúng-sinh:

1- **Thai-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài thai-sinh, đầu tiên đầu thai trong bụng mẹ, từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày mới sinh ra đời, đó là *loài người trong cõi người, loài súc-sinh như trâu, bò, v.v...*

2- **Noãn-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài noãn-sinh, đầu tiên sinh trong trứng trong bụng con mái, trứng sinh ra ngoài rồi từ trứng nở ra con, đó là *loài gà, vịt, chim, v.v...*

3- **Thấp-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài thấp-sinh nương nhờ nơi ẩm thấp dư dáy, dưới đất, lá cây, trái cây chín, máu, mủ, v.v... Đó là *con giun đất, trùn, dòi, các loài sán, v.v...*

4- **Hóa-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài hóa-sinh không cần nương nhờ vào nơi nào cả, chỉ nương nhờ nơi nghiệp quá-khứ của mình mà thôi. Khi tái-sinh hóa-sinh ngay tức khắc to lớn tự nhiên, đó là *chúng-sinh địa-ngục, các loài*

ngạ-quỷ, a-su-ra, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư Phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, chư phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* hiểu biết rằng:

Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có ngũ-uẩn hoặc tứ uẩn hoặc nhất uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dù ở trong cõi-giới nào cũng chắc chắn còn phải chịu khổ của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới ấy.

Đối với hạng phạm-nhân, hễ còn tiếp tục tử sinh luân-hồi thì khó mà tránh khỏi 4 cõi ác-giới là địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh.

Cho nên, hành-giả cố gắng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** này thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, **thật đáng nhàm chán thật sự.**

Vì vậy, hành-giả cảm thấy kinh sợ, nhàm chán trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ quyết tâm tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khỏi khổ vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

Tính chất của muñcitukamyatāñāṇa như thế nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi, qua những ví dụ như sau:

* Ví như con cá bị mắc lưới, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi lưới như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cũng như thế ấy.

* Ví như con ếch bị con rắn ngậm trong miệng, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi miệng con rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn ... cũng như thế ấy, v.v...

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa này thấy rõ, biết rõ rằng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới trong 31 cõi-giới đều sinh rồi diệt, tan rã, là vô-thường, chỉ có **khổ thật sự** mà thôi. Nên tâm của hành-giả chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, mới giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nghĩa là giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, hành-giả không muốn dính mắc trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới nào nữa, chỉ cố gắng tinh-tân không ngừng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10* paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9* muñcitukamyatāñāṇa có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10* gọi là *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9* muñcitukamyatāñāṇa mong muốn tha thiết giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới **thật đáng nhàm chán tột độ** làm nền tảng, làm nhân-

duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* như sau:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* là tổng hợp 9 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Theo bộ *Visuddhimagga*, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* ⁽¹⁾ này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 4 **trạng-thái** gồm có 53 trạng-thái chi-tiết. ⁽²⁾

- Trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết.
- Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết.
- Trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết.
- Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi-tiết.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 4 **trạng-thái**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của mọi

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā*.

² Xem đầy đủ bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, cùng soạn giả.

sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới một cách rõ ràng đầy đủ các trạng-thái chi-tiết; nên **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāma*) được 3 pháp-đảo-điên: *tướng-đảo-điên* (*saññāvīpallāsa*), *tâm-đảo-điên* (*cittavīpallāsa*), *tà-kiến-đảo-điên* (*ditṭhivīpallāsa*) trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

Cho nên, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** này sáng suốt tìm ra phương-pháp giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới này.

Hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với phương-pháp ấy cho đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh có nhiều năng lực.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** gọi là *saṅkhārupekkhāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11**

gọi là **saṅkhārupekkhāñāṇa**: trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, có sự sinh, sự diệt của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, có **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nên đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa** là tổng hợp 10 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa**: trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; nên đặt **tâm trung-dung** (majjhata) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để quyết định phương-pháp giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10 patisaṅkhānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-

giới, để tìm ra phương-pháp giải thoát khỏi khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới này. Cho nên hành-giả trở lại suy xét rằng:

“*Sabbe saṅkhārā suññā.*”

Tất cả mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đó là ngũ-uẩn, 6 xứ bên trong với 6 xứ bên ngoài, 18 tự-tánh (*dhātu*), ... đều là **hoàn toàn không** (*suñña*) (*na attā, na attāniya*: không phải ta, không phải của ta).

Thật vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ 2 pháp:

“*Suññamidaṃ attānena vā attāniyena vā.*”

Thật-tánh của tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới này đều không phải ta, cũng không phải của ta.

Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều là **hoàn toàn không phải ta, không phải của ta** với *paccakkhāñāṇa*: trí-tuệ trực-tiếp thấy rõ, biết rõ bên trong mình như thế nào, và với *anumāñāṇa*: trí-tuệ gián-tiếp thấy rõ, biết rõ bên ngoài mình, của chúng-sinh khác cũng như thế ấy.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*

thấy rõ, biết rõ tất cả mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới rằng:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **6 xứ bên trong**: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ là hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **6 xứ bên ngoài**: sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ là hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **6 thức-tâm**: nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm là hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, là khô, là vô-ngã, không chiều theo theo ý của ai.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn với 10 tính chất như sau:

Sắc-uẩn có 10 tính chất:

1- *Rūpaṃ rittato passati*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là vô dụng, bởi vì vô-thường, khổ, vô-ngã.

2- *Tuccho*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là rỗng tuếch, bởi vì không có cốt lõi.

3- *Suññato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là rỗng không, không phải ta, không phải của ta.

4- *Anattāto*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là vô-ngã, bởi vì vô chủ.

5- *Anissariyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không có chủ quyền, bởi vì không ai có quyền sai khiến theo ý của mình.

6- *Akāmakāriyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không làm theo ý muốn của ai.

7- *Alabbhanīyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ không thể muốn **sắc-uẩn** như thế này, đừng như thế kia được.

8- *Avasavattākato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không chiều theo ý muốn của ai.

9- *Parato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là khác lạ.

10- *Vivittato pasati*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là vô chủ, bởi vì không phải người, không phải chúng-sinh nào cả.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là hoàn toàn **không** (*suñña*) với 10 tính chất ấy như thế nào. Cũng như vậy, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là hoàn toàn **không** (*suñña*) với 10 tính chất cũng như thế ấy.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là hoàn toàn không (*suñña*), có 12 tính chất:

Sắc-uẩn có 12 tính chất:

1- *Rūpaṃ na satto*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không phải là chúng-sinh.

2- *Na jīvo*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không phải là sinh-mạng vĩnh cửu.

3- *Na naro*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không phải là người.

4- *Na māṇavo*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không phải là cậu trai trẻ.

5- *Na itthī*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không phải là người nữ.

6- *Na puriso*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** không phải là người nam.

7- *Na attā: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải ta (ngã).*

8- *Na attāniyaṃ: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của ta.*

9- *Nāhaṃ: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là ta.*

10- *Na mama: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải của ta.*

11- *Na aññassa: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải của người khác.*

12- *Na kassaci: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải của một ai cả.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11* thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là hoàn toàn **không** (*suñña*) với 12 tính chất ấy như thế nào. Cũng như vậy, *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* cũng là hoàn toàn **không** (*suñña*) với 12 tính chất như thế ấy.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11* thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là **hoàn toàn không** (*suñña*) với *trạng-thái vô-thường* có 12 *trạng-thái chi-tiết*, *trạng-thái khổ* có 27 *trạng-thái chi-tiết*, *trạng-thái vô-ngã* có 7 *trạng-thái chi-tiết* của **sắc-uẩn**.

Cũng như vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11* thấy rõ, biết rõ **thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-**

uẩn hoàn toàn không (*suñña*) với trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết, trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết như **sắc-uẩn**.

Khi hành-giả có trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp hoàn toàn không** (*suñña*) như vậy, gọi là trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta.

Đức-Phật dạy Ngài Trưởng-lão Mogharāja:

“*Suññato lokam avekkhassu,
Mogharāja sadā sato.
Attānudiṭṭhiṃ ūhacca,
evaṃ maccutaro siyā.
Evaṃ lokam avekkhantam,
maccurājā na passati.* ⁽¹⁾”

- Này Mogharāja!
Con nên tinh-tấn ngày đêm,
Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.
Từ bỏ tà-kiến theo chấp ngã,
Con nên có trí-tuệ-thiên-tuệ,
Thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi,
Trong tam-giới hoàn toàn không.

¹ Bộ Visuddhimagga, và bộ Khu. Cūlanidesa.

*Được như vậy, con thoát khỏi tử thân,
Tử thân không thấy người thấy rõ, biết rõ,
Pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp,
Trong tam-giới hoàn toàn **không** như vậy.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11* thấy rõ, biết rõ mọi pháp-hữu-vi đó là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn **không** (*suñña*) với nhiều phương pháp như vậy, tâm của hành-giả đặt **trung-dung** giữa tất cả mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Cho nên, hành-giả đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāna*.

Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāna* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **hoàn toàn không** (*suñña*) (không phải ta, không phải của ta); thấy rõ, biết rõ **đầy đủ** các trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Cho nên, hành-giả có được tính chất đặc biệt của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāna* như sau:

- *Bhayañca nandiñca vippahāya*: Hành-giả diệt được **tâm kinh-sợ** (*bhaya*) và **tâm hoan-hỷ** (*nandi*) trong mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Bởi vì đặt **tâm trung-dung** (*majjhattā*) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

- Hành-giả không chấp-thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho **là ta** (*ahaṃ*), **của ta** (*mama*). Bởi vì thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới **thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng thật đáng nhàm-chán tội độ**.

Ví dụ: Một **chàng trai** yêu say đắm người **vợ trẻ đẹp**, không muốn rời xa vì quá yêu vợ. Nếu thấy người vợ đứng, ngồi nói chuyện, cười cợt với người đàn ông nào thì chàng trai ấy nổi cơn ghen tức, khổ tâm cùng cực.

Một hôm, chàng trai ấy bắt gặp vợ của mình ngoại tình với người đàn ông khác. Thấy rõ, biết rõ người vợ phụ bạc, không có lòng chung thủy với mình, đầy tội-lỗi như vậy, nên phát sinh tâm nhàm-chán tội độ, không còn yêu say đắm người vợ như trước nữa.

Chàng trai ấy quyết tâm ly dị với vợ, rồi đuổi vợ ra khỏi nhà, không còn chấp nhận là vợ của mình nữa.

Từ đó về sau, dù chàng trai trẻ thấy người vợ

cũ đi theo người đàn ông khác, chuyện trò cười cợt với người đàn ông khác, vẫn tự nhiên, không hề nổi cơn ghen tức như trước nữa, bởi vì chàng trai trẻ **đặt tâm trung-dung** giữa người vợ cũ và người đàn ông khác ấy.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna** thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới **hoàn toàn không** (*suñña*) là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; nên không còn chấp-thủ trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **ta** (*ahaṃ*), **của ta** (*mama*), **đặt tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới ấy.

Hành-giả đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 này** thấy rõ, biết rõ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới **thật đáng kinh sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tội độ, chỉ mong giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới mà thôi.**

Hành-giả trở lại thấy rõ, biết rõ **tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới hoàn toàn không** (*suñña*), **không phải ta, không phải của ta**, nên **đặt tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nên **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna** có nhiều năng

lực chỉ có hướng tâm đến chứng ngộ *Niết-bàn giải thoát khổ* mà thôi.

Nếu *trí-tuệ-thiền-tuệ* chưa chứng ngộ *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn* thì hành-giả trở lại với *đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới*, và tiếp tục thực-hành như vậy, cho đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ* có khả năng chứng ngộ *đối-tượng Niết-bàn*.

Khi nào *trí-tuệ-thiền-tuệ* có khả năng chứng ngộ *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*, khi ấy, mới buông bỏ *đối-tượng* mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp tam-giới*.

Ví dụ: *Chiếc thương thuyền đi trên đại dương.*

Thời xưa, con người chưa có chiếc *la-bàn chỉ phương hướng*. Chiếc thương thuyền trước khi khởi hành đi ra biển đại dương, người thuyền trưởng bắt một *con quạ* đem theo để chỉ phương hướng. Nếu khi chiếc thuyền bị gió mạnh đi lạc hướng, nhìn không thấy bến thì khi ấy người thuyền trưởng *thả con quạ* bay đi tìm bến.

Con quạ rời từ đỉnh cột buồm bay thẳng lên hư không, bay quanh các hướng, nếu nó thấy bến thì nó bay thẳng về hướng ấy, nhưng nếu nó chưa thấy bến thì nó bay trở lại đậu trên đỉnh cột buồm như trước. *Con quạ* ấy tiếp tục bay như vậy, cho đến khi tìm thấy bến bay thẳng về hướng ấy, chiếc thuyền cũng đi theo hướng ấy đến bến.

Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*, nếu khi thấy được *đối-tượng santipada*; *Niết-bàn siêu-tam-giới* thì buông bỏ *đối-tượng sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt* liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường* hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

Nếu khi hành-giả chưa thấy được *đối-tượng santipada*: *Niết-bàn siêu-tam-giới* thì hành-giả vẫn còn có *đối-tượng sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt* liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường* hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

Hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy, bởi vì **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này phát sinh càng lâu càng vi-tế sâu sắc, thì càng có nhiều năng lực **tâm trung-dung** giữa *mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp tam-giới*.

Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích

Ba trí-tuệ-thiền-tuệ có cùng mục đích giống nhau là:

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* thấy rõ, biết rõ *mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp tam-giới thật đáng nhàm-chán tốt độ*, nên chỉ mong **giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi**, *mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp tam-giới mà thôi*.

2- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10** paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để tìm ra phương-pháp giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi, mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

3- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11** saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã; nên đặt **tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nên có khả năng đặc biệt quyết định phương pháp thực-hành để giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Như vậy, 3 **trí-tuệ-thiên-tuệ** này đều giống nhau về **phận sự**, về **mục đích** giải thoát khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, nhưng chỉ có khác nhau về **thời gian** qua ba giai đoạn:

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa ở giai đoạn đầu.

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 10** paṭisaṅkhānupassanāñāṇa ở giai đoạn giữa.

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11** saṅkhārupekkhāñāṇa ở giai đoạn cuối.

TÍNH CHẤT CỦA SANKHĀRUPEKKHĀÑĀṆA

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *sankhārupekkhāñāṇa*, nên có những tính chất đặc biệt như sau:

- *Hành-giả không thoái chí nản lòng, chỉ có quyết tâm kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong sớm chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.*

Hành-giả có 5 pháp đặc biệt là:

1- ***Bojjhaṅgavisesa***: *Pháp đặc biệt thất-giác-chi: niệm-giác-chi, phân-tích-giác-chi, tinh-tán-giác-chi, hỷ-giác-chi, tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi.* Đó là 7 pháp-giác-chi hỗ trợ chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.**

2- ***Maggāṅgavisesa***: *Pháp đặc biệt bát-chánh-đạo: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định.* Đó là 8 pháp-chánh-đạo hỗ trợ trực tiếp chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não.

3- ***Jhānaṅgavisesa***: *Pháp đặc biệt chi-thiền Jhāna* nghĩa là **định-tâm** trong đối-tượng, có 2 loại định:

- *Lakkhanūpanijjhāna*: Định-tâm trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; để trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

- *Ārammanūpanūpanijjhāna*: Định-tâm trong 40 đề mục thiền-định.

4- *Paṭipadāvisesa*: Pháp-hành đặc biệt có 4 pháp-hành:

- *Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, **chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả**.

- *Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, **mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả**.

- *Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, **chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả**.

- *Sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, **mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả**.

Nguyên nhân của mỗi pháp-hành

* Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả**?

Do 10 vipassanupakkilesa: pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư phát sinh xen vào làm trở ngại cho hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó phát triển.

Khi hành-giả thực-hành khó nhọc mới thoát ra khỏi 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna phát sinh gần chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả** vẫn còn chút trở ngại mới chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả**.

Vì vậy, gọi là dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā: thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả**.

* Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả**?

*Do hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng thoát ra khỏi 10 vipassanupakkilesa: pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư, và đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna phát sinh gần chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả** cũng dễ dàng chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả**.*

Vì vậy, gọi là sukhāpaṭipadā khippābhiññā: thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả**.

- Đối với chư Phật chỉ có điều thứ 4 là sukhāpaṭipadā khippābhiññā: thực-hành pháp-

hành thiên-tuệ dễ dàng, mau chóng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả mà thôi.

- Đối với Ngài Đại-trưởng-lão *Sāriputta* chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả thuộc về pháp-hành thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”.

- Đối với Ngài Đại-trưởng-lão *Mahāmoggalāna* khi chứng đắc *Sotāpattimagga, Sotāpattiphala* thuộc về pháp-hành thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”, nhưng đến khi chứng đắc 3 Thánh-đạo và 3 Thánh-quả bậc cao thuộc về pháp-hành thứ nhất “*dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*”.

* Đối với các hành-giả khác thành tựu 1 trong 4 pháp-hành tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

5- *Vimokkhavisesa*: Pháp đặc biệt *vimokkha* có 3 pháp:

- *Animittavimokkha*: Vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi mọi pháp-hữu-vi tam-giới (*animitta*), chứng ngộ Niết-bàn ***animittanibbāna***: vô-hiện-tượng Niết-bàn.

- *Appaṇihitavimokkha*: Vô-tham-ái giải-thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (*appaṇihita*), chứng ngộ Niết-bàn ***appaṇihitanibbāna***: vô-tham-ái Niết-bàn.

- *Suññatavimokkha*: Chơn-không-vô-ngã giải-thoát là giải thoát khỏi chấp ngã trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (*suññata*), chứng ngộ Niết-bàn ***suññatanibbāna***: chơn-không-vô-ngã Niết-bàn.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 dõĩ theo **3 loại anupassanā** cơ bản là:

- *Aniccānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái vô-thường.
- *Dukkhānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái khổ.
- *Anattānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái vô-ngã.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* dõĩ theo **3 loại anupassanā** này liên quan đến **3 loại indriya**, có khả năng đạt đến **3 pháp-giải-thoát vimokkha**, chứng ngộ **3 loại Nibbāna**, chứng đắc thành bậc **Thánh-nhân ariyapuggala** phân định **7 nhóm Thánh-nhân** trong Phật-giáo.

* Hành-giả đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này có một tiềm lực lớn có khả năng đặc biệt quyết định chọn phương pháp thực-hành để giải thoát khổ khỏi tam-giới:

- **Bằng 1** trong **3 pháp-chủ indriya**: *saddhindriya, samādhindriya, paññindriya*.

- **Bằng 1** trong **3 anupassanā**: *aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā*.

- **Bằng 1** trong **3 sāmāññalakkhaṇa**: *aniccalakkhaṇa, dukkhalakkhaṇa, anattālakkaṇa*.

- **Bằng 1** trong **3 pháp-giải-thoát vimokkha**: *animittavimokkha, appaṇihitavimokkha, suññatavimokkha*.

- Bảng 1 trong 3 loại *nibbāna*: *animitta-nibbāna*, *appañihitanibbāna*, *suññatanibbāna*.

* **Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân:**

- 1- Nhóm Thánh-nhân *Saddhānusārī*.
- 2- Nhóm Thánh-nhân *Saddhāvimutta*.
- 3- Nhóm Thánh-nhân *Kāyasakkhi*.
- 4- Nhóm Thánh-nhân *Ubhatobhāgavimutta*.
- 5- Nhóm Thánh-nhân *Dhammānusārī*.
- 6- Nhóm Thánh-nhân *Diṭṭhipattā*.
- 7- Nhóm Thánh-nhân *Paññāvimutta*.

1- Nếu hành-giả nào là hạng người có **đức-tin trong sạch** đặc biệt thì *saddhindriya*: *tín-pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*); dõi theo *aniccānupassanā*, thấy rõ, biết rõ *aniccalakkhaṇa*: trạng-thái vô-thường; dẫn đến *pháp-giải-thoát animittavimokkha*: vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi mọi *pháp hữu-vi tam-giới (animitta)*; chứng ngộ Niết-bàn *animittanibbāna*: vô-hiện-tượng Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc **Thánh-đạo, Thánh-quả** như sau:

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo** thuộc về nhóm *Saddhānusārī*: **Bậc Thánh Nhập-lưu** chứng đắc với **đức-tin trong sạch**.

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-**

đạo, *Bát-lai Thánh-quả*, *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* gồm có 7 bậc Thánh-nhân thuộc về nhóm **Saddhāvimutta**: Bậc Thánh-nhân giải thoát với đức-tin trong sạch.

2- Nếu hành-giả nào là hạng người có **định-tâm vững chắc** đặc biệt thì **samādhindriya**: định-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tân-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ); dõng theo **dukkhānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **dukkhalakkhaṇa**: trạng-thái khổ; dẫn đến pháp-giải-thoát **appaṇihitavimokkha**: vô-tham-ái giải-thoát là giải thoát khổ khỏi tham-ái trong mọi pháp-hữu-vi tam-giới (**appaṇihita**); chứng ngộ Niết-bàn **appaṇihitanibbāna**: vô-tham-ái Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc **4 Thánh-đạo**, **4 Thánh-quả** gồm có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm **Kāyasakkhi**: Bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc **4 Thánh-đạo**, **4 Thánh-quả**.

- Nếu hành-giả, trước đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau đó thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* thì thuộc về nhóm

Ubhatobhāgavimutta: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát cả 2 pháp: đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán-Thánh-đạo, A-ra-hán-Thánh-quả.

3- Nếu hành-giả nào là hạng người có **trí-tuệ siêu-việt** đặc biệt thì **paññindriya:** tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ); dõi theo **anattānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **anattālakkaṇa:** trạng-thái vô-ngã; dẫn đến pháp-giải-thoát **suññatavimokkha:** chơn-không giải-thoát là giải thoát khổ khỏi mọi pháp-hữu-vi tam-giới; chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna:** chơn-không Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo** thuộc về nhóm **Dhammānusārī:** Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với trí-tuệ-siêu-việt.

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo gồm có 6 bậc Thánh-nhân này thuộc về nhóm **Diṭṭhipattā:** Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt.

- Chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả thuộc về nhóm **Paññāvimutta:** Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát với trí-tuệ-siêu-việt, (không có bậc thiền nào làm nền tảng).

Bảy nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả

Phân loại 7 *nhóm Thánh-nhân* tương xứng với 8 *bậc Thánh-nhân* như sau:

1- Nhóm Thánh-nhân **Saddhānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với đức-tin trong sạch.

2- Nhóm Thánh-nhân **Dhammānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc với trí-tuệ siêu-việt.

3- Nhóm Thánh-nhân **Diṭṭhipattā** gồm có 6 bậc Thánh-nhân giải thoát với trí-tuệ-siêu-việt, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo.

4- Nhóm Thánh-nhân **Saddhāvimutta** gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát với đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai-Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

5- Nhóm Thánh-nhân **Kāyasakkhi** gồm có 8 bậc Thánh-nhân: trước có các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc đầy đủ 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

6- Nhóm Thánh-nhân **Ubhatobhāgavimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2

pháp: đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

7- Hạng Thánh-nhân ***Paññāvimutta*** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt, (không có bậc thiền nào làm nên tăng).

Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *saṅkhārupekkhāñāna* trình bày nhiều trường hợp hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* ban đầu có *đối-tượng thiền-tuệ khi thì sắc-pháp, khi thì danh-pháp* khác nhau, *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát sinh *thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt* của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới*; hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi *sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới*. Những *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát sinh theo tuần tự cho đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11*** *saṅkhārupekkhāñāna* có những *đối-tượng thiền-tuệ tam-giới* không chắc chắn, có thể thay đổi *đối-tượng thiền-tuệ* theo mỗi ***lộ-trình-tâm*** trước khi ***Thánh-đạo lộ-trình-tâm*** (*Maggavīthiccitta*) có ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāna* phát sinh.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāna* trong ***Thánh-đạo lộ-trình-tâm*** (*Maggavīthiccitta*), có *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp hoặc danh-*

pháp tam-giới chắc chắn, không thay đổi có **1 trong 3 trạng-thái-chung** là *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*; do năng lực của *tín-pháp-chủ*, hoặc *định-pháp-chủ*, hoặc *tuệ-pháp-chủ* tùy theo *pháp-chủ* đặc biệt của hành-giả.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāruppekkhāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* phát sinh tiếp theo.

12- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa

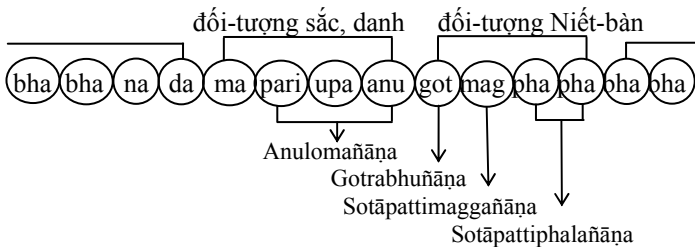
Vị Bồ-tát Thanh-văn-giác phàm-nhân đã từng tích lũy đầy đủ *10 pháp-hạnh ba-la-mật*, có đủ *5 pháp-chủ*. Kiếp hiện-tại hành-giả thuộc về hạng *người tam-nhân* có hữu duyên lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có giới-hạnh trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* có nhiều năng lực đặc biệt, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Dāni maggo uppajjissati.*”

“*Bây giờ Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh.*”

Khi ấy, **Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm** (*Sotāpattimaggavīthiccitta*) đầu tiên đối với hành-giả trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô thủy cho đến kiếp hiện-tại này như sau:

Đồ biểu Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm
(*Sotāpattimaggavīthiccitta*)



Giải thích Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm

- 1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (bha)
 - 2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (na)
 - 3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (da)
 - 4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn hướng-tâm, vt (ma)
 - 5- *Parikamma*: Tâm chuẩn bị Thánh-đạo-tâm, vt (pari)
 - 6- *Upacāra*: Tâm cận Thánh-đạo-tâm, vt (upa)
 - 7- *Anuloma*: Tâm thuận dòng trước-sau, vt (anu)
 - 8- *Gotrabhu*: Tâm chuyển dòng phàm-nhân, vt (got)
 - 9- *Sotāpattimaggacitta*: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm, vt (mag)
 - 10- *Sotāpattiphala*: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm, vt (phal)
 - 11- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm sau, viết tắt (bha)
- Chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Xem xét *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* kể từ *Manodvāravajjanacitta*: ý-môn hướng-tâm phát sinh 1 sát-na tâm tiếp nhận *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *đối-tượng danh-pháp tam-giới* có 1 trong 3 trạng-thái chung là trạng-thái vô-thường hoặc trạng-thái khổ hoặc trạng-thái vô-ngã sinh rồi diệt, làm duyên cho *javanacitta*: tác-hành-tâm phát sinh liên tục gồm có 7 sát-na-tâm là:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là *parikamma*: chuẩn-bị-tâm cho *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là *upacāra*: cận-tâm gần *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là *anuloma*: tâm-thuận-dòng trước và sau phát sinh 1 sát-na-tâm có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

(3 sát-na-tâm trên gọi là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*.)

4- *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là *gotrabhu*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* gọi là *gotrabhuñāṇa* làm phận sự

chuyển dòng từ phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu phát sinh 1 sát-na-tâm. Tuy tâm này còn là *đục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- *Sát-na-tâm thứ 5* gọi là *Magga*: Thánh-đạo-tâm có *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa*: Thánh-đạo-tuệ đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ trong *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh chỉ 1 sát-na-tâm có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có khả năng đặc biệt diệt tận đượ (*samucchēdappahāna*) 2 loại phiền-não là *diṭṭhi*: tà-kiến và *vicikicchā*: hoài-nghi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

6-7- *Sát-na-tâm thứ 6, thứ 7* gọi là *Phala*: Thánh-quả-tâm có *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa*: Thánh-quả-tuệ đó là Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-quả-tâm phát sinh 2 sát-na-tâm có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* có phận-sự làm an-tĩnh phiền-não mà Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận đượ, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

* *Hộ-kiếp-tâm sau bhavaṅgacitta* chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Như vậy, trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sotāpattimaggavīhicitta*) có 7 sát-na-tâm (*javānacitta*) đặc biệt có 2 loại tâm, 2 loại đối-tượng, 4 loại trí-tuệ-thiền-tuệ như sau:

* 2 Loại tâm

- **Dục-giới thiện-tâm** hợp với trí-tuệ có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**, sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**.

- **Siêu-tam-giới-tâm** có 3 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sotāpattimaggacitta** thuộc về siêu-tam-giới thiện-tâm; và sát-na-tâm thứ 6, và thứ 7 gọi là **Sotāpattiphālacitta** thuộc về siêu-tam-giới quả-tâm.

* 2 Loại đối-tượng

- **Đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới** (*lokiya-ārammaṇa*) có 3 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**.

- **Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn** siêu-tam-giới (*lokuttara-ārammaṇa*) có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**, sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sotāpattimaggacitta**, sát-na-tâm thứ 6, và thứ 7 gọi là **Sotāpattiphālacitta**.

Tuy nhiên, *sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu** là 1 sát-na-tâm đặc biệt, tuy tâm còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

* **Bốn Loại trí-tuệ-thiền-tuệ**

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa.*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có 3 sát-na-tâm đầu:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là **parikamma**: tâm chuẩn bị cho *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là **upacāra**: *cận-tâm gần với Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là **anuloma**: *tâm-thuận-dòng 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ trước và thuận-dòng 37 pháp bodhipakkhiyadhamma* sau phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, đồng thời diệt

buông bỏ đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới.

3 sát-na-tâm này gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañña**, trí-tuệ này có 2 phận sự:

- Thuận dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước kể từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñña** cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñña** đã được thuần thục có nhiều năng lực, để có khả năng dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm**.

- Thuận dòng theo 37 pháp **bodhipakkhiyadhamma** phần sau chắc chắn dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm**, **Nhập-lưu Thánh-quả-tâm**.

Giải giải Saccānulomañña: sacca+anuloma

1- Sacca: **Chân-lý tứ Thánh-đế** là 4 sự thật chân-lý mà bậc **Thánh-nhân** đã chứng ngộ đó là:

- **Khổ-Thánh-đế** (*Dukkha-ariyasacca*) đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở) và 28 sắc-pháp, gọi là **khổ-Thánh-đế**, hoặc tóm lại là **ngũ-uẩn chấp-thủ**.

- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** (*Dukkhasamudaya-ariyasacca*) đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetasika*), gọi là **nhân sinh khổ-Thánh-đế**.

- **Diệt khổ-Thánh-đế** (*Dukkhanirodha-ariya-sacca*) đó là **Niết-bàn** (*Nibbāna*), gọi là diệt khổ-Thánh-đế.

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** (*Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca*) đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo**: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

2- Anuloma: Thuận dòng theo **8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ** phần trước, và thuận dòng theo **37 pháp bodhipakkhiyadhamma** phần sau.

2.1- Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước đó là:

- 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāññāna*.
- 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāññāna*.
- 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānaññāna*,
- 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāññāna*.
- 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāññāna*.
- 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāññāna*.
- 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāññāna*.

8- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhā-
ñāṇa.*

2.2- *Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-
dhamma chứng đắc Thánh-đạo phần sau là:*

* **Satipaṭṭhāna:** 4 pháp niệm-xứ:

- Thân niệm-xứ. - Thọ niệm-xứ.
- Tâm niệm-xứ. - Pháp niệm-xứ.

* **Samappadhāna:** 4 pháp-tinh-tấn:

- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không sinh.
- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã sinh.

* **Iddhipāda:** 4 pháp-thành-tựu:

- Thành-tựu do hài lòng.
- Thành-tựu do tinh-tấn.
- Thành-tựu do quyết tâm.
- Thành-tựu do trí-tuệ.

* **Indriya:** 5 pháp-chủ:

- Tín-pháp-chủ. - Tấn-pháp-chủ.
- Niệm-pháp-chủ. - Định-pháp-chủ.
- Tuệ-pháp-chủ.

* **Bala:** 5 pháp-lực:

- Tín-pháp-lực. - Tấn-pháp-lực.
- Niệm-pháp-lực. - Định-pháp-lực.
- Tuệ-pháp-lực.

* **Bojjhaṅga**: 7 pháp-giác-chi:

- Niệm-giác-chi. - Phân-tích-giác-chi.
- Tinh-tân-giác-chi. - Hỷ-giác-chi.
- Tịch-giác-chi. - Định-giác-chi.
- Xả-giác-chi.

* **Magga**: 8 pháp-chánh-đạo:

- Chánh-kiến. - Chánh-tư-duy.
- Chánh-ngữ. - Chánh-nghiệp.
- Chánh-mạng. - Chánh-tinh-tân.
- Chánh-niệm. - Chánh-định.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Maggavīthiccitta*), cũng là trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới cuối cùng trong **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là **paṭipadāññadassanavisuddhi** pháp-hành tri-kiến-thanh-tịnh gồm có 9 loại trí-tuệ-thiền-tuệ là:

1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāññāṇa* đã thoát khỏi 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư.

2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāññāṇa*.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānaññāṇa*.

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāññāṇa*.

5- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*

6- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcītukamyatāñāṇa.*

7- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*

8- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

9- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa còn có 2 phận sự cuối cùng của sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới như sau:

- *Phận sự cuối cùng thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường hoặc trạng-thái khổ hoặc trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, rồi buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- *Phận sự cuối cùng **diệt-tùng-thời** (tadaṅgapahāma) được các phiền-não làm ô nhiễm che phủ sự thật chân-lý **tứ Thánh-đế** nhờ 37 pháp bodhipakkhiyadhamma, để cho Thánh-đạo-tâm (Maggacitta) sẽ phát sinh.*

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa sinh rồi diệt, làm nền tảng, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevānapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissaya-paccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa*** phát sinh liền tiếp theo sau.

13- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa

Trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sotāpattimaggavīthiccitta*) có 7 *sát-na-tâm javana-citta*, theo tuần tự:

- *Sát-na-tâm* thứ nhất gọi là **parikamma**.
- *Sát-na-tâm* thứ nhì gọi là **upacāra**.
- *Sát-na-tâm* thứ ba gọi là **anuloma**.

3 sát-na-tâm đầu này gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* phần sau, sinh rồi diệt, đồng thời **buông bỏ** cả đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường hoặc trạng-thái khổ hoặc trạng-thái vô-ngã, rồi làm duyên cho *sát-na-tâm* liền tiếp theo sau là:

- **Sát-na-tâm** thứ 4 gọi là **gotrabhu**: trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* trong *dục-giới thiện-tâm* hợp với trí-tuệ có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới mở đầu, làm phận sự chuyển-dòng từ thiện-trí phàm-nhân lên dòng bậc Thánh *Nhập-lưu* như thế nào?

Ví dụ: Một người nhận thức thấy rõ, biết rõ bờ bên này đầy nguy hiểm, còn bờ bên kia là an toàn,

an-lạc tuyệt đối, nên người ấy tìm phương pháp sang bờ bên kia cho được an toàn, an-lạc tuyệt đối.

Người ấy cột sợi dây trên cành cây cao (hoặc cầm cây sào), rồi chạy nhanh lấy trớn, nắm đầu sợi dây nhảy tung người lên cao, lao người qua bờ bên kia, rồi buông sợi dây, đứng vững trên bờ bên kia an toàn, vẫn còn bờ ngỡ như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã nhận thức thấy rõ, biết rõ **3 giới**: *dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới* này như 3 hầm lửa than hồng cháy đỏ vô cùng nóng nãy đang thiêu đốt tất cả mọi chúng-sinh trong 4 loài: *thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh*, phải chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ muốn chứng ngộ **Niết-bàn** giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi, được an toàn, an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Hành-giả “chạy lấy trớn” từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa*, v.v... nắm “sợi dây” đó là *1 trong 5 uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* làm đối-tượng có *1 trong 3 trạng-thái-chung* là *trạng-thái vô-thường* hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*, đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* phát sinh trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có *7 sát-na-tâm javana-citta: tác-hành-tâm* phát sinh theo tuần tự.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* có 3 sát-na-tâm đầu:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là *parikamma* phát sinh “lấy trốn tung người lên cao” rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo là:

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là *upacāra* phát sinh “lao người qua gần bờ bên kia” là *Niết-bàn siêu-tam-giới* rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo là:

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là *anuloma* phát sinh “sắp đến sát bờ bên kia” là *Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên “buông bỏ sợi dây” đó là **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới** có 1 trong 3 trạng-thái-chung rồi diệt, đồng thời **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* đã hoàn thành xong phận sự rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo là:

- **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là *gotrabhu* phát sinh “đứng bên bờ kia” là *Niết-bàn siêu-tam-giới*, an toàn, an-lạc tuyệt đối, gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* trong **dục-giới thiện-tâm** hợp với **trí-tuệ tiếp nhận đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu, làm phận sự chuyển dòng từ **bậc thiện-trí phàm-nhân** (*kalyāṇaputhujjana*) lên dòng **bậc Thánh Nhập-lưu** (*Sotāpanna*).

Như vậy, hành-giả vẫn còn là **bậc thiện-trí phàm-nhân** (*kalyāṇaputhujjana*), dù cho **dục-giới**

thiện-tâm hợp với trí-tuệ đặc biệt có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, nhưng vẫn chưa có khả năng diệt tận được (samucchedappahāna) phiền-não.

* Tính chất Gotrabhuñña

Gotrabhuñña trong 4 Thánh-đạo lộ-trình-tâm có phạm sự:

- Chuyển dòng từ bậc thiện-trí phạm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu.

- Chuyển dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai.

- Chuyển dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bất-lai.

- Chuyển dòng từ bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

Anulomañña và Gotrabhuñña

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañña và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñña** là 2 trí-tuệ-thiền-tuệ cùng trong Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Sotāpattimaggavīthiccitta*). Hai trí-tuệ-thiền-tuệ này có pháp giống nhau và khác nhau như sau:

* Xét về tâm: **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañña** với **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñña** cùng có dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ

làm phạm-sự trong *javanacitta* hoàn toàn giống nhau trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

* *Xét về đối-tượng: trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có đối-tượng hoàn toàn khác nhau trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái: trạng-thái vô-thường hoặc trạng-thái khổ hoặc trạng-thái vô-ngã.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, không có trạng-thái nào cả.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có khả năng đặc biệt làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý Thánh-đế, nhưng không có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, nhưng không có khả năng làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý tứ Thánh-đế.*

Vuṭṭhānagāminīvipassanā: Trí-tuệ-thiền-tuệ dẫn đến giải thoát khỏi đối-tượng thiền-tuệ tam-giới (lokiya ārammaṇa: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới) và giải thoát khỏi trí-tuệ-thiền-tuệ

tam-giới (lokiyavipassanāñāṇa), có 2 loại trí-tuệ-thiền-tuệ là:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của *đối-tượng sắc-pháp*, hoặc *danh-pháp tam-giới (lokiya ārammaṇa)* tiếp theo sau là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới (lokuttara ārammaṇa)*.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*), tiếp theo sau là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 (*lokuttaravipassanāñāṇa*) gọi là *Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ*.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, mở đầu làm phận sự chuyển dòng từ hạng *thiện-trí phạm-nhân (kalyāṇaputhujjana)* sang dòng bậc *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)*.

Cho nên, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*) không ghép vào *pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāñāṇadasanavisuddhi* thuộc về *lokiyavisuddhi: pháp-thanh-tịnh tam-giới*, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 này không thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñña* cũng không ghép vào *pháp-thanh-tịnh thứ 7 ñāṇadassanavisuddhi* thuộc về *lokuttaravisuddhi* *pháp-thanh-tịnh siêu-tam-giới*, bởi vì *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13* này không có khả năng *diệt tận được phiền-nã*.

Vì vậy, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñña* này ở khoảng giữa *pháp-thanh-tịnh thứ 6 paṭipadāññadassanavisuddhi* và *pháp-thanh-tịnh thứ 7 ñāṇadassanavisuddhi*.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñña* này đặc biệt có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn-siêu-tam-giới mở đầu* sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya: liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: liên-tục hệ-duyên, āsevānapaccaya: tác-hành-duyên, upanis-sayapaccaya: tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên*, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** phát sinh liền tiếp theo sau.

14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggāñña

15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañña

Trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthīcitta)* có 7 sát-na-tâm *javanacitta*:

- **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm này có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự diệt tận được **tham-ái** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót, và **2 loại phiền-não** là **diṭṭhi**: tà-kiến trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và **vicikicchā**: hoài-nghi trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantara-paccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissaya-paccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ phát sinh liền tiếp theo sau.

- **Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** gọi là **Phala**: **Phalacitta**: Thánh-quả-tâm đó là Nhập-lưu Thánh-quả-tâm, trí-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-quả-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** Sotāpattiphalañāṇa: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ.

* **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** Nhập-

lưu Thánh-quả-tuệ đồng sinh với *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm* có 2 sát-na-tâm là thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm*, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** (*Sotāpanna*) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

16- Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇāṇā

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇāṇā làm phận sự quán triệt 5 điều:

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần đầu tiên trong kiếp tử sinh luân-hồi từ vô-thủy đến kiếp hiện-tại.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận tham-ái trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến; và 2 loại phiền-não là tà-kiến trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và hoài-nghi trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: chưa diệt tận*

được 8 loại phiền-não còn lại là tham (lobha), sân (dosa), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thina), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa).

Bốn bậc Thánh-nhân

1- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)

Bậc Thánh Nhập-lưu là bậc Thánh-nhân thứ nhất trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiền-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không còn khổ vì 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi nữa.

Kiếp vị-lai, sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả *trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là **đục-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-đục-giới là cõi người và cõi trời *đục-giới* nhiều nhất chỉ có 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh Ara-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ từ sinh luân-hồi trong tam-giới.

Trong Phật-giáo có 4 **Thánh-đạo-tuệ**, 4 **Thánh-quả-tuệ**, 4 **bậc Thánh-nhân**.

* **Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ**, có 4 bậc:

- *Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.*
- *Sakadāgāṃimaggañāṇa: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.*
- *Anāgāṃimaggañāṇa: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.*
- *Arahattāmaggañāṇa: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.*

* **Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ**, có 4 bậc:

- *Sotāpattiphalañāṇa: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ.*
- *Sakadāgāṃiphalañāṇa: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ.*
- *Anāgāṃiphalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ.*
- *Arahattāphalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.*

* **Ariyapuggala: Bậc Thánh-nhân**, có 4 bậc:

- *Sotāpanna: Bậc Thánh Nhập-lưu.*
- *Sakadāgāṃī: Bậc Thánh Nhất-lai.*
- *Anāgāṃī: Bậc Thánh Bất-lai.*
- *Arahanta: Bậc Thánh A-ra-hán.*

2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāṃī)

Để trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāṃī*), hành-giả nào là **bậc Thánh Nhập-lưu** đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (*indriya*), 5 pháp-lực (*bala*), 7 pháp-giác-chi (*bojjhaṅga*) có nhiều năng lực

hơn bậc Thánh Nhập-lưu, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, để chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.

* Hành-giả ấy là bậc Thánh Nhập-lưu tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt; nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupatṭhānañāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.

Tiếp theo Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmimaggavīthiccita) có 7 sát-na tác-hành-tâm (javanacitta) phát sinh theo tuần tự.

Trong *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 sát-na-tâm javanacitta:

* **Ba sát-na-tâm đầu** gọi là **tri-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañña* làm ba phận sự:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là **parikamma**: chuẩn bị tâm cho *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là **upacāra**: tâm-cận với *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là **anuloma**: tâm-thuận-dòng theo 8 *tri-tuệ-thiền-tuệ* phần trước và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* phần sau, để dẫn đến chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 **trạng-thái-chung**: **trạng-thái vô-thường**, hoặc **trạng-thái khổ**, hoặc **trạng-thái vô-ngã**, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

* **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu**⁽¹⁾: Tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng

¹ Bộ sách khác, đôi với 3 bậc Thánh cao gọi là “Vodāna”.

bậc Thánh Nhất-lai gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñña** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho **sát-na-tâm** sau.

* **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là Nhất-lai Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong Nhất-lai Thánh-đạo-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sakadāgāmi-maggañña**: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Nhất-lai Thánh-đạo-tâm này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được **tham-ái** loại thô trong cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được **1 loại phiền-nã** là **dosa**: sân loại thô trong 2 sân-tâm không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanis-sayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañña**: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ phát sinh liền tiếp theo.

* **Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** gọi là **Phala**: *Phalacitta* đó là Nhất-lai Thánh-quả-tâm, trí-tuệ

trong *Nhất-lai Thánh-quả-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Sakadāgāmiphalañāṇa*: *Nhất-lai Thánh-quả-tuệ*.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Nhất-lai Thánh-quả-tuệ* đồng sinh với *Nhất-lai Thánh-quả-tâm* có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāmī*) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

* **Trí-tuệ thứ 16** *Paccavekkhaṇañāṇa*: *Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 điều*:

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: đã chứng ngộ **Niết-bàn** lần thứ nhì trong kiếp tử sinh luân-hồi từ vô-thủy đến kiếp hiện-tại.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: đã chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: đã chứng đắc *Nhất-lai Thánh-quả-tâm*.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: đã diệt tận được **tham-ái** trong ngũ-dục loại thô trong cõi dục-giới, và diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** loại thô trong 2 sân-tâm.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là tham

(lobha), sân (dosa), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thina), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa).

Bậc Thánh Nhất-lai là bậc Thánh-nhân thứ nhì trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiền-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Nhất-lai vĩnh viễn không còn khổ vì **tham-ái** loại thô trong cõi dục-giới và loại phiền-não **sân** loại thô.

Sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, chắc chắn đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là dục-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh trong cõi thiện-dục-giới chỉ còn 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)

Để trở thành **bậc Thánh Bất-lai** (Anāgāmi), hành-giả nào là bậc Thánh Nhất-lai đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga) có nhiều năng lực hơn bậc

Thánh Nhất-lai, đề chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đề chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.

* Hành-giả ấy là bậc Thánh Nhất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại do nhân-duyên sinh, do nhân-duyên diệt; nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa*.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*,
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa*.

Tiếp theo Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Anāgāmi maggavīthi citta*) có 7 sát-na tác-hành-tâm (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự.

Trong *Bát-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 sát-na-tâm javanacitta:

* **Ba sát-na-tâm đầu** gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañña* làm ba phận sự:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là **parikamma**: *chuẩn-bị-tâm* cho *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là **upacāra**: *tâm-cận* với *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là **anuloma**: *tâm-thuận-dòng* theo 8 *trí-tuệ-thiền-tuệ* phần trước và *thuận* dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiya-dhamma* phần sau, để dẫn đến chứng đắc *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt; đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 *trạng-thái-chung*: *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

* **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu**⁽¹⁾: *tâm-chuyển-dòng* từ *bậc Thánh Nhất-lai* lên dòng *bậc Thánh Bát-lai* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13**

¹ Bộ sách khác, đôi với *Thánh bậc cao* gọi là “**vodāna**”.

gotrabhuñña phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

* **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: *Thánh-đạo-tâm* đó là *Bát-lai Thánh-đạo-tâm*, *trí-tuệ* trong *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Anāgāmicāggañña*: *Bát-lai Thánh-đạo-tuệ*.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Bát-lai Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* này có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có phận sự diệt tận được **tham-ái** loại vi-tế trong cõi dục-giới trong 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến và diệt tận được **1 loại phiền-nã** là **dosa**: sân loại vi-tế trong 2 *sân-tâm* không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanis-sayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Phalañña*: *Bát-lai Thánh-quả-tuệ* phát sinh liền tiếp theo.

* **Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7** gọi là **Phala**: *Phalacitta* đó là *Bát-lai Thánh-quả-tâm*, *trí-tuệ* trong *Bát-lai Thánh-quả-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-**

tuệ siêu-tam-giới thứ 15 *Anāgāmi-phalañāṇa*:
Bát-lai Thánh-quả-tuệ.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Bát-lai Thánh-quả-tuệ* đồng sinh với *Bát-lai Thánh-quả-tâm* có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà *Bát-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt *Bát-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*, trở thành **bậc Thánh Bát-lai** (*Sakadāgāmi*) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

* **Trí-tuệ thứ 16** *Paccavekkhaṇañāṇa*: *Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 điều:*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ ba trong kiếp tử sinh luân-hồi từ vô-thủy đến kiếp hiện-tại.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Bát-lai Thánh-đạo-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc Bát-lai Thánh-quả-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận được tham-ái loại vi-tế cõi dục-giới và sân loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: chưa diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thina), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-*

thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa).

Bậc Thánh Bất-lai là bậc Thánh-nhân thứ ba trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Bất-lai* vĩnh viễn không còn khổ vì **tham-ái** loại vi-tế cõi dục-giới và phiền-não **sân** nữa.

Kiếp vị-lai, sau khi *bậc Thánh Bất-lai* chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* nào cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy** gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phạm-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với **bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy**. Vị phạm-thiên *Thánh Bất-lai* ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)

Để trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** (*Arahanta*), hành-giả nào là *bậc Thánh Bất-lai* đã từng tích

lũy đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhanga) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Bất-lai, để chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, để chứng đắc **A-ra-hán Thánh-đạo**, **A-ra-hán Thánh-quả**, **Niết-bàn**, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

* Hành-giả ấy là bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāññāna thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc pháp, mỗi danh pháp tam-giới hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāññāna.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupatthānaññāna.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāññāna.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāññāna.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāññāna.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāññāna.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāññāna.

Tiếp theo *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Arahattāmagavāthīcitta*) có 7 *sát-na tác-hành-tâm* (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự.

Trong *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 *sát-na-tâm javanacitta*:

* **Ba sát-na-tâm đầu** gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañña* làm ba phận sự:

- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là **parikamma**: chuẩn-bị-tâm cho *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là **upacāra**: tâm-cận với *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

- **Sát-na-tâm thứ ba** gọi là **anuloma**: tâm-thuận-dòng theo 8 *trí-tuệ-thiền-tuệ* phần trước và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* phần sau, để dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm*, phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt; đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 **trạng-thái-chung**: **trạng-thái vô-thường**, hoặc **trạng-thái khổ**, hoặc **trạng-thái vô-ngã**, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau.

* **Sát-na-tâm thứ 4** gọi là **gotrabhu**⁽¹⁾: Tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho **sát-na-tâm** sau.

* **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong A-ra-hán Thánh-đạo-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Arahattāmaggañāṇa**: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** đồng sinh với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được **tham-ái** trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 7 loại **phiền-não** còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevana-paccaya*: tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*:

¹ Bộ sách khác, đối với 3 bậc Thánh cao gọi là “Vodāna”.

tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: ly-duyên, để trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ phát sinh liền tiếp theo.

** Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là Phala: Phalacitta đó là A-ra-hán Thánh-quả-tâm, trí-tuệ trong A-ra-hán Thánh-quả-tâm gọi là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Arahattāphalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.*

- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 A-ra-hán Thánh-quả-tuệ đồng sinh với A-ra-hán Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

** Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇaṇāṇa: trí-tuệ làm phận sự quán triệt 4 điều:*

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ tư cuối cùng, kiếp hiện-tại này là kiếp chót sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả-tâm.

- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: đã diệt tận được **tham-ái** trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 7 loại **phiền-não** còn lại là tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thina), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa) không còn dư sót.

Bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, bậc Thánh A-ra-hán tuyệt đối không còn **khổ tâm** vì phiền-não nữa, chỉ còn có **khổ thân** mà thôi cho đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4 **Thánh-đạo-tuệ** này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 7 gọi là **ñāṇadassanavisuddhi**: tri-kiến-thanh-tịnh.

Tóm lại, để chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc 4 **Thánh-đạo**, 4 **Thánh-quả**, **Niết-bàn**, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, thì chỉ có **majjhimāpaṭipadā**: pháp-

hành trung-đạo đó là *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* mà thôi. Vì vậy, hành-giả thực-hành ***pháp-hành thiên-tuệ*** dẫn đến chứng ngộ chân-lý ***tứ Thánh-đế***, chứng đắc ***4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn***, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán***, rồi ***tịch diệt Niết-bàn***, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

(Xong phần nội dung của tứ Thánh-đế.)

Đoạn Kết

Đức-Phật thuyết dạy trong bài kinh Chuyên-Pháp-luân (Dhammacakkappavattanasutta) rằng:

- “Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.

- Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “**Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô-thượng** trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và chư phạm-thiên cả thảy.”

Trí-tuệ quán triệt đã phát sinh đến với Như-lai biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, Như-lai chắc chắn không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trở thành Thánh-nhân bậc nào trong Phật-giáo, thì phải thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** theo tam-tuệ-luân (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) thành 12 loại trí-tuệ, chứng đắc **Thánh-đạo** ấy, **Thánh-quả** ấy, trở thành bậc **Thánh-nhân** ấy trong Phật-giáo.

Cho nên, **tứ Thánh-đế** có tầm quan trọng nhất trong giáo-pháp của Đức-Phật, bởi vì để trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo, vị Bồ-tát thanh-văn-giác là hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ có đối-tượng khác nhau như **thân, thọ, tâm, pháp** hoặc **sắc-pháp** nào, **danh-pháp** nào đúng theo pháp-hành trung-đạo đều dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-nã, không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vậy, **tứ Thánh-đế** là pháp cốt lõi trọng yếu làm nền tảng căn bản trong giáo-pháp của Đức-Phật, nên các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật cần phải học hỏi nghiên cứu hiểu biết rõ pháp **tứ Thánh-đế** này.

Phật-lịch 2564/ 2020
Rừng Núi Viên-Không,
xã Tóc Tiên, thị xã Phú-Mỹ,
tỉnh Bà Rịa-Vũng-Tàu.

Tỳ-Khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpandita)

Patthanā

*Iminā puññakammena,
Sukhī bhavāma sabbadā.*

*Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,
Loke sattā sumaṅgalā.*

*Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,
Janā pappontu sāsane.*

*Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ,
Patthayāmi nirantaraṃ.*

*Năng lực phước-thiện thanh cao này,
Mong chúng con thường được an-lạc.
Mong cho chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.*

*Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo,
Bần sư nguyện cầu với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

- * *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ,*
- * *Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.*
- * *Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn
trên thế gian.*
- * *Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn
trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.*
- * *Buddhasāsanam ciraṃ tiṭṭhatu.*
- * *Nguyện cho Phật-giáo được trường tồn.*

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- Bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.
- Bài Kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta*.
- Bài Kinh *Dhammacakkappavattanasutta*.
- Toàn bộ sách giáo khoa “*Paramatthajotika*” của Ngài Đại-Trưởng-lão *Saddhammajotika*.
- Toàn Bộ Sách *Ledi* của Ngài Đại-Trưởng-lão *Ledi Sayadaw*, v.v...

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ.

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”. Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ (Tái bản lần thứ nhất)
- 8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
- Hạnh Phúc An Lành: THIỀN ÁC
- GƯƠNG BẠC XUẤT GIA
- TÌM HIỂU PHƯỚC-BỒ-THÍ (Tái bản lần thứ nhất)
- Hạnh Phúc An Lành: HIỂU NGHĨA
- Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI
- Hạnh Phúc An Lành: GIÁO PHÁP
- Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỬ
- PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT (Tái bản lần thứ nhì)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ: ĐỐI-TUỢNG TỬ OAI-NGHỊ
- CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ
- Ý NGHĨA ĐÊM RẪM THÁNG TƯ
- BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH
- LỄ DÂNG Y KATHINA
- ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ
- NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: 10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỢNG
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: TRÍ-TUỆ SIÊU-VIỆT
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO (Tái bản lần thứ ba)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển II: QUY Y TAM-BẢO
(Tái bản lần thứ nhì)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI
(Tái bản lần thứ ba)

- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: PHƯỚC-THIỆN**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **NGŨ GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **NGƯỜI BIẾT ƠN VÀ BIẾT ĐỀN ƠN**
- **KINH CHUYỀN-PHÁP-LUÂN** (Tái bản lần thứ nhất)
- **VÒNG TỬ SINH LUÂN-HỒI** (Tái bản lần thứ nhất)
- **PHÁP NHÃN-NẠI** (Tái bản lần thứ nhất)
- **TÂM TỬ**
- **NGÀY RẼM THÁNG TƯ TRONG PHẬT-GIÁO**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ**
- **TÌM HIỂU PHÁP-CHƯƠNG-NGẠI**

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG

81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9,

TP. Hồ Chí Minh

ĐT: +84 (0) 28 3503 2387

ĐD: +84 (0) 778 608 925

TÌM HIỂU TỨ THÁNH-ĐẾ

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Biên tập

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính

DHAMMANANDĀ Upāsikā

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 3782 2845 - FAX: (024) 3782 2841

In 1000 cuốn, khổ 12 x 18cm, tại XN in Nguyễn Minh Hoàng.

Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP HCM.

Số ĐKXB: 2941-2020/CXBIPH/07-83/TG

Mã ISBN: 978-604-61-7165-2

QĐXB: 296/QĐ-NXBTG ngày 26 tháng 8 năm 2020

In xong và nộp lưu chiểu: Quý III năm 2020

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ. **Tứ Thánh-đế** có 4 pháp đó là khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế. **Bậc Thánh-nhân** có 4 bậc đó là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

Tứ Thánh-đế đó là những pháp nào?

- Khổ-Thánh-đế đó là ngũ-uẩn chấp-thủ là pháp nên biết.

- Nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là tham-ái là pháp nên diệt.

- Diệt khổ-Thánh-đế đó là Niết-bàn là pháp nên chứng ngộ.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp nên tiến hành.

Mỗi Thánh-đế có tam-tuệ-luân đó là trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành.

ISBN 978-604-61-7165-2



9 786046 171652